

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ MINH THU

VĂN HÓA GIÁO DỤC TRONG NHÀ TRƯỜNG
QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM HIỆN NAY

(Nghiên cứu trường hợp Học viện Kỹ thuật Quân sự, Học viện
Chính trị - Bộ Quốc phòng, Trường Sĩ quan Pháo binh)

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: VĂN HÓA HỌC

Mã số: 9229040

HÀ NỘI - 2025

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ MINH THU

VĂN HÓA GIÁO DỤC TRONG NHÀ TRƯỜNG
QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM HIỆN NAY

(Nghiên cứu trường hợp Học viện Kỹ thuật Quân sự, Học viện
Chính trị - Bộ Quốc phòng, Trường Sĩ quan Pháo binh)

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: VĂN HÓA HỌC

Mã số: 9229040

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS.TS. Lê Thị Bích Thủy

2. TS. Nguyễn Thị Thu Hoài

HÀ NỘI - 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của chính tôi. Kết quả nghiên cứu và các kết luận trong luận án này là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn theo quy định. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan này.

Tác giả

A handwritten signature in black ink, consisting of a large, stylized 'N' followed by a horizontal line and a small loop.

Nguyễn Thị Minh Thu

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ VĂN HÓA GIÁO DỤC TRONG NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM	10
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài	10
1.2. Cơ sở lý luận về văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội	24
Chương 2. KHÁI QUÁT ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU VÀ BỐI CẢNH VĂN HÓA GIÁO DỤC TRONG NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM HIỆN NAY	48
2.1. Khái quát địa bàn nghiên cứu	48
2.2. Bối cảnh tác động đến văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội	62
Chương 3. NHẬN DIỆN VĂN HÓA GIÁO DỤC TRONG NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM HIỆN NAY	83
3.1. Thang bậc giá trị văn hóa	83
3.2. Nhân cách văn hóa	95
3.3. Thực hành văn hóa	111
3.4. Yếu tố ngoại hiện văn hóa	131
Chương 4. BÀN LUẬN VỀ VĂN HOÁ GIÁO DỤC TRONG NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM HIỆN NAY	143
4.1. Phát huy hệ giá trị văn hoá giáo dục trong nhà trường quân đội	143
4.2. Phát triển nhân cách văn hóa chủ thể trong nhà trường quân đội	152
4.3. Nâng cao chất lượng dạy - học và nghiên cứu khoa học trong nhà trường quân đội	158
4.4. Đẩy mạnh chuyển đổi số và xây dựng “nhà trường quân đội thông minh”	162
4.5. Phát huy giá trị ngoại hiện văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội	169
KẾT LUẬN	174
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	176

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
CBQLHV	Cán bộ quản lý học viên
HVCT	Học viện Chính trị
HVKTS	Học viện Kỹ thuật Quân sự
NCS	Nghiên cứu sinh
Nxb	Nhà xuất bản
GD-ĐT	Giáo dục - Đào tạo
QĐNDVN	Quân đội nhân dân Việt Nam
TSQP	Trường Sĩ quan Pháo binh
UNESCO	Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc
Tr	Trang

DANH MỤC CÁC BẢNG

	<i>Trang</i>
Bảng 2.1 Bảng so sánh khái quát các trường hợp nghiên cứu	61
Bảng 3.1 Nguyên nhân hạn chế về đạo đức, lối sống, tác phong của học viên trong nhà trường hiện nay (đơn vị %)	110
Bảng 3.2 Phương án thay đổi hoạt động dạy - học trong nhà trường quân đội (đơn vị %)	119
Bảng 3.3 Hạn chế trong thực hành nghi lễ ở nhà trường quân đội (đơn vị %)	140

DANH MỤC CÁC HÌNH

	<i>Trang</i>
Hình 2.2. Khung phân tích văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội	45
Hình 3.1. Logo Học viện Kỹ thuật Quân sự	134
Hình 3.2. Logo Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng	134
Hình 3.3. Logo Trường Sĩ quan Pháo binh	135

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ

	<i>Trang</i>
Sơ đồ 1.1	Sơ đồ “củ hành tây”: Biểu hiện của văn hóa ở các cấp độ 39
Biểu đồ 3.1	Truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo trong nhà trường hiện nay 84
Biểu đồ 3.2	Mục tiêu học tập, rèn luyện của học viên quân đội 85
Biểu đồ 3.3	Ý thức rèn luyện, phấn đấu xứng danh “Bộ đội Cụ Hồ” trong nhà trường hiện nay 87
Biểu đồ 3.4	Nhận thức của giảng viên, cán bộ quản lý, học viên về giá trị cốt lõi của nhà trường 92
Biểu đồ 3.5	Biểu hiện của giá trị cốt lõi trong hoạt động của nhà trường 92
Biểu đồ 3.6	Biểu hiện nhân cách văn hóa giảng viên quân đội 95
Biểu đồ 3.7	Biểu hiện nhân cách văn hóa của CBQLHV 99
Biểu đồ 3.8	Biểu hiện phẩm chất của học viên quân đội 104
Biểu đồ 3.9	Biểu hiện năng lực của học viên quân đội 106
Biểu đồ 3.10	Biểu hiện vi phạm ở học viên trong nhà trường 109
Biểu đồ 3.11	Nội dung dạy - học trong nhà trường quân đội 112
Biểu đồ 3.12	Phương pháp, hình thức dạy - học 115
Biểu đồ 3.13	Hoạt động nghiên cứu khoa học 121
Biểu đồ 3.14	Hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức 124
Biểu đồ 3.15	Hoạt động huấn luyện, rèn luyện quân sự 126
Biểu đồ 3.16	Hoạt động phong trào, văn nghệ, thể thao 129
Biểu đồ 3.17	Logo, khẩu hiệu phản ánh sứ mạng, giá trị cốt lõi của nhà trường 137
Biểu đồ 3.18	Vai trò của nghi lễ trong nhà trường 139

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Giáo dục là trụ cột phát triển quốc gia, nền tảng tương lai của dân tộc. Với tư cách là bộ phận cơ bản của nền văn hóa, văn hóa giáo dục đóng vai trò cốt lõi trong việc xây dựng hệ giá trị, chuẩn mực, định hình bản sắc, bồi dưỡng nhân cách, tái tạo nguồn lực, kiến tạo tiền đề của dân tộc.

Trong lĩnh vực quân sự, GD-ĐT có ý nghĩa chiến lược vì *“chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị”* [71], là sức mạnh để bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Nhà trường QĐNDVN (gọi tắt là Nhà trường quân đội) là tổ chức quân sự - sư phạm đặc thù, vừa mang đặc điểm của một đơn vị quân đội, vừa là trung tâm giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học. Tính chất đặc thù trong tổ chức, hoạt động giáo dục của nhà trường quân đội cùng với nhiệm vụ xây dựng quân đội, bảo vệ Tổ quốc đã tạo nên nét khác biệt của văn hóa giáo dục quân sự. Bên cạnh đó, trải qua quá trình xây dựng và trưởng thành, mỗi nhà trường đã tạo lập nên truyền thống và giá trị riêng. Các giá trị này tạo nên mảng màu đa dạng trong bức tranh văn hóa giáo dục quân sự có tính thống nhất cao.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, CMCN 4.0 và chuyển đổi số diễn ra sâu rộng, nhà trường quân đội đứng trước yêu cầu cấp thiết phải đổi mới mạnh mẽ, toàn diện nhằm xây dựng đội ngũ quân nhân “vừa hồng, vừa chuyên” đáp ứng yêu cầu xây dựng QĐNDVN cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Trong tiến trình này, văn hóa giáo dục trở thành một nhân tố trung tâm có chức năng định hướng giá trị, hình thành bản sắc, bồi dưỡng nhân cách “Bộ đội cụ Hồ”, góp phần quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo, hướng tới phát triển bền vững nền giáo dục quân sự. Tuy nhiên, so với các lĩnh vực khác, văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội hiện nay chưa được nghiên cứu một cách toàn diện, chuyên sâu. Việc chưa nhận diện đầy đủ bản chất, vai trò của văn hóa giáo dục quân sự khiến quá trình đổi mới GD-ĐT còn thiếu nền tảng giá trị bền vững và chiều sâu chiến lược.

Những năm qua, Đảng, Nhà nước và Quân đội đã ban hành nhiều văn kiện chiến lược nhằm phát triển GD-ĐT, trong đó có Nghị quyết số 29-NQ/TW (2013) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục; Chiến lược phát triển giáo dục (2024) của Chính phủ; Nghị quyết số 71-NQ/TW (2025) của Bộ Chính trị về đột phá phát triển GD-ĐT; đặc biệt là Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW (2022) của Quân ủy Trung ương về đổi mới công tác giáo dục, đào tạo trong quân đội. Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW khẳng định GD-ĐT là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, khâu then chốt, đột phá, quyết định đến nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Do đó, việc tiếp cận văn hóa giáo dục quân sự từ góc nhìn văn hóa học có ý nghĩa quan trọng trong việc bổ sung, phát triển lý luận văn hóa học về giáo dục quân sự, đồng thời có giá trị thực tiễn trong định hướng chiến lược xây dựng môi trường giáo dục nhân văn, hiện đại, bền vững.

Ba nhà trường được lựa chọn nghiên cứu: Học viện Kỹ thuật Quân sự, Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng và Trường Sĩ quan Pháo binh, đại diện cho ba định hướng đào tạo tiêu biểu của hệ thống giáo dục quân đội hiện nay: kỹ thuật - công nghệ, chính trị - lý luận và chiến đấu - tác chiến. Sự đa dạng này giúp phác họa được bức tranh toàn diện về văn hóa giáo dục trong hệ thống nhà trường quân đội, đồng thời cho phép phân tích sự khác biệt và tương đồng giữa các loại hình văn hóa nhà trường gắn với chức năng, nhiệm vụ chuyên môn. Đây là tiền đề quan trọng để luận giải tính phổ quát và tính đặc thù của văn hóa giáo dục quân sự trong điều kiện hiện đại.

Từ những lý do trên, NCS lựa chọn vấn đề ***“Văn hóa giáo dục trong nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay (Nghiên cứu trường hợp Học viện Kỹ thuật Quân sự, Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng và Trường Sĩ quan Pháo binh)”*** làm đề tài luận án tiến sĩ chuyên ngành văn hóa học, nhằm làm rõ biểu hiện, giá trị, vai trò của văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội hướng đến phát triển nền văn hóa giáo dục quân sự nhân văn, hiện đại, bền vững, đáp ứng yêu cầu xây dựng QĐNDVN cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận về văn hóa giáo dục và văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội, luận án nhận diện bối cảnh, thực trạng của văn hoá giáo dục trong nhà trường quân đội hiện nay từ góc độ văn hóa học, qua đó bàn luận những vấn đề đặt ra và khuyến nghị giải pháp phát triển văn hoá giáo dục quân sự giàu bản sắc, nhân văn, hiện đại, phát triển bền vững.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên, luận án thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội; Làm rõ những vấn đề lý luận về văn hoá giáo dục trong nhà trường quân đội từ góc nhìn văn hóa học (khái niệm công cụ, cấu trúc, vai trò; lý thuyết và quan điểm nghiên cứu; khung phân tích của luận án);
- Khái quát địa bàn nghiên cứu và nhận diện bối cảnh tác động đến văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội;
- Khảo sát thực trạng tại ba nhà trường (HVKTQS, HVCT, TSQPB) theo 4 thành tố của văn hóa giáo dục; phân tích tính phổ quát và đặc thù giữa các loại hình nhà trường có chức năng, nhiệm vụ đào tạo khác nhau.
- Bàn luận về những vấn đề đặt ra và khuyến nghị giải pháp phát triển văn hoá giáo dục trong nhà trường quân đội giàu bản sắc, hiện đại, nhân văn và phát triển bền vững.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là văn hóa giáo dục trong nhà trường QĐNDVN hiện nay, tiếp cận từ góc độ văn hoá học.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Khách thể nghiên cứu*: Luận án tiến hành nghiên cứu trên các nhóm khách thể chính là giảng viên, CBQLHV và học viên tại ba nhà trường HVKTQS, HVCT, TSQPB.

- *Nội dung nghiên cứu:* Văn hoá giáo dục trong nhà trường quân đội hiện nay, phân tích qua 4 yếu tố: thang bậc giá trị, nhân cách văn hóa, thực hành văn hóa và yếu tố ngoại hiện, từ đó làm sáng tỏ đặc điểm, vai trò của các yếu tố này trong môi trường giáo dục quân sự.

- *Địa bàn nghiên cứu:* Luận án lựa chọn khảo sát thực tiễn tại ba nhà trường tiêu biểu: HVKTQS, HVCT, TSQPB. Sự lựa chọn này nhằm đảm bảo tính đại diện và đáp ứng các yêu cầu sau: Thứ nhất, ba nhà trường đại diện cho ba loại hình đào tạo: kỹ thuật - công nghệ, chính trị - lý luận, chiến đấu - tác chiến. Điều này phản ánh được tính đa dạng của các loại hình nhà trường, từ đó làm nổi bật các sắc thái khác nhau của văn hoá giáo dục trong môi trường quân sự. Thứ hai, các nhà trường có sự phân cấp quản lý, quy mô khác nhau. Đồng thời, các nhà trường có bề dày truyền thống và có đóng góp nhất định trong sự nghiệp GD - ĐT quân sự. Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số và toàn cầu hóa, các nhà trường này đang đứng trước những thách thức và yêu cầu mới về phát triển văn hoá giáo dục. Cụ thể:

Học viện Kỹ thuật Quân sự được thành lập năm 1966, là trường trọng điểm quốc gia, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Bộ Quốc Phòng. Trải qua gần 60 năm xây dựng và phát triển, HVKTQS khẳng định được vị thế là trung tâm đào tạo kỹ thuật quân sự hàng đầu, đơn vị nòng cốt xây dựng mô hình “nhà trường quân đội thông minh”. Học viện có nhiều điểm đóng quân và trải dài trên 3 miền đất nước, trong phạm vi nghiên cứu, luận án tập trung khảo sát tại cơ sở trung tâm có địa chỉ tại 236 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội.

Học viện Chính trị trực thuộc Bộ Quốc phòng. Với lịch sử 74 năm xây dựng và trưởng thành, Học viện luôn khẳng định là trung tâm hàng đầu của quân đội trong đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chính trị cấp cao, nghiên cứu lý luận chính trị, tư tưởng Hồ Chí Minh, công tác Đảng, công tác chính trị, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng góp phần quan trọng vào xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị. Học viện có trụ sở chính tại địa chỉ tại số 124, Ngô Quyền, Phường Quang Trung, Thành phố Hà Nội.

Trường Sĩ quan Pháo binh là cơ sở đào tạo sĩ quan chỉ huy chiến thuật cấp phân đội chuyên ngành pháo binh trực thuộc Binh chủng Pháo binh, Bộ Quốc phòng, nên có quy mô nhỏ hơn hai học viện trên. Trên chặng đường gần 70 năm xây dựng và phát triển, nhà trường đã khẳng định được vị thế là trung tâm đào tạo cán bộ chỉ huy pháo binh, góp phần xây dựng lực lượng pháo binh hiện đại, có sức chiến đấu cao. Nhà trường đóng quân tại Phường Tùng Thiện, Thành phố Hà Nội.

Ba nhà trường trên có môi trường giáo dục đặc thù, tạo điều kiện thuận lợi để khảo sát các thành tố của văn hoá giáo dục theo khung phân tích của luận án.

- *Thời gian nghiên cứu:* Luận án tập trung khảo sát và phân tích số liệu từ năm 2020 đến năm 2025 - giai đoạn có nhiều chuyển biến trong định hướng GD - ĐT của Quân đội. Đây là thời kỳ thực hiện các văn bản quan trọng như Nghị quyết số 847-NQ/QUTW (2021) về phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân trong tình hình mới; Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW (2022) “Về đổi mới công tác giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng Quân đội trong tình hình mới” của Quân ủy Trung ương; Đề án “Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trong Quân đội giai đoạn 2023-2030 và những năm tiếp theo” (theo Quyết định số 3525/QĐ-BQP) (2023) của Bộ Quốc phòng. Những chính sách này tạo bối cảnh và yêu cầu mới đối với phát triển văn hoá giáo dục trong Quân đội.

4. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở phương pháp luận

Luận án được thực hiện dựa trên cơ sở phương pháp luận là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; quan điểm macxit, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng về văn hóa, về giáo dục, về xây dựng quân đội cách mạng.

4.2. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

4.2.1. Cách tiếp cận

Luận án sử dụng cách tiếp cận liên ngành, kết hợp văn hóa học với các chuyên ngành như giáo dục học quân sự, quản lý giáo dục, tâm lý học quân sự, xã hội học. Cách tiếp cận liên ngành giúp tổng hợp, vận dụng kết quả nghiên cứu của nhiều chuyên ngành, từ đó có cái nhìn hệ thống, đa chiều về văn hóa giáo dục ở nhà trường quân đội hiện nay.

4.2.2. Phương pháp nghiên cứu

Để đảm bảo tính khoa học, hệ thống và hiệu quả, luận án sử dụng kết hợp nhiều phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu chính như sau:

**** Phương pháp phân tích - tổng hợp:***

Phương pháp này được sử dụng chủ yếu để phân tích tài liệu thứ cấp liên quan đến đề tài và xử lý dữ liệu thực tiễn giúp hình thành luận điểm khoa học cho đề tài luận án. Phương pháp này được triển khai linh hoạt theo từng chương trong luận án, cụ thể như sau:

Ở chương 1, luận án phân tích các tài liệu thu thập theo từng nhóm tiếp cận, tổng hợp thành các khuynh hướng nghiên cứu chính và chỉ ra khoảng trống khoa học cần bổ sung. Từ việc tổng hợp các quan điểm nghiên cứu, luận án phân tích cơ sở lý luận về văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội theo tiếp cận văn hóa học; phân tích các lý thuyết và quan điểm nghiên cứu được vận dụng từ đó tổng hợp xây dựng khung phân tích. Đối với chương 2, luận án khái quát địa bàn nghiên cứu, phân tích bối cảnh tác động đến văn hóa giáo dục quân sự.

Ở chương 3, luận án phân tích thực trạng văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội thông qua dữ liệu điều tra, quan sát, phỏng vấn từ ba trường hợp nghiên cứu.

Ở chương 4, luận án phân tích các vấn đề đặt ra, từ đó, tổng hợp và đề xuất các định hướng, giải pháp phát triển văn hóa giáo dục quân sự bền vững và phù hợp với yêu cầu đào tạo sĩ quan thời kỳ mới.

** Phương pháp so sánh - đối chiếu*

Phương pháp so sánh - đối chiếu được sử dụng nhằm làm rõ đặc điểm, bản chất và mức độ biểu hiện của văn hóa giáo dục trong các nhà trường quân đội hiện nay, đồng thời phát hiện các xu hướng biến đổi, những điểm tương đồng và khác biệt giữa các nhà trường có chức năng, mô hình đào tạo khác nhau. Trong luận án, phương pháp này được thực hiện trên hai cấp độ: (1) So sánh giữa các loại hình nhà trường khác nhau về tính chất và chức năng đào tạo (kỹ thuật - chính trị - chiến thuật); (2) So sánh giữa các chủ thể văn hóa chủ yếu (giảng viên - CBQLHV - học viên). Cách tiếp cận so sánh giúp nhận diện rõ hơn các đặc trưng của văn hóa giáo dục và rút ra những giá trị phổ quát lẫn đặc thù của nhà trường quân đội.

** Phương pháp điều tra xã hội học*

Đây là phương pháp then chốt để thu thập, xử lý và kiểm chứng dữ liệu thực tiễn. Thông qua khảo sát bằng bảng hỏi, phỏng vấn sâu và quan sát thực địa, luận án đánh giá mức độ biểu hiện và các vấn đề đặt ra trong quá trình vận hành văn hóa giáo dục. Nhờ đó, luận án có được cái nhìn khách quan, toàn diện về thực trạng văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội hiện nay.

- *Thời gian khảo sát*: Nghiên cứu sinh tiến hành khảo sát 03 đợt vào nhiều thời điểm khác nhau trong chu kỳ năm học (đầu năm học, chuyển tiếp giữa các học kỳ, cuối năm học) ở các nhà trường: đợt 1 từ tháng 09 - tháng 11/2023, đợt 2 từ tháng 04 đến tháng 07/ 2024, đợt 3 từ tháng 12/ 2024 - tháng 04/ 2025, chú trọng khảo sát vào những ngày khai giảng, ngày truyền thống, ngày kỉ niệm 20/11, 22/12... và các hoạt động lớn được tổ chức thường niên như tuần lễ tuổi trẻ sáng tạo của HVKTQS, Hội thao quân sự của TSQPB...

- Phương pháp tiến hành:

+ Khảo sát bằng bảng hỏi định lượng: Mẫu khảo sát được chọn ngẫu nhiên, tiến hành dưới hai hình thức: trực tuyến (Google Forms từ 01/12/2024 đến 20/4/2025) và phát phiếu giấy trực tiếp tại các tiểu đoàn học viên. Tổng cộng thu được 173 phiếu của giảng viên, cán bộ quản lý và 507 phiếu của học

viên ở HVKTQS, HVCT, TSQPB. Bảng hỏi gồm các nhóm nội dung: nhận thức chung; thực trạng văn hóa giáo dục hiện nay; các yếu tố ảnh hưởng và khuyến nghị phát triển văn hóa giáo dục quân sự. Câu hỏi khảo sát được thiết kế dưới dạng câu hỏi đóng và mở. Các câu hỏi đóng sử dụng thang đo Likert 5 mức độ (1 đến 5); kết quả xử lý bằng thống kê (SPSS), tính tỷ lệ % và điểm trung bình để đánh giá quan điểm, nhận thức, hành vi của 3 nhóm đối tượng khảo sát.

+ Phỏng vấn sâu: Đối tượng phỏng vấn được lựa chọn tiêu biểu, đại diện, nhằm làm rõ động cơ, nhận thức, cảm nhận cá nhân về văn hóa giáo dục từ góc nhìn của từng vai trò trong các nhà trường. NCS thực hiện phỏng vấn 26 đối tượng gồm: 07 giảng viên, 08 cán bộ chỉ huy và CBQLHV, 11 học viên. Cụ thể:

	Giảng viên	Cán bộ chỉ huy và CBQLHV	Học viên
HVKTQS	01	03	04
HVCT	03	01	02
TSQPB	03	04	05

+ Quan sát tham dự và không tham dự: Quan sát được tiến hành tại giảng đường, đơn vị quản lý học viên (hệ, tiểu đoàn, đại đội), thư viện, phòng truyền thống, phòng làm việc... Nghiên cứu sinh dự giờ một số buổi học, quan sát hoạt động huấn luyện, giảng dạy, học tập, quản lý, chỉ huy, cũng như theo dõi các hoạt động văn hóa, thể thao, phong trào ở các nhà trường. Ngoài ra, để có cái nhìn đa chiều, nghiên cứu sinh theo dõi các kênh truyền thông nội bộ như website, mạng xã hội chính thức của các nhà trường (trang Facebook “Sáng mãi niềm tin 25/10” của HVCT, “Học viện Kỹ thuật Quân sự (MTA)” và “Trí tuệ tỏa sáng” của HVKTQS, Trường Sĩ quan Pháo binh - Binh chủng Pháo binh; “Tiểu đoàn 2 - TSQPB”...).

* *Các phương pháp khác*: Bên cạnh các phương pháp trên, luận án sử dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp, phương pháp thống kê toán học (xử lý số liệu điều tra) và các thao tác như phân loại, hệ thống hóa tài liệu. Sự kết hợp đa dạng các phương pháp giúp đảm bảo kết quả nghiên cứu có độ tin cậy cao nhằm luận giải vấn đề một cách toàn diện, logic.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Về lý luận: Luận án góp phần bổ sung, làm rõ một số vấn đề lý luận văn hóa học trong lĩnh vực giáo dục quân sự, qua đó đóng góp vào kho tàng lý luận về văn hóa tổ chức giáo dục và văn hóa quân sự.

Về thực tiễn: Luận án góp phần nhận diện thực trạng và những vấn đề đặt ra đối với văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội hiện nay. Kết quả nghiên cứu của luận án có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo cho học viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, các nhà nghiên cứu về văn hóa và giáo dục quân sự. Bên cạnh đó, luận án cung cấp luận cứ khoa học cho lãnh đạo, chỉ huy các cơ sở giáo dục, cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng, Quân ủy trung ương đề ra chủ trương, biện pháp góp phần nâng cao chất lượng GD - ĐT, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhiệm vụ xây dựng QĐNDVN trong thời kỳ mới.

6. Đóng góp mới của luận án

- Luận án là công trình nghiên cứu hệ thống, chuyên biệt về văn hóa giáo dục trong nhà trường QĐNDVN từ góc độ văn hóa học. Luận án làm sáng tỏ khái niệm, cấu trúc, vai trò của văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội, đề xuất khung phân tích mới trên cơ sở kế thừa, phát huy kết quả nghiên cứu trước đây.

- Sử dụng cách tiếp cận liên ngành kết hợp với nhiều phương pháp nghiên cứu, luận án nhận diện bối cảnh, thực trạng thông qua nghiên cứu thực tiễn về văn hóa giáo dục tại ba nhà trường được lựa chọn. Luận án góp phần làm rõ đặc thù của văn hóa giáo dục trong môi trường sư phạm quân sự và chỉ ra tính thống nhất trong đa dạng của văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội hiện nay.

- Luận án phân tích, bàn luận những vấn đề đặt ra và khuyến nghị giải pháp phát triển văn hóa giáo dục quân sự nhân văn, bền vững, phù hợp với mục tiêu xây dựng nhà trường quân đội thông minh, chính quy, mẫu mực, hiện đại.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án được kết cấu gồm 4 chương, 13 tiết.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ VĂN HÓA GIÁO DỤC TRONG NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

1.1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

Từ đầu thế kỉ XX, các nghiên cứu về văn hóa giáo dục hiện đại bắt đầu ở Anh, lan truyền đến Bắc Mỹ và phát triển thịnh đạt ở khắp các châu lục vào cuối thế kỉ XX, đầu thế kỉ XXI cùng với phong trào toàn cầu về giáo dục “Education for all” (EFA) do UNESCO khởi xướng. Ở Việt Nam, thuật ngữ “văn hóa giáo dục” còn khá mới mẻ nhưng nội dung đã có từ xa xưa và trở thành truyền thống quý báu của dân tộc. Ngày nay, văn hóa giáo dục trở thành mối quan tâm đặc biệt của nhiều nhà nghiên cứu ở nhiều mức độ và góc độ tiếp cận khác nhau như giáo dục học, tâm lý học, triết học, nhân học, văn hoá học, xã hội học và quản lý giáo dục. Trong phạm vi tư liệu bao quát được, luận án tổng quan những công trình có định hướng, đóng góp cho đề tài, qua đó làm rõ thành tựu đã đạt được và xác định khoảng trống khoa học cần tiếp tục nghiên cứu.

1.1.1. Nghiên cứu văn hóa giáo dục và văn hóa giáo dục trong nhà trường

1.1.1.1. Những nghiên cứu văn hóa giáo dục

Những nghiên cứu trong và ngoài nước đã làm sáng tỏ khái niệm, bản chất, vai trò của văn hóa giáo dục trong các mối quan hệ với bối cảnh văn hoá, bản sắc dân tộc, toàn cầu hoá, Một số công trình tiêu biểu là:

Tác phẩm “*The Culture of Education*” (Văn hoá của giáo dục) (1996) của Jerome Bruner - nhà tâm lý học văn hoá giáo dục Mỹ nổi tiếng thế kỉ XX - bàn về vai trò của bối cảnh văn hoá như một điều kiện nội sinh của tư duy và học tập. Vận dụng “tâm lý học văn hoá”, ông cho rằng: “Văn hoá định hình tâm trí (...) cung cấp cho chúng ta bộ công cụ để xây dựng chính quan niệm về bản thể và quyền lực của mình” [102, tr.X]. Bruner chỉ ra giáo dục trang bị cho cá nhân tham gia vào đời sống xã hội và sinh kế và “cách ta quan niệm về giáo

dục phụ thuộc vào cách ta quan niệm về văn hoá và các mục tiêu của nó” [102, tr.IX-X]. Theo Bruner, “văn hoá của giáo dục” là một bộ phận của văn hoá, được hình thành bởi văn hoá nhưng cũng có thể làm thay đổi văn hoá. Nó phản ánh và tôn trọng sự đa dạng và khác biệt của các nền văn hoá, đồng thời khuyến khích sự giao lưu, hợp tác giữa chúng.

Bài viết “*Educational culture*” (Văn hóa giáo dục) (2007) [124] của Schubart (nhà văn, học giả Hoa Kỳ) tiếp cận văn hóa giáo dục trong mối quan hệ với bối cảnh văn hóa rộng. Theo Schubart, văn hóa giáo dục được biểu hiện qua các giá trị, chuẩn mực, niềm tin, thái độ và các yếu tố hữu hình mà chúng ta có thể cảm nhận và quan sát được. Ông khẳng định văn hóa là yếu tố thành công của nền giáo dục chứ không phải “bởi thuế bất động sản cao, ngân sách trường học leo thang, luật liên bang hoặc tiểu bang, kiểm tra quốc gia hoặc công đoàn giáo viên” [124]. Các nghiên cứu của Gene Edward Veith với bài viết “*Educational culture*” (2011) [126] và G.L. Welton với bài “*An educational culture: The right angle on education*” (Một nền văn hóa giáo dục: góc nhìn đúng đắn về giáo dục) (2015) [127] cũng khẳng định việc xây dựng một nền văn hóa giáo dục tốt là cần thiết để cải thiện hệ thống giáo dục. Để thành công, các trường không nên chỉ tập trung vào các nguồn lực vật chất mà cần chú trọng xây dựng văn hóa: “Các quốc gia muốn cải thiện hệ thống giáo dục của mình, việc xây dựng một nền văn hóa giáo dục là điều cần thiết và đúng đắn” [127].

Từ góc độ văn hóa học tập, Biesta. G trong bài viết “*From Learning Cultures to Educational Cultures: Values and Judgements in Educational Research and Educational Improvement*” (Từ văn hóa học tập đến văn hóa giáo dục: Giá trị và đánh giá trong nghiên cứu giáo dục và cải thiện giáo dục) (2011) [101] mở rộng quan niệm, xem văn hóa giáo dục là “một nền văn hóa học tập được đóng khung bởi các mục đích giáo dục” [101, tr.200]. Tác giả nhấn mạnh vai trò của giá trị và mục tiêu giáo dục trong việc cấu thành văn hóa giáo dục.

Nhà giáo dục O. A. Radugina trong bài viết “*Образовательная культура общества как целостный социальный феномен*” (Văn hóa giáo dục của xã

hội như là một hiện tượng xã hội toàn diện) (2011) [109] đăng trên “*Tạp chí Triết học và Xã hội*” quan niệm: văn hóa giáo dục hoạt động trong môi trường văn hoá chung nên các mặt, các yếu tố, các mối quan hệ của nó đều thấm nhuần nội dung văn hoá xã hội. Đồng thời, nó là một tiểu hệ thống tương đối độc lập, phản ánh tính nguyên gốc của văn hoá do tính đặc thù của mục tiêu, giá trị, vai trò của thiết chế giáo dục trong xã hội. Trong mối tương quan này, văn hóa giáo dục là một bộ phận của nền văn hoá, mang tính dân tộc đậm nét.

Một số nghiên cứu khác bàn về vai trò của văn hóa trong việc tạo nên sự khác biệt trong giáo dục. Bài viết “*Past edecational cultures influences on present perceptions of education*” (Văn hóa giáo dục truyền thống ảnh hưởng đến nhận thức giáo dục hiện tại) (2012) [110] của Tatiana Segal, hay “*Cultural factors causing differences in qualyti education*” (Các yếu tố văn hoá tạo ra sự khác biệt trong chất lượng giáo dục) (2013) [108] của Anil Kumar Pokharel phân tích ảnh hưởng của văn hóa giáo dục truyền thống tác động đến quan niệm về người thầy, người học, nhận thức, nội dung, phương pháp dạy học tạo nên sự khác biệt trong chất lượng giáo dục ở hiện tại. Tác giả này cho rằng văn hóa (bao gồm giá trị, chuẩn mực truyền thống) có tác động lâu dài, chi phối nhận thức và hành vi giáo dục đương đại. Mặc dù, các công trình này tiếp cận văn hóa giáo dục từ nhiều góc độ khác nhau nhưng đều thống nhất: văn hóa giáo dục chính là “chìa khoá” tạo nên sự khác biệt và thành công trong giáo dục.

Tác giả Mohamed El Amri trong bài viết “*Education and Cultural diversity*” (Giáo dục và đa dạng văn hóa) (2024) [106] cho rằng giáo dục phải trở thành không gian trao đổi giá trị văn hóa. Bài viết sử dụng mô hình “văn hóa củ hành tây” của G. Hofstede để minh họa các lớp văn hóa: biểu tượng, anh hùng, nghi lễ, giá trị. Theo tác giả: “Văn hóa ví như một tảng băng trôi hoặc một củ hành tây vì có quá nhiều thứ chưa được khám phá và vì văn hóa bao gồm nhiều cấp độ khác nhau” [106, tr.10196]. Sự khác biệt về văn hóa có thể quan sát được hoặc ngầm ẩn. Việc “bóc tách” các lớp văn hóa này giúp sinh viên hiểu sâu hơn về bản thân và khám phá, thấu hiểu sự đa dạng của thế giới.

Ở Việt Nam, các công trình nghiên cứu chuyên sâu về văn hóa giáo dục phát triển từ cuối thế kỷ XX. Trước đó, các nghiên cứu về vấn đề này tập trung xây dựng các giá trị văn hoá phù hợp với hệ thống giáo dục và yêu cầu xã hội. Sau thời kì đổi mới, nghiên cứu văn hóa giáo dục bắt đầu nở rộ, các tác giả thường xem xét ở những nội dung sau: (1) Nghiên cứu văn hóa giáo dục trong các công trình lý luận chung về văn hoá; (2) Nghiên cứu mối quan hệ mật thiết giữa văn hoá và giáo dục; (3) Nghiên cứu về lý luận và thực tiễn văn hóa giáo dục ở Việt Nam.

Công trình đáng chú ý đầu tiên là: *“Văn hóa và Giáo dục, Giáo dục và Văn hóa”* (1998) do Phạm Minh Hạc chủ biên. Đây là tài liệu phục vụ nghiên cứu và triển khai Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VIII. Công trình tập hợp các bài viết nghiên cứu làm rõ mối quan hệ giữa văn hóa và giáo dục. Trong đó, tác giả Phạm Minh Hạc cho rằng: “nhiệm vụ quan trọng của giáo dục là phải chuyển tải các tri thức cung cấp cho học sinh, sinh viên thành vốn văn hóa của mỗi người: nhân cách văn hóa, nếp sống và lối sống văn hóa” [28, tr.4]. Quan điểm này khẳng định vai trò then chốt của giáo dục trong việc kiến tạo và bồi dưỡng nhân cách văn hóa của con người trong đời sống xã hội. Vì vậy, văn hóa và giáo dục có mối quan hệ mật thiết với nhau cùng hướng đến mục tiêu hình thành con người phát triển toàn diện.

Công trình *“Suy nghĩ về văn hóa giáo dục Việt Nam”* (2002) [90] của tác giả Dương Thiệu Tống đưa ra quan điểm về một nền giáo dục đậm đà văn hoá dân tộc: “Một nền giáo dục dân tộc không thể là sự sao chép hay vay mượn nguyên xi của một quốc gia nào khác, vì giáo dục phải phản ánh những biến chuyển trong môi trường xã hội, văn hóa của một dân tộc.” [90, tr.78]. Văn hoá dân tộc luôn biến chuyển, vận động không ngừng nên nhiệm vụ của giáo dục không chỉ là truyền thụ tri thức, văn hoá mà còn đào luyện nếp sống, thái độ và ý thức giá trị mới để con người “thích nghi với xã hội mới đồng thời góp phần tạo dựng nên một nền văn hoá canh tân” [90, tr.78]. Công trình này gợi mở vấn đề về tính dân tộc, tính bản sắc của mỗi nền giáo dục, đồng thời nhấn mạnh văn

hóa giáo dục bên cạnh việc tiếp thu mô hình giáo dục hiện đại, cần bám rễ sâu vào truyền thống văn hóa dân tộc.

Tác giả Nguyễn Duy Bắc trong công trình “*Văn hóa giáo dục Việt Nam thời kì đổi mới*” (2012) [2] quan tâm đến những tác động của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đến văn hóa giáo dục Việt Nam, đặt ra vấn đề đổi mới văn hóa giáo dục trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế trên cơ sở phân tích khái niệm, cấu trúc, vai trò, mục đích, tính chất, nguyên lý của văn hóa giáo dục. Từ đó, tác giả đề xuất chiến lược, giải pháp phát triển GD-ĐT, quản lý nhà nước và sự tham gia của xã hội để phát triển văn hóa giáo dục cho con người Việt Nam hiện nay.

Song song với những nghiên cứu lý luận, các công trình thực nghiệm về văn hóa giáo dục ở gia đình, nhà trường và trên bình diện quốc gia cũng đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục gắn với giữ gìn giá trị văn hóa truyền thống. Công trình “*Văn hoá giáo dục Việt Nam giai đoạn 1884-1945*” (2022) [64] của tác giả Nguyễn Hoa Mai nhận diện văn hóa giáo dục Việt Nam giai đoạn 1884 -1945 trong bối cảnh giao lưu, tiếp xúc văn hoá Pháp - Việt trên 5 phương diện: Triết lý - tư tưởng giáo dục; Thể chế - thiết chế giáo dục; Giá trị - chuẩn mực giáo dục; Nhân cách giáo dục; Yếu tố ngoại hiện của nền giáo dục. Trên cơ sở đó, tác giả đánh giá thành tựu tiếp biến văn hoá Pháp - Việt, khẳng định ý nghĩa tích cực của kết quả tiếp thu và biến đổi văn hoá của người Việt từ nền giáo dục Pháp ở Việt Nam, đồng thời đưa ra các gợi mở cho giáo dục nước ta hiện nay trước xu thế toàn cầu hóa, hiện đại hóa.

Các bài viết của tác giả Trần Ngọc Thêm “*Triết lý giáo dục và văn hoá giáo dục để xây dựng một xã hội phát triển*” (2020) [119] và Phạm Tất Dong: “*Một số quan điểm về văn hoá giáo dục*” (2023); “*Những loại hình văn hoá giáo dục cơ bản*” (2023); “*Triết lý giáo dục và văn hoá giáo dục*” (2023) tuy bàn về văn hóa giáo dục từ nhiều góc độ khác nhau nhưng đều nhất trí rằng: văn hóa giáo dục là “một tiểu hệ các giá trị tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực đào tạo con người” [119, tr.6] [15]. Các tác giả xem văn hóa giáo dục là một bộ phận của văn hóa

tổng thể, trong đó nhấn mạnh các giá trị tinh thần. Theo các tác giả, văn hóa giáo dục mang tính dân tộc, chịu sự quy định của loại hình văn hóa và có mối quan hệ chặt chẽ với triết lý giáo dục.

Như vậy, các công trình kể trên đã đề cập đến những vấn đề nền tảng để nhận diện bản chất, cấu trúc, vai trò của văn hóa giáo dục ở các mức độ khác nhau. Đây là những gợi ý để tác giả tiếp cận nghiên cứu văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội hiện nay.

1.1.1.2. Những nghiên cứu văn hoá giáo dục trong nhà trường

Trên thế giới, những nghiên cứu ban đầu về văn hóa giáo dục trong nhà trường chủ yếu được xem xét từ góc độ xã hội học, nhấn mạnh vào chức năng xã hội của giáo dục. Trong đó, trường học được xem là thiết chế trung gian giữa gia đình và xã hội, nơi truyền tải giá trị, niềm tin và chuẩn mực xã hội. Từ nửa sau thế kỷ XX, lý thuyết về văn hóa giáo dục nhà trường phát triển mạnh mẽ với nhiều mô hình và cách tiếp cận đa chiều. Từ góc nhìn văn hóa tổ chức, các công trình “*Organizational Culture in Higher Education: Defining the Essentials*” (Văn hóa tổ chức trong trường đại học: xác định những điều cốt yếu) (1988) [114] của William G. Tierney, “*Transforming School Culture: Stories, Symbols, Values & The Leader’s Role*” (Chuyển đổi văn hóa trường học: câu chuyện, biểu tượng, giá trị và vai trò của người lãnh đạo) (1995) [112] của Stephen Stolp và Stuart C. Smith cung cấp cái nhìn toàn diện về văn hóa trường học bao gồm khái niệm, đặc điểm và ảnh hưởng của văn hóa đến cải thiện trường học. Các tác giả cho rằng: văn hóa trường học là một hệ thống phức tạp và đa chiều bao gồm cả yếu tố bề mặt (biểu tượng, câu chuyện, nghi lễ, kiến trúc, hiện vật) và các giá trị, chuẩn mực, niềm tin, giả định ngầm ẩn. Stephen Stolp và Stuart C. Smith nhấn mạnh vai trò trung tâm của văn hóa trong việc tạo dựng môi trường học tập tích cực. Tương tự, Louise Stoll trong bài viết “*School culture*” (Văn hoá trường học) (1998) [111] coi văn hóa là chất “keo kết dính” các thành viên, ảnh hưởng đến cách họ suy nghĩ, hành động và hợp tác trong trường học.

Ở thời kỳ hội nhập và toàn cầu hóa, văn hóa trường học trở thành trung tâm trong chiến lược cải cách giáo dục. Các công trình như “*School culture and school performance: an explorative study into the organizational culture of secondary schools and their effects*” (Văn hoá trường học và hoạt động hiệu quả của trường học: một nghiên cứu về ảnh hưởng của văn hoá tổ chức đến các trường trung học) [107] (2001) của tác giả Maslowski; “*Deal The Shaping School Culture*” (Định hình văn hóa nhà trường) [105] (2002, 2009) của Perterson và Deal chứng minh rằng văn hóa tổ chức trong nhà trường có mối liên hệ chặt chẽ với hiệu quả giáo dục: văn hóa tích cực giúp cải thiện thành tích học tập, trong khi văn hóa yếu kém cản trở sự phát triển của nhà trường. Đồng thời, các nghiên cứu cũng chú trọng đến môi trường học đường toàn diện thời chuyển đổi số và sự đa dạng văn hóa trong bối cảnh toàn cầu.

Các nghiên cứu đương đại tập trung vào những mô hình phát triển văn hóa trường học bền vững, chú trọng xây dựng tầm nhìn và giá trị chung phù hợp. Nhiều công trình áp dụng công cụ đo lường văn hóa để điều chỉnh chính sách trường học và tăng cường hợp tác quốc tế trong giáo dục. Bài viết “*The impact of culture on education. Can we introduce best practices in education across countries?*” (Tác động của văn hóa lên giáo dục: Chúng ta có thể giới thiệu những phương pháp giáo dục tốt nhất trên khắp các quốc gia không?) (2016) [128] của Wursten & Jacobs trên nền tảng lý thuyết của Geert Hofstede đã tiếp cận văn hóa như một hệ thống giá trị tập thể chi phối hành vi, nhận thức của con người, nói cách khác là “lập trình tập thể của tư duy con người”. Các tác giả nhấn mạnh văn hóa chính là “hộp đen” của giáo dục, là yếu tố nền tảng nhưng thường bị bỏ qua trong hầu hết các mô hình chính sách và nghiên cứu giáo dục hiện đại. Bài viết kết luận: Việc xếp hạng giáo dục cần xem xét sự khác biệt về văn hóa trước khi đánh giá chuẩn và mô tả đặc điểm của trường học. Do đó, các nền giáo dục có thể học hỏi lẫn nhau nhưng “việc thực hành tốt nhất” đòi hỏi phải chuyển đổi sang một nền văn hóa/ một hệ giá trị phù hợp.

Bài viết “*Perception of educational culture and learning styles in language learning: the Romanian case*” (Nhận thức về văn hóa giáo dục và phong cách học tập trong học ngôn ngữ: trường hợp Rumani) (2016) [103] của Buyse và Bañas nghiên cứu về sự thay đổi trong phong cách học tập và văn hóa giáo dục của sinh viên Rumani trong học tiếng Tây Ban Nha ở hai giai đoạn trước và sau năm 1989. Nghiên cứu cho thấy phong cách học tập chịu ảnh hưởng của văn hóa giáo dục, cách mỗi cá nhân học tập bắt nguồn từ sở thích, lối sống, phương pháp giáo dục được truyền dạy. Trên cơ sở lý thuyết của Geert Hofstede, tác giả cho rằng các đặc điểm của phong cách học tập là chỉ số bề mặt của hai cấp độ ẩn sâu trong tâm trí học sinh: toàn bộ hệ thống tư duy và phẩm chất tâm trí cá nhân thiết lập mối quan hệ với thực tế.

Các quan điểm về vai trò của văn hóa, coi văn hóa là “hộp đen” của giáo dục, là “chỉ số bề mặt của các cấp độ ẩn sâu trong tâm trí” là gợi ý để luận án vận dụng nghiên cứu những giá trị, chuẩn mực ngầm ẩn, nhân cách văn hóa ẩn dưới các hoạt động, những biểu hiện hữu hình đang hàng ngày hiện hữu trong nhà trường quân đội.

Ở Việt Nam, từ cuối thế kỷ XX, chủ đề văn hóa nhà trường thu hút sự quan tâm mạnh mẽ. Nhiều sách chuyên khảo, luận án, bài báo ra đời nhằm định nghĩa khái niệm, phân tích thành tố và đề xuất giải pháp xây dựng văn hóa trường học tích cực, lành mạnh. Sau Nghị quyết 29/NQ-TW (2013) của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện GD - ĐT, việc xây dựng văn hóa học đường/ nhà trường được xem là yếu tố then chốt thúc đẩy đổi mới giáo dục toàn diện. Với quan niệm nhà trường là “một loại hình tổ chức đặc thù mang tính chất hành chính - sự phạm” [36, tr.37], nhiều công trình đã tập trung làm rõ các vấn đề lý luận về phát triển văn hóa nhà trường trên cơ sở kế thừa những thành tựu nghiên cứu về văn hóa tổ chức. Tiêu biểu là Luận án tiến sĩ văn hóa học “*Văn hóa giáo dục của Trường Phổ thông Quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh*” (2020) [55] của tác giả Nguyễn Thị Thanh Huyền bàn về vấn đề dung hoà giữa tính dân tộc và tính quốc tế, các giá trị của phương Đông và phương Tây ở trường Phổ thông

quốc tế Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hoá, từ đó thúc đẩy nuôi dưỡng thể hệ công dân toàn cầu theo chuẩn mực quốc tế. Tác giả phân tích và lý giải đặc điểm, quá trình hình thành những giá trị cốt lõi của văn hóa giáo dục trường phổ thông quốc tế dựa trên cấu trúc tam phân văn hoá của Trần Ngọc Thêm (nhận thức, tổ chức, ứng xử) và khung phân tích chiều văn hóa của G. Hofstede, từ đó, rút ra những giá trị áp dụng phát triển văn hóa giáo dục cho trường phổ thông ở Việt Nam.

Luận án tiến sĩ Văn hóa học *“Văn hóa học đường trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay (qua khảo sát Trường ĐH Sư phạm Hà Nội, Trường ĐH Giao thông Vận tải, Trường ĐH Ngoại thương)”* (2025) [25] của tác giả Nguyễn Thị Hà đi sâu phân tích thực trạng văn hóa học đường trong trường đại học trên địa bàn Hà Nội thông qua các thành tố: (1) các giá trị; (2) các chuẩn mực; (3) hoạt động văn hóa học đường; (4) cảnh quan, biểu tượng, kiến trúc nhà trường. Trên cơ sở khảo sát dữ liệu từ ba nhà trường có tính đại diện về lĩnh vực đào tạo, truyền thống và tầm ảnh hưởng, tác giả xác định giá trị cốt lõi của giáo dục đại học là “sáng tạo, tiên phong, trách nhiệm, thích ứng - hòa hợp” [25, tr.82], đồng thời chỉ ra những chuyển biến tích cực, như sự gần gũi hơn trong quan hệ thầy - trò, sự đa dạng của hoạt động ngoại khóa, hay xu hướng hiện đại hóa cảnh quan trường học. Công trình là tài liệu tham khảo hữu ích giúp nhận diện giá trị, thực trạng văn hóa học đường trong môi trường giáo dục dân sự, qua đó, so sánh, tìm ra điểm đặc thù của văn hóa giáo dục quân sự.

Nhìn chung, vấn đề văn hóa giáo dục được tiếp cận từ nhiều góc nhìn khác nhau nhằm làm sáng tỏ bản chất phức tạp của vấn đề này. Những nghiên cứu minh định khái niệm, bản chất của văn hóa giáo dục trong mối quan hệ với bối cảnh, bản sắc văn hóa dân tộc, biến đổi giá trị văn hóa giáo dục từ truyền thống đến hiện đại; sự tương đồng và khác biệt văn hoá trong môi trường giáo dục; khẳng định vai trò của văn hóa giáo dục trong việc xây dựng nhân cách, hiệu quả giáo dục, đồng thời là chìa khóa thành công của nền giáo dục. Các nghiên cứu này là những gợi ý quan trọng để luận án xây dựng cơ sở lý luận cho đề tài. Mặt

khác, thông qua so sánh nghiên cứu trong các môi trường khác nhau, luận án nhận diện sâu sắc hơn thực trạng của văn hóa giáo dục ở nhà trường quân đội.

1.1.2. Nghiên cứu liên quan đến văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội

Giáo dục và đào tạo là nhiệm vụ trung tâm của nhà trường quân đội, là khâu then chốt quyết định đến nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm xây dựng QĐNDVN cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Các nghiên cứu về giáo dục quân sự đều khẳng định đây là môi trường giáo dục đặc thù, nơi không chỉ giáo dục tri thức quân sự mà còn góp phần hình thành, phát triển toàn diện nhân cách người quân nhân cách mạng. Một số công trình tiêu biểu là:

Luận án tiến sĩ Văn hóa học *“Định hướng giá trị văn hóa của học viên đào tạo sĩ quan trong các trường quân đội”* (2017) [4] của Nguyễn Vương Bình. Trên cơ sở lý thuyết nhập thân văn hóa, tác giả đã làm rõ quá trình định hướng giá trị văn hóa cho học viên sĩ quan trên các phương diện nhận thức, hành vi, môi trường giáo dục quân đội xem đây là yếu tố quan trọng để hình thành phẩm chất và bản lĩnh người quân nhân cách mạng. Thông qua đánh giá hiện trạng định hướng giá trị ở nhiều phương diện, tác giả chỉ ra các nhân tố thuận lợi và cản trở, đồng thời đề xuất giải pháp nâng cao định hướng giá trị cho học viên. Những kết quả này có thể vận dụng để nghiên cứu, hoạch định chính sách và biện pháp nâng cao văn hóa giáo dục trong các trường QĐNDVN hiện nay, từ đó góp phần bồi dưỡng đội ngũ sĩ quan với nhân cách, bản lĩnh và năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Luận án Tiến sĩ Triết học *“Phát triển văn hóa sư phạm quân sự của giảng viên trẻ ở các nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay”* [37] (2019) của tác giả Đỗ Như Hiến đã nhấn mạnh đến thành tố cốt lõi của văn hóa giáo dục, đó là đội ngũ giảng viên - chủ thể kiến tạo và truyền thụ văn hóa trong nhà trường quân đội. Thông qua làm rõ khái niệm, tác giả nêu cấu trúc văn hóa sư phạm quân sự của giảng viên trẻ gồm phẩm chất chính trị, đạo đức, tri thức chuyên môn, năng lực sư phạm và phong cách ứng xử quân sự. Tác giả khẳng định: xây dựng văn hóa sư phạm quân sự là yêu cầu cấp thiết để nâng cao chất lượng đào tạo và rèn luyện học viên trong nhà trường quân đội. Có thể nói, công

trình này đã cung cấp minh chứng thực tiễn về vai trò quyết định của giảng viên trong quá trình kiến tạo và lan tỏa văn hóa giáo dục quân sự.

Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số và toàn cầu hóa, vấn đề đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng giáo dục được xem là nhân tố trung tâm quyết định chất lượng, hiệu quả đào tạo sĩ quan. Bài viết “*Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và phương hướng đổi mới phương pháp dạy học ở các nhà trường quân đội hiện nay*” (2019) [12] của Hà Công Chờ - Hồ Đức Thăng khẳng định rằng CMCN 4.0 không chỉ đặt ra thách thức về công nghệ mà còn làm thay đổi căn bản bản chất của quá trình dạy học. Theo đó, phương pháp dạy học phải chuyển từ mô hình truyền thụ kiến thức thụ động sang mô hình phát triển năng lực - phẩm chất người học, đồng thời gắn liền với các công cụ số, dữ liệu mở và môi trường học tập đa dạng. Tiếp nối vấn đề này, tác giả Nguyễn Quang Bình trong bài viết “*Một số giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo ở các nhà trường quân đội trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0*” (2019) [3] nhấn mạnh đến yêu cầu tích hợp công nghệ số, học liệu điện tử, phương tiện mô phỏng và trí tuệ nhân tạo vào hoạt động đào tạo quân sự. Tác giả chỉ rõ: để nâng cao chất lượng, không chỉ cần phương pháp dạy học mới, mà còn phải xây dựng một môi trường văn hóa sư phạm số, trong đó giảng viên và học viên cùng tham gia sáng tạo tri thức, tương tác đa chiều, gắn học tập với thực tiễn quân sự công nghệ cao. Đây chính là biểu hiện sinh động của sự chuyển hóa giáo dục quân sự từ mô hình truyền thống sang hiện đại, kết hợp kỷ luật - sáng tạo, truyền thống - công nghệ.

Bàn về vai trò của môi trường văn hóa sư phạm với phát triển nhân cách học viên quân đội, tác giả Nguyễn Tuấn Lê trong Luận án Tiến sĩ Triết học “*Môi trường văn hóa sư phạm với phát triển nhân cách học viên ở các trường sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay*” (2020) [59] chỉ ra khung tiếp cận nhân cách học viên bao gồm các yếu tố: phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực nhận thức và năng lực thực tiễn. Trong môi trường văn hóa sư phạm ở các nhà trường quân đội, học viên vừa là chủ thể, vừa là sản phẩm chịu tác động mạnh mẽ của môi trường đó. Bên cạnh đó, quan niệm về môi trường văn hóa sư phạm với

các yếu tố vật chất, tinh thần hợp thành một chỉnh thể tác động đến nhân cách học viên có thể được coi như hình thức biểu hiện cụ thể của văn hóa giáo dục quân sự. Hơn nữa, kết quả khảo sát, phân tích về vai trò, thực trạng, giải pháp phát huy môi trường văn hóa sư phạm ở các trường sĩ quan trong đó có TSQPB cung cấp những luận cứ thực tiễn có giá trị đề luận án văn hóa giáo dục kế thừa và mở rộng khi nghiên cứu ba trường hợp cụ thể là HVKTQS, HVCT và TSQPB.

Nhiều công trình tập trung phân tích làm rõ nội hàm và biện pháp phát huy giá trị văn hóa quân sự truyền thống và giá trị “Bộ đội Cụ Hồ” cho các chủ thể khác nhau trong nhà trường quân đội. Bài viết *“Phát huy giá trị văn hóa quân sự truyền thống dân tộc trong xây dựng nhân cách học viên ở các trường quân đội hiện nay”* (2021) [61] của tác giả Ngô Bằng Linh nhấn mạnh vai trò to lớn của giá trị văn hóa quân sự truyền thống trong việc nuôi dưỡng tâm hồn, phát huy phẩm chất, năng lực tri thức, định hướng nhân cách học viên tới một mẫu hình văn hóa. Bài viết phân tích bối cảnh tác động, bao hàm, đan xen cả thời cơ và thách thức và đề xuất một số giải pháp phát huy giá trị văn hóa quân sự truyền thống trong xây dựng nhân cách học viên đáp ứng tốt nhất yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Bài viết *“Bồi dưỡng giá trị đạo đức “Bộ đội Cụ Hồ” cho học viên sĩ quan các nhà trường quân đội trong thời kỳ mới”* (2024) [53] của tác giả Nguyễn Văn Hùng phân tích vị trí, vai trò của giá trị đạo đức “Bộ đội cụ Hồ” đối với học viên đào tạo sĩ quan và đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác này trong các nhà trường quân đội. Tương tự, bài viết *“Phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” thời kỳ mới của học viên Hệ đào tạo cán bộ chính trị cấp chiến thuật, chiến dịch tại HVCT, Bộ Quốc phòng”* (2024) [65] của Phạm Hữu Mạnh tiếp cận đối tượng học viên đào tạo cán bộ chính trị cấp chiến thuật, chiến dịch. Mặc dù nghiên cứu các đối tượng học viên khác nhau, nhưng các tác giả đều nhấn mạnh “Bộ đội cụ Hồ” là hệ giá trị văn hóa chi phối toàn bộ đời sống học tập, rèn luyện của học viên. Việc phát huy giá trị văn hóa này ở học viên quân đội là nhiệm vụ thường xuyên gắn liền với hoạt động đổi mới GD-ĐT. Có thể khẳng định quá trình phát huy phẩm chất “Bộ đội cụ Hồ” ở học viên chính là quá trình thẩm thấu

giá trị văn hóa quân sự qua trải nghiệm tập thể, hoạt động cộng đồng, thi đua và môi trường sinh hoạt sư phạm.

Bài viết *“Xây dựng, bồi dưỡng phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” cho đội ngũ nhà giáo quân đội - những kinh nghiệm rút ra”* (2024) [92] của tác giả Hoàng Anh Tuấn góp phần khẳng định vai trò trung tâm của đội ngũ nhà giáo quân đội trong việc kiến tạo và lan tỏa văn hóa giáo dục. Trên nền tảng các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Quân ủy Trung ương, tác giả nhấn mạnh phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” không chỉ là biểu hiện chính trị - đạo đức mà còn là một tổ hợp giá trị văn hóa đặc thù, gắn với bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng, phong cách sống giản dị, tinh thần tận tụy và sáng tạo trong giảng dạy. Qua đó, tác giả nêu ra những kinh nghiệm thực tiễn trong bồi dưỡng phẩm chất “Bộ đội cụ Hồ” ở HVCT, đồng thời chỉ ra rằng môi trường văn hóa giáo dục trong nhà trường chính là điều kiện nền tảng để bồi dưỡng và phát huy các phẩm chất cốt lõi của người thầy trong quân đội. Ở một hướng tiếp cận khác, bài viết *“Yếu tố tác động đến phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các trường sĩ quan quân đội hiện nay”* (2025) [94] của Nguyễn Hữu Tuấn đi sâu phân tích các những yếu tố thuận lợi và thách thức trong phát huy phẩm chất “Bộ đội cụ Hồ” của giảng viên khoa học xã hội nhân văn. Từ đó, bài viết đề xuất hoàn thiện hệ thống tiêu chí đánh giá, xây dựng chương trình bồi dưỡng chuyên sâu và cải thiện môi trường sư phạm để hỗ trợ giảng viên phát huy tốt nhất phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”. Những nghiên cứu này bổ sung luận cứ quan trọng cho việc xem xét nhà giáo quân đội như một nhân tố trung tâm trong hệ thống văn hóa giáo dục, đồng thời gợi mở những hướng đi thiết thực trong xây dựng môi trường giáo dục toàn diện, chính quy, chuẩn mực và giàu tính nhân văn.

Như vậy, các nghiên cứu liên quan đã phần nào chạm tới những khía cạnh của văn hóa giáo dục trong quân đội: từ hệ giá trị đến văn hóa sư phạm và môi trường giáo dục đặc thù. Tuy nhiên, những công trình này mới chỉ tập trung vào từng khía cạnh riêng lẻ, chưa có nghiên cứu nào đi sâu phân tích toàn diện và hệ thống văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội dưới góc độ văn hóa học.

1.1.3. Đánh giá chung và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

Việc tổng quan các công trình trên cho thấy vấn đề văn hóa giáo dục trước đây hầu hết chỉ được đề cập trong các công trình nghiên cứu lý luận chung về văn hoá. Tuy nhiên, từ cuối thế kỷ XX, văn hóa giáo dục trở thành lĩnh vực nghiên cứu độc lập với nhiều chuyên luận khai thác từ nhiều góc độ và cách tiếp cận khác nhau.

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu về văn hóa giáo dục nói chung, văn hóa giáo dục trong nhà trường nói riêng đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trên cả phương diện lý luận và thực tiễn. Các học giả đã làm sáng tỏ khái niệm, bản chất, đặc điểm, vai trò của văn hóa giáo dục, khẳng định văn hóa là yếu tố thành công của nền giáo dục. Nhiều nghiên cứu nhấn mạnh vai trò cốt lõi của văn hóa trong việc tạo dựng môi trường học tập hiệu quả, phát triển con người toàn diện, đề cao bản sắc văn hóa trong giáo dục với thích ứng toàn cầu coi đó là con đường phát triển bền vững cho các nền giáo dục đương đại. Trong lĩnh vực văn hóa giáo dục trong nhà trường, các nghiên cứu đã tạo dựng nền tảng lý luận vững chắc và chỉ ra tầm quan trọng của văn hóa đối với hiệu quả giáo dục. Những công trình này nhấn mạnh: văn hóa là yếu tố nền tảng, cần được các nhà lãnh đạo chú trọng để thúc đẩy cải thiện toàn diện và bền vững trong giáo dục. Nhiều mô hình và lý thuyết được triển khai để nhận diện cấu trúc của văn hóa trong nhà trường.

Tại Việt Nam, sau Nghị quyết 29/NQ-TW (2013) của Đảng, việc nghiên cứu và xây dựng văn hóa trong các nhà trường được đẩy mạnh, coi đây là động lực để đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo. Quan niệm về văn hóa giáo dục có sự phát triển cả về nhận thức và phương pháp tiếp cận. Văn hóa giáo dục trong nhà trường vừa là “cái nôi” để “ươm mầm” và phát triển nhân cách văn hóa, vừa tạo ra sức mạnh nội tại nâng cao chất lượng GD - ĐT, đồng thời hình thành bản sắc giúp nhà trường phát triển bền vững.

Thứ hai, đối với nhà trường quân đội, các công trình góp phần khẳng định tầm quan trọng của văn hóa trong giáo dục quân sự, nhấn mạnh yêu cầu xây dựng môi trường văn hóa sư phạm quân sự giàu bản sắc, tiên tiến, hiện đại

nhằm bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức, năng lực toàn diện cho cán bộ, giảng viên, học viên. Tuy nhiên, nhìn tổng thể, các nghiên cứu hiện có mới chỉ tập trung vào từng mảng hoặc từng chủ thể riêng lẻ; chưa có công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện, hệ thống về văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội từ góc độ văn hóa học. Điều này dẫn đến khoảng trống cả về lý luận và thực tiễn cần tiếp tục được nghiên cứu chuyên sâu.

Về phương diện lý luận: luận án luận giải khái niệm, cấu trúc, vai trò của văn hóa giáo dục trong môi trường quân sự; đề xuất khung phân tích tích hợp bốn thành tố (hệ giá trị văn hóa, nhân cách văn hóa, thực hành văn hóa, yếu tố ngoại hiện) dưới góc nhìn của lý thuyết cấu trúc - chức năng, mô hình “củ hành tây” của G. Hofstede và quan điểm của Đảng, quân đội về giáo dục.

Về phương diện thực tiễn: luận án nhận diện bối cảnh tác động đến văn hóa giáo dục quân sự, khảo sát thực tiễn để đánh giá khách quan, khoa học về văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội hiện nay.

Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các công trình đi trước, luận án tập trung giải quyết các vấn đề còn bỏ ngỏ qua đó góp phần phát triển hệ thống lý luận và thực tiễn về văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội hiện nay.

1.2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ VĂN HÓA GIÁO DỤC TRONG NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI

1.2.1. Khái niệm văn hóa giáo dục

Từ góc độ văn hóa học, giáo dục được xem là một tiểu hệ thống của văn hóa, nơi các giá trị, tri thức, kỹ năng của xã hội được truyền thụ và tái tạo không ngừng. Trên cơ sở đó, có thể tiếp cận văn hóa giáo dục như sự kết hợp hữu cơ giữa hai khái niệm “văn hóa” và “giáo dục”. Đó là hệ thống giá trị - hoạt động vừa mang tính phổ quát của văn hóa dân tộc, vừa có nét riêng của lĩnh vực giáo dục. Tuy nhiên, cách tiếp cận này chưa bao quát hết chiều sâu và sự phức tạp của khái niệm văn hóa giáo dục, do đó, luận án xem xét một số khái niệm tiêu biểu từ nhiều góc độ khác nhau để làm sáng tỏ nội hàm khái niệm này.

Tiếp cận từ các đặc trưng cơ bản của văn hóa, các tác giả Miyazawa và O. A. Radugina xem xét khái niệm văn hóa giáo dục dưới góc độ lịch sử và bản

sắc văn hóa cộng đồng. Miyazawa quan niệm: "Văn hóa giáo dục là một lối sống lịch sử liên quan đến việc nuôi dưỡng thế hệ kế tiếp được hình thành và chia sẻ trong cộng đồng" [dẫn theo 113, tr.23]. Khi nhận định văn hóa giáo dục liên quan đến "lối sống lịch sử" và "việc nuôi dưỡng thế hệ kế tiếp", Miyazawa đã đi sâu vào bản chất và chức năng của giáo dục, đặc biệt là ảnh hưởng của tính lịch sử và bản sắc văn hoá đến cách thức tổ chức và hoạt động giáo dục. Theo nghĩa này, giáo dục như một phương tiện chủ yếu để chuyển giao các giá trị, kỹ năng, kiến thức từ thế hệ trước sang thế hệ sau, đảm bảo sự phát triển bền vững và tính liên tục của xã hội. Văn hóa giáo dục đóng vai trò cầu nối giữa các thế hệ, đảm bảo việc duy trì và phát triển các giá trị cốt lõi của cộng đồng. Tương tự, O. A. Radugina cho rằng văn hóa giáo dục có mối quan hệ chặt chẽ với văn hóa dân tộc. Radugina quan niệm:

"Văn hóa giáo dục của một xã hội là không gian của những hình thức, chuẩn mực, giá trị vật chất và lý tưởng cụ thể trong đó diễn ra quá trình bộc lộ tính dân tộc của sức mạnh bản chất trong con người. Văn hóa giáo dục không chỉ là một chỉ tiêu đánh giá trình độ học vấn của người dân cả nước, mà còn là một trong các chỉ tiêu quan trọng đánh giá sự phát triển của xã hội ở một giai đoạn lịch sử cụ thể." [109]

Quan niệm của Radugina nhấn mạnh hai điểm: (1) văn hóa giáo dục bao gồm cả giá trị vật chất và giá trị tinh thần (lý tưởng, chuẩn mực mà xã hội hướng đến); (2) văn hóa giáo dục là thước đo đánh giá không chỉ trình độ cá nhân mà còn phản ánh mức độ tiến bộ và phát triển của quốc gia trong một giai đoạn lịch sử. Như vậy, văn hóa giáo dục vừa mang bản sắc dân tộc, vừa là chỉ báo quan trọng về tiến bộ xã hội. Tính dân tộc và tính lịch sử được xem là đặc trưng cốt lõi của văn hóa giáo dục.

Tiếp cận văn hóa giáo dục như văn hóa của một tổ chức giáo dục, Roland Barth, sáng lập viên tổ chức các hiệu trưởng tại Harvard Graduate School of Education (HGSE) quan niệm: "Văn hóa giáo dục được định nghĩa là một tập hợp thiết lập bởi các niềm tin, thái độ, giá trị, chuẩn mực, mối quan hệ, mục

tiêu và thực hành đặc trưng cho một cơ quan hoặc tổ chức giáo dục” [dẫn theo 55, tr.29]. Định nghĩa này nhấn mạnh mỗi trường học hay cơ sở giáo dục đều có nền văn hóa tổ chức riêng, thể hiện qua hệ thống tư duy, hành vi, quan hệ xã hội và mục tiêu chung. Nói cách khác, văn hóa giáo dục không chỉ là hoạt động dạy - học mà còn phản ánh *hệ sinh thái xã hội* của tổ chức giáo dục đó. Tuy vậy, cách gọi văn hóa giáo dục là một “tập hợp” các yếu tố chưa chính xác. Trên thực tế, các thành tố “niềm tin, thái độ, giá trị, chuẩn mực, mối quan hệ, mục tiêu và thực hành” có mối quan hệ chặt chẽ và phụ thuộc lẫn nhau, tạo thành một hệ thống thống nhất chứ không phải tập hợp rời rạc. Hơn nữa, văn hóa giáo dục của một nhà trường tuy mang sắc thái riêng nhưng vẫn chịu sự chi phối bởi văn hoá dân tộc và bối cảnh chung, do đó nếu xem nó là “đặc trưng cho một cơ quan hoặc một tổ chức giáo dục” vô hình chung đã thu hẹp phạm vi khái niệm, tách rời văn hóa giáo dục nhà trường khỏi bối cảnh rộng lớn hơn.

Tại Việt Nam, các nhà nghiên cứu chủ yếu xem xét văn hóa giáo dục ở bối cảnh văn hóa xã hội, khẳng định văn hóa giáo dục là một thành tố cơ bản và cốt lõi của nền văn hóa dân tộc. Trong các nghiên cứu lý luận và thực tiễn, khái niệm văn hóa giáo dục được tiếp cận ở nhiều góc độ, trong đó, nổi bật là 2 hướng: tiếp cận văn hóa giáo dục như những *thuộc tính văn hóa* tốt đẹp trong hệ thống giáo dục và tiếp cận ở góc độ *hệ thống giá trị*.

Tiêu biểu cho hướng tiếp cận thứ nhất là quan niệm của tác giả Nguyễn Kim Sơn và Nguyễn Hoa Mai. Từ “văn hóa” trong các quan niệm này được dùng như một *tính từ* để chỉ cách thức vận hành của hệ thống giáo dục hướng đến những giá trị văn hóa tốt đẹp, mang tính chân - thiện - mỹ. Tác giả Nguyễn Kim Sơn phát biểu: “Nói tới văn hóa giáo dục là nói tới biểu hiện chất lượng và sự tốt đẹp nằm trong các thành tố, các quá trình, các định hướng và các giá trị của giáo dục.... Văn hóa giáo dục là nền giáo dục được tổ chức, vận hành, nhằm đạt tới các chuẩn và các giá trị của giáo dục” [73, tr.168]. Tác giả Nguyễn Hoa Mai định nghĩa: “Văn hoá giáo dục là một bộ phận của nền văn hoá, bao gồm toàn bộ các hoạt động giáo dục có sự thâm thấu các thuộc tính, đặc trưng,

trình độ văn hoá mà chủ thể giáo dục tiếp thu và sáng tạo nên, hướng đến hệ thống giá trị, chuẩn mực nào đó, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của nền văn hoá.” [64, tr. 13]. Theo các tác giả, văn hóa giáo dục là nền giáo dục thấm đẫm các giá trị văn hóa tốt đẹp, được vận hành hướng đến việc hiện thực hóa những chuẩn mực, giá trị. Nội hàm của văn hóa giáo dục chính là các thuộc tính, đặc trưng, trình độ văn hoá thẩm thấu vào toàn bộ nền giáo dục, với ngoại diên là văn hoá của chủ thể giáo dục gồm: nhà quản lý, người dạy, người học.

Ở hướng tiếp cận thứ hai, nhiều tác giả nhấn mạnh văn hóa giáo dục là một hệ thống giá trị được sáng tạo và tích lũy trong quá trình giáo dục. Các tác giả Trần Ngọc Thêm và Phạm Tất Dong tập trung vào các *giá trị tinh thần*, trong đó nhấn mạnh các giá trị như đạo đức, tri thức, tư duy, truyền thống, niềm tin, giá trị, chuẩn mực, các quan niệm và quy tắc ứng xử của văn hóa giáo dục. Trong khi đó, các nghiên cứu thực tiễn của tác giả Nguyễn Thị Thanh Huyền [55] và Trương Thị Lam Hà [27] quan niệm: “Văn hóa giáo dục là hệ thống các *giá trị vật chất và tinh thần* do con người sáng tạo và tích lũy trong quá trình hoạt động giáo dục” [55, tr.31]. Việc phân chia các giá trị văn hóa vật chất và tinh thần này mang tính khái quát cao, bao quát toàn bộ hệ thống giá trị văn hóa trong hoạt động giáo dục. Tuy nhiên cách định nghĩa này còn chung chung chưa làm rõ cấu trúc, vai trò của văn hóa giáo dục.

Nhìn chung, các nhà nghiên cứu đã làm sáng tỏ nội hàm khái niệm văn hóa giáo dục trên nhiều khía cạnh khác nhau góp phần xây dựng một bức tranh đầy đủ và sâu sắc về văn hóa giáo dục, trong đó mỗi quan điểm bổ sung và làm phong phú thêm cho nghiên cứu lý luận về văn hóa giáo dục. Kế thừa và tiếp thu các quan điểm của các nhà nghiên cứu, nghiên cứu sinh quan niệm:

Văn hóa giáo dục là hệ thống các giá trị, hình mẫu nhân cách, thực hành văn hóa và yếu tố ngoại hiện được sáng tạo, tích lũy, chia sẻ trong quá trình giáo dục, chi phối và định hướng hoạt động giáo dục nhằm đạt tới các mục tiêu phát triển con người, thúc đẩy sự phát triển nhân văn và bền vững của xã hội.

Văn hóa giáo dục là một tiểu hệ thống của văn hóa - nơi các giá trị, tri thức, kỹ năng của xã hội được truyền thụ và tái tạo không ngừng. Khác với văn hóa truyền thống đơn thuần, văn hóa giáo dục mang tính mục đích, có tổ chức, có định hướng và đóng vai trò kiến tạo xã hội, hướng đến phát triển con người trở thành những nhân cách toàn diện, vừa có tri thức, kỹ năng, vừa có đạo đức và năng lực sống trong một thế giới đa dạng, phức tạp. Do đó, nó không chỉ là kết quả hay sản phẩm của hoạt động giáo dục, mà còn chi phối, định hướng cách nghĩ, cách cảm và cách ứng xử của các chủ thể trong môi trường giáo dục.

Văn hóa giáo dục mang tính dân tộc đậm nét, thể hiện qua cách giáo dục truyền tải, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa, từ đó xây dựng nên hệ thống các giá trị và chuẩn mực đặc trưng cho cộng đồng, dân tộc đó. Mặt khác, nó chịu ảnh hưởng sâu sắc của loại hình văn hóa và tâm lý dân tộc. Mỗi cộng đồng, dân tộc có nền văn hóa khác nhau thì sẽ có những mô thức giáo dục tương ứng với đặc trưng văn hóa của cộng đồng, dân tộc đó.

Văn hóa giáo dục có cấu trúc đa tầng, bao gồm nhiều yếu tố cấu thành và được biểu hiện ở nhiều tầng bậc khác nhau, từ các yếu tố hữu hình có thể quan sát được như kiến trúc, trang phục, logo.... đến những hình mẫu nhân cách, các thực hành giáo dục và ở cấp độ sâu nhất là các giá trị, chuẩn mực, niềm tin, truyền thống định hướng cho hành vi và tư duy của cộng đồng giáo dục. Những giá trị này được sáng tạo, tích lũy và chia sẻ, là kết quả của một quá trình lịch sử lâu dài, được xây dựng và phát triển qua nhiều thế hệ, phản ánh bản sắc của cộng đồng và dân tộc. Tuy nhiên, nó không chỉ là sản phẩm của lịch sử mà còn có vai trò đảm bảo sự ổn định và phát triển của xã hội thông qua việc duy trì, tái tạo và phát triển các giá trị, chuẩn mực xã hội, đảm bảo tính liên tục của xã hội thông qua việc truyền tải tri thức và thúc đẩy tiến bộ xã hội.

Như vậy, văn hóa giáo dục phản ánh đặc trưng và trình độ phát triển của nền giáo dục trong một giai đoạn lịch sử nhất định, vừa mang tính đặc thù dân tộc vừa có khả năng thích ứng với sự phát triển toàn nhân loại. Văn hóa giáo dục có vai trò quan trọng trong việc ổn định và tái tạo xã hội, thúc đẩy sự phát triển bền vững của xã hội.

1.2.2. Quan niệm văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội

1.2.2.1. Khái niệm văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội

Nhà trường quân đội là một thiết chế giáo dục đặc thù trong hệ thống giáo dục quốc dân, nơi diễn ra quá trình đào tạo, huấn luyện đội ngũ sĩ quan kế cận trong Quân đội. Vì vậy, văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội vừa mang đầy đủ những đặc điểm chung của văn hóa giáo dục, vừa kết hợp chặt chẽ với văn hóa quân sự, hình thành nên những sắc thái riêng biệt. Nhà trường quân đội vừa đảm nhận vai trò truyền thụ tri thức chuyên môn vừa là cái nôi nuôi dưỡng, kiến tạo những giá trị văn hóa giáo dục quân sự đặc thù, góp phần quan trọng trong việc hình thành nhân cách người quân nhân, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong quân đội.

Trên cơ sở khái niệm về văn hóa giáo dục kết hợp với đặc điểm nhà trường quân đội, NCS quan niệm:

Văn hóa giáo dục trong nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam là hệ thống các giá trị, nhân cách văn hóa, thực hành văn hóa và yếu tố ngoại hiện được sáng tạo, tích lũy, chia sẻ trong quá trình giáo dục quân sự, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, phát triển nhân cách quân nhân và thúc đẩy nền giáo dục quân sự phát triển nhân văn, bền vững.

Văn hóa giáo dục được các thế hệ cán bộ, giảng viên, học viên trong nhà trường quân đội sáng tạo, tích lũy và chia sẻ trong quá trình giáo dục quân sự dưới sự tác động của bối cảnh văn hóa xã hội và môi trường văn hóa quân sự. Các giá trị này không phải là một tập hợp rời rạc của các yếu tố riêng lẻ mà là hệ thống những thành tố có mối quan hệ chặt chẽ, biện chứng với nhau để hình thành một chỉnh thể thống nhất.

Văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội là một “tiểu văn hoá”, một bộ phận của văn hoá giáo dục dân tộc, phản ánh, gìn giữ bản sắc, giá trị và truyền thống giáo dục của dân tộc đồng thời tạo lập nên hệ giá trị mang đặc điểm riêng của môi trường sư phạm quân sự có nền nếp, có kỷ luật, kỷ cương

theo điều lệnh, điều lệ, quan hệ chỉ huy - phục tùng, tình cảm đồng chí, đồng đội gắn bó, tinh thần sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì Tổ quốc, vì Nhân dân.

Văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội có tính vừa thống nhất vừa đa dạng. Mỗi nhà trường có lịch sử hình thành, không gian biểu tượng và đặc thù đào tạo chuyên ngành khác nhau tạo nên nét khác biệt về văn hóa và phong cách giáo dục.

Văn hóa giáo dục có đóng góp quan trọng trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả GD - ĐT, thúc đẩy sự phát triển bền vững, nhân văn trong môi trường giáo dục quân sự. Nhờ vai trò khung giá trị định hướng hành vi, văn hóa giáo dục được xem là nguồn lực chiến lược trong phát triển nhân lực quân đội hiện đại, góp phần trực tiếp vào sự nghiệp bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, và hòa bình đất nước.

1.2.2.2. Cấu trúc của văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội

Vận dụng quan điểm lý thuyết cấu trúc - chức năng kết hợp với mô hình văn hóa “củ hành tây” của Geert Hofstede, luận án phân chia cấu trúc của văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội thành 4 lớp: (1) thang bậc giá trị văn hóa; (2) nhân cách văn hóa; (3) thực hành văn hóa; (4) yếu tố ngoại hiện. Tất cả thành tố này liên kết với nhau tạo nên diện mạo và sắc thái riêng của nhà trường quân đội, đồng thời đóng góp vào truyền thống chung của văn hóa quân sự Việt Nam.

**** Thang bậc giá trị văn hóa giáo dục***

Đây là tầng sâu nhất, hình thành nên bản chất của văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội. Theo nghĩa rộng, giá trị là những cái mà con người coi là tốt đẹp, quan trọng, đáng mong muốn trong cuộc sống. Giá trị là những chuẩn mực định hướng cho hành vi, lối sống, cách ứng xử. Phạm Minh Hạc định nghĩa: “Giá trị là cái quy định mục đích của hoạt động” [dẫn theo 64, tr.40]. Như vậy, giá trị là *cái bên trong quy định cái bên ngoài*, chi phối mục đích hoạt động của con người. Trong mô hình văn hóa “củ hành”, Hofstede coi giá trị là hạt nhân của văn hóa, các yếu tố vòng ngoài chịu ảnh hưởng của hạt nhân này.

Tất cả hoạt động và các yếu tố khác trong cấu trúc văn hóa giáo dục đều nhằm mục tiêu củng cố và phát huy những giá trị này.

Trong nhà trường quân đội, hệ giá trị văn hóa mang tính thang bậc vì có sự phân tầng từ phổ quát đến đặc thù, từ giá trị lý tưởng đến giá trị cụ thể, bao gồm: (1) giá trị văn hóa giáo dục của dân tộc, tiêu biểu là hiếu học, “tôn sư trọng đạo” mang tính kế thừa, ổn định; (2) Giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” mang tính chuẩn mực, kỷ cương; (3) Giá trị riêng của mỗi nhà trường mang tính định vị, đổi mới. Đây là một hệ thống giá trị bao gồm những giá trị tư tưởng, chuẩn mực, truyền thống giáo dục được nhà trường chia sẻ và đề cao.

Với cơ chế duy trì và lan tỏa qua nhận thức, hành vi, tình cảm, thái độ, thang bậc giá trị giúp định hình bản sắc của văn hóa giáo dục quân sự nói chung và sắc thái văn hóa của từng nhà trường quân đội nói riêng.

**** Nhân cách văn hóa***

Mục tiêu của giáo dục là phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất, xây dựng nhân cách con người phù hợp với thang bậc giá trị của xã hội, do đó nhân cách là yếu tố quan trọng của văn hóa giáo dục. Nhân cách xuất hiện khi con người hoạt động tương tác với cộng đồng xã hội và bị chi phối, ảnh hưởng bởi các vấn đề vừa mang tính cá nhân vừa mang tính xã hội.

Nhân cách văn hóa là sự kết tinh của tri thức, phẩm chất và năng lực con người. Đó là sản phẩm của quá trình xã hội hóa và truyền thụ văn hóa, bởi vì, giáo dục không chỉ truyền tải kiến thức mà còn truyền tải những giá trị văn hóa, đạo đức, thẩm mỹ và lối sống. Nhân cách văn hóa phản ánh sự tiếp nhận và chuyển hóa các giá trị này vào cá nhân, đó là “mức độ phù hợp giữa hệ thống giá trị và thước đo giá trị của từng người với hệ thống giá trị và thước đo giá trị của cộng đồng, xã hội. Mức độ phù hợp càng cao, văn hóa càng cao” [28, tr.72].

Trong nhà trường quân đội, nhân cách văn hóa là nhân cách của giảng viên, học viên, cán bộ quản lý, những người vừa là chủ thể vừa là sản phẩm của nền văn hóa giáo dục quân sự đặc thù. Đó là tổng hòa các tri thức, phẩm chất, năng lực của của giảng viên, học viên, cán bộ quản lý được hình thành, rèn

luyện và phát triển trong lĩnh vực giáo dục quân sự, thể hiện qua mức độ thấm nhuần các giá trị, chuẩn mực văn hóa của họ. Hệ thống nhân cách văn hóa trong nhà trường quân đội có thể hình dung trên hai cấp độ: cấp cá nhân và cấp tổ chức. Ở cấp cá nhân, mỗi giảng viên, CBQLHV, học viên đều có nhân cách riêng được định hướng, bồi dưỡng để đạt những tiêu chuẩn nhân cách mà nhà trường hướng tới xây dựng. Ở cấp độ tổ chức, mỗi nhà trường quân đội hình thành nên những mẫu hình nhân cách mang sắc thái riêng, chính là tổng hòa nhân cách của các thành viên và truyền thống tập thể.

Nhân cách văn hóa của giảng viên, CBQLHV, học viên trong nhà trường quân đội có những nét đặc thù, không chỉ thể hiện quan niệm về thang bậc giá trị của mỗi cá nhân trong môi trường giáo dục, phản ánh phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị, năng lực cá nhân mà còn kết tinh bản sắc văn hóa dân tộc, truyền thống QĐNDVN, phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” trong môi trường sư phạm quân sự nhằm hình thành những cá nhân vừa hồng vừa chuyên, có đủ đức, đủ tài để phục vụ nhân dân và bảo vệ Tổ quốc.

**** Thực hành văn hóa giáo dục***

Nếu hệ giá trị là “phần mềm” định hướng, nhân cách vừa là chủ thể vừa là “sản phẩm” đầu ra thì các thực hành văn hóa giáo dục chính là “phần cứng” vận hành và hiện thực hóa văn hóa trong thực tiễn. Trong nhà trường quân đội, thực hành văn hóa giáo dục bao gồm nhiều mặt phong phú, từ dạy - học, nghiên cứu khoa học đến giáo dục chính trị, tư tưởng, hoạt động rèn luyện, huấn luyện quân sự và các phong trào, văn nghệ, thể dục thể thao. Những hoạt động này vừa mang chức năng truyền đạt tri thức, kỹ năng, vừa truyền bá hệ giá trị văn hóa quân sự, định hình nhân cách người học một cách sinh động. Đây vừa là phương tiện truyền tải văn hóa, vừa là công cụ điều chỉnh giá trị văn hóa theo thời gian. Đó là quá trình truyền tải, tiếp nhận và thực hành các giá trị văn hóa đặc trưng của dân tộc và quân đội, nhằm hình thành và phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực cho đội ngũ sĩ quan tương lai.

Thực hành là trục vận hành của văn hóa giáo dục quân sự, là cơ chế hiện

thực hóa giá trị trong thực tiễn, rèn giũa nhân cách người học, duy trì nề nếp và truyền thống, đồng thời cho phép văn hóa thích nghi với bối cảnh mới. Một nền văn hóa giáo dục quân sự mạnh là nền văn hóa có các hoạt động giáo dục hiệu quả, phong phú, thấm đượm màu sắc quân sự đặc trưng. Thông qua hoạt động, các giá trị văn hóa được sáng tạo, thẩm thấu, lan toả vào mọi quân nhân, mọi thành tố, quá trình và các mối quan hệ trong môi trường giáo dục quân sự, giúp nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ GD-ĐT nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

*** *Yếu tố ngoại hiện***

Yếu tố ngoại hiện là phần “vỏ ngoài” dễ nhận biết của văn hóa giáo dục. Đó là hình thức biểu hiện bề ngoài có thể nhìn thấy, nghe thấy và cảm nhận được khi bước vào môi trường giáo dục. Yếu tố ngoại hiện tương đồng với quan niệm về “biểu tượng” của Hofstede, đó là “từ ngữ, điệu bộ, tranh ảnh hoặc các sự vật mang một ý nghĩa cụ thể được công nhận bởi những người có chung nền văn hóa” [24, tr.27]. Trong nhà trường quân đội, yếu tố ngoại hiện văn hóa giáo dục bao gồm toàn bộ những biểu hiện trực quan như không gian kiến trúc, cảnh quan, trang phục, biểu trưng và nghi lễ. Những yếu tố này thể hiện rõ nét đặc trưng văn hóa nhà trường quân đội, in đậm dấu ấn quân sự với tính tập thể, tính chính quy và kỷ luật cao.

Các yếu tố ngoại hiện đóng vai trò phản chiếu giá trị văn hóa bên trong. Chúng làm cho những giá trị vô hình trở nên hữu hình hơn và cảm nhận được, từ đó dễ truyền đạt và củng cố hơn. Chúng có vai trò nhận diện văn hóa, phản ánh mục tiêu, giá trị cốt lõi của nhà trường và tác động trực tiếp đến nhận thức, hành vi của các thành viên trong môi trường giáo dục quân sự. Nói cách khác, chúng là công cụ mạnh mẽ truyền tải ý nghĩa, kết nối các cá nhân với lý tưởng chung, là phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ có khả năng tác động sâu sắc đến nhận thức, tình cảm và hành vi của mỗi cá nhân trong tập thể. Yếu tố ngoại hiện góp phần hun đúc tinh thần tập thể, ý thức kỷ luật, lòng trung thành và ý chí phấn đấu, từ đó góp phần xây dựng hình ảnh quân đội chính quy, tinh nhuệ và hiện đại, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc.

1.2.2.3. Vai trò của văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội

** Văn hóa giáo dục là động lực nội sinh góp phần nâng cao chất lượng GD-ĐT, thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong quân đội*

Vai trò quan trọng của văn hóa giáo dục trong các nhà trường quân đội thể hiện ở việc quyết định chất lượng đào tạo sĩ quan, quân nhân cách mạng. Nhiều nghiên cứu văn hóa tổ chức hiện đại khẳng định: khi văn hóa được thâm nhuần, năng suất và chất lượng đào tạo sẽ tăng lên một cách rõ rệt. Môi trường giáo dục giàu bản sắc văn hóa không chỉ giúp duy trì trật tự và tinh thần trách nhiệm, mà còn tạo nên động lực nội sinh thúc đẩy người học phát triển toàn diện. Các phong trào thi đua, hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt tập thể và nghi lễ tôn vinh... đóng vai trò như “chất xúc tác” để quá trình đào tạo diễn ra hiệu quả hơn. Hơn nữa, văn hóa giáo dục còn giúp bồi dưỡng lòng tự hào về nhà trường, quân đội, dân tộc từ đó gia tăng sự gắn bó và sẵn sàng cống hiến của quân nhân đối với sự nghiệp chung.

Nguồn nhân lực chất lượng cao trong quân đội không chỉ đòi hỏi trình độ chuyên môn, kỹ năng tác chiến, mà còn yêu cầu phẩm chất chính trị, tư duy phản biện, khả năng thích ứng linh hoạt và tinh thần trách nhiệm xã hội cao. Văn hóa giáo dục là môi trường lý tưởng để phát triển toàn diện những năng lực đó. *Thứ nhất*, thông qua việc giáo dục lý tưởng cách mạng, truyền thống dân tộc và tinh thần cống hiến, văn hóa giáo dục giúp bồi dưỡng tình cảm, thái độ phục vụ đất nước, ý chí lập công và bản lĩnh vượt khó khăn, gian khổ - những yếu tố then chốt của nguồn nhân lực chất lượng cao trong quân đội. *Thứ hai*, môi trường văn hóa kỷ luật, tập thể, thống nhất cao tạo điều kiện để hình thành năng lực làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, năng lực ra quyết định và xử lý tình huống - năng lực không thể thiếu trong bối cảnh tác chiến hiện đại. *Thứ ba*, văn hóa giáo dục nuôi dưỡng tư duy đổi mới, tinh thần tự học, và năng lực hội nhập, qua đó nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển con người toàn diện.

Văn hóa giáo dục không chỉ là “nội dung mềm” mà còn là nguồn lực chiến lược cho sự nghiệp xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ,

hiện đại, góp phần xây dựng đội ngũ sĩ quan, cán bộ, quân nhân vững vàng về phẩm chất, giỏi về năng lực và giàu bản sắc văn hóa dân tộc.

** Văn hóa giáo dục là cầu nối giữa quá khứ - hiện tại - tương lai*

Nhà trường quân đội không đơn thuần là nơi đào tạo quân nhân mà còn là cái nôi hình thành phẩm chất, đạo đức và tư tưởng cho thế hệ trẻ. Nhà trường có vai trò quyết định trong việc truyền tải văn hóa quân sự và giáo dục những giá trị truyền thống đến từng học viên, đảm bảo mỗi thế hệ học viên khi ra trường đều thấm nhuần giá trị văn hóa quân sự, phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”. Văn hóa giáo dục giúp các giá trị, chuẩn mực, truyền thống của quân đội, nhà trường được truyền lại từ thế hệ này sang thế hệ khác, là cầu nối giữa quá khứ và hiện tại. Thông qua giáo dục, các giá trị, kinh nghiệm và tri thức tích lũy trong lịch sử sẽ được duy trì và phát triển. Đồng thời, nó duy trì sự ổn định và liên tục của các thế hệ học viên thông qua việc giáo dục các thành viên về các quy định, luật lệ và trách nhiệm trong nhà trường.

Trong bối cảnh hội nhập và cách mạng công nghiệp 4.0, hệ giá trị xã hội đang có những biến động mạnh mẽ. Điều này đặt ra yêu cầu cần bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của quân đội, đồng thời tích hợp các yếu tố hiện đại, tinh thần dân chủ, tư duy phản biện trong môi trường giáo dục. Văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội chính là cầu nối giữa truyền thống và hiện đại, giữa kỷ cương và sáng tạo, giữa tính tổ chức và tinh thần nhân văn. Thông qua văn hóa, nhà trường quân đội có thể đảm bảo sự thích nghi mềm dẻo với bối cảnh mới mà không đánh mất bản sắc cốt lõi của mình.

Văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội là hệ thống giá trị vừa mang tính phổ quát của dân tộc vừa mang tính đặc thù của môi trường giáo dục quân sự. Nó có vai trò thiết yếu, vừa định hình, duy trì bản sắc, vừa là nguồn lực nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường, vừa là “chất keo” gắn kết truyền thống với thế hệ kế cận, giữ gìn, phát huy hệ thống giá trị văn hóa của quân đội.

** Văn hóa giáo dục là nền tảng phát triển bền vững nền giáo dục quân sự*

Phát triển bền vững trong lĩnh vực giáo dục không chỉ là duy trì sự ổn định, mà còn đòi hỏi khả năng tự thích nghi, tự đổi mới và tự nâng cao chất

lượng một cách liên tục, trong khi vẫn giữ vững các giá trị cốt lõi. Đối với nền giáo dục quân sự, nơi gắn liền giữa đào tạo - chiến đấu - lý tưởng cách mạng - kỷ luật, thì văn hóa là điều kiện tiên quyết để đảm bảo sự phát triển bền vững về tư tưởng, tổ chức và chất lượng đào tạo.

Trước hết, văn hóa giáo dục giúp bảo tồn và phát triển giá trị truyền thống của quân đội trong bối cảnh hiện đại hóa và toàn cầu hóa. Những giá trị như trung với Đảng, hiếu với dân, tinh thần đoàn kết, dũng cảm, kỷ luật thép... được truyền tải không chỉ qua sách vở mà qua lễ nghi, nội dung, chương trình học tập, quy tắc ứng xử, tạo nên chuỗi giá trị văn hóa ổn định, liên tục và tự tái tạo qua các thế hệ. Văn hóa giáo dục cung cấp khung chuẩn mực cho mọi hoạt động trong nhà trường quân đội. Điều này đảm bảo rằng sự đổi mới về nội dung, phương pháp, công nghệ giảng dạy luôn đặt trong giới hạn giá trị quân sự - chính trị - đạo đức cách mạng.

Đồng thời, văn hóa giáo dục là chất xúc tác thúc đẩy năng lực tự hoàn thiện của hệ thống giáo dục quân sự. Một nhà trường có văn hóa học tập tích cực, dân chủ, kỷ cương, nhân văn sẽ tạo điều kiện thuận lợi để giảng viên đổi mới phương pháp, học viên chủ động lĩnh hội, cán bộ lãnh đạo tăng cường trách nhiệm quản lý. Đây chính là cơ chế nội sinh bền vững mà không cần phụ thuộc hoàn toàn vào các chỉ đạo hành chính từ bên ngoài.

Cuối cùng, văn hóa là cơ sở để kết nối giáo dục quân sự với xã hội, thông qua các giá trị phổ quát như lòng yêu nước, trách nhiệm cộng đồng, tinh thần phụng sự, hiếu học, tôn sư trọng đạo. Khi giáo dục quân sự không tách rời mà hài hòa với văn hóa dân tộc và tiến trình giáo dục quốc gia, thì đó chính là dấu hiệu rõ ràng nhất của sự phát triển bền vững.

Tóm lại, văn hóa giáo dục là thành trì vững chắc bảo vệ nhà trường quân đội trước các biến động thời cuộc, đồng thời kiến tạo nền tảng giá trị - đạo đức - trí tuệ để nền giáo dục quân sự phát triển theo hướng ổn định, lâu dài và có bản sắc. Đây chính là biểu hiện điển hình của phát triển bền vững.

1.2.3. Các lý thuyết và quan điểm trong luận án

1.2.3.1. Lý thuyết cấu trúc - chức năng

Xuất phát từ những tiên đề của Bronisław Malinowski (1944), trường phái chức năng luận-cấu trúc do A. Radcliffe-Brown sau này là Talcott Parsons phát triển nhấn mạnh đến chức năng duy trì hệ thống xã hội của văn hóa. Nếu Malinowski xem xét sự khác biệt văn hóa là do nhu cầu khác nhau của con người, thì Radcliffe-Brown và Parsons quan niệm cấu trúc của mỗi xã hội riêng biệt quy định sự khác nhau về văn hóa. Cách tiếp cận này xem xã hội như một hệ thống phức tạp gồm nhiều bộ phận được tổ chức, liên kết chặt chẽ cùng hoạt động để duy trì sự ổn định và cố kết. Talcott Parsons sau đó đưa ra một mô hình hệ thống xã hội gồm bốn chức năng thiết yếu: (AGIL: Thích ứng, Mục tiêu, Hội nhập, Duy trì khuôn mẫu lặn). Trong đó, hệ thống văn hóa giữ vai trò duy trì các mẫu hình giá trị và định hướng ý nghĩa cho hành động, giúp xã hội ổn định và hội nhập lâu dài.

Khác với cách tiếp cận vĩ mô, tổng thể và thiên về tính hệ thống khép kín của Parsons, Robert K. Merton chủ trương phát triển các lý thuyết có phạm vi trung tầng - tức là có thể ứng dụng vào phân tích các thiết chế, lĩnh vực xã hội cụ thể, có thể kiểm chứng. Ông chỉ ra rằng, các quá trình xã hội thường có nhiều chức năng. Các chức năng hiện lộ là những hậu quả rõ ràng và có chủ đích của một hoạt động hay tổ chức, trong khi chức năng tiềm ẩn là hậu quả không quá rõ ràng và thường không chủ đích của một hoạt động. Merton khẳng định rằng để phân tích xã hội cần phân biệt rõ động cơ có ý thức (chức năng hiện lộ) và hệ quả khách quan không chủ ý (chức năng tiềm ẩn).

Merton cũng nghiên cứu hiện tượng lệch chuẩn qua lăng kính lý thuyết căng thẳng. Theo ông, nếu “mục tiêu xã hội được đề cao và phương tiện hợp pháp để đạt được chúng không tương ứng” hoặc không đủ thì sẽ xảy ra tình trạng căng thẳng cấu trúc dẫn đến một bộ phận cá nhân hành động để đạt được mục tiêu [122]. Ông cho rằng khi không đạt được mục tiêu qua con đường chính thức, con người có thể lựa chọn các kiểu thích nghi khác nhau. Merton

giải thích lệch chuẩn như hệ quả tất yếu của sự bất cân xứng giữa mục tiêu văn hóa cao cả và phương tiện thể chế hạn chế trong xã hội. Như vậy, Merton đã làm phong phú thêm lý thuyết cấu trúc-chức năng bằng cách cho phép phân tích cả các yếu tố tiềm ẩn, phi chức năng, hậu quả không dự định.

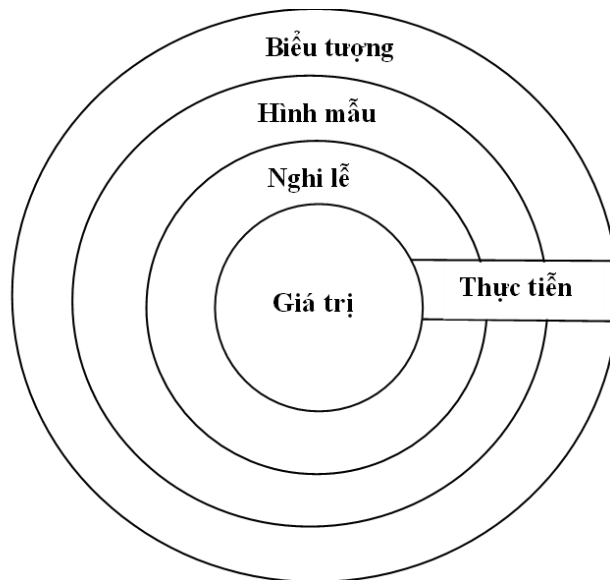
Trên cơ sở lý thuyết cấu trúc - chức năng, luận án xác định văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội là một tiểu hệ thống có mối quan hệ chặt chẽ với bối cảnh xã hội - quân sự. Các nhà trường vừa hoạt động trong khuôn khổ hệ thống quân đội, vừa thuộc hệ thống giáo dục quốc gia, vừa thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị quân đội, vừa đảm bảo yêu cầu chuyên môn chung của Bộ GD - ĐT. Cách tiếp cận này cũng cho phép luận án xác định *các thành tố* cấu thành và *vai trò* của văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội. Trong đó, các yếu tố văn hóa có mối quan hệ chặt chẽ, biện chứng với nhau để hình thành một *chính thể* thống nhất, đồng thời có những *chức năng* nhất định góp phần vào sự vận hành chung và duy trì sức mạnh của nhà trường. Bên cạnh đó, quan điểm của Merton giúp nhận diện và giải mã hiện tượng chính thức và ngầm ẩn trong văn hóa nhà trường quân đội, giúp phát hiện điểm hạn chế của môi trường đào tạo, từ đó điều chỉnh cho mục tiêu và phương tiện dạy học được thống nhất, tạo nên văn hóa giáo dục quân sự lành mạnh và hiệu quả hơn.

1.2.3.2. Quan điểm của Greert Hofstede về văn hóa và mô hình văn hóa “củ hành tây”

Trong cuốn sách “*Văn hoá và tổ chức: Phần mềm tư duy*” (1980) (2010), Geert Hofstede - nhà nghiên cứu văn hóa tổ chức người Hà Lan ví văn hoá như một hệ điều hành hay phần mềm được lập trình vào tư duy của con người. Hofstede định nghĩa văn hoá là “phương thức lập trình tư duy tập thể, giúp phân biệt các thành viên của nhóm hay lớp người này với thành viên của nhóm hay lớp người khác” [24, tr 24]. Quan niệm này nhấn mạnh tính tập thể, tính xã hội, tính bản sắc và tính định hướng giá trị của văn hóa trong đời sống con người. Văn hóa lập trình tư duy của con người, nó cung cấp khuôn mẫu để con người

nhận thức, đánh giá và hành động. Đồng thời, văn hóa đóng vai trò nhận diện, giúp phân biệt nhóm người này với nhóm người khác.

Cùng với định nghĩa văn hóa, Hofstede đề xuất một mô hình ẩn dụ nổi tiếng gọi là mô hình văn hóa “củ hành tây” để mô tả cấu trúc nhiều tầng lớp của văn hóa. Mô hình văn hóa “củ hành tây” lần đầu tiên xuất hiện trong cuốn sách *“Culture's Consequences”* (Hậu quả của văn hóa) (1980). Hofstede cho rằng: “Trong số nhiều thuật ngữ được sử dụng để mô tả các biểu hiện văn hóa, các thuật ngữ sau có khả năng bao phủ gần như toàn bộ khái niệm này, đó là biểu tượng, hình mẫu, lễ nghi và giá trị” [24, tr.26].



Sơ đồ 1.1. Sơ đồ “củ hành tây”: Biểu hiện của văn hóa ở các cấp độ [24, tr.27]

Mô hình văn hóa “củ hành tây” của Hofstede gồm các lớp từ ngoài vào trong: biểu tượng là phần trên cùng của văn hóa trong khi cấp độ sâu nhất là giá trị cốt lõi. Các tầng “hình mẫu”, “lễ nghi” nằm ở giữa.

Biểu tượng là lớp bên ngoài của củ hành đại diện cho những tín hiệu thị giác hoặc thính giác có thể hữu hình hoặc vô hình được sử dụng để truyền tải các thông điệp và ý nghĩa. Hình mẫu là những tấm gương, hình mẫu để người khác noi theo, giúp củng cố giá trị văn hóa và truyền đạt thông điệp về những gì được coi là "đúng" và "mẫu mực" trong một nền văn hóa. Nói rộng hơn, hình mẫu thể hiện quan niệm về nhân cách lý tưởng của một nền văn hóa. Nghi lễ là những hoạt động tập thể, lễ nghi, nghi thức mang tính chất truyền thống, chủ

yếu mang ý nghĩa biểu trưng, thể hiện giá trị và củng cố sự cố kết cộng đồng, có vai trò quan trọng trong việc duy trì và truyền đạt giá trị văn hóa.

Giá trị là lớp sâu nhất, quan trọng nhất, tạo nên nền tảng của mọi hành vi và suy nghĩ trong một nền văn hóa. Giá trị phản ánh những quan niệm sâu sắc về đúng, sai, tốt, xấu, quan trọng/ không quan trọng mà cộng đồng cùng đề cao, quyết định cách thức con người hành xử và đánh giá thế giới xung quanh. Giá trị được truyền qua nhiều thế hệ và không dễ dàng thay đổi.

Theo Hofstede, ngoại trừ giá trị nằm bên trong, biểu tượng, hình mẫu, nghi lễ được gọi chung là thực tiễn. Chúng biểu hiện ra bên ngoài, có thể được quan sát, truyền dạy và học hỏi thông qua tương tác xã hội. Mô hình củ hành nhấn mạnh muốn hiểu một nền văn hóa cần “bóc tách” các lớp biểu hiện bên ngoài để nhận diện những giá trị cốt lõi bên trong, vì giá trị là phần quyết định bản sắc văn hóa và chi phối các lớp còn lại.

Mô hình văn hóa củ hành của Hofstede giúp luận án nhận diện văn hóa giáo dục quân sự một cách toàn diện, đồng thời đi sâu vào bản chất không chỉ dừng ở các hiện tượng bề mặt. Theo tác giả Nguyễn Vũ Bích Hiền và các cộng sự: “Các cấp độ văn hóa được hình dung giống như các lớp vỏ của củ hành, có thể lần lượt bóc tách để tìm hiểu sâu hơn và cốt lõi là yếu tố giá trị thuộc về văn hóa dân tộc, giúp phân biệt nhóm người này với nhóm người khác” [36, tr. 54]. Kết hợp với cách tiếp cận cấu trúc - chức năng, luận án cho rằng mỗi yếu tố văn hóa đều có vai trò nhất định trong việc đáp ứng nhu cầu và duy trì sự ổn định của môi trường giáo dục quân sự.

1.2.3.3. Quan điểm của Đảng, Quân đội về giáo dục và đào tạo

**** Quan điểm của Đảng về văn hóa***

Ngay từ khi ra đời, Đảng luôn xác định văn hóa là lĩnh vực nền tảng, đóng vai trò định hướng giá trị và là động lực phát triển xã hội. Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991, bổ sung 2011) và các Nghị quyết Trung ương về văn hóa, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998) và Kết luận Hội nghị Trung ương 9 khóa XI (2014),

Đảng luôn nhấn mạnh: “*Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội*” [116]. Quan điểm này thể hiện tầm nhìn chiến lược về vị trí, vai trò của văn hóa vừa là nguồn lực nội sinh, là sức mạnh mềm của quốc gia, dân tộc. Văn hóa trở thành yếu tố chi phối, định hướng các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội, góp phần phát triển con người Việt Nam. Trên cơ sở đó, Đảng xác định mục tiêu chiến lược của công tác văn hóa là xây dựng và phát triển “*nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*” [116].

Từ Đại hội XI đến Đại hội XIII, Đảng chuyển trọng tâm từ xây dựng thiết chế văn hóa sang phát triển con người Việt Nam toàn diện. Bên cạnh đó, Đảng nhấn mạnh nhiệm vụ xây dựng môi trường văn hóa tốt đẹp, coi đó là không gian hình thành nhân cách, giá trị và chuẩn mực xã hội. Môi trường văn hóa bao gồm gia đình, nhà trường, cơ quan, cộng đồng và toàn xã hội, trong đó nhà trường là nơi trực tiếp bồi dưỡng, lan tỏa và tái tạo các giá trị văn hóa dân tộc. Đặc biệt, Đảng tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu: chú trọng xây dựng văn hóa trong chính trị, kinh tế; phát huy vai trò của văn hóa trong xây dựng Đảng, hệ thống chính trị, quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Quan điểm này mở rộng phạm vi ảnh hưởng của văn hóa, đặt văn hóa vào trung tâm của mọi lĩnh vực hoạt động xã hội, trong đó có GD - ĐT trong quân đội. Đồng thời, Đảng cũng đề ra định hướng phát triển mới: xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới, gắn với yêu cầu chuyển đổi số, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững.

Những quan điểm trên cho thấy tư duy lý luận về văn hóa của Đảng phát triển theo hướng toàn diện, nhân văn và hiện đại, phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thế giới, đồng thời khẳng định vị thế của văn hóa như một trụ cột của phát triển bền vững. Quan điểm của Đảng về văn hóa là kim chỉ nam để phát triển văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội, định hướng cho quá trình xây dựng môi trường văn hóa giáo dục tốt đẹp, phát triển nhân cách văn hóa người quân nhân cách mạng trong thời kỳ mới.

** Quan điểm của Đảng về giáo dục - đào tạo*

Thứ nhất, giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt của phát triển đất nước, quyết định tương lai dân tộc. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã đưa ra những quan điểm, định hướng quan trọng về GD-ĐT: “Phát triển giáo dục và đào tạo cùng với phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư cho phát triển” [17, tr.77]. Quan điểm này tiếp tục được nhấn mạnh trong Văn kiện các kỳ đại hội lần thứ XI (2013), XII (2016), XIII (2021). Đặc biệt, Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị “Về đột phá phát triển giáo dục - đào tạo” được coi là cột mốc chiến lược, tạo đột phá trong tư duy và thể chế của giáo dục Việt Nam. Nghị quyết khẳng định: “GD - ĐT là quốc sách hàng đầu, quyết định tương lai dân tộc” [5]. Như vậy, GD - ĐT là nhân tố quyết định tương lai, vận mệnh của dân tộc. Đây là đột phá trong tư duy, nhận thức và quyết tâm của Đảng, quyết liệt thay đổi mạnh mẽ về thể chế trong GD - ĐT.

Thứ hai, giáo dục hướng tới phát triển con người toàn diện: Quan điểm xuyên suốt của Đảng trong giáo dục con người là phát triển con người toàn diện về đức, trí, thể, mỹ và kỹ năng sống, trong đó “đức” được đặt lên hàng đầu.

Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng xác định rõ mục tiêu của giáo dục và đào tạo trong giai đoạn tới, nhằm xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, có sức khỏe, năng lực, trình độ, có ý thức, trách nhiệm cao đối với bản thân, gia đình, xã hội và Tổ quốc và “Chú trọng giáo dục phẩm chất, năng lực sáng tạo và các giá trị cốt lõi, nhất là giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, khơi dậy khát vọng phát triển, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [18, tr.136]. Giáo dục không chỉ có nhiệm vụ đào tạo con người có kiến thức mà phải tạo ra những công dân biết tư duy, có năng lực sáng tạo, khả năng giải quyết vấn đề và hành động có trách nhiệm với xã hội.

Thứ ba, đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, hướng đến hội nhập và hiện đại hóa. Nghị quyết 29-NQ/TW, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành

Trung ương khóa XI “*Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*” là mốc đổi mới chiến lược của nền giáo dục Việt Nam hiện đại. Nghị quyết đã xây dựng các quan điểm chỉ đạo; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhằm tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục đào tạo; đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân.

** Quan điểm của Quân đội về giáo dục và đào tạo*

Cụ thể hóa đường lối của Đảng, Bộ Quốc phòng đã ban hành nhiều văn bản đặt nền móng cho việc nâng cao chất lượng GD - ĐT trong tình hình mới. Gần đây, Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW ngày 20/12/2022 của Quân ủy Trung ương ban hành “*Về đổi mới công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng Quân đội trong tình hình mới*”. Nghị quyết khẳng định GD-ĐT là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, quan trọng hàng đầu của cấp ủy, chỉ huy các cấp. Tư tưởng chỉ đạo của nghị quyết là gắn nhà trường với chiến trường và đơn vị, gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng cán bộ, coi chất lượng GD-ĐT của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị. Để thực hiện điều đó, nghị quyết đề ra 10 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trong đó có nhiều giải pháp mang tính đột phá để đổi mới toàn diện, đồng bộ hệ thống nhà trường quân đội như: xây dựng phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, đào tạo; chuẩn hóa chương trình đào tạo; xây dựng hệ thống nhà trường quân đội tinh, gọn, mạnh, chuyên sâu, hiện đại.

Năm 2023, Bộ Quốc phòng đã phê duyệt hai đề án lớn về giáo dục, đó là: Đề án 3061 về “*Đổi mới quy trình, chương trình đào tạo cán bộ các cấp trong đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới*” (theo Quyết định số 3061/QĐ-BQP ngày 11/7/2023) và Đề án 3525 về “*Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trong Quân đội giai đoạn 2023-2030 và những năm tiếp theo*” (theo Quyết định số 3525/QĐ-BQP ngày 03/8/2023) của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Để triển khai và thực hiện đề án, ngày 16/01/2025, Tổng Tham mưu

trường ban hành Quyết định số 212/QĐ-TM về “*Khung năng lực giảng dạy của giảng viên giảng dạy trình độ đại học tại các học viện, trường Quân đội*”, trong đó, xác định 12 tiêu chuẩn và 56 tiêu chí dùng để hướng dẫn phát triển và đánh giá năng lực của giảng viên. Bộ Quốc phòng cũng ban hành các văn bản quy phạm cụ thể cho công tác giáo dục ở nhà trường quân đội. Điều lệ “*Công tác nhà trường QĐNDVN*” ban hành ngày 20/ 4/ 2016 là văn bản pháp quy quan trọng quy định về tổ chức, hoạt động của hệ thống nhà trường quân đội, trong đó, đề cao nguyên tắc GD-ĐT gắn với chiến đấu, xây dựng quân đội.

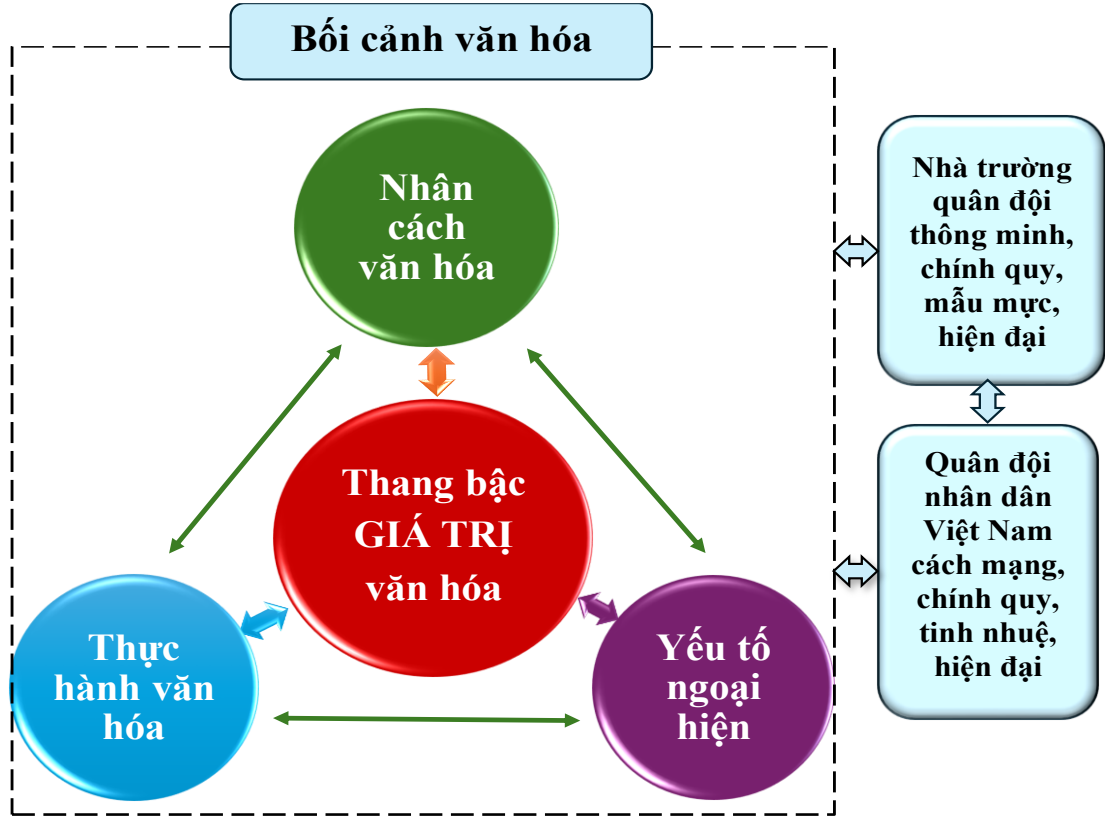
Ngoài ra, Quân ủy Trung ương ban hành Chỉ thị số 855-CT/QUTW (12/8/2019) về đẩy mạnh thực hiện Cuộc vận động “*Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ thời kỳ mới*” và Nghị quyết 847-NQ/NQTW (28/12/2021) về phát huy phẩm chất “*Bộ đội Cụ Hồ*”, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân trong tình hình mới. Trong phạm vi nhà trường quân đội, việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết này tích hợp với giáo dục truyền thống, giáo dục chính trị, tư tưởng vào quá trình đào tạo, nhằm xây dựng lớp cán bộ, học viên vừa giỏi chuyên môn, vừa kiên định về bản lĩnh chính trị và chuẩn mực về đạo đức, lối sống.

Những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, trực tiếp là Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng là cơ sở, tiền đề, tạo hành lang pháp lý quan trọng bảo đảm cho giáo dục quân sự phát triển đúng định hướng, phù hợp với các tiêu chí của nền giáo dục quốc dân. Các quan điểm này tạo nên khuôn khổ thuận lợi để phát triển văn hóa giáo dục quân sự hiện đại, tiên tiến mà vẫn giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc quân đội.

Việc phối hợp ba hệ lý luận nói trên cho phép luận án tiếp cận văn hóa giáo dục đa chiều ở cả hệ thống giá trị và hệ thống tổ chức nhà trường có tính thực hành và vận hành trong môi trường quân sự cụ thể. Qua đó, luận án không chỉ phân tích được bản chất và cấu trúc văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội, mà còn kiến giải được bối cảnh văn hóa, cơ chế duy trì và khả năng phát triển văn hóa đó trong tình hình mới.

2.2.4. Khung phân tích văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội

Trên cơ sở tổng hợp, vận dụng các vấn đề lý luận đã trình bày, luận án xây dựng khung phân tích văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội như sau:



Hình 2.2. Khung phân tích văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội

Bối cảnh là nền tảng tác động bao trùm, chi phối sự hình thành, phát triển của văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội. Bối cảnh bao gồm tình hình quốc tế, bối cảnh xã hội Việt Nam đương đại và tính đặc thù của môi trường văn hóa sư phạm quân sự. Đây là “không gian quy chiếu”, định hình cho hệ giá trị, phương thức thực hành và biểu hiện của văn hóa trong nhà trường quân đội.

Trung tâm của khung phân tích là cấu trúc văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội. Trong đó, thang bậc giá trị là thành tố cốt lõi, là “phần mềm tư duy” (Hofstede) định hướng, chi phối, gắn kết các yếu tố còn lại thành một chỉnh thể thống nhất.

Tương ứng với lớp “hình mẫu” (Hofstede) và “nhân sự” (Malinowski), nhân cách văn hóa là “sản phẩm con người” do môi trường văn hóa giáo dục nhào nặn nên, đồng thời là chủ thể chứa đựng, truyền tải và phát triển văn hóa.

Từ góc nhìn cấu trúc - chức năng, nhân cách văn hóa gắn bó chặt chẽ với các thành tố khác: được hình thành trên hệ giá trị, thông qua các thực hành, hoạt động giáo dục để rèn luyện, biểu hiện ra bên ngoài qua các yếu tố ngoại hiện. Đây là điểm hội tụ giữa các giá trị và thực hành văn hóa, đồng thời là điểm xuất phát để văn hóa lan tỏa khắp hệ thống.

Thực hành văn hóa là cầu nối, nơi các giá trị và nhân cách văn hóa, được hiện thực hóa trong hành vi và hoạt động sống động. Theo lý thuyết cấu trúc-chức năng, các hoạt động này vừa giữ chức năng truyền tải và biến đổi giá trị vừa duy trì và củng cố hệ thống văn hóa giúp gắn kết và định hướng hành vi cá nhân phù hợp với chuẩn mực chung.

Yếu tố ngoại hiện là lớp vỏ của “củ hành văn hóa”- những biểu hiện hữu hình, hữu cảm của văn hóa nhà trường quân đội. Các yếu tố này có chức năng củng cố và truyền tải các giá trị văn hóa một cách trực quan, sinh động, giúp định danh và nhận diện văn hóa mỗi nhà trường.

Khung phân tích này gắn với định hướng phát triển của quân đội và chiến lược xây dựng nhà trường quân đội hiện đại. Trong các văn kiện gần đây, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng khẳng định mục tiêu phát triển QĐNDVN cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Trong tiến trình đó, nhà trường quân đội được đặt vào vị trí then chốt với nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công cuộc hiện đại hóa quân đội. Trong khung phân tích, “thang bậc giá trị văn hóa” được xem là trục định hướng giúp nhà trường vừa kế thừa giá trị truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, vừa phát triển những giá trị mới phù hợp với kỷ nguyên chuyển đổi số và toàn cầu hóa. Các giá trị như chính quy, mẫu mực, hiện đại, thông minh vừa phản ánh chuẩn mực của QĐNDVN, vừa trở thành mục tiêu cụ thể để xây dựng nhà trường.

Như vậy, khung phân tích luận giải sự chuyển hóa từ giá trị cốt lõi của quân đội sang các biểu hiện cụ thể trong nhà trường, đồng thời gắn với mục tiêu chiến lược xây dựng nhà trường quân đội thông minh, chính quy, mẫu mực, hiện đại.

Tiểu kết chương 1

Ở chương 1, luận án đã tiến hành hệ thống tình hình nghiên cứu và cơ sở lý luận liên quan đến văn hóa giáo dục trong nhà trường QĐNDVN, qua đó đặt nền tảng khoa học cho việc triển khai các chương tiếp theo.

Trước hết, về tổng quan tình hình nghiên cứu, các công trình trong và ngoài nước cho thấy văn hóa giáo dục là một hiện tượng phức hợp, gắn liền với tiến trình lịch sử - xã hội, phản ánh bản sắc cộng đồng. Ở Việt Nam, các công trình trong nước đã đề cập đến văn hóa giáo dục từ nhiều góc độ như triết học, giáo dục học, văn hóa học, quản lý giáo dục, tâm lý học... Tuy nhiên, chưa có công trình nghiên cứu toàn diện và chuyên sâu về văn hóa giáo dục trong môi trường quân sự - nơi kết hợp giữa đặc thù nghề nghiệp quân sự với mục tiêu giáo dục con người phát triển toàn diện. Điều này tạo ra khoảng trống khoa học cần tiếp tục bổ sung, đặc biệt từ góc nhìn văn hóa học để tiếp cận giải thích văn hóa giáo dục như một hệ thống giá trị, chuẩn mực và thực hành xã hội đặc thù.

Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các kết quả nghiên cứu trước, luận án đã tập trung làm rõ cơ sở lý luận về văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội. Vận dụng các quan điểm của lý thuyết cấu trúc - chức năng, mô hình văn hóa củ hành tây (G. Hofstede), quan điểm của Đảng và Quân đội về GD-ĐT, luận án xây dựng khung phân tích gồm bốn thành tố: (1) thang bậc giá trị, (2) nhân cách văn hóa, (3) thực hành văn hóa và (4) yếu tố ngoại hiện. Các thành tố này được nghiên cứu từ giá trị cốt lõi đến các biểu hiện bề mặt để nhận diện sâu hơn bản chất, vai trò và sắc thái riêng của văn hóa giáo dục quân đội.

Như vậy, chương 1 đã làm rõ thành tựu và hạn chế của các công trình nghiên cứu trước, xác định khoảng trống khoa học, đồng thời đề xuất một nền tảng lý luận cho nghiên cứu văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội. Đây là cơ sở quan trọng để luận án tiếp tục triển khai các khảo sát thực tiễn, nhận diện đặc trưng văn hóa giáo dục ở ba nhà trường quân đội tiêu biểu, từ đó rút ra những vấn đề đặt ra và định hướng phát triển văn hóa giáo dục quân sự trong bối cảnh hiện nay.

Chương 2

KHÁI QUÁT ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU VÀ BỐI CẢNH VĂN HÓA GIÁO DỤC TRONG NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1. KHÁI QUÁT VỀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

2.1.1. Khái quát về hệ thống nhà trường quân đội

Hệ thống nhà trường QĐNDVN được hình thành từ những năm đầu của kháng chiến với tiền thân là “Trường Quân chính kháng Nhật” (thành lập ngày 15/4/1945). Trải qua hơn 80 năm xây dựng chiến đấu và trưởng thành, cùng với sự lớn mạnh của quân đội, các nhà trường đã phát triển nhanh chóng đáp ứng kịp thời cho các nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước, xây đắp nên truyền thống *“Dạy tốt, học tốt, đoàn kết tốt, kỷ luật nghiêm, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ”* [4.tr.10]

** Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ*

Căn cứ vào nhiệm vụ đào tạo và tính chất tác chiến quân sự, cơ cấu tổ chức nhà trường QĐNDVN phân chia thành các cấp: Học viện Quốc phòng là học viện quân sự cao cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng, đào tạo sĩ quan cấp dịch, chiến lược. Các học viện cấp trung (như Học viện Chính trị, Học viện Lục quân, HVKTQS, Học viện Hậu cần, ...) đào tạo sĩ quan cấp chiến dịch, chiến thuật (cấp trung đoàn, lữ đoàn, sư đoàn) và cấp phân đội. Các trường Sĩ quan (như TSQPB, Trường Sĩ quan Lục quân 1, Trường Sĩ quan Công binh...) đào tạo sĩ quan cấp phân đội (trung đội, đại đội, tiểu đoàn). Các trường cao đẳng, trung cấp, dạy nghề đào tạo quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng.

Về mặt quản lý, hệ thống nhà trường quân đội có 09 học viện, nhà trường trực thuộc Bộ Quốc phòng; 13 học viện, nhà trường trực thuộc các Tổng cục, Quân chủng, Binh chủng và đơn vị tương đương; 11 trường quân sự Quân khu, Quân đoàn, 14 trường cao đẳng, 5 trường trung cấp, dạy nghề (Phụ lục 1).

Nhà trường quân đội có chức năng “đào tạo sĩ quan; bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng và an ninh; bồi dưỡng năng lực thực hành cho cán bộ, nhân viên chuyên môn kỹ thuật, hạ sĩ quan, binh sĩ theo yêu cầu của quân đội ở tất cả các bậc học và cấp học. Nghiên cứu, ứng dụng, phát triển các hoạt động khoa học và công nghệ; liên kết, hợp tác đào tạo và thực hiện một số nhiệm vụ do Bộ Quốc phòng giao” [8, tr.5].

Mục tiêu, yêu cầu giáo dục đào tạo của nhà trường quân đội là: đào tạo đội ngũ cán bộ, sĩ quan, nhân viên chuyên môn kỹ thuật... có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, tuyệt đối trung thành với Đảng Cộng sản Việt Nam, với Tổ quốc, với nhân dân, có trình độ kiến thức, kỹ năng, năng lực toàn diện, hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao theo mục tiêu, yêu cầu đào tạo; có sức khỏe tốt, có khả năng phát triển đáp ứng yêu cầu xây dựng Quân đội và bảo vệ Tổ Quốc [8, tr.1].

**** Đặc điểm chung***

Nhà trường quân đội là thiết chế kép vừa là đơn vị quân đội, vừa là cơ sở giáo dục - ĐT. Các hoạt động GD-ĐT, nghiên cứu khoa học chịu sự lãnh đạo, quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng Tham mưu, đồng thời chịu sự chỉ đạo chuyên môn của Bộ Giáo dục và đào tạo. Trong tổ chức và hoạt động, các nhà trường quân đội đều phải tuân theo điều lệnh, điều lệ, kỉ luật nghiêm minh của quân đội, cũng như quy định, quy chế về giáo dục - đào tạo.

Quá trình giáo dục trong nhà trường quân đội mang tính tổ chức chặt chẽ, từ thiết kế, thực hiện, điều chỉnh, kiểm tra, đánh giá... đồng thời được chỉ đạo, vận hành bởi hệ thống các tổ chức, bao gồm: hệ thống tổ chức đảng, tổ chức chỉ huy, tổ chức quần chúng, hội đồng quân nhân....cùng với cơ cấu quản lý từ tiểu đội, trung đội, đại đội, tiểu đoàn... với một đội ngũ lãnh đạo, chỉ huy được tổ chức theo phân cấp chặt chẽ, phân định chức trách, nhiệm vụ rõ ràng. Quá trình giáo dục quân sự cũng là quá trình chịu áp lực lớn, cường độ cao cả về trí tuệ và thể lực của các chủ thể tham gia do đòi hỏi khách quan của hoạt động quân sự, sự phát triển nhanh chóng của khoa học, kỹ thuật, chiến tranh công nghệ cao, tình

hình kinh tế - xã hội và yêu cầu xây dựng quân đội trong thời kì mới. Nhà trường quân đội có tính ổn định cao, các chế độ, nề nếp, quy định được định hình trong lịch sử hình thành và phát triển của nhà trường, do đó các nhà trường được coi là hình mẫu trong xây dựng chính quy, rèn luyện kỷ luật cho các đơn vị trong toàn quân học tập theo phương châm “nhà trường gương mẫu trước đơn vị”.

Để đảm bảo tính đại diện và thuận lợi cho việc khảo sát các thành tố của văn hóa giáo dục theo khung phân tích đã xây dựng, luận án lựa chọn ba nhà trường quân đội tiêu biểu: HVKTQS, HVCT, TSQPB với các đặc thù về chức năng, nhiệm vụ, loại hình đào tạo, quy mô và sự phân cấp trong quản lý, tổ chức.

2.1.2. Khái quát các trường hợp nghiên cứu

2.1.2.1. Học viện Kỹ thuật Quân sự

**** Khái lược lịch sử hình thành và phát triển***

Học viện Kỹ thuật quân sự (còn gọi là Đại học Kỹ thuật Lê Quý Đôn) được thành lập theo Quyết định số 146/CP ngày 08/8/1966 của Hội đồng Chính phủ với tên gọi ban đầu là “Phân hiệu II Đại học Bách khoa”. Ngày 28/10/1966, Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp (nay là Bộ Giáo dục và Đào tạo) và Bộ Quốc phòng tổ chức Lễ thành lập Phân hiệu II Đại học Bách khoa và khai giảng khoá đào tạo đầu tiên. Từ đó, ngày 28/10 hằng năm trở thành ngày truyền thống của Học viện [118].

Trải qua chặng đường gần 60 năm xây dựng và phát triển, HVKTQS có nhiều dấu mốc quan trọng: Ngày 13/6/1968, Thủ tướng Chính phủ quyết định đổi tên thành trường Đại học Kỹ thuật quân sự; Ngày 15/12/1981, Bộ Quốc phòng quyết định thành lập Học viện Kỹ thuật quân sự nhằm mở rộng chức năng vừa đào tạo, vừa nghiên cứu khoa học, vừa phục vụ trực tiếp cho sự phát triển khoa học công nghệ quân sự; Ngày 06/6/1991, Học viện được mang thêm tên gọi Đại học Kỹ thuật Lê Quý Đôn theo Quyết định của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, tạo điều kiện thuận lợi để học viện mở rộng phạm vi hoạt động và hợp tác quốc tế. Ngày 31/1/2008, Học viện được Chính phủ bổ sung vào danh sách các trường đại học trọng điểm quốc gia.

Học viện đã khẳng định vị thế là cơ sở GD-ĐT, nghiên cứu khoa học trọng điểm hàng đầu về kỹ thuật, công nghệ quân sự và công nghiệp quốc phòng của quân đội và quốc gia. Học viện đã xây dựng nên truyền thống: *“Đoàn kết, thống nhất, sáng tạo, chủ động khắc phục mọi khó khăn, giữ gìn ổn định, chú trọng đổi mới”* [43, tr.620] và môi trường sư phạm kỹ thuật quân sự đặc thù.

*** Cơ cấu tổ chức, biên chế**

Học viện Kỹ thuật quân sự được tổ chức theo mô hình đại học kỹ thuật tổng hợp đa ngành, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Bộ Quốc phòng. Cơ cấu tổ chức của Học viện gồm: Ban Giám đốc, 01 Văn phòng, 08 phòng, 02 ban, 06 Viện, 10 Khoa giáo viên, 06 Trung tâm, 01 Tạp chí Khoa học và Kỹ thuật, 04 Hệ Quản lý học viên, 05 Tiểu đoàn quản lý học viên [118]. Tính đến tháng 2/2024, Học viện có 1300 cán bộ với khoảng 900 giảng viên, nghiên cứu viên có trình độ cao, giàu kinh nghiệm, trong đó có 06 GS, 89 PGS, 513 tiến sĩ, 458 thạc sĩ, 329 đại học [48, tr.65].

Học viện là đơn vị quân sự đồng thời là một trường đại học trọng điểm quốc gia, đào tạo song song hai đối tượng: sĩ quan kỹ sư quân sự và kỹ sư dân sự. Đây là sự khác biệt trong hệ thống nhà trường quân đội, tạo nên nét văn hóa độc đáo, kết hợp giữa kỷ luật quân sự nghiêm minh với tính sáng tạo, mở rộng hợp tác đào tạo.

*** Chức năng, nhiệm vụ**

Học viện Kỹ thuật quân sự là trường đại học trọng điểm quốc gia, đa ngành, đa bậc học, có chức năng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về kỹ thuật, công nghệ cho quân đội và quốc gia; nghiên cứu phát triển, sản xuất chế thử, chuyển giao công nghệ tiên tiến góp phần vào sự phát triển khoa học kỹ thuật, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; đồng thời thực hiện nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu của quân đội. Cụ thể: Học viện đào tạo cán bộ kỹ thuật, chỉ huy tham mưu kỹ thuật trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ cho quân đội; kỹ sư, kỹ sư trưởng, công trình sư, nhà quản trị khoa học và công nghiệp cho cả hệ quân sự và hệ dân sự. Các lĩnh vực đào tạo chủ

yếu: kỹ sư, kỹ sư trưởng, công trình sư, nhà quản trị khoa học và công nghiệp. Trong đó: Đào tạo kỹ sư quân sự với 15 ngành, 51 chuyên ngành; thạc sĩ với 17 ngành, 28 chuyên ngành; tiến sĩ với 15 ngành, 23 chuyên ngành [118].

Bên cạnh nhiệm vụ đào tạo, Học viện là trung tâm nghiên cứu khoa học công nghệ quân sự hàng đầu, đơn vị nòng cốt trong triển khai ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất quốc phòng, đồng thời thực hiện nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Học viện thực hiện các đề tài, nhiệm vụ khoa học - công nghệ quốc gia, cấp Bộ, cấp Tổng cục liên quan đến vũ khí, trang bị kỹ thuật, công nghệ 4.0 phục vụ quốc phòng, đồng thời phối hợp với sản xuất trong phát triển công nghiệp quốc phòng. Về hợp tác quốc tế, học viện mở rộng liên kết đào tạo, nghiên cứu; triển khai các chương trình chất lượng cao, trao đổi học thuật nhằm hội nhập giáo dục đại học và khoa học - công nghệ trong nước và quốc tế.

Học viện Kỹ thuật quân sự mang tính liên ngành, kết hợp quân sự - dân sự, tạo ra một môi trường học thuật - kỹ thuật quân sự đặc thù, phản ánh sự hòa quyện giữa tính nghiêm minh quân đội và tính sáng tạo khoa học.

**** Giá trị tiêu biểu của học viện***

Với sứ mạng: “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu phát triển, sản xuất chế thử, chuyển giao công nghệ tiên tiến và hội nhập quốc tế, góp phần đắc lực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển ngành khoa học công nghệ quân sự Việt Nam” [118], HVKTQS đề ra mục tiêu đào tạo hệ quân sự là: “Sĩ quan tốt - Kỹ sư giỏi - Đảng viên mẫu mực”, hướng tới xây dựng người sĩ quan kỹ sư quân đội có trình độ cao, có khả năng làm chủ và phát triển công nghệ hiện đại, đồng thời có phẩm chất chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng.

Học viện xác định tầm nhìn: “Xây dựng Học viện trở thành trường đại học nghiên cứu trong tốp đầu về khoa học, kỹ thuật và công nghệ của đất nước; cơ bản hội nhập với hệ thống các trường đại học trong khu vực và từng bước hội nhập với các trường đại học trên thế giới; đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực với chất

lượng và trình độ cao phục vụ sự nghiệp xây dựng Quân đội và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” [118]. Để đạt được mục tiêu chiến lược, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Học viện trong tình hình mới, học viện đúc kết triết lý giáo dục là “Bản lĩnh - Trí tuệ - Chuyên nghiệp - Hợp tác”, phương châm đào tạo “Cơ bản, hệ thống, thống nhất, chuyên sâu” [118], và giá trị cốt lõi: “Chính quy - Vững mạnh toàn diện - Dân chủ - Trí tuệ - Đoàn kết - Đổi mới” [43, tr.65]. Những giá trị này đã ảnh hưởng tích cực đến mọi mặt hoạt động của HVKTQS, góp phần nâng cao chất lượng GD-ĐT, nâng tầm vị thế của học viện trở thành cơ sở đào tạo và nghiên cứu hàng đầu trong quân đội.

**** Thành tích, danh hiệu, phần thưởng***

Học viện Kỹ thuật quân sự là trường đại học trọng điểm quốc gia, trung tâm nghiên cứu khoa học lớn của Quân đội và Nhà nước, đơn vị nòng cốt trong triển khai ứng dụng thành quả của Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 trong Quân đội, thực hiện chuyển đổi số, xây dựng Học viện theo mô hình nhà trường thông minh, trở thành trường đại học nghiên cứu đạt trình độ khu vực và quốc tế.

Trải qua gần 60 năm xây dựng và trưởng thành, Học viện đã vinh dự được Đảng, Nhà nước tặng nhiều danh hiệu và phần thưởng cao quý: Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ đổi mới; Huân chương Hồ Chí Minh; Huân chương Độc lập; Huân chương Quân công, Huân chương Lao động; Huân chương Chiến công; Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Ba...[118] Học viện đã khẳng định vị thế là trung tâm đào tạo kỹ thuật quân sự hàng đầu, có môi trường sư phạm kỹ thuật - quân sự đặc thù.

2.1.2.2. Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng

**** Khái lược lịch sử hình thành, phát triển và truyền thống***

Tháng 7 năm 1951, Tổng Quân ủy ra Quyết định thành lập Trường Chính trị Trung cấp Quân đội nhân dân Việt Nam (tiền thân của HVCT). Ngày 25 tháng 10 năm 1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm và huấn thị tại học viện. Để ghi nhớ sự quan tâm của Đảng và Bác, ngày 25 tháng 10 hàng năm được chọn là Ngày truyền thống của Học viện Chính trị.

Trong tiến trình phát triển, nhà trường đã nhiều lần thay đổi tên gọi để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ từng giai đoạn: Học viện Lý luận Chính trị (1956–1958), Học viện Chính trị Trung, cao cấp QĐNDVN (1958-1961), Hệ Chính trị, Học viện Quân chính (1961-1965), Học viện Chính trị (1965-1982), Học viện Chính trị - Quân sự (1982-2008), từ tháng 11/2008 đến nay mang tên gọi chính thức Học viện Chính trị.

Trải qua 74 năm xây dựng và phát triển, với truyền thống *“Kiên định và phát triển, đoàn kết và kỷ luật, chủ động sáng tạo, khắc phục khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ”* [117], Học viện là nơi hội tụ, phát triển mạnh mẽ văn hóa chính trị - tư tưởng trong quân đội, đơn vị nòng cốt trong đấu tranh tư tưởng, lý luận, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng ở quân đội.

**** Cơ cấu tổ chức, biên chế***

Theo Quyết định số 796/QĐ-TM ngày 16/10/2020 của Tổng Tham mưu trưởng QĐNDVN, tổ chức, biên chế HVCT gồm: Ban Giám đốc, 07 phòng, 02 ban, 01 Viện Khoa học xã hội và nhân văn quân sự, 01 Tạp chí Giáo dục lý luận chính trị quân sự, 14 khoa giáo viên, 06 hệ học viên [41, tr.11]. Tính đến tháng 1 năm 2025, HVCT có 100% giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục của Học viện có trình độ đại học và sau đại học, trong đó có 07 Nhà giáo Nhân dân, 24 Nhà giáo Ưu tú, 05 GS, 39 PGS, 155 Tiến sĩ và 515 thạc sĩ [42]. Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ giáo dục và đào tạo, nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn trong lĩnh vực quân sự, giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Khác với các học viện, nhà trường đào tạo sĩ quan cấp phân đội, bậc đại học, đối tượng đào tạo của HVCT là những sĩ quan chính trị tiêu biểu được tuyển chọn từ khắp các cơ quan, đơn vị trong toàn quân, có trình độ Đại học, Cao đẳng, đã trải qua nhiều cương vị công tác, có kinh nghiệm quản lý, chỉ huy. Do đó, học viện tổ chức quản lý học viên theo “hệ” không có “tiểu đoàn”. Đây là điểm đặc thù về cơ cấu, tổ chức của học viện.

**** Chức năng, nhiệm vụ, mục tiêu đào tạo***

Học viện Chính trị là cơ sở giáo dục hàng đầu của QĐNDVN trong đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chính trị cấp trung, sư đoàn trình độ đại học và sau đại học; đào tạo giảng viên khoa học xã hội và nhân văn quân sự; bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho cán bộ cao cấp của các bộ, ban, ngành trung ương; đào tạo cán bộ chính trị cao cấp Quân đội nhân dân Lào, Quân đội Hoàng gia Campuchia và đào tạo cán bộ nguồn nhân lực bậc cao cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước... Bên cạnh đó, Học viện là trung tâm nghiên cứu, phát triển lý luận chính trị, tư tưởng Hồ Chí Minh và công tác Đảng, công tác chính trị trong toàn quân, tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Theo Quyết định số 2168/QĐ-HV ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Giám đốc HVCT, mục tiêu đào tạo của học viện là:

“Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chính trị cấp chiến thuật, chiến dịch, giảng viên, cán bộ khoa học xã hội và nhân văn có trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; tiêu biểu về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo, tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc và Nhân dân; có kiến thức cơ, chuyên sâu về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng và khoa học xã hội và nhân văn; có kiến thức cần thiết về khoa học quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội theo chuyên ngành đào tạo; có năng lực, phong cách lãnh đạo, chỉ huy và kỹ năng thực hiện công tác đảng, công tác chính trị; giảng dạy và nghiên cứu khoa học; có sức khỏe tốt, hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao, có khả năng phát triển đáp ứng yêu cầu xây dựng Quân đội và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới” [40, tr.1].

Như vậy, HVCT hướng tới mục tiêu đào tạo đội ngũ cán bộ chính trị có đạo đức mẫu mực, có khả năng giáo dục, dẫn dắt tư tưởng-chính trị, góp phần giữ vững trận địa của Đảng trong quân đội.

**** Giá trị tiêu biểu của học viện***

Học viện Chính trị là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chính trị và nghiên cứu khoa học xã hội - nhân văn quân sự hàng đầu của quân đội, có bề dày lịch sử gắn liền với các chặng đường phát triển của cách mạng và quân đội. Sứ mạng của học viện được xác định:

“Đào tạo nguồn nhân lực bậc cao, bồi dưỡng nhân tài cho quân đội và quốc gia; nghiên cứu, phát triển khoa học xã hội và nhân văn quân sự, tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa” [41, tr.12].

Đồng thời, học viện xác định tầm nhìn: “Phấn đấu trở thành trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chính trị, nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn quân sự hàng đầu của quân đội và quốc gia, có uy tín cao trong khu vực và trên thế giới” [41, tr.12].

Giá trị văn hóa cốt lõi của Học viện được xác định từ các giá trị truyền thống từ đầu ngày thành lập phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng, đó là “Kiên định - Sáng tạo - Kỷ cương - Chất lượng” [41, tr.12]. Các thế hệ cán bộ, giảng viên, học viên của HVCT luôn xác định rõ chuẩn mực chính trị và lý luận, coi đây là di sản văn hóa quý giá trong xây dựng hình mẫu nhà giáo - chính trị viên mẫu mực trong quân đội.

**** Thành tích, danh hiệu, phần thưởng***

Hiện nay, Học viện đã đào tạo, bồi dưỡng được hàng vạn cán bộ chính trị các cấp cho Quân đội, bao gồm 59 khóa đào tạo chính ủy cấp trung, sư đoàn; 40 khóa đào tạo giảng viên khoa học xã hội và nhân văn; 19 khóa đào tạo hoàn thiện đại học cán bộ chính trị cấp trung, sư đoàn; 20 khóa đào tạo ngắn hạn cán bộ chính trị cấp trung, sư đoàn; đào tạo 31 khóa thạc sĩ, 33 khóa tiến sĩ; 07 khóa cao cấp lý luận chính trị; 11 khóa hoàn chỉnh chương trình cao cấp lý luận chính trị... Đội ngũ cán bộ đã qua đào tạo tại HVCT có phẩm

chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức toàn diện, chuyên sâu về lý luận chính trị, công tác đảng, công tác chính trị; có năng lực lãnh đạo, chỉ huy quản lý hoàn thành tốt nhiệm vụ, khẳng định được vị trí, vai trò và uy tín trên cương vị công tác [41, tr.13].

Với những kết quả đạt được trong giáo dục và đào tạo, nghiên cứu khoa học, Học viện đã vinh dự được Đảng, Nhà nước tặng nhiều danh hiệu và phần thưởng cao quý: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân (năm 2000, 2020)); Huân chương Sao vàng (năm 2011); Huân chương Hồ Chí Minh (năm 1991, 2001); Huân chương Quân công (hạng Nhất: năm 1976, 1984, 2016; hạng Nhì: năm 2005); Huân chương Độc lập (hạng Nhất: năm 2006, hạng Nhì: năm 2004) và nhiều phần thưởng cao quý khác.

2.1.2.3. Trường Sĩ quan Pháo binh

**** Khái lược lịch sử hình thành, phát triển và truyền thống***

Trường Sĩ quan Pháo binh được thành lập ngày 18/02/1957 theo Nghị định số 32/NĐA của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng kiêm Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam. Trước khi thành lập, nhà trường có 8 năm ở giai đoạn tiền thân. Năm 1949, phân khoa Pháo binh thuộc Trường Trung học Lục quân Trần Quốc Tuấn được thành lập. Ngày 01/5/1949, Phân khoa Pháo binh khai giảng Khóa 01 tại Giếng Tanh (xã Tuyên Hiên, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang). Ngày 15/11/1954, Bộ Quốc phòng thành lập Trường Tập huấn Pháo binh được thành lập tại khu vực Quân Ngựa (quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội) lấy tên là Đội huấn luyện 35. Tại thời điểm này, QĐNDVN có 2 cơ sở đào tạo, tập huấn cán bộ pháo binh.

Ngày 18-02-1957, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam đã ra Nghị định số 32/NĐ-A thành lập Trường Sĩ quan Pháo binh Việt Nam. Nghị định nêu rõ: “Nay tách hẳn Phân khoa Pháo binh trực thuộc Trường Sĩ quan Lục quân Việt Nam thành một trường Pháo binh trực thuộc Bộ Quốc phòng, lấy tên là Trường SQPB Việt Nam. Trường SQPB Việt Nam có nhiệm vụ đào tạo Sĩ quan Pháo binh mặt đất, Pháo binh cao xạ và phụ trách cả

Lớp tập huấn trước đây của Bộ Tư lệnh Pháo binh" [97, tr.21]. Từ đó, ngày 18/02/1957 trở thành Ngày truyền thống của TSQPB.

Tháng 7/1995, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ra quyết định công nhận Trường Sĩ quan Pháo binh là trường đào tạo sĩ quan phân đội bậc cao đẳng.

Ngày 21/9/1998, Trường Sĩ quan Pháo binh được Chính phủ quyết định giao nhiệm vụ dạy học bậc Đại học.

Gần 70 năm xây dựng và trưởng thành, TSQPB đã xây đắp nên truyền thống: *“Tự lực, tự cường, chủ động, sáng tạo, dạy tốt, học tốt, công tác tốt”* [121]. Nhà trường đã khẳng định vị thế là trung tâm đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho lực lượng pháo binh và quân đội, góp phần xây dựng lực lượng pháo binh hiện đại, có sức chiến đấu cao.

**** Cơ cấu tổ chức, biên chế***

Trường Sĩ quan Pháo binh là đại học quân sự chuyên ngành thuộc Binh chủng Pháo binh, Bộ Quốc phòng. Cơ cấu tổ chức của trường gồm: Ban Giám hiệu, 05 phòng, 02 ban, 08 Khoa giáo viên, 05 Tiểu đoàn quản lý học viên. Các tiểu đoàn quản lý kỷ luật, sinh hoạt tập thể, huấn luyện - rèn luyện như đơn vị chiến đấu. Do đó, học viên sinh hoạt và học tập chịu ảnh hưởng của văn hóa đơn vị quân đội.

Đội ngũ cán bộ, giảng viên của nhà trường Tính đến tháng 06 năm 2025, TSQPB có 412 cán bộ, giảng viên, trình độ sau đại học là 183 đồng chí chiếm 44,4%, trong đó, có 01 PGS, 18 tiến sĩ, 165 thạc sĩ [100, Phụ lục 3].

**** Chức năng, nhiệm vụ***

TSQPB là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học của lực lượng Pháo binh - Tên lửa QĐNDVN, đơn vị thường trực sẵn sàng chiến đấu của Bộ Tư lệnh Pháo binh, thực hiện nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu. Sự kết hợp này tạo nên mô hình “nhà trường - đơn vị”, phản ánh tính gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và thực tiễn chiến đấu

Nhiệm vụ chính của nhà trường là đào tạo sĩ quan chỉ huy – tham mưu trình độ đại học chuyên ngành Pháo binh - Tên lửa cấp phân đội (từ cấp khẩu (tiểu) đội đến cấp tiểu đoàn pháo binh); bồi dưỡng cán bộ pháo binh cấp trung

(lữ) đoàn; đào tạo giáo viên, giảng viên Pháo binh - Tên lửa và thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ pháo binh quốc tế. Nhà trường thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học quân sự phục vụ yêu cầu, nhiệm vụ công tác đào tạo và sẵn sàng chiến đấu của bộ đội Pháo binh - Tên lửa; đồng thời luôn sẵn sàng chiến đấu và thực hiện các nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai và các nhiệm vụ khác.

TSQPB là trường sĩ quan trực thuộc Binh chủng, do đó hoạt động đào tạo mang đậm tính chuyên môn binh chủng, với yêu cầu cao cả về kiến thức và kỹ năng kỹ thuật - tác chiến - thể lực - chính trị.

**** Giá trị tiêu biểu***

Sứ mạng của TSQPB là “đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ chỉ huy, cán bộ kỹ thuật Pháo binh - Tên lửa từ cấp tiểu đội đến cấp trung đoàn, phục vụ nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu; đồng thời là trung tâm nghiên cứu khoa học Pháo binh - Tên lửa, khoa học xã hội nhân văn quân sự và tham gia hợp tác quốc tế về đào tạo Pháo binh” [98, tr.8].

TSQPB xác định tầm nhìn: “Trở thành trung tâm giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học hàng đầu về lĩnh vực Pháo binh - Tên lửa; phấn đấu đạt chuẩn quốc gia và khu vực; tạo nguồn nhân lực chất lượng cao theo đối tượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu xây dựng lực lượng Pháo binh - Tên lửa hiện đại, góp phần quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [98, tr.8]. Giá trị văn hóa cốt lõi của TSQPB được thể hiện qua khẩu hiệu - truyền thống: “*Tự lực, tự cường, chủ động, sáng tạo, dạy tốt, học tốt, công tác tốt*” [98, tr.9].

**** Thành tích, danh hiệu, phần thưởng***

Trường Sĩ quan Pháo binh đã đào tạo được hàng trăm khóa học với khoảng hơn 5 vạn cán bộ chỉ huy, cán bộ chính trị pháo binh, tên lửa cho quân đội Việt Nam và các nước bạn. Nhà trường đã đóng góp quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần vào chiến thắng của Quân đội nhân dân Việt Nam. Đội ngũ cán bộ được đào tạo tại nhà trường “có phẩm chất chính trị vững vàng, có năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ xây dựng huấn luyện

và chiến đấu ở các đơn vị pháo binh trong toàn quân” [97, 190]. Nhà trường vinh dự được Đảng, Nhà nước, Quân đội tặng nhiều phần thưởng cao quý: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân (Năm 2009); Huân chương Quân công (Năm 1978, 1984); Huân chương Chiến công (Năm 1961, 1997); Huân chương Bảo vệ Tổ quốc (Năm 1961, 2012) cùng nhiều phần thưởng cao quý khác.

Như vậy, ba nhà trường được lựa chọn có sự đa dạng về loại hình đào tạo, môi trường sư phạm và giá trị truyền thống. HVKTQS mang tính liên ngành, kết hợp quân sự - dân sự, tạo ra một môi trường học thuật - kỹ thuật quân sự đặc thù, phản ánh sự hòa quyện giữa tính nghiêm minh quân đội và sáng tạo khoa học. HVCT đặc trưng bởi văn hóa chính trị - tư tưởng, coi trọng tính ý thức hệ, giữ vững lập trường, nhấn mạnh tính kỷ cương và vai trò hạt nhân chính trị trong toàn quân. TSQPB lại gắn chặt đào tạo với thực tiễn chiến đấu, thể hiện rõ nét bản sắc của một trường quân binh chủng: giáo dục gắn với huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và ứng dụng thực hành. Bảng so sánh khái quát ba nhà trường như sau:

Tiêu chí	Học viện Kỹ thuật quân sự	Học viện Chính trị	Trường Sĩ quan Pháo binh
1. Lịch sử, truyền thống	- Ngày truyền thống: 28/10/1966 (tiền thân là Phân hiệu II Đại học Bách khoa); - Từ 1991 mang thêm tên Đại học Kỹ thuật Lê Quý Đôn; trường đại học trọng điểm quốc gia; Truyền thống: <i>“Đoàn kết, thống nhất, sáng tạo, chủ động khắc phục mọi khó khăn, giữ gìn ổn định, chú trọng đổi mới”</i>	- Ngày truyền thống: 25/10/1951 (tiền thân là Trường Chính trị Trung cấp QĐNDVN); - Năm 2008 mang tên Học viện Chính trị; - Truyền thống: <i>“Kiên định và phát triển, đoàn kết và kỷ luật, chủ động sáng tạo, khắc phục khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ”</i>	- Thành lập ngày 18/2/1957, tiền thân là Phân khoa Pháo binh thuộc Trường Trung học Lục quân Trần Quốc Tuấn; - Truyền thống <i>“Tự lực, tự cường, chủ động, sáng tạo, dạy tốt, học tốt, công tác tốt”</i>.

2. Cơ cấu tổ chức	Mô hình đại học kỹ thuật tổng hợp đa ngành, trực thuộc Bộ Quốc phòng; gồm Ban Giám đốc, 01 Văn phòng, 08 phòng, 02 ban, 06 viện, 10 khoa, 06 trung tâm, 04 hệ, 05 tiểu đoàn.	Trực thuộc Bộ Quốc phòng; gồm: Ban Giám đốc, 07 phòng, 02 ban, 01 Viện, 01 Tạp chí, 14 khoa giáo viên, 06 hệ quản lý học viên	Trực thuộc Binh chủng Pháo binh, gồm Ban Giám hiệu, 05 phòng, 02 ban, 08 khoa, 05 tiểu đoàn; tổ chức theo mô hình đơn vị chiến đấu.
3. Nhiệm vụ và mục tiêu đào tạo	Đào tạo sĩ quan kỹ sư quân sự và kỹ sư dân sự; nghiên cứu, chuyển giao công nghệ kỹ thuật quân sự; thực hiện nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu; Mục tiêu “ <i>Sĩ quan tốt - Kỹ sư giỏi - Đảng viên mẫu mực</i> ”.	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chính trị cấp trung, sư đoàn; giảng viên Khoa học xã hội và nhân văn quân sự; nghiên cứu lý luận chính trị, tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; Mục tiêu “ <i>Bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức mẫu mực, trình độ chuyên sâu</i> ”.	Đào tạo sĩ quan chỉ huy – tham mưu Pháo binh – Tên lửa, cán bộ trung đoàn, giảng viên pháo binh; nghiên cứu khoa học quân sự; thực hiện nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, cứu hộ cứu nạn;
4. Giá trị tiêu biểu	Triết lý giáo dục: “ <i>Bản lĩnh - Trí tuệ - Chuyên nghiệp - Hợp tác</i> ”; giá trị cốt lõi “ <i>Chính quy - Vững mạnh toàn diện - Dân chủ - Trí tuệ - Đoàn kết - Đổi mới</i> ”; Môi trường sư phạm kỹ thuật - quân sự đặc thù, kết hợp kỷ luật quân đội và sáng tạo khoa học.	Giá trị cốt lõi “ <i>Kiên định - Sáng tạo - Kỷ cương - Chất lượng</i> ”; trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chính trị, nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn quân sự hàng đầu của quân đội, quốc gia	Giá trị cốt lõi: “ <i>Tự lực, tự cường, chủ động, sáng tạo, dạy tốt, học tốt, công tác tốt</i> ”; môi trường gắn đào tạo với huấn luyện, thực hành chiến đấu, phản ánh đặc trưng binh chủng pháo binh.

Bảng 2.1. Bảng so sánh khái quát các trường hợp nghiên cứu

2.2. BỐI CẢNH TÁC ĐỘNG ĐẾN VĂN HOÁ GIÁO DỤC TRONG NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI

Bối cảnh không chỉ đóng vai trò phong nền khách quan mà còn là thành tố cấu thành và chi phối ý nghĩa của hành vi văn hóa. Nói cách khác, bối cảnh là chìa khóa cắt nghĩa giá trị và hành vi văn hóa. Nhận diện các yếu tố bối cảnh cho thấy văn hóa giáo dục quân sự không tồn tại như một thực thể tĩnh mà luôn vận động, biến đổi gắn liền với bối cảnh quốc tế hóa, bối cảnh xã hội Việt Nam đương đại và môi trường quân sự - sư phạm đặc thù. Từ đó, luận án có cái nhìn biện chứng, toàn diện về thực trạng văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội.

2.2.1. Bối cảnh quốc tế

** Tình hình an ninh thế giới*

Cục diện thế giới hiện nay đang biến động sâu sắc, diễn biến nhanh chóng và phức tạp. Chiến sự Nga - Ukraina, xung đột ở Trung Đông, căng thẳng ở Đông Nam Á và một số điểm nóng tác động sâu sắc đến hòa bình, an ninh, phát triển toàn cầu và khu vực. Sự cạnh tranh quyền lực, lợi ích và vị thế chiến lược giữa các nước, đặc biệt là giữa Mỹ, Trung Quốc, Nga đang diễn ra ngày càng quyết liệt. Tình hình đó dẫn tới xu hướng liên minh, liên kết, tập hợp lực lượng và chạy đua vũ trang mang tính đối đầu có chiều hướng gia tăng.

Trong quan hệ quốc tế, xu hướng hoà bình, hợp tác và phát triển nhằm tranh thủ phục vụ lợi ích quốc gia, dân tộc là xu thế lớn hiện nay. Các nước tư bản với ưu thế về kinh tế vẫn chi phối nền kinh tế thế giới, chi phí cho quân sự, quốc phòng tiếp tục tăng và chiếm ưu thế tuyệt đối. Chủ nghĩa bá quyền và các thế lực hiếu chiến vẫn tiếp tục gây ra các cuộc chiến cục bộ, khủng bố, xung đột sắc tộc, tôn giáo, dân tộc, hoạt động bạo loạn lật đổ, ly khai. Xu hướng chạy đua vũ khí công nghệ cao có xu hướng gia tăng và ngày càng gay gắt. Các vấn đề dân chủ, nhân quyền, tôn giáo, dân tộc, khủng bố xảy ra ở nhiều nơi với tính chất phức tạp. Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, Đông Nam Á được đánh giá là khu vực phát triển năng động nhưng đang tiềm ẩn nhiều yếu tố gây mất ổn định. Các thách thức an ninh phi truyền thống như dịch bệnh COVID-19, biến

đổi khí hậu, an ninh mạng, khủng bố, tội phạm công nghệ cao... và các nhiệm vụ quốc phòng đang đặt ra yêu cầu mới cho quân đội, đòi hỏi phải duy trì khả năng sẵn sàng chiến đấu cao. Việc bám sát thực tiễn giúp giáo dục quân sự nhận diện rõ đối tượng tác chiến, không chỉ là xung đột vũ trang trực diện mà còn là đấu tranh thông tin, tác chiến không gian mạng, đồng thời dự báo tình huống chiến lược, sẵn sàng hoàn thành mọi nhiệm vụ mà quân đội và Tổ quốc giao phó.

Trong bối cảnh đó, Việt Nam thực hiện các chính sách trọng tâm: đối ngoại độc lập, tự chủ; đa phương hóa, đa dạng hóa; là bạn tốt, là đối tác tin cậy, là thành viên tích cực, có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế; đảo đảm quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên; thực hiện chính sách quốc phòng “4 không”. Tuy nhiên, trong hòa bình phải nghĩ đến chiến tranh bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Chính sách quốc phòng của Việt Nam luôn coi trọng sự vững mạnh, toàn diện của quân đội nhân dân, điều này tạo ra những yêu cầu khắt khe đối với giáo dục quân sự. Quân đội không những cần phát triển về mặt quân sự, hơn nữa phải có khả năng phòng thủ toàn diện, bảo vệ lợi ích quốc gia trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều biến động. Do đó, các nhà trường quân đội phải cung cấp một nền giáo dục toàn diện, trang bị cho học viên tư duy liên ngành, năng lực thích ứng nhanh, bao gồm đào tạo chuyên môn, rèn luyện bản lĩnh chính trị và khả năng ứng phó với các tình huống phức tạp trong an ninh quốc gia. Các chủ thể văn hóa trong nhà trường cần tiếp cận tư duy quân sự hiện đại, kết hợp truyền thống “Bộ đội cụ Hồ” với khả năng thích ứng chiến tranh công nghệ cao. Cùng với đó, giáo dục quân sự cần nuôi dưỡng phẩm chất “Bộ đội cụ Hồ” trong thời bình, sẵn sàng giúp dân khắc phục thiên tai, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, ứng phó với biến đổi khí hậu.

** Toàn cầu hóa và hội nhập giáo dục*

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực GD - ĐT là một trong những xu thế nổi bật của thế kỷ XXI, đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với nền giáo dục của mọi quốc gia, trong đó có hệ thống giáo dục quân sự Việt Nam. Theo quan điểm của Đảng, mục tiêu phát triển GD - ĐT trong giai đoạn 2025 - 2030

là: “xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, ngang tầm khu vực và thế giới” theo hướng “chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế” [19, tr.29]. Dưới tác động của các thể chế toàn cầu, chuẩn mực quốc tế và sự gia tăng hợp tác quân sự - quốc phòng giữa các quốc gia, văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội Việt Nam đang đứng trước yêu cầu chuyển hóa, thích ứng và hội nhập, đồng thời phải giữ vững bản sắc và giá trị truyền thống.

Quá trình toàn cầu hóa cùng chủ trương “Hội nhập quốc tế và đối ngoại về quốc phòng là một chủ trương, định hướng chiến lược, đồng thời là kế sách bảo vệ vững chắc Tổ quốc từ sớm, từ xa” [73] đã tạo điều kiện để các nhà trường quân đội tiếp cận công nghệ giáo dục tiên tiến, thúc đẩy chuyển đổi số, triển khai đào tạo song ngữ và mở rộng hợp tác quốc tế. Toàn cầu hoá góp phần hiện đại hoá giáo dục quân sự, mở rộng tầm nhìn và thang bậc giá trị hướng tới chuẩn mực chung của nhân loại. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đặt văn hóa giáo dục quân sự Việt Nam vào bức tranh giáo dục chung của hệ thống học viện, nhà trường trong khu vực và trên thế giới. Việc mở rộng giao lưu, hội nhập quốc tế với những hoạt động đối ngoại quốc phòng phong phú, đa dạng giúp mở rộng hiểu biết và tiếp thu tinh hoa quân sự thế giới cho đội ngũ cán bộ, giảng viên, học viên; qua đó nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học trong nhà trường quân đội.

Cùng với quá trình hiện đại hoá giáo dục, các giá trị văn hoá mới được nảy sinh, phát triển, ngày càng phù hợp hơn với những giá trị chung của nhân loại và thấm thấu vào mọi khía cạnh trong hoạt động giáo dục trong nhà trường. Đồng thời, các giá trị này tác động đến nhân cách văn hoá của chủ thể, góp phần hình thành nên những thế hệ quân nhân mới mang phẩm chất, tư duy toàn cầu, có năng lực làm việc, hợp tác trong môi trường quốc tế. Hội nhập quốc tế tạo ra những cơ hội để giáo dục quân sự Việt Nam kết nối với nền giáo dục quân sự thế giới, thúc đẩy giao lưu, trao đổi quốc tế về giáo dục. Đây là động lực cần thiết để tiếp thu kinh nghiệm, kiến thức và công nghệ tiên tiến, tạo bước đệm cho công cuộc đổi mới GD - ĐT. Hiện nay, các hình thức hợp tác quốc tế

về giáo dục trong nhà trường quân đội được thực hiện trên các khía cạnh: Trao đổi học viên và cán bộ giảng dạy; Hợp tác đào tạo học viên nước ngoài; Trao đổi thông tin và kinh nghiệm giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học; Phát triển các chương trình học thuật và nghiên cứu chung; Tổ chức, tham gia hội thi, hội thao (Army Game), hội thảo, hội nghị quốc tế; Tiến hành các dự án nghiên cứu chung; Tiếp nhận và chuyển giao công nghệ...

Toàn cầu hoá với sự xuất hiện của nhiều kênh thông tin, nhiều hình thức giáo dục khác nhau với các sản phẩm văn hoá đa dạng, phong phú từ nhiều quốc gia, khu vực góp phần mở mang tri thức, mở rộng tầm nhìn và năng lực sáng tạo. Tuy nhiên, nó cũng tạo ra những thách thức trong việc giao lưu văn hoá, phát triển con người, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại với bảo tồn bản sắc văn hoá dân tộc. Những cơ hội và thách thức đòi hỏi chủ thể văn hoá cần nhìn nhận rõ hơn bản sắc văn hoá dân tộc trong bức tranh văn hoá nhân loại.

Tuy nhiên, toàn cầu hoá cũng đặt ra thách thức với sự bùng nổ kênh thông tin, đa dạng hình thức giáo dục với vô vàn sản phẩm văn hóa đòi hỏi các chủ thể văn hóa phải ứng xử khôn ngoan để giữ vững bản sắc, “hoà nhập mà không hoà tan”. Các nhà trường quân đội cần chủ động lựa chọn những kinh nghiệm hay và phù hợp với thực tiễn giáo dục quân sự Việt Nam, đồng thời kiên định giữ gìn bản sắc văn hóa và phát huy những giá trị đặc sắc của văn hóa giáo dục quân sự. Chính cái riêng đặc sắc này làm nên bức tranh đa màu sắc cho văn hoá giáo dục, văn hoá quân sự trong thời đại toàn cầu hoá.

Bên cạnh đó, toàn cầu hóa còn làm nảy sinh nguy cơ thương mại hoá giáo dục, phai nhạt lý tưởng chính trị, lối sống thực dụng khiến học viên thiếu mục đích, động cơ phấn đấu trong học tập, rèn luyện. Các thế lực thù địch phản động có thể lợi dụng sự du nhập của các trào lưu tư tưởng và sản phẩm văn hoá, giáo dục ngoại lai để truyền bá tư tưởng phản động, thúc đẩy âm mưu “diễn biến hoà bình”, xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng, phủ định những thành quả cách mạng Việt Nam, bóp méo những giá trị văn hoá truyền thống...

Những thách thức đó đòi hỏi văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội

phải trở thành “rào chắn” vững chắc giảm thiểu tác động tiêu cực, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, quân đội và giá trị văn hoá tốt đẹp của dân tộc. Đồng thời, môi trường văn hóa giáo dục quân sự phải mang tính nhân văn, lành mạnh để tôi luyện đội ngũ cán bộ, giảng viên, học viên thành những quân nhân bản lĩnh, tài năng, trách nhiệm, đáp ứng được yêu cầu của quân đội, dân tộc và thời đại.

** Cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số toàn cầu*

Song song với quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, sự bùng nổ của khoa học - công nghệ, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số trong lĩnh vực quốc phòng đã tạo ra hệ thống vũ khí, trang thiết bị mới có tính năng vượt trội, độ chính xác cao, có khả năng tự động hoá trong môi trường tác chiến điện tử mạnh. Khoa học, công nghệ phát triển làm xuất hiện hình thái chiến tranh công nghệ cao cùng với phương thức tác chiến, huấn luyện mới trên cả không gian thực và ảo, đồng thời tác động mạnh mẽ đến nghệ thuật quân sự, phương thức quản lý, chỉ huy điều hành tác chiến, công tác giáo dục chính trị, huấn luyện chiến đấu và tổ chức biên chế trong quân đội.

Trong bối cảnh này, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc đã xuất hiện nhiều yêu cầu mới về nội dung quy mô, tính chất. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, nếu xảy ra sẽ là chiến tranh công nghệ cao với nhiều loại vũ khí hiện đại có độ chính xác cao, được tự động hoá trong môi trường tác chiến điện tử, hình thái chiến tranh thông tin tác chiến trên không gian mạng trở nên phổ biến. Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc không chỉ là chuẩn bị đối phó chiến tranh xâm lược, mà còn bao gồm sẵn sàng xử trí mọi tình huống chiến lược. Thực tiễn này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải củng cố sức mạnh quân sự, quốc phòng, xây dựng quân đội tinh nhuệ, hiện đại có nguồn nhân lực trình độ cao, vừa tinh thông chuyên môn quân sự vừa thành thạo khoa học - công nghệ.

Trước yêu cầu xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, trong vòng xoáy của CMCN 4.0, các nhà trường quân đội chuyển đổi từ mô hình văn hoá giáo dục truyền thống chú trọng giáo dục kiến thức sang mô hình giáo dục hiện đại hướng đến chất lượng, hiệu quả giáo dục, xây dựng “nhà

trường thông minh” trên nền tảng số hóa. Nghị quyết 1657-NQ/QUTW (năm 2022) của Quân uỷ Trung ương cũng xác định "nhà trường phải đi trước một bước so với đơn vị", phải “ứng dụng nhanh, hiệu quả thành tựu khoa học công nghệ trong đổi mới giáo dục và đào tạo” góp phần củng cố, xây dựng quân đội vững mạnh toàn diện, nâng cao khả năng chiến đấu và chiến thắng cho quân đội. Mô hình nhà trường thông minh tạo ra một hệ sinh thái giáo dục kết nối con người với thiết bị công nghệ, liên thông công tác quản lý - điều hành giữa các đơn vị, đồng thời hình thành môi trường học tập tương tác trên không gian mạng. Hoạt động dạy - học trở nên linh hoạt, thông minh và có tính di động, đáp ứng yêu cầu cá thể hóa và học tập suốt đời, vượt qua giới hạn về số lượng học viên, không gian, thời gian.

Hiện nay, các nhà trường đã và đang đẩy mạnh tiến trình chuyển đổi số, xây dựng mô hình nhà trường quân đội thông minh. Dựa trên mô hình đại học thông minh V-SMART, các học viện, trường sĩ quan đang thực hiện xây dựng nhà trường thông minh với các thành phần cốt lõi như trung tâm chỉ huy điều hành, hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin, chương trình đào tạo thông minh, giảng đường - thao trường thông minh,...[58, tr.8]. Nội dung, phương pháp dạy và học theo hướng sư phạm thông minh được vận dụng hiệu quả thông qua việc kết hợp dạy học trên lớp và dạy học trực tuyến, phù hợp với lộ trình phát triển cơ sở hạ tầng nhà trường thông minh, sự đa dạng hình thức đào tạo. Nội dung các học phần, bài giảng đổi mới theo hướng tăng cường sử dụng công nghệ mô phỏng, video, phần mềm, tài liệu điện tử, ứng dụng thành tựu của CMCN 4.0. Hạ tầng công nghệ thông tin được nâng cấp, từng bước tin học hóa, tích hợp hóa, hiện đại hóa công tác quản lý, giáo dục, điều hành huấn luyện.

Mô hình nhà trường thông minh trong quân đội định hướng sản phẩm của quá trình GD-ĐT, nghiên cứu khoa học gắn liền với nhu cầu đơn vị, phục vụ chiến đấu, huấn luyện chiến đấu, phục vụ quá trình hiện đại hoá công tác chỉ huy, quản lý, điều hành và hiện đại hoá quân đội. Văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội, do đó, trở thành môi trường tương tác đa chiều, không chỉ là

nơi giáo dục, đào tạo, nghiên cứu mà còn là trung tâm đổi mới và sáng tạo, phát triển khoa học kỹ thuật quân sự. Nhà trường là môi trường giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn về nghệ thuật quân sự, nghệ thuật chiến tranh kiểu mới, đồng thời đóng góp giá trị vào công cuộc xây dựng đất nước.

2.2.2. Bối cảnh xã hội Việt Nam đương đại

** Tình hình kinh tế, chính trị, xã hội*

Hiện nay, Việt Nam đang bước vào kỷ nguyên phát triển mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc với những thành tựu to lớn về kinh tế - chính trị - văn hóa - xã hội. Sau gần 40 năm đổi mới, cơ đồ, tiềm lực, vị thế, sức mạnh tổng hợp, uy tín quốc tế của đất nước ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Sự phát triển kinh tế, ổn định chính trị nội bộ và năng lực lãnh đạo của Đảng Cộng sản giúp Việt Nam tận dụng tốt các cơ hội mới, đồng thời tạo nguồn lực to lớn cho sự nghiệp quốc phòng - an ninh, trong đó có giáo dục quân sự. Sự ổn định chính trị, phát triển kinh tế là nền tảng để xây dựng tiềm lực quốc phòng vững mạnh, thúc đẩy quá trình hiện đại hoá giáo dục trong quân đội, tạo điều kiện để hiện thực hoá chiến lược đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT theo Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW (2022) của Quân ủy Trung ương. Có thể nói, bối cảnh chính trị, kinh tế, xã hội trong nước hiện nay là định hướng trực tiếp cho nhà trường quân đội trong việc thực hiện nhiệm vụ trung tâm là đào tạo cán bộ, sĩ quan, nhân viên kỹ thuật có phẩm chất chính trị kiên định, năng lực chuyên môn cao.

Trong những năm qua, tốc độ tăng trưởng GDP của đất nước duy trì ổn định, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao. Bên cạnh đó, Việt Nam tích cực mở rộng quan hệ hợp tác, ngoại giao với 194 quốc gia, ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do và là thành viên của trên 70 tổ chức quốc tế.

Kinh tế phát triển đã tạo điều kiện thuận lợi để Nhà nước tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại cho cho quốc phòng - an ninh nói chung và hệ thống nhà trường quân đội nói riêng. Nhờ đó, các nhà trường quân đội

từng bước cải thiện cơ sở vật chất, mở rộng quy mô, hiện đại hóa phương tiện dạy học, tạo môi trường học tập tiên tiến, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học. Văn hóa dạy - học gắn với khoa học, công nghệ dần được hình thành góp phần đổi mới mô hình giáo dục từ truyền thống sang hiện đại. Trong bối cảnh đời sống vật chất và tinh thần được cải thiện, mức sống được nâng cao, xã hội ngày càng quan tâm đến chất lượng GD-ĐT, trong đó có đào tạo quân sự. Điều này tạo ra áp lực tích cực buộc nhà trường quân đội phải không ngừng nâng cao chất lượng giảng dạy, huấn luyện và nghiên cứu khoa học. Đặc biệt, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, yêu cầu về nhân lực quân sự có trình độ ngày càng cao. Cán bộ, sĩ quan không chỉ giỏi về chuyên môn quân sự mà cần phải có năng lực ngoại ngữ, kỹ năng công nghệ thông tin, khả năng tư duy phản biện, năng lực quản lý hiện đại. Đây là động lực để các nhà trường cải tiến chương trình đào tạo, bổ sung các nội dung mới đáp ứng được môi trường đa văn hóa và công nghệ cao trong tác chiến.

Bên cạnh đó, sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế tri thức gắn liền với chuyển đổi số toàn diện trong giáo dục, mở ra cơ hội lớn cho giáo dục nói chung, giáo dục quân đội nói riêng. Nhờ ứng dụng công nghệ số, các nhà trường quân đội có thể xây dựng hệ thống học tập trực tuyến, ngân hàng dữ liệu huấn luyện, mô hình mô phỏng chiến đấu. Điều này giúp học viên có điều kiện tiếp cận tri thức hiện đại, rèn luyện kỹ năng trong môi trường thực tế ảo, đồng thời tiết kiệm chi phí và thời gian huấn luyện. Kinh tế tri thức tác động mạnh mẽ đến hành vi, thói quen học tập và phương thức dạy học trong quân đội, hình thành một lớp văn hóa giáo dục mới, vừa kỷ luật, vừa linh hoạt, sáng tạo. Tuy nhiên, việc hạn chế về cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, cùng với những nguy cơ giảm sút kỹ năng tác chiến thực địa, rủi ro về an ninh mạng là những thách thức không nhỏ đối với nhà trường quân đội.

Tuy nhiên, mặt trái của kinh tế thị trường cũng kéo theo những hệ lụy, đang len lỏi vào môi trường quân đội. Cơ chế thị trường thúc đẩy cạnh tranh, đề cao lợi ích vật chất, đôi khi làm nảy sinh xu hướng cá nhân hóa, thực dụng,

hưởng thụ, tác động trực tiếp đến nhận thức, thái độ, hành vi của một bộ phận học viên và giảng viên. Hiện tượng dao động trong lý tưởng và thái độ nghề nghiệp liên quan đến thu nhập có nguy cơ tác động tiêu cực đến việc hình thành nhân cách quân nhân; xu hướng thực dụng, coi nhẹ giá trị truyền thống “tôn sư trọng đạo” hay tinh thần “Bộ đội Cụ Hồ”, vốn được xây dựng trên nền tảng kỷ luật, hy sinh, phụng sự và lý tưởng cách mạng. Mặt khác, sự lan tỏa của “văn hóa tiêu dùng”, “văn hóa giải trí” cũng làm giảm tính bền bỉ, kỷ luật - vốn là những đặc trưng cốt lõi của văn hóa quân đội.

Cùng với sự phát triển nhanh chóng về kinh tế, quá trình hiện đại hóa và hội nhập quốc tế đang làm thay đổi nhanh chóng hệ giá trị và chuẩn mực đạo đức ở Việt Nam. Giá trị truyền thống dần dịch chuyển dịch: từ trọng cộng đồng sang đề cao cá nhân, khẳng định bản thân; từ tuân thủ sang đề cao tư duy phản biện; thước đo giá trị có xu hướng thay đổi từ lý tưởng - quá trình sang thành tích - kết quả; các chuẩn mực truyền thống về hành vi, trang phục, lễ nghĩa... được tái định nghĩa, linh hoạt hơn trong các không gian xã hội mới. Nhà trường quân đội không tồn tại biệt lập mà là một thiết chế luôn chịu sự tác động và phản ánh môi trường xã hội - văn hóa rộng lớn mà nó tồn tại và vận hành. Người học khi bước vào nhà trường quân đội mang theo hành trang văn hóa đa chiều, có điểm khác biệt với hệ giá trị truyền thống của quân đội. Sự đa dạng giá trị đặt ra thách thức về tính thống nhất văn hóa, khiến việc thiết lập một hệ giá trị thống nhất trong môi trường quân đội trở nên phức tạp hơn. Tính nhất thể văn hóa là đặc trưng của quân đội đối diện với nguy cơ phân hóa mềm về nhận thức, động cơ và hành vi của học viên, đòi hỏi công tác quản lý, giáo dục cần linh hoạt, mềm dẻo, mang tính cá nhân hóa sâu sắc hơn.

Biến đổi cơ cấu xã hội và dịch chuyển giá trị trong xã hội Việt Nam đương đại hiện nay là một hiện tượng văn hóa có tính cấu trúc động, ảnh hưởng sâu sắc đến các thiết chế văn hóa - giáo dục, trong đó có nhà trường quân đội. Việc nhận diện những chuyển dịch này giúp văn hóa giáo dục trong quân đội nhanh chóng thích nghi với thời đại vừa giữ vững được bản sắc, lý tưởng, vai

trò tiên phong trong xây dựng người quân nhân cách mạng vững vàng về chính trị, hiện đại về tri thức và được khai phóng về nhân cách.

** Bối cảnh đổi mới giáo dục - đào tạo*

Trong lĩnh vực GD-ĐT, nền giáo dục quốc dân đang tiến hành đổi mới căn bản, toàn diện theo tinh thần nghị quyết 29-NQ/TW (2013), Chiến lược giáo dục giai đoạn 2021-2030, Nghị quyết 1657-NQ/QUTW (2022), Nghị quyết 71-NQ/TW (2025). Đây là bối cảnh chính trị - pháp lý then chốt định hướng trực tiếp cho các nhà trường quân đội phát triển văn hóa giáo dục.

Trước đây, nhà trường quân đội chủ yếu theo mô hình truyền thống, lấy giảng viên làm trung tâm, nhấn mạnh kỷ luật, chính quy. Đổi mới giáo dục đặt ra yêu cầu lấy học viên làm trung tâm, chuyển từ học tập thụ động sang chủ động. Văn hóa giáo dục quân sự có sự thay đổi theo hướng khuyến khích sự sáng tạo, phản biện, tự học. Không gian học tập được mở rộng trở nên cởi mở hơn thay vì khép kín, mệnh lệnh.

Việc đổi mới giáo dục yêu cầu các nhà trường tích hợp kiến thức chuyên ngành, chương trình, nội dung giáo dục mở rộng sang các kỹ năng trong bối cảnh văn hóa số như an ninh mạng, công nghệ thông tin, chú trọng ngoại ngữ, tin học... Văn hóa giáo dục quân sự vì vậy gắn với sự phát triển của xã hội. Học viên được giáo dục để trở thành sĩ quan tri thức vừa giỏi chuyên môn, vừa đáp ứng được kỹ năng trong xã hội hiện đại. Môi trường giáo dục mở rộng từ giảng đường, thao trường, bãi tập truyền thống sang không gian mạng, thao trường số, phòng thí nghiệm ảo... Bối cảnh đổi mới GD - ĐT đã và đang tác động mạnh mẽ đến văn hóa giáo dục quân sự. Mô hình giáo dục truyền thống đang từng bước chuyển đổi sang mô hình hiện đại, thông minh, hội nhập. Quá trình này mở ra cơ hội nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ, sĩ quan quân đội, vừa đặt ra thách thức trong việc mâu thuẫn giá trị, nguy cơ hình thức hóa trong giáo dục.

** Đặc điểm của thế hệ trẻ trong mối tương quan với văn hóa giáo dục quân sự*

Việt Nam đang trong thời kỳ dân số vàng với khoảng 60% dân số trong độ tuổi lao động. Thế hệ trẻ, đặc biệt là thế hệ Z - Alpha là thế hệ được sinh ra trong thời đại truyền thông số, toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0, có

đặc trưng năng động, sáng tạo, tiếp cận công nghệ nhanh. Trong các nhà trường quân đội, thế hệ trẻ đang trở lực lượng tạo nên những chuyển biến rõ nét về hệ giá trị trong môi trường giáo dục quân sự.

Học viên quân đội hiện nay trưởng thành trong môi trường xã hội mở, có xu hướng đề cao cá tính, sự sáng tạo, linh hoạt, nhu cầu tự khẳng định. Nếu không được định hướng, họ có thể mâu thuẫn với tính tập thể, sự phục tùng và kỷ luật đặc thù của quân đội. Do đó, văn hóa giáo dục đòi hỏi sự linh hoạt, nhân văn, kết hợp giữa rèn luyện giá trị truyền thống của quân đội với khuyến khích cá nhân phát triển năng lực chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ.

Trên thực tế, học viên không thụ động tiếp nhận tri thức mà ngày nay đòi hỏi phương thức học tập đa dạng, đề cao tương tác, ứng dụng công nghệ và tư duy phản biện. Quan niệm về hình mẫu người sĩ quan lý tưởng thay đổi từ hình mẫu người chỉ huy mẫu mực - dũng cảm - kiên cường - kỷ luật thì nay được mở rộng thêm các phẩm chất như năng động, sáng tạo, nắm vững công nghệ, có tư duy quản trị hiện đại và có khả năng hội nhập quốc tế. Những thay đổi này không làm mờ nhạt văn hóa giáo dục quân sự mà đặt ra yêu cầu đổi mới văn hóa giáo dục, chuyển từ mô thức “giáo dục mệnh lệnh” một chiều sang “giáo dục định hướng giá trị”, từ quản trị hành vi sang kiến tạo môi trường văn hóa giáo dục nhân văn và tương tác cao hơn.

Bên cạnh đó, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, mạng xã hội và các nền tảng truyền thông số đang làm thay đổi cách thức tiếp cận tri thức, xây dựng mối quan hệ xã hội và hình thành nhân cách của thế hệ trẻ. Thế hệ học viên quân đội sinh ra, lớn lên trong môi trường truyền thông số và chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi xu hướng toàn cầu hóa văn hóa. Trong bối cảnh đó, những luồng thông tin phi chính thống, tư tưởng lệch lạc, lối sống thực dụng, cá nhân chủ nghĩa có thể len lỏi vào nhận thức học viên nếu thiếu cơ chế sàng lọc, giáo dục và định hướng giá trị kịp thời, đúng đắn.

Những biến động trên có thể xem là quá trình “va đập giữa các hệ giá trị”, khi văn hóa quân sự truyền thống chịu áp lực từ văn hóa đại chúng, văn hóa mạng và lối sống phi tuyến tính của xã hội đương đại. Điều này đặt ra thách thức không

nhỏ đối với nhà trường quân đội trong việc giữ vững và phát huy bản sắc văn hóa quân sự, củng cố bản lĩnh chính trị và xây dựng nền tảng tư tưởng - đạo đức cách mạng vững chắc cho cán bộ, học viên.

Từ góc nhìn văn hóa học, bối cảnh xã hội Việt Nam đương đại là một không gian động lực đa chiều, hội tụ cơ hội và thách thức. Bối cảnh này vừa thúc đẩy quá trình hiện đại hóa, hội nhập vừa tạo ra áp lực thay đổi hệ giá trị, mô hình giáo dục và môi trường văn hóa.

2.2.3. Bối cảnh đặc thù của Quân đội nhân dân Việt Nam

** Bối cảnh lịch sử - truyền thống*

Bối cảnh lịch sử - truyền thống là một yếu tố cốt lõi cấu thành bản sắc văn hóa của mỗi tổ chức, đặc biệt trong môi trường giáo dục quân sự, nơi tính kế thừa, kỷ luật và niềm tin tập thể được đề cao. Bối cảnh lịch sử - truyền thống được nhìn nhận như dòng chảy liên tục của các sự kiện trong quá khứ. Đó là lịch sử hình thành, chiến đấu và phát triển của QĐNDVN nói chung và các nhà trường quân đội nói riêng, có vai trò đặt nền móng xây dựng nên hệ giá trị, chuẩn mực, định hướng hành vi, hình thành nên đặc trưng riêng của văn hóa giáo dục quân sự và sắc thái riêng của mỗi nhà trường.

Quân đội nhân dân Việt Nam được thành lập ngày 22/12/1944 nhằm đáp ứng yêu cầu cấp bách của sự nghiệp giải phóng dân tộc. Trải qua hơn 80 năm xây dựng và chiến đấu, QĐNDVN đã giành được nhiều thắng lợi oanh liệt trong các cuộc chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc, hiện đang xây dựng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Trong bối cảnh lịch sử này, QĐNDVN đã hun đúc nên truyền thống vẻ vang, được Chủ tịch Hồ Chí Minh khái quát trong lời khen ngợi: *“Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”*. Truyền thống này được truyền tải qua các bài học lịch sử, được cụ thể hóa trong khẩu hiệu hành động, nghi lễ quân sự, các biểu trưng văn hóa và thấm vào các hoạt động giáo dục thông qua chương trình đào tạo, sinh hoạt chính trị, văn hóa và các phong trào thi đua. Như vậy, truyền thống

quân đội tạo nên một tầng văn hóa giá trị, có chức năng duy trì, cố kết và lan tỏa các chuẩn mực văn hóa giáo dục quân sự qua các thế hệ cán bộ, học viên.

Khác với hệ thống giáo dục dân sự, các nhà trường QĐNDVN ra đời từ chiến trường, trưởng thành trong thử thách và được tôi luyện qua các cuộc kháng chiến. Trường học quân sự đầu tiên là “Trường Quân chính kháng Nhật” thành lập ngày 15/4/1945 trong những ngày đầu kháng chiến. Từ đó, cùng với sự lớn mạnh của QĐNDVN, hệ thống nhà trường quân đội phát triển nhanh chóng kịp thời đáp ứng nhiệm vụ chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước. Việc thành lập các cơ sở đào tạo như HVKTQS (1966), HVCT (1951), TSQPB (1957) gắn liền với nhiệm vụ giải phóng dân tộc và xây dựng quân đội trong từng giai đoạn lịch sử.

Học viện Kỹ thuật quân sự được thành lập ngày 08/8/1966 trong bối cảnh đất nước bước vào giai đoạn kháng chiến chống Mỹ, nhu cầu xây dựng lực lượng cán bộ kỹ thuật có trình độ cao trở thành nhiệm vụ cấp bách. Với mục tiêu ban đầu: “Đào tạo những kỹ sư chuyên ngành cho các quân binh chủng có trình độ giác ngộ chính trị cao, kỹ thuật giỏi, hiểu biết về quân sự, để đáp ứng được yêu cầu quản lý, bảo quản sử dụng trang bị kỹ thuật ngày càng hiện đại của quân đội” [54, tr20], HVKTQS ra đời kịp thời phục vụ cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và nhu cầu xây dựng quân đội chính quy, hiện đại.

Học viện Chính trị với tiền thân là Trường Chính trị trung cấp QĐNDVN, thành lập tháng 7 năm 1951 sau Chiến dịch Biên giới trong những năm tháng ác liệt của cuộc kháng chiến chống Pháp. Sự ra đời của HVCT nhằm mục đích “trực tiếp nghiên cứu đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đường lối kháng chiến lâu dài theo quan điểm Đại hội II Đảng Cộng sản Việt Nam để nâng cao ý thức giác ngộ giai cấp, dân tộc, nhận thức sâu sắc đường lối của Đảng cho đội ngũ cán bộ chính trị” [38, tr.140], đáp ứng yêu cầu xây dựng sức mạnh chính trị, tinh thần cho các đơn vị quân đội góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Trường Sĩ quan Pháo binh ra đời ngày 17/2/1957 trong bối cảnh cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước chuyển sang giai đoạn mới “Sẵn sàng chiến

đấu bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc” [125, tr.20]. Lực lượng pháo binh với vai trò là “Hỏa lực mặt đất chủ yếu của Lục quân”, có bước phát triển mạnh với quy mô tương đối lớn, bao gồm pháo mặt đất, pháo cao xạ, pháo phòng thủ bờ biển. Do đó, TSQPB được thành lập nhằm chính quy, tiến tới hiện đại hóa đội ngũ cán bộ pháo binh, đáp ứng yêu cầu cấp thiết của chiến trường.

Các nhà trường đã xây dựng nên truyền thống “dạy tốt, học tốt, đoàn kết tốt, kỷ luật nghiêm, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ” [3 tr.10], trở thành một bộ phận không thể tách rời của hệ thống giáo dục quốc dân. Truyền thống nhà trường quân đội là sự kết tinh của văn hóa chiến đấu và văn hóa học tập. Do đó, văn hóa giáo dục gắn bó mật thiết với nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu để hình thành nên một nền văn hóa giáo dục mang tính thực tiễn, chiến đấu và cách mạng sâu sắc.

Trong bối cảnh hiện đại, khi giáo dục quân sự đang từng bước tiếp cận với các chuẩn quốc tế và đổi mới theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, lịch sử - truyền thống là “mạch nguồn văn hóa” đảm bảo tính ổn định và liên tục cho văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội. Nói cách khác, lịch sử - truyền thống văn hóa vẫn giữ vai trò là nền tảng tinh thần, định hình nên sắc thái riêng của văn hóa giáo dục quân sự.

** Bối cảnh chính trị - tư tưởng*

Dưới tác động trực tiếp của bối cảnh chính trị Việt Nam, sự hình thành và phát triển của các nhà trường quân đội gắn liền với bản chất cách mạng của QĐNDVN. Xuất phát từ yêu cầu của cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giải phóng dân tộc, QĐNDVN ra đời do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp tổ chức, lãnh đạo, giáo dục và rèn luyện. Hơn 80 năm chiến đấu, xây dựng và phát triển, QĐNDVN xứng đáng là công cụ bạo lực sắc bén của cách mạng, lực lượng chính trị đặc biệt tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Với vai trò là cái nôi đào tạo đội ngũ cán bộ, sĩ quan cho quân đội, nhà trường quân đội đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện của Đảng, trực tiếp là Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng. Đặt trong hệ thống giáo dục quốc gia,

nhà trường quân đội chính là thiết chế chính trị - tư tưởng đặc thù của Đảng ở lĩnh vực quốc phòng, nơi đào tạo và rèn luyện lực lượng vũ trang cách mạng, trung thành tuyệt đối với Đảng, Nhà nước, Tổ quốc và Nhân dân, khẳng định vị thế đặc thù của giáo dục quân sự trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Trong nhà trường quân đội, đường lối, quan điểm của Đảng, tư tưởng chủ tịch Hồ Chí Minh về con người, giáo dục và quân đội là kim chỉ nam định hướng sứ mệnh, mục tiêu giáo dục quân sự. Đây là nguyên tắc mang tính căn bản, chi phối toàn bộ hoạt động của nhà trường quân đội.

Bối cảnh chính trị tạo nền tảng vững chắc để các giá trị cốt lõi trung thành, kỷ luật nghiêm minh, tinh thần phụng sự hình thành và phát triển, góp phần xây dựng nên hình mẫu nhân cách người quân nhân “vừa hồng, vừa chuyên”. Trong bối cảnh này, vai trò của nhà trường quân đội không chỉ là cơ sở đào tạo kiến thức, kỹ năng quân sự, mà còn là môi trường bồi dưỡng bản lĩnh chính trị, phẩm chất, nhân cách quân nhân cách mạng. Do đó, văn hóa giáo dục quân sự mang đậm tính chính trị, thể hiện rõ trong mục tiêu đào tạo, nội dung chương trình, phương pháp giáo dục cũng như môi trường học tập và sinh hoạt.

Bối cảnh chính trị thể hiện rõ ở việc lồng ghép nhiệm vụ chính trị trong nội dung, chương trình giảng dạy và các hình thức, phương pháp giáo dục. Chương trình đào tạo được triển khai đồng bộ bao gồm các môn học như: Triết học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước và pháp luật, Công tác Đảng công tác chính trị, Lịch sử đường lối quân sự.... tạo thành một mạng lưới giáo dục chính trị mang tính hệ thống. Bên cạnh đó, việc học tập các chuyên đề thời sự, nghị quyết, diễn đàn chính trị - tư tưởng được tổ chức định kỳ, thường xuyên có vai trò định hướng thái độ, nhận thức và hành vi quân nhân.

Phương pháp giáo dục chính trị không chỉ dựa trên truyền đạt lý thuyết mà còn kết hợp chặt chẽ giữa tuyên truyền - nêu gương - thực hành - rèn luyện tập thể, nhằm “hiện thực hóa” tư tưởng chính trị thành hành vi văn hóa thường ngày. Những khẩu hiệu, các nghi lễ giàu tính biểu tượng chính trị như lễ chào cờ, lễ kết nạp Đảng, lễ tuyên thệ, các hoạt động học tập nghị quyết, sinh hoạt

chi bộ, kỷ niệm ngày truyền thống Quân đội, ngày thành lập Đảng; các cuộc vận động, phong trào thi đua *“Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh “Bộ đội cụ Hồ”, “Thanh niên quân đội vươn tới những đỉnh cao”, “Thanh niên quân đội tiến quân vào khoa học và công nghệ”....* được tổ chức không những mang tính giáo dục truyền thống mà còn củng cố vững chắc hệ ý thức chính trị, định hình hành vi và thái độ của học viên theo định hướng tư tưởng của Đảng.

Bối cảnh chính trị bao trùm, thấm sâu vào cấu trúc giá trị, biểu tượng và thực hành giáo dục quân sự, góp phần định hướng nhân cách cán bộ, giảng viên, học viên trong nhà trường quân đội. Đây là kết quả của quá trình xã hội hóa mang tính chính trị cao. Các hoạt động, nghi lễ như chào, báo cáo, canh gác, duyệt binh, chào cờ, tuyên thệ,... đều gắn với giá trị chính trị như tính tổ chức, kỷ luật, trách nhiệm trước Tổ quốc và Nhân dân. Yếu tố chính trị trong văn hóa giáo dục đóng vai trò là cơ chế kiểm soát mềm, tạo ra chuẩn mực ứng xử thống nhất, giúp xây dựng và duy trì đội ngũ quân nhân có phẩm chất chính trị vững vàng, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ trong mọi hoàn cảnh.

So với giáo dục dân sự, bối cảnh chính trị là yếu tố nổi bật góp phần tạo nên sắc thái riêng biệt của văn hóa giáo dục quân sự, hình thành hệ giá trị văn hóa riêng biệt, chi phối nhân cách, hành vi, nghi lễ, chuẩn mực và phương thức tổ chức giáo dục quân sự. Đây cũng là cơ chế truyền dẫn tư tưởng bằng văn hóa, tạo ra sự gắn kết giữa quân nhân và lý tưởng cách mạng, giữa nhà trường và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, trong bối cảnh quốc tế có nhiều biến động, các thế lực thù địch lợi dụng không gian mạng để tiến hành “diễn biến hòa bình”, gieo rắc hoài nghi, thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”, cổ súy tư tưởng “phi chính trị hóa quân đội”, hòng làm phai nhạt bản chất cách mạng của quân đội. Điều này trực tiếp đặt ra những thách thức an ninh phi truyền thống đối với nhân tố chính trị của văn hóa giáo dục quân sự. Nhà trường quân đội đặt ra yêu cầu cấp thiết phải xây dựng “kháng thể văn hóa” cho cán bộ, giảng viên, học viên, giúp họ nhận diện, phản biện và loại bỏ các quan điểm sai trái.

** Chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại trong tình hình mới*

Từ khi ra đời, QĐNDVN được xác lập là lực lượng vũ trang trung thành của Đảng, của nhân dân, giữ vai trò “đội quân chiến đấu, đội quân công tác và sản xuất” [115], phục vụ nhiệm vụ quốc phòng - an ninh. Theo Luật Quốc phòng 2018, QĐNDVN có chức năng, nhiệm vụ chủ yếu là “sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu bảo vệ Tổ quốc; thực hiện công tác vận động, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; lao động sản xuất, kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội, tham gia phòng thủ dân sự, cùng toàn dân xây dựng đất nước; thực hiện nghĩa vụ quốc tế” [115].

Xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ trên, trong tình hình mới, Đảng và Nhà nước xác định rõ mục tiêu, yêu cầu xây dựng QĐNDVN theo hướng “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại” nhằm bảo vệ vững chắc Tổ quốc và góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh, phồn vinh. Những yêu cầu này là định hướng chiến lược lâu dài, nhằm đưa QĐNDVN đáp ứng tốt hơn các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống trong bối cảnh hội nhập và cách mạng khoa học - công nghệ hiện nay.

Bối cảnh chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu xây dựng quân đội chi phối toàn bộ mô hình văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội, in dấu trong mục tiêu, nội dung và phương pháp GD - ĐT quân sự. Chức năng chiến đấu quy định tính chiến đấu, kỷ luật và bản lĩnh chính trị là giá trị trung tâm của văn hóa giáo dục. Nhà trường quân đội trở thành nơi “tái sản xuất” phẩm chất chiến đấu của người quân nhân trong điều kiện hòa bình: tinh thần sẵn sàng chiến đấu, ý chí vượt khó, kỷ luật nghiêm minh và tinh thần tập thể. Điều này hình thành môi trường giáo dục có đặc trưng kỷ luật cao, tính hệ thống chặt chẽ, hành vi chuẩn mực và nghi lễ nghiêm cẩn. Văn hóa giáo dục trong nhà trường vì vậy mang màu sắc đặc thù quân sự: đề cao tinh thần phục tùng tổ chức, tính thứ bậc, sự chính xác, trật tự và lòng trung thành.

Chức năng công tác quy định tính nhân văn, tính cộng đồng và định hướng phục vụ nhân dân trong hoạt động giáo dục. Giáo dục quân sự không chỉ

đào tạo người lính chiến đấu mà còn đào tạo con người có năng lực xã hội, có khả năng tuyên truyền, vận động, giúp đỡ, gắn bó và gần gũi với nhân dân. Các chương trình giáo dục chính trị, công tác Đảng - công tác chính trị, phong trào “Dân vận khéo”, “Đền ơn đáp nghĩa”, “Ngày chủ nhật xanh”, nhiệm vụ cứu hộ cứu nạn... đều được triển khai thường xuyên trong nhà trường, góp phần bồi dưỡng hệ giá trị nhân văn, tình đồng chí, đồng bào, tạo nền tảng đạo đức - văn hóa của người quân nhân cách mạng.

Chức năng lao động sản xuất định hướng tính sáng tạo, năng động và thực tiễn. Hoạt động sản xuất, nghiên cứu khoa học, xây dựng mô hình huấn luyện, công nghệ mô phỏng trong các nhà trường là biểu hiện của chức năng này trong môi trường giáo dục. Các nhà trường vì thế không chỉ là trung tâm đào tạo mà còn là trung tâm tri thức, nghiên cứu - ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ quốc phòng, an ninh và phát triển đất nước.

Trong tình hình mới, yêu cầu xây dựng QĐNDVN “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại” theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ XII tiếp tục định hướng chiến lược cho văn hóa giáo dục trong các nhà trường quân đội. “Cách mạng” đòi hỏi giáo dục quân đội phải kiên định lý tưởng, trung thành tuyệt đối với Đảng, Tổ quốc và nhân dân; “chính quy” yêu cầu chuẩn hóa từ tư duy, tổ chức đến hành vi văn hóa trong giảng dạy, học tập, quản lý; “tinh nhuệ” gắn với việc phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, học viên có trình độ chuyên môn cao và nhân cách văn hóa mẫu mực; “hiện đại” thể hiện qua việc ứng dụng công nghệ số, đổi mới phương pháp giáo dục, xây dựng nhà trường thông minh, gắn kết giữa tri thức, đạo đức và kỹ năng số.

Như vậy, bối cảnh chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu xây dựng quân đội trong giai đoạn mới không những quy định mục tiêu, nội dung và phương thức giáo dục mà còn tác động toàn diện đến cấu trúc giá trị và bản sắc văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội. Dưới góc độ văn hóa học, đó là sự kết hợp hài hòa giữa tính cách mạng, nhân văn, hiện đại, góp phần bồi đắp nên hệ giá trị định

hướng nhân cách người quân nhân cách mạng đặt nền tảng để các nhà trường quân đội không ngừng đổi mới mô hình đào tạo, phát triển văn hóa tổ chức.

** Thể chế và tổ chức quân đội*

Thể chế và tổ chức quân đội tạo ra “môi trường văn hóa” đặc thù cho nhà trường quân đội. Xét về cơ cấu, nhà trường quân đội là một thiết chế kép: vừa là đơn vị quân đội, vừa là cơ sở GD-ĐT, vừa chịu sự quản lý của Bộ Quốc phòng, vừa chịu sự chỉ đạo chuyên môn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Do đó, cơ chế vận hành và mô hình tổ chức của nhà trường quân đội khác biệt căn bản với các cơ sở giáo dục dân sự.

Trong cơ cấu tổ chức, nhà trường quân đội mang đầy đủ các thành tố tương tự một đơn vị chiến đấu: lãnh đạo, chỉ huy, chính ủy, cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật. Học viên được tổ chức, biên chế theo các hệ, tiểu đoàn, đại đội, trung đội, tiểu đội. Cơ chế vận hành thực hiện theo quy trình quản lý hệ thống, đồng bộ và thống nhất. Mọi quy định, quy chế, điều lệnh, điều lệ về GD - ĐT, thi đua khen thưởng... được quy định chặt chẽ. Đó vừa là công cụ quản lý hành chính, vừa là phương tiện tái tạo và điều chỉnh hành vi văn hóa của các chủ thể. Đặc thù của văn hóa giáo dục quân sự ở chỗ các giá trị văn hóa không chỉ được giáo dục, tuyên truyền mà còn được chuyển hóa thành quy định, luật lệ, mệnh lệnh quân sự để duy trì sự thống nhất, ổn định và liên tục của văn hóa, qua đó khẳng định rõ chức năng định hướng và bảo toàn bản sắc văn hóa quân sự của nhà trường.

Các nhà trường quân đội thực hiện đầy đủ các chế độ quy định như mọi đơn vị quân đội, đồng thời gắn với chức năng, nhiệm vụ chuyên biệt của từng trường. Các nhà trường duy trì nghiêm ngặt 11 chế độ trong ngày, 3 chế độ trong tuần cùng kế hoạch công tác hàng tháng. Mọi hoạt động học tập, sinh hoạt chủ yếu diễn ra trong doanh trại theo thời gian biểu chặt chẽ. Bên cạnh đó, các hoạt động rèn luyện là nhiệm vụ bắt buộc nhằm hình thành phẩm chất, nhân cách của người sĩ quan quân đội. Nội dung rèn luyện rất phong phú, từ rèn luyện thể lực, hành quân dã ngoại, canh gác, trực sẵn sàng chiến đấu đến tăng gia sản xuất, tham gia diễn tập tại đơn vị... nhằm rèn luyện khả năng chịu đựng

gian khổ, phương pháp tác phong lãnh đạo, chỉ huy đến thói quen chấp hành kỷ luật, rèn luyện đạo đức lối sống trong môi trường hoạt động quân sự. Ngoài ra, các chủ thể còn tham gia các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao, giao lưu do đơn vị tổ chức.

Cấu trúc tổ chức và phương thức vận hành kiểu quân sự - sư phạm quy định sự phân cấp chặt chẽ theo cấp bậc, chức vụ và vai trò quản lý. Mỗi chủ thể trong nhà trường được định vị trong mối quan hệ chức năng - quyền lực rõ ràng. Trong đó, cán bộ lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp chỉ đạo, điều hành, điều chỉnh hệ thống văn hóa giáo dục. Giảng viên, CBQLHV truyền tải giá trị, chuẩn mực, điều chỉnh hành vi, trực tiếp giáo dục, rèn luyện học viên. Học viên là đối tượng tiếp nhận giá trị thông qua học tập, rèn luyện, sinh hoạt tập thể. Mối quan hệ ứng xử giữa các chủ thể được xây dựng trên cơ sở thấm nhuần đạo lý “tôn sư trọng đạo”, chuẩn mực “Bộ đội Cụ Hồ”, điều lệnh, điều lệ của quân đội và truyền thống, quy định của Nhà trường, đơn vị. Đó là các mối quan hệ chuẩn mực, tốt đẹp giữa các chủ thể mà cốt lõi là quan hệ cấp trên - cấp dưới, thầy - trò, đồng chí - đồng đội.

Như vậy, văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội là một hiện tượng văn hóa đặc thù, được hình thành và phát triển trong điều kiện chính trị - xã hội - quân sự cụ thể của đất nước, chịu sự chi phối đa chiều của các yếu tố lịch sử, chính trị, xã hội, tổ chức và bối cảnh toàn cầu hóa. Việc nhận diện và phân tích các yếu tố bối cảnh giúp cung cấp nền tảng lý luận và thực tiễn để đi sâu khảo sát, phân tích các biểu hiện cụ thể của văn hóa giáo dục và các vấn đề đặt ra trong giai đoạn hiện nay.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 của luận án đã tập trung khái quát đặc điểm của hệ thống nhà trường QĐNDVN và nhận diện bối cảnh có ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành, vận động của văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội hiện nay.

Trước hết, hệ thống nhà trường quân đội được xác định là một thiết chế kép đặc thù, vừa tính chất của một đơn vị quân đội, vừa là trung tâm GD-ĐT và nghiên cứu khoa học. Ba nhà trường tiêu biểu được lựa chọn khảo sát: HVKTQS, HVCT và TSQPB đại diện cho các loại hình đào tạo khác nhau, có bề dày lịch sử và truyền thống, đồng thời đang đứng trước yêu cầu đổi mới, hiện đại hóa trong bối cảnh mới. Sự đa dạng về loại hình, chức năng, truyền thống và giá trị của ba nhà trường tạo điều kiện cho luận án tiếp cận văn hóa giáo dục trong quân đội từ góc nhìn đa chiều, qua đó làm nổi bật tính thống nhất trong đa dạng của hệ thống văn hóa giáo dục quân sự.

Về bối cảnh tác động, chương 2 đã nhận diện bối cảnh đa tầng của văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội, từ bối cảnh quốc tế đến tính hình kinh tế, văn hóa, xã hội Việt Nam đương đại và bối cảnh đặc thù của QĐNDVN. Các chiều cạnh này không chỉ là “phông nền khách quan” mà còn là thành tố cấu thành, chi phối hệ giá trị, nhân cách, thực hành và các yếu tố ngoại hiện của văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội. Trong đó, mối quan hệ hữu cơ giữa truyền thống cách mạng, lý tưởng chính trị của Đảng, yêu cầu hiện đại hóa quân đội với sự vận động của xã hội đương đại và ảnh hưởng của công nghệ số được nhấn mạnh tạo nên một môi trường văn hóa sư phạm đặc thù. Việc nhận diện bối cảnh này cũng cho thấy văn hóa giáo dục quân sự là hiện tượng động, luôn biến đổi trong tương tác với lịch sử, chính trị, xã hội, cách mạng công nghiệp, kinh tế tri thức và toàn cầu hóa.

Như vậy, chương 2 đã đặt nền tảng cho nghiên cứu văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội, giúp xác định tính đại diện của trường hợp nghiên cứu và đặc thù của nhà trường quân đội, từ đó tạo điều kiện cho việc khảo sát, phân tích các thành tố văn hóa giáo dục trong chương tiếp theo.

Chương 3. NHẬN DIỆN VĂN HOÁ GIÁO DỤC TRONG NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM HIỆN NAY

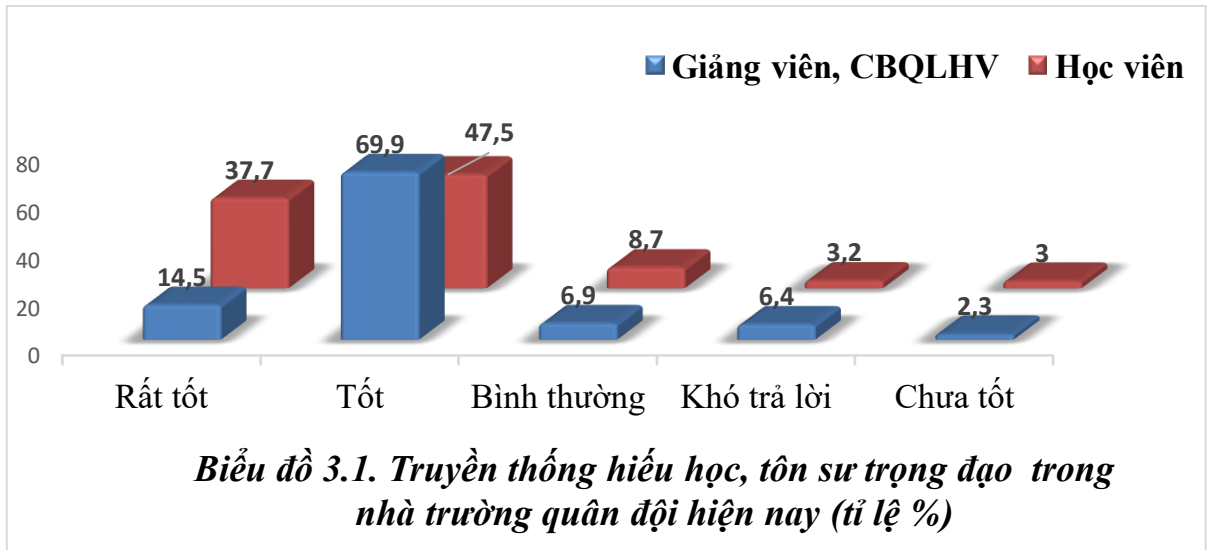
Trên cơ sở xác định khung phân tích gồm 4 thành tố: giá trị, nhân cách, thực hành, ngoại hiện, chương 3 tập trung phân tích các biểu hiện cụ thể của văn hóa giáo dục trong các nhà trường quân đội hiện nay. Việc khảo sát, phân tích được tiến hành dựa trên dữ liệu điều tra xã hội học, quan sát thực tế và phỏng vấn sâu tại ba nhà trường: HVKTQS, HVCT, TSQPB. Đồng thời, từ quan niệm của G.Hofstede coi văn hóa như “hệ điều hành” hay “phần mềm được lập trình vào tư duy con người”, kết hợp vận dụng quan điểm của lý thuyết cấu trúc - chức năng, luận án lý giải vai trò, ý nghĩa các thành tố văn hóa giáo dục trong việc duy trì và phát triển nhà trường quân đội.

3.1. THANG BẬC GIÁ TRỊ VĂN HÓA

Luận án xác lập hệ thống thang bậc giá trị văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội gồm ba tầng: (1) Giá trị giáo dục truyền thống nền tảng (hiếu học, “tôn sư trọng đạo”), (2) Giá trị đặc trưng của quân đội (“Bộ đội Cụ Hồ”) (3) Giá trị cốt lõi riêng của mỗi nhà trường. Các tầng giá trị không tồn tại biệt lập mà đan xen giữa truyền thống - hiện đại, phổ quát - đặc thù trong quá trình hình thành nhân cách người quân nhân cách mạng ở môi trường sư phạm quân sự.

3.1.1. Giá trị hiếu học và tôn sư trọng đạo

Trong truyền thống văn hóa giáo dục Việt Nam, hiếu học và tôn sư trọng đạo là những giá trị cốt lõi, phản ánh tinh thần đề cao tri thức, kính trọng người thầy. Trong môi trường đề cao tính kỷ luật và truyền thống của nhà trường quân đội, hai giá trị này đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành nhân cách người quân nhân cách mạng, đồng thời là nền tảng xây dựng nền văn hóa giáo dục quân sự kỷ cương, nhân văn, bền vững. Hiếu học và tôn sư trọng đạo không chỉ là một chuẩn mực đạo lý mà còn là thước đo chất lượng và chiều sâu văn hóa giáo dục của nhà trường quân đội. Khảo sát tại 3 nhà trường cho thấy các giá trị này được duy trì vững chắc trong môi trường sư phạm quân sự, cụ thể:

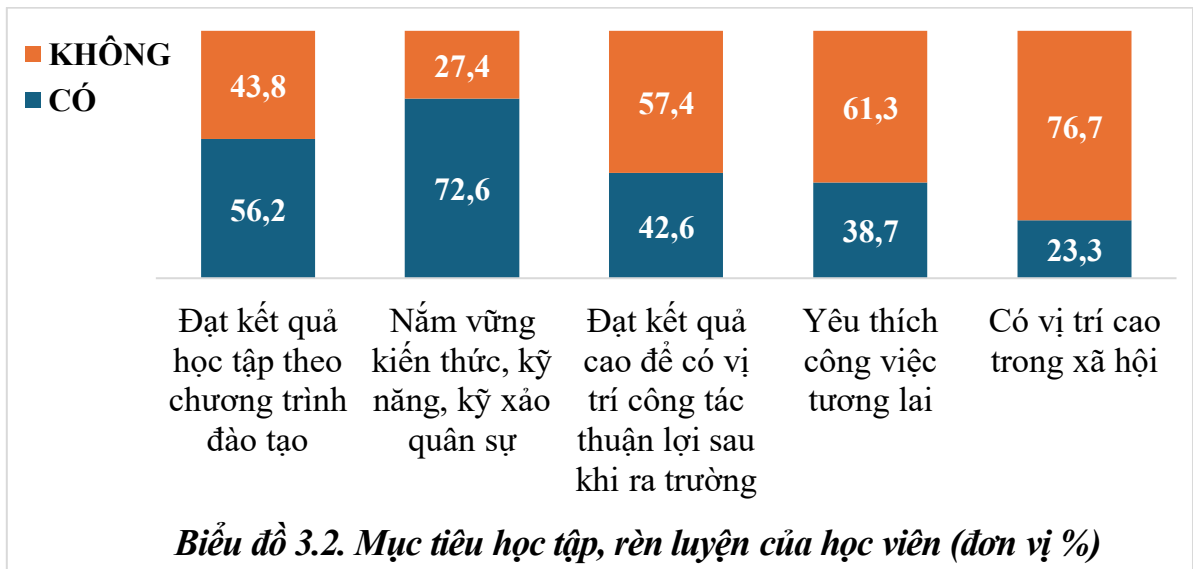


Truyền thống hiếu học và tôn sư trọng đạo được phát huy rất tốt ở các nhà trường quân đội : 84,4% giảng viên, CBQLHV và 85,2% học viên đánh giá “tốt” và “rất tốt”. Điều này phản ánh sự kế thừa và lan tỏa sâu rộng của tinh thần ham học và kính trọng người thầy trong đời sống nhà trường.

Tuy nhiên, hiếu học trong môi trường quân sự có những biểu hiện đặc thù so với giáo dục dân sự. Nếu như ở ngoài xã hội, hiếu học chủ yếu thể hiện qua nỗ lực học tập nâng cao tri thức cá nhân, thì trong nhà trường quân đội, tinh thần hiếu học gắn liền với kỷ luật và hành động thực tiễn. Theo nhận xét của GV1: “*Tinh thần hiếu học của học viên thể hiện ở sự nghiêm cẩn trên thao trường, tinh thần cầu tiến trong huấn luyện, thực hành, nghiên cứu khoa học và tính tự giác trong tự học, tự rèn, tinh thần học tập suốt đời. Bởi vì, người học viên không chỉ cần nắm vững kiến thức mà còn phải tư duy nhanh - hành động chính xác - kỷ luật nghiêm để đáp ứng với yêu cầu cao của hoạt động quân sự*”. Hiếu học của người học viên quân đội là biểu hiện của trách nhiệm công dân - người lính, của lý tưởng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thông qua tri thức.

Để phát huy truyền thống hiếu học, các nhà trường quân đội đã triển khai nhiều mô hình, phong trào thi đua dạy tốt, học tốt. Chẳng hạn, HVKTQS triển khai các mô hình “Giờ giảng kiểu mẫu” tại Khoa Ngoại ngữ, Khoa Vô tuyến điện tử; “Phòng thí nghiệm gọn gàng, ngăn nắp, sử dụng, bảo quản thiết bị tốt”

tại Khoa Cơ khí, Khoa Vũ khí, Hàng không vũ trụ.... HVCT triển khai xây dựng mô hình “Giảng viên mẫu mực, bài giảng hay, giờ giảng tốt”, “Học giỏi, rèn nghiêm, nghiên cứu khoa học tốt”, TSQPB thi đua 5 tốt “Dạy tốt, học tốt, nghiên cứu khoa học tốt, công tác tốt, phục vụ tốt”;... cùng với các phong trào “Học tốt, rèn nghiêm”, “Đôi bạn học tập”... Những hoạt động này tạo môi trường thi đua lành mạnh, khuyến khích học viên nỗ lực học tập và rèn luyện, góp phần duy trì nề nếp hiếu học trong toàn trường. Giá trị này còn thấm sâu vào động cơ, mục đích học tập của học viên, phản ánh giá trị hiếu học bền vững. Khảo sát về mục tiêu học tập, rèn luyện tại ba nhà trường kết quả sau:



Khảo sát cho thấy 72,6% học viên đặt mục tiêu “nắm vững kiến thức, kỹ năng quân sự”; 56,2% mong muốn “đạt kết quả học tập theo chương trình đào tạo”. Những con số này minh chứng rằng phần lớn học viên có ý thức học tập nghiêm túc, coi trọng việc tiếp thu tri thức, kỹ năng chuyên môn. Trong điều kiện học tập và huấn luyện đặc thù với kỷ luật cao, cường độ lớn, tỉ lệ học viên có động cơ học tập rõ ràng là dấu hiệu tích cực cho thấy giá trị hiếu học đang được phát huy mạnh mẽ. Đặc biệt, học viên chú trọng nhiều đến kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ, tức là học đi đôi với thực hành - điều rất cần thiết để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sau khi ra trường.

Cùng với hiếu học, tôn sư trọng đạo cũng là giá trị đạo đức được đề cao trong nhà trường quân đội. Sự tôn kính đối với người thầy - người chỉ huy, thể

hiện qua tác phong lễ phép chào hỏi, tinh thần phục tùng mệnh lệnh và noi gương. Theo quan điểm của CBQL1: *“Hành vi tôn sư không chỉ là chào hỏi, thưa gửi mà còn là sự kính trọng về trí tuệ và nhân cách, sự lắng nghe và tuân thủ mệnh. Trong nhà trường quân đội có tính phân cấp chặt chẽ, kỷ luật nghiêm minh, “tôn sư trọng đạo” có chức năng duy trì sự phân cấp vai trò giữa cán bộ - học viên trong cơ chế mệnh lệnh - phục tùng”*. Tôn sư trọng đạo trong môi trường quân sự không đơn thuần là nét văn hóa ứng xử thầy - trò, mà là cơ chế điều tiết hành vi giúp duy trì trật tự tôn ti, kỷ cương, từ đó, học viên điều chỉnh bản thân theo mô hình người quân nhân mẫu mực.

Truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo được thể hiện rõ nét qua các nghi lễ tôn vinh người thầy. Hằng năm, vào dịp Ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11), các nhà trường quân đội đều tổ chức trọng thể lễ mít tinh kỷ niệm và nhiều hoạt động tri ân sôi nổi. Quan sát thực tế tại ba nhà trường cho thấy: từ đầu tháng 11, các cơ quan chức năng phối hợp cùng đoàn thể tổ chức hội thảo, tọa đàm tôn vinh thầy cô (với các chủ đề như “Tình thầy - trò”, “Người lái đò thầm lặng”...); phát động “Tuần học tập kiểu mẫu” (HVKTQS); thao giảng cấp khoa, cấp trường (TSQPB); đẩy mạnh tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh, bảng tin; tổ chức văn nghệ, thi thể thao trong toàn trường, đỉnh cao là Lễ mít tinh trọng thể vào ngày 20/11. Những nghi lễ và hoạt động này tạo nên không gian văn hóa sư phạm - quân sự đặc thù, vừa âm áp nghĩa tình thầy trò, vừa trang nghiêm kỷ luật, đồng thời, góp phần chuyển hóa văn hóa, củng cố niềm tin của người học vào các giá trị giáo dục cốt lõi mà nhà trường và người thầy đại diện.

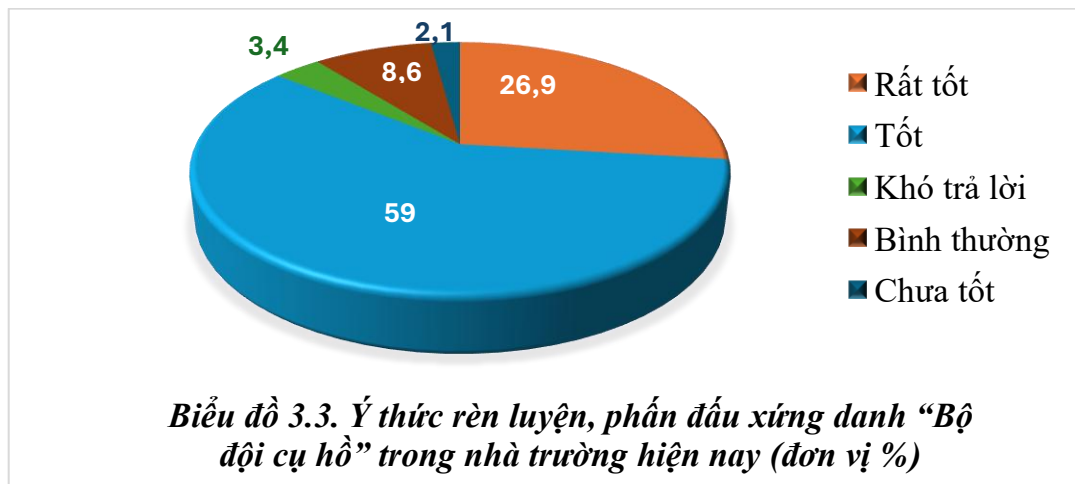
Nhìn chung, các giá trị truyền thống như hiếu học và tôn sư trọng đạo đang được duy trì khá tốt trong các nhà trường quân đội hiện nay. Đây là những giá trị phổ quát, tạo cầu nối giữa văn hóa giáo dục quân sự và dân tộc. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận (khoảng 15,6% giảng viên, CBQLHV và 14,9% học viên) cho rằng việc phát huy những giá trị này chưa thực sự tốt. Điều này cho thấy việc giáo dục giá trị vẫn cần tiếp tục được quan tâm để thấm sâu hơn nữa vào nhận thức và hành vi của mỗi cá nhân.

3.1.2. Giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ”

Bên cạnh lớp giá trị phổ quát, nhà trường quân đội còn mang hệ giá trị đặc thù của quân đội, tiêu biểu nhất là giá trị “Bộ đội Cụ Hồ”. Đây là hệ giá trị trung tâm, hòa quyện những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc với yêu cầu thời đại, gắn liền với truyền thống vẻ vang của quân đội.

Nghị quyết số 847-NQ/QUTW (2021) đã khái quát 5 đặc trưng cơ bản của phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” tập trung ở những nội dung cốt lõi: (1) Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân; (2) Đạo đức cách mạng trong sáng, khiêm tốn, giản dị, cần kiệm, liêm chính, không màng danh lợi; (3) Tinh thần trách nhiệm cao, gương mẫu; (4) Đổi mới, sáng tạo, kỷ luật, có lý tưởng phụng sự, sẵn sàng hy sinh vì cộng đồng; (5) Đoàn kết, gắn bó máu thịt với nhân dân. Những phẩm chất này vừa mang tính truyền thống (trung hiếu, kỷ luật, đoàn kết) vừa được bổ sung những yêu cầu thời đại mới (đổi mới, sáng tạo, hội nhập quốc tế). Quán triệt Nghị quyết 847-NQ/QUTW, các nhà trường đẩy mạnh phong trào “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”, “*Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ trong thời kỳ mới*”, tạo hiệu ứng tốt trong nhận thức và hành động của học viên.

Kết quả khảo sát “*Ý thức rèn luyện, phấn đấu xứng danh “Bộ đội Cụ Hồ”*” tại HVKTQS, HVCT, TSQPB phản ánh rõ điều này:



Khảo sát cho thấy 85,9% người trả lời tự đánh giá bản thân có ý thức phấn đấu tốt và rất tốt để xứng danh “Bộ đội Cụ Hồ”. Con số này phác họa một bức tranh khá tích cực: phần lớn giảng viên, cán bộ, học viên thấm nhuần lý tưởng và giá trị đạo đức “Bộ đội Cụ Hồ”, tự giác rèn luyện phẩm chất, lối sống theo chuẩn mực đã được giáo dục.

Môi trường giáo dục quân đội tạo điều kiện thuận lợi để học viên thấm nhuần, hiện thực hóa các giá trị này trong công tác, học tập, sinh hoạt và rèn luyện với nhiều biện pháp được triển khai. HV1 cho biết: *“Hàng năm, 100% học viên trong Hệ đăng ký cam kết tu dưỡng, phấn đấu học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Từng đồng chí chủ động xây dựng nội dung tự tu dưỡng, phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” trong học tập, rèn luyện, học hỏi các tấm gương từ cán bộ, giảng viên và đồng chí, đồng đội.”* CBQL2 bổ sung thêm: *“Đại đội kết hợp chặt chẽ việc phấn đấu, phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” của học viên với nhiệm vụ học tập, rèn luyện và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong đơn vị. Hàng tuần, đại đội biểu dương những học viên có biểu hiện tốt trong học tập, có lối sống đúng chuẩn mực “Bộ đội cụ Hồ”, đồng thời nhắc nhở, phê bình những biểu hiện lệch lạc, xa rời chuẩn mực”*. Nhờ môi trường giáo dục định hướng, đa số học viên được thấm nhuần lý tưởng, củng cố bản lĩnh chính trị và đạo đức cách mạng.

Mặc dù vậy, vẫn có một bộ phận nhỏ (khoảng 11,8%) thừa nhận chưa nỗ lực phấn đấu hoặc còn mơ hồ về mục tiêu rèn luyện. Các văn bản, báo cáo chỉ ra một số tồn tại: *“Còn cán bộ, đảng viên, học viên có biểu hiện trung bình chủ nghĩa, thỏa mãn dừng lại, ngại phấn đấu vươn lên, không yên tâm công tác, vi phạm kỷ luật Quân đội; có trường hợp vi phạm phẩm chất đạo đức của người cán bộ, đảng viên, giáo viên, người quân nhân đến mức buộc phải đưa ra khỏi đội ngũ”* [57, tr.13]; *“Còn trường hợp học viên, nhân viên dao động tư tưởng, thiếu quyết tâm phấn đấu vươn lên, chấp hành các quy định không nghiêm, dẫn đến vi phạm kỷ luật phải xử lý.”* [50, tr.8]. Trên thực tế, trong khi đa số cán bộ, giảng viên, học viên giữ vững phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, vẫn có một bộ phận

chưa tâm huyết, thiếu tu dưỡng, rèn luyện, có biểu hiện sa sút đạo đức nghề nghiệp, có lối sống ích kỷ, thực dụng, chạy theo vật chất dẫn đến lệch chuẩn đạo đức. Thậm chí một số trường hợp cá biệt sa vào tệ nạn xã hội (cờ bạc, vay nợ nặng lãi...) phải xử lý kỷ luật, ảnh hưởng đến hình ảnh “Bộ đội Cụ Hồ”. Trong tình hình này, việc phát huy giá trị “Bộ đội Cụ Hồ” không chỉ là nhiệm vụ giáo dục mà còn là cuộc đấu tranh tư tưởng lâu dài.

Giá trị “Bộ đội Cụ Hồ” là nền tảng định hướng hành vi và lối sống của cán bộ, giảng viên, học viên, đồng thời là kim chỉ nam để các nhà trường quân đội thiết kế chương trình giáo dục, rèn luyện đạo đức, lối sống cho quân nhân.

3.1.3. Giá trị riêng của mỗi nhà trường

Trên nền tảng giá trị văn hóa giáo dục dân tộc và văn hóa quân sự, mỗi nhà trường xác lập hệ giá trị riêng gắn với sứ mạng đào tạo, triết lý giáo dục và lịch sử phát triển của mình. Đây là lớp giá trị thể hiện tính tự chủ văn hóa, là nền móng xây dựng thương hiệu văn hóa nhà trường trong môi trường quân sự.

Học viện Kỹ thuật Quân sự đề cao các giá trị cốt lõi: *"Chính quy - Vững mạnh toàn diện - Dân chủ - Trí tuệ - Đoàn kết - Đổi mới"* [44, tr.13], phản ánh lịch sử phát triển của học viện gắn với đặc thù của môi trường đào tạo sĩ quan kỹ thuật. Trong đó, “Trí tuệ” và “Đổi mới” là hai giá trị trung tâm gắn với sứ mệnh phát triển lực lượng kỹ thuật hiện đại. Giá trị “Trí tuệ” gắn với sứ mạng đào tạo sĩ quan kỹ thuật - lực lượng chủ chốt trong hiện đại hóa quân đội. Đại tướng Võ Nguyên Giáp từng căn dặn HVKTQS phải thực hiện sứ mệnh thiêng liêng của trường đại học là “Trí tuệ, tỏa sáng”, trở thành trung tâm của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật và tư tưởng văn hóa. Ánh sáng trí tuệ từ nhà trường phải lan tỏa khắp nơi [120]. “Đổi mới” là giá trị chiến lược, thể hiện bản lĩnh tiên phong, sáng tạo trong tư duy, phương pháp giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý đào tạo. Đây là biểu hiện sinh động của truyền thống “tự học và sáng tạo” đã được hun đúc qua nhiều thế hệ cán bộ, giảng viên, học viên của Học viện.

Cùng với giá trị cốt lõi, HVKTQS xác lập triết lý giáo dục *“Bản lĩnh - Trí tuệ - Chuyên nghiệp - Hợp tác”*, nhấn mạnh phẩm chất người học viên kỹ

thuật quân sự cần có bản lĩnh vững vàng, trình độ tri thức cao, tác phong chuyên nghiệp và khả năng hợp tác hiệu quả. Các giá trị này thể hiện định hướng xây dựng HVKTQS thành trung tâm nghiên cứu, sáng tạo và ứng dụng công nghệ quốc phòng hàng đầu của Việt Nam và khu vực.

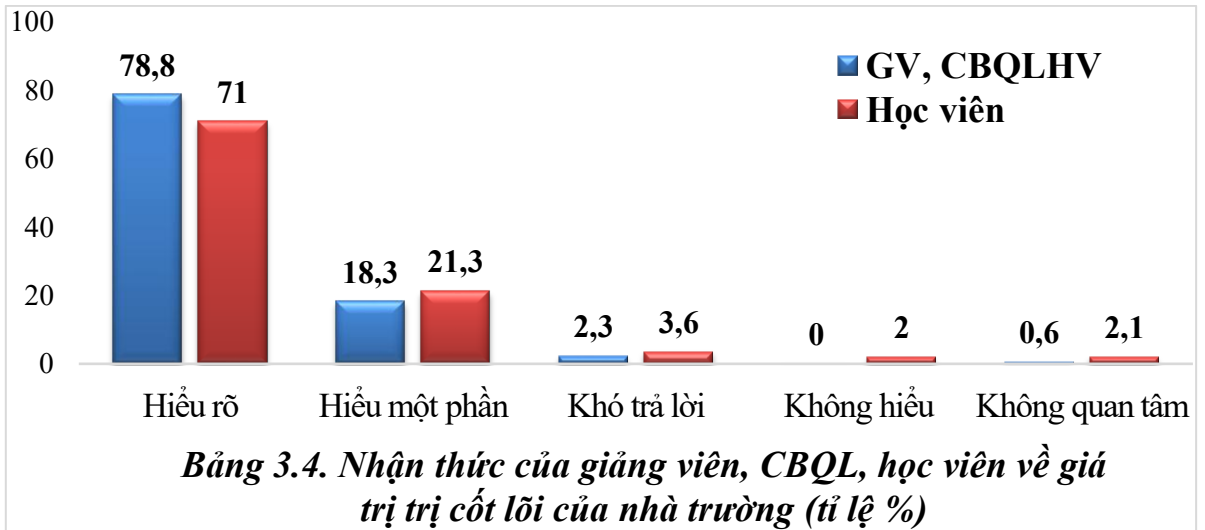
Học viện Chính trị đề ra giá trị cốt lõi: “*Kiên định - Sáng tạo - Kỷ cương - Chất lượng*” [117] với trọng tâm là giữ vững định hướng chính trị tư tưởng và đổi mới trong giảng dạy, học tập và công tác. Các giá trị này bắt nguồn từ truyền thống của quân đội, phù hợp tầm nhìn và sứ mệnh của HVCT. Trong đó, giá trị “Kiên định” nhấn mạnh sự kiên định với mục tiêu lý tưởng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam được đặt lên hàng đầu. Đây là nét đặc trưng nổi bật trong suốt chiều dài 74 năm xây dựng và phát triển của học viện. Trong mỗi giai đoạn, Học viện “luôn kiên định, trung thành với hướng đi, phương châm, phương pháp luận và công khai nhận thức, quan điểm, hành động đồng thời phát triển tư duy sáng tạo, gắn liền lý luận với thực tiễn, nắm vững tinh thần của học thuyết và đường lối của Đảng” [117]. “Sáng tạo” là đề cao tinh thần đổi mới trong học tập, công tác và nghiên cứu. Các tác giả trong cuốn *Lịch sử Học viện Chính trị (1951 - 2021)* ghi nhận: “Là một đơn vị quân đội, mọi hoạt động của Học viện phải tuân theo mệnh lệnh và chỉ thị của cấp trên. Thế nhưng Học viện luôn chủ động và sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ, gắn với thực tiễn đời sống, chiến đấu, nhạy bén phát hiện và giải quyết vấn đề, dự báo nhân tố tác động, những yêu cầu mới mở ra những hướng làm mới, cách làm sáng tạo” [39]. “Kỷ cương” đòi hỏi luôn giữ vững kỷ luật quân đội, coi đó là sức mạnh của Học viện; “Chất lượng” khẳng định ưu tiên hàng đầu là chất lượng GD - ĐT và nghiên cứu khoa học.

Sự kết hợp giữa các giá trị trên thể hiện sắc thái tư tưởng, lý luận đồng thời phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của Học viện, đó là: “*trở thành trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chính trị, nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn quân sự hàng đầu của quân đội và quốc gia, có uy tín cao trong khu vực và trên thế giới*” [41, tr.21].

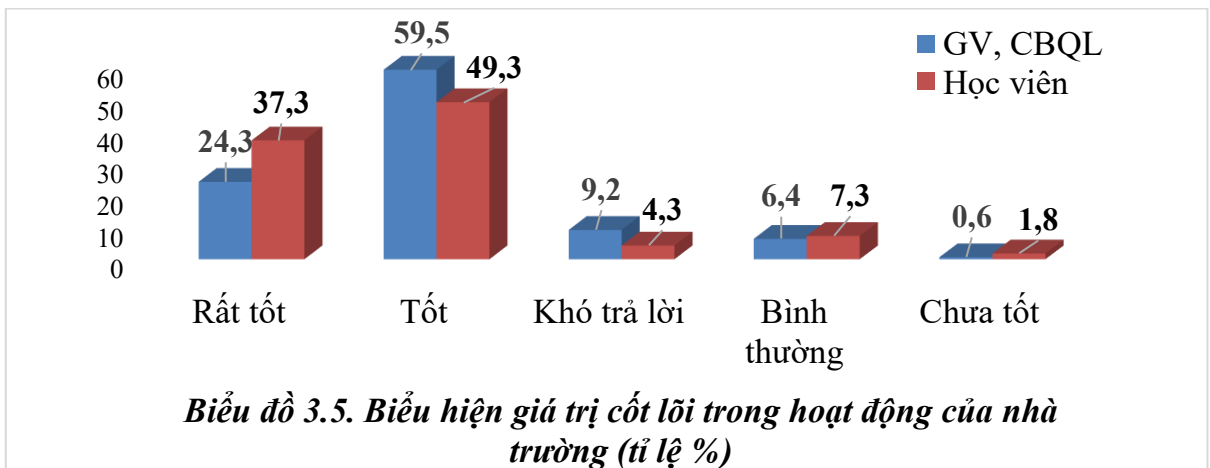
Trường Sĩ quan Pháo binh kế thừa giá trị truyền thống, xác lập phương châm hành động: *“Tự lực, tự cường, chủ động, sáng tạo, dạy tốt, học tốt, công tác tốt”* [98, tr.24] làm hệ giá trị cốt lõi. Trong đó, “Tự lực, tự cường” thể hiện ý chí kiên cường, tinh thần vượt khó để hoàn thành nhiệm vụ. “Chủ động, sáng tạo” thể hiện tư duy đổi mới, năng lực thích ứng với yêu cầu hiện đại hóa quân đội. Theo ý kiến của CBQL3: *“Cán bộ, học viên chấp hành nghiêm mệnh lệnh nhưng không phải là làm giảm tính tự giác, chủ động, sáng tạo. Việc chấp hành nhiệm vụ là nguyên tắc nhưng để thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ, người cán bộ, học viên phải sáng tạo, linh hoạt trong phương pháp tổ chức thực hiện nhiệm vụ”*. Truyền thống “dạy tốt, học tốt, công tác tốt” là ba trụ cột then chốt trong công tác GD-ĐT của nhà trường. “Dạy tốt” không chỉ đảm bảo chất lượng giảng dạy mà còn là yêu cầu về nhân cách, bản lĩnh của người giảng viên. “Học tốt” phản ánh tinh thần hiếu học, tích cực rèn luyện của học viên. “Công tác tốt” nhấn mạnh hiệu quả trong tổ chức huấn luyện, xây dựng chính quy và thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Những giá trị này gắn với sứ mạng, triết lý giáo dục theo hướng ứng dụng, thực tiễn, phù hợp với chức năng đào tạo sĩ quan chỉ huy - tham mưu cấp phân đội của nhà trường, được cụ thể hóa qua phương châm: *“Cơ bản, chuyên sâu, sát thực tế chiến đấu, phù hợp với chức danh đào tạo”* [98, tr.24]. Các giá trị cốt lõi này góp phần hiện thực hóa triết lý giáo dục, bảo đảm nhà trường không chỉ giảng dạy lý thuyết mà còn chú trọng phát triển năng lực thực hành, rèn luyện kỹ năng chỉ huy, tư duy tác chiến cho học viên.

Có thể nói, giá trị riêng được các thành viên hiểu, chấp nhận và thực hành chính là “linh hồn” của nhà trường, định hình nên sắc thái văn hóa nhà trường và định hướng hành vi của mọi thành viên. Kết quả khảo sát về *“Nhận thức về giá trị cốt lõi của các nhà trường”* phản ánh rõ vấn đề này:



Biểu đồ 3.4 cho thấy: Đa số giảng viên, cán bộ quản lý hiểu rõ ý nghĩa các giá trị cốt lõi của trường mình (khoảng 78,8%), tỷ lệ này ở học viên là khoảng 71%, tỉ lệ hiểu một phần lần lượt là 18,3% và 21,3% . Điều này chứng tỏ phần lớn thành viên nhận thức tốt và đồng thuận với giá trị cốt lõi mà nhà trường đề ra. Không chỉ ở nhận thức, giá trị cốt lõi được hiện thực hóa tương đối đồng bộ trong hành vi hàng ngày và hoạt động GD-ĐT. Khảo sát về “*Biểu hiện giá trị cốt lõi trong hoạt động của nhà trường*” cho thấy:



Khoảng 80% giảng viên, cán bộ và 87% học viên đánh giá việc thực hiện các giá trị cốt lõi là “tốt” hoặc “rất tốt”. Các giá trị cốt lõi đang được cụ thể hóa qua các mặt hoạt động của nhà trường. Đối với HVKTQS, dù chưa có công bố chính thức nhưng giá trị cốt lõi của học viện lồng ghép vào chuẩn đầu ra và chiến lược phát triển: “Trong đào tạo: ban hành 5 chuẩn đầu ra đối với học viên quân sự. Yêu cầu cán bộ, giảng viên đổi mới phương pháp dạy học đồng thời

cần đạt chuẩn về chuyên môn và trình độ ngoại ngữ để không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học. Trong nghiên cứu khoa học: ban hành nghị quyết chuyên đề “Đưa hoạt động nghiên cứu khoa học thành hoạt động tự giác”, chương trình hành động đáp ứng yêu cầu của CMCN 4.0 giai đoạn 2018-2025 và những năm tiếp theo; Kế hoạch đạt tiêu chí trường đại học nghiên cứu. Trong công tác quân sự, hành chính, ban hành một loạt các văn bản về xây dựng nề nếp chính quy, rèn luyện kỷ luật.” [44, tr.14].

Tại TSQPB, giá trị văn hóa cốt lõi không chỉ tồn tại trên khẩu hiệu hay trong các văn bản mà đã thấm vào đời sống tập thể, thông qua những phong trào, hội thi, hội thao quân sự, các mô hình hoạt động. CBQL4 giải thích: *“Việc phổ biến giá trị cốt lõi được lồng ghép trong các phong trào, hoạt động như: giáo dục truyền thống, truyền thanh nội bộ, sinh hoạt chuyên đề, nói chuyện, khẩu hiệu, diễn đàn thanh niên, hội trại, thi tìm hiểu truyền thống, công tác thi đua khen thưởng...”*. Việc triển khai hiệu quả hệ giá trị ở ba nhà trường đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và tạo nên sắc thái văn hóa riêng đồng thời gắn kết với tầm nhìn, sứ mạng chiến lược của môi trường.

Mặt khác, một số ý kiến bày tỏ không nắm rõ hoặc không quan tâm đến giá trị cốt lõi của trường mình (2,9% giảng viên, CBQLHV; 7,7% học viên). Các số liệu này tuy nhỏ nhưng hé lộ một số dấu hiệu đáng lo ngại về tính thấm thấu của giá trị văn hóa nhất là trong bối cảnh hội nhập và đa dạng hóa ảnh hưởng xã hội. Một số khác nhận thấy mức độ biểu hiện của các giá trị này không rõ rệt (16,2% giảng viên, CBQL; 13,4% học viên - Biểu đồ 3.5) trong khi tỉ lệ người “hiểu rõ” giá trị cốt lõi nhà trường cao (khoảng 78,8% và 71% - Biểu đồ 3.4) cho thấy sự chênh lệch đáng kể giữa nhận thức và hành động. Sự không tương thích này có thể dẫn đến tình trạng văn hóa giáo dục dần bị “hình thức hóa”, thiếu chiều sâu nội lực để chuyển hóa vào thực tiễn hành động.

Như vậy, sự phân hóa về định hướng giá trị giữa các trường là minh chứng cho tính đa dạng trong thống nhất ở giá trị cốt lõi của quân đội, dân tộc, nhưng đa dạng ở sắc thái văn hóa riêng của từng cơ sở đào tạo. Theo quan điểm

cấu trúc - chức năng, việc duy trì các giá trị và chuẩn mực chung là chức năng sống còn của mọi hệ thống xã hội. Với tư cách thiết chế xã hội đặc thù, các nhà trường quân đội có vai trò then chốt trong việc truyền tải và bảo tồn giá trị văn hóa, là nơi các giá trị, truyền thống, chuẩn mực “cài đặt” vào cá nhân thông qua quá trình giáo dục. Điều này tương đồng với nhận định của Geert Hofstede rằng văn hóa chính là “phần mềm tư duy” định hướng hành vi của con người. Nhờ đó, các thế hệ sĩ quan tương lai sẽ tiếp tục mang những phẩm chất cần thiết để duy trì sức mạnh và bản sắc của dân tộc, quân đội và nhà trường.

Tuy nhiên, khảo sát cũng cho thấy có một bộ phận nhỏ cán bộ, giảng viên, học viên còn hoài nghi hoặc thiếu nhạy bén trong thực hành những giá trị truyền thống. Theo góc nhìn của R. K. Merton, việc một bộ phận cán bộ, giảng viên, học viên chưa phát huy đúng mức các giá trị truyền thống hay không tiếp thu, đồng thuận với các giá trị chung sẽ làm xuất hiện hiện tượng phân hóa và biểu hiện lệch chuẩn trong nhận thức, hành vi, tạo ra những tác động phản chức năng đối với văn hóa nhà trường, làm suy giảm niềm tin, sự cố kết, dễ lan tỏa thành tâm lý “bàng quan, đứng ngoài”. Thực tế khảo sát cũng chỉ ra một khoảng cách nhất định giữa nhận thức và hành động, cho thấy nguy cơ văn hóa giáo dục bị “hình thức hóa” nếu các giá trị không được chuyển hóa thực sự vào hành vi. Do đó, xây dựng và củng cố vững chắc hệ giá trị, làm cho giá trị trở thành niềm tin và động lực nội tại của mỗi chủ thể, chính là điều kiện tiên quyết để tạo nên môi trường giáo dục quân sự lành mạnh, bền vững.

Tóm lại, thang bậc giá trị văn hóa trong nhà trường quân đội hiện nay được duy trì khá bền vững và thống nhất. Những giá trị này được truyền thụ một cách nhất quán qua cả chương trình chính khóa, hoạt động ngoại khóa, thông tám gương điển hình tiên tiến và sự nêu gương. Điều đó phù hợp với nhận định của G.Hofstede rằng các giá trị văn hóa có tính ổn định cao, ít biến đổi dù những yếu tố thực hành hay biểu hiện bề mặt có thể thay đổi theo thời gian. Mặt khác, hệ giá trị văn hóa cũng không tĩnh tại hay đơn tuyến, mà có sự gạn lọc và tích hợp các giá trị mới trong quá trình hiện đại hóa quân đội. Về

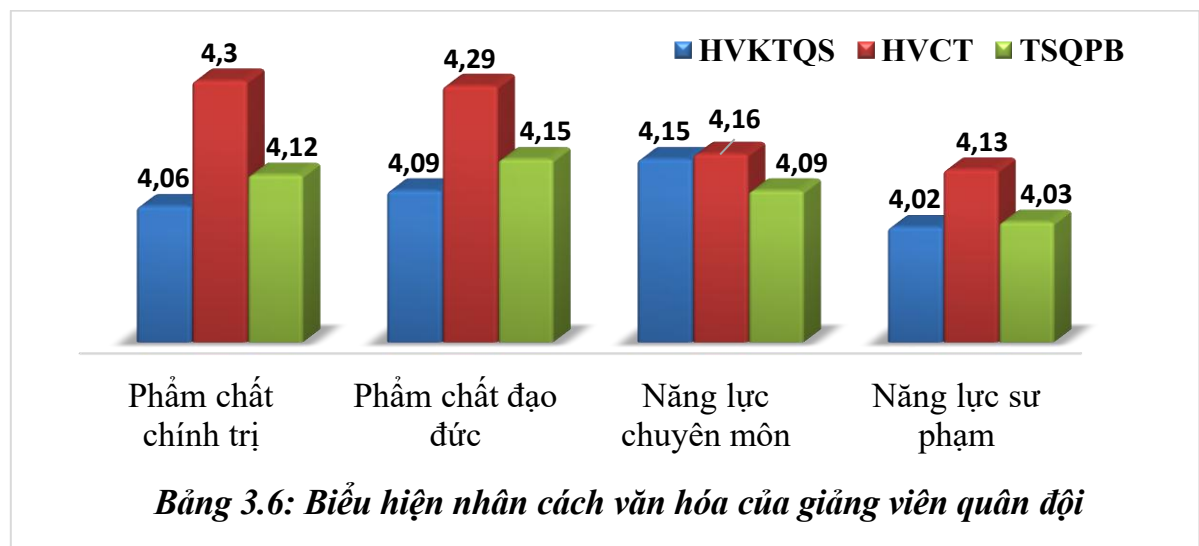
tổng thể, hệ giá trị văn hóa giáo dục quân sự hiện nay vừa bám rễ sâu vào truyền thống dân tộc, quân đội, vừa mở rộng để tiếp thu yếu tố thời đại, tạo nên nền tảng tinh thần vững chắc định hướng cho mọi hoạt động GD-ĐT. Đây chính là “hồn cốt” của văn hóa nhà trường, đảm bảo cho mỗi thế hệ học viên tốt nghiệp đều mang theo hành trang giá trị chung, góp phần duy trì sức mạnh và bản sắc của QĐNDVN trong giai đoạn mới.

3.2. NHÂN CÁCH VĂN HÓA

Từ các giá trị nền tảng, nhà trường quân đội hướng đến xây dựng nhân cách văn hóa cho các thành viên, tức là hình thành nên những con người với phẩm chất, lối sống, hành vi phù hợp với chuẩn mực văn hóa sư phạm - quân sự. Thực tiễn khảo sát cho thấy đặc điểm nhân cách văn hóa của giảng viên, CBQLHV, học viên đều chịu sự định hướng chung của hệ giá trị văn hóa quân sự, do đó có những nét riêng so với môi trường dân sự.

3.2.1. Nhân cách văn hóa giảng viên quân đội

Theo Shonekan và Nguyễn Thị Huyền: “Trong bối cảnh lớp học, người dạy chính là hình mẫu, là minh chứng cho văn hóa giáo dục” [65, tr.6]. Trong nhà trường quân đội, người dạy, người học chính là những hình mẫu nhân cách, đóng vai trò quan trọng trong việc minh chứng cho văn hóa giáo dục quân sự. Khảo sát thực tiễn tại HVKTQS, HVCT, TSQPB đã lượng hóa biểu hiện nhân cách văn hóa giảng viên quân đội như sau:



Kết quả cho thấy, phần lớn giảng viên ở ba trường được đánh giá cao ở tất cả tiêu chí, với điểm trung bình từ 4,02 đến 4,30 trên thang điểm 5. Điều này thể hiện sự thừa nhận mạnh mẽ vai trò của giảng viên trong môi trường sư phạm quân sự. Trên cơ sở số liệu khảo sát, phỏng vấn và quan sát thực tiễn, luận án khái quát đặc trưng nhân cách văn hóa của giảng viên quân đội hiện nay như sau:

Phẩm chất chính trị kiên định, vững vàng: Giảng viên quân đội trước hết là sĩ quan, hầu hết là đảng viên, do đó yêu cầu bản lĩnh chính trị phải kiên định, trung thành tuyệt đối. Kết quả khảo sát cho thấy phẩm chất chính trị của giảng viên tại ba nhà trường được đánh giá cao từ 4,06 đến 4,30 điểm thể hiện sự kiên định về lập trường tư tưởng. Tác giả Nguyễn Văn Oanh nhận xét: “*Nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trong quân đội có bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, tin tưởng, yên tâm với nhiệm vụ cách mạng*” [58, tr.28]. Bản lĩnh chính trị vững vàng là nền tảng, là động lực thôi thúc trách nhiệm, nhiệt huyết để mỗi giảng viên phấn đấu hoàn thành sứ mệnh người thầy - chiến sĩ. Đây là một đặc trưng trong nhân cách của giảng viên quân đội hiện nay.

Phẩm chất đạo đức trong sáng, mẫu mực, nêu gương: Đội ngũ giảng viên giữ vai trò chủ đạo trong việc thiết kế, tổ chức, định hướng môi trường văn hóa giáo dục. Họ được ví như người “truyền lửa” giá trị, dẫn dắt hành vi và trở thành hình mẫu nhân cách cho học viên noi theo. Khảo sát cho thấy phẩm chất đạo đức, sự mẫu mực, gương mẫu của giảng viên được đánh giá cao với điểm trung bình từ 4,09 - 4,29/5 điểm. Trên thực tế, giảng viên quân đội không chỉ là người thầy truyền thụ kiến thức mà còn vừa là người sĩ quan, người cán bộ chỉ huy vừa là đồng chí, đồng đội của học viên trong chiến đấu, huấn luyện, diễn tập. Do vậy, nhân cách văn hóa của họ mang sắc thái kép: vừa phải đáp ứng các chuẩn mực nghề giáo, vừa phải thể hiện được phẩm chất của “Bộ đội Cụ Hồ”. Ý kiến của GV2 làm sáng tỏ hơn vấn đề này: “*Giảng viên trong nhà trường quân đội vừa hội tụ đầy đủ phẩm chất của nhà giáo nhưng lại có nét riêng của người thầy mặc áo lính. Nét riêng ở đây chính là được “đóng vai” ở*

nhiều cương vị khác nhau: Vừa là thầy, vừa là cấp trên, chỉ huy, quản lý, vừa là người đồng chí, đồng đội nên mỗi lời nói, cử chỉ của giảng viên đều ảnh hưởng sâu sắc đến sự hình thành nhân cách của học viên”. Sự mẫu mực, nêu gương còn thể hiện trong phong cách, tác phong sư phạm. Quan sát cho thấy đại đa số giảng viên quân đội có tác phong nghiêm túc, chững chạc, chuẩn mực, tuân thủ nghiêm lễ tiết, tác phong quân nhân, ứng xử đúng mực với học viên. Nhiều giảng viên được yêu mến bởi sự gần gũi, thấu hiểu tâm lý học viên. Có thể nói, uy tín đạo đức của người thầy chính là nguyên tắc hạt nhân tạo nên sức lan tỏa văn hóa trong nhà trường quân đội.

Năng lực chuyên môn là mặt kỹ năng nghề nghiệp nhưng phản ánh nhân cách văn hóa của giảng viên quân đội. Nhìn chung, năng lực chuyên môn của giảng viên quân đội được đánh giá cao (từ 4,09 đến 4,16 điểm). Đây là điều dễ hiểu khi những năm gần đây, trước yêu cầu ngày càng cao của nhiệm vụ GD-ĐT, các nhà trường đặc biệt chú trọng chuẩn hóa trình độ đội ngũ giảng viên. Tại HVKTQS, đội ngũ giảng viên trình độ sau đại học chiếm tới 88,58%, trong đó có nhiều bộ môn đạt 100% [51]. Giảng viên của HVKTQS được đào tạo bài bản, nhiều giảng viên tốt nghiệp tiến sĩ ở các nước tiên tiến, có chuyên môn sâu và kinh nghiệm nghiên cứu khoa học phong phú. Tương tự, HVCT có 70,65% giảng viên và CBQLHV có trình độ sau đại học [41]. Đội ngũ giảng viên HVCT có thể mạnh về kiến thức khoa học nhân văn quân sự và bề dày kinh nghiệm thực tiễn trong công tác đảng, công tác chính trị. Website của HVCT nhận xét: “Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục của học viện được đào tạo cơ bản, có kinh nghiệm giảng dạy và nghiên cứu khoa học; nhiều cán bộ, giảng viên đã trải qua chiến đấu, giữ cương vị lãnh đạo, chỉ huy, quản lý đơn vị, có năng lực tổ chức tốt hoạt động giảng dạy, quản lý theo mục tiêu yêu cầu đào tạo” [117]. Trong khi đó, TSQPB có tỉ lệ cán bộ, giảng viên trình độ sau đại học còn khiêm tốn (khoảng 40,1% [98]). Tuy nhiên, hầu hết giảng viên trưởng thành từ các đơn vị pháo binh trong toàn quân, có trình độ chuyên môn quân sự cao, kinh nghiệm quản lý, chỉ huy phong phú. Thế mạnh của đội ngũ giảng viên pháo

binh là kinh nghiệm, kỹ năng huấn luyện chiến đấu sát với thực tế đơn vị. Những thống kê này cho thấy mỗi nhà trường có sắc thái khác biệt về chuyên môn nhưng nhìn chung, đa số đội ngũ giảng viên ở cả ba trường đáp ứng yêu cầu về trình độ học vấn, am hiểu cả lý luận và thực tiễn quân sự để truyền thụ kiến thức hiện đại cũng như kinh nghiệm chiến đấu cho học viên.

Trong số 4 tiêu chí, *năng lực sư phạm* được đánh giá thấp hơn so với các tiêu chí khác (từ 4,02 đến 4,13 điểm). Điều này phản ánh một thực tế rằng kỹ năng sư phạm là lĩnh vực mà đội ngũ giảng viên cần tiếp tục hoàn thiện. Các Báo cáo Tổng kết năm học trong giai đoạn 2019 - 2024 của ba nhà trường cũng nhận định: *“Một bộ phận giảng viên còn thiếu hụt kiến thức so với yêu cầu; phương pháp sư phạm còn thiếu hấp dẫn, truyền thụ rơi vào lối một chiều, kinh viện, chưa cập nhật kỹ năng mới; chưa áp dụng đồng bộ công nghệ thông tin và phương pháp dạy học tích cực. Một số cán bộ, giáo viên trẻ thiếu kinh nghiệm thực tiễn ở đơn vị cơ sở; kỹ năng giải quyết các tình huống sư phạm còn lúng túng, kỹ năng phát hiện xử lý một số tình huống sư phạm phát sinh còn hạn chế. Ngoài ra, phương pháp sư phạm của một số giảng viên xuất thân từ đơn vị còn mang tính mệnh lệnh, thiếu linh hoạt so với yêu cầu giáo dục hiện đại.”* [42] [50] [99]. Những hạn chế này phản ánh thách thức đặc thù trong hoạt động sư phạm quân sự: vừa phải đảm bảo tính kỷ luật, mệnh lệnh rõ ràng, vừa phải khơi gợi được tính chủ động, sáng tạo của người học, đồng thời đặt ra yêu cầu cấp thiết là các nhà trường cần tăng cường bồi dưỡng kỹ năng sư phạm hiện đại và khuyến khích đổi mới phương pháp giảng dạy.

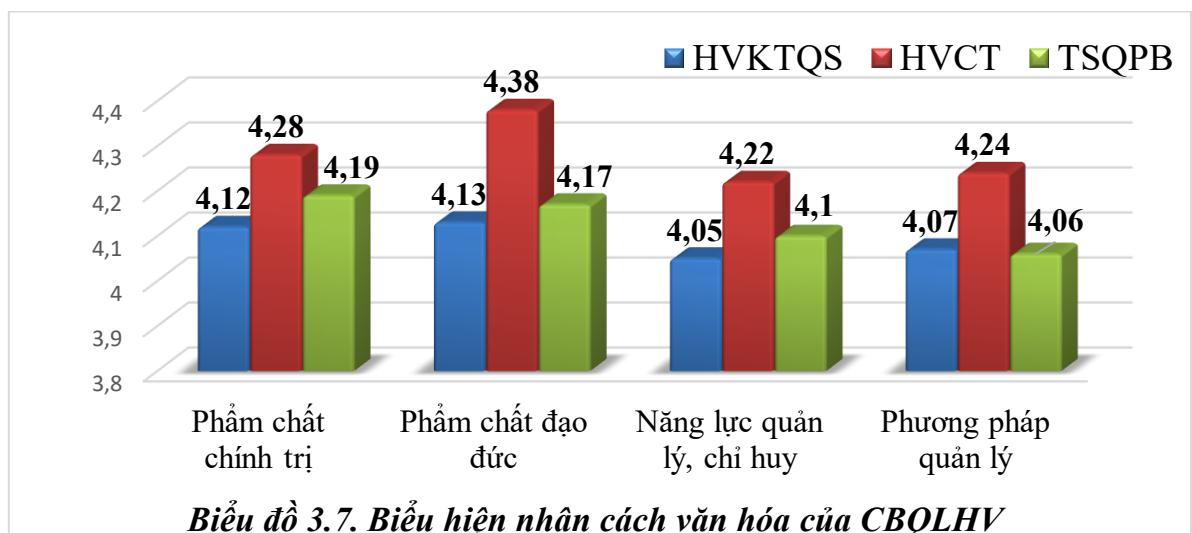
Trên thực tế, hoạt động giáo dục quân sự diễn ra trong không gian, thời gian đặc biệt, mang tính chất gian khổ, nguy hiểm, khó khăn. Do đó, hoạt động sư phạm trong quân đội có những yêu cầu rất cao, đòi hỏi người giảng viên phải có năng lực sư phạm tốt, thuần thục các thủ pháp, kỹ năng để ứng phó hiệu quả với mọi tình huống huấn luyện, giảng dạy trên giảng đường cũng như thao trường, bãi tập, diễn tập, thử nghiệm. Đặc biệt, trong bối cảnh CMCN 4.0, chuyển đổi số và toàn cầu hóa hiện nay, giảng viên quân đội phải không ngừng

tự hoàn thiện, bổ sung thêm những năng lực mới để vững vàng về đạo đức, vừa tinh thông về chuyên môn, lại nhạy bén về phương pháp.

Bên cạnh mặt tích cực vẫn tồn tại một bộ phận giảng viên thiếu nhiệt huyết, thiếu tu dưỡng, có biểu hiện sa sút đạo đức nhà giáo thậm chí có trường hợp vi phạm đạo đức nhà giáo buộc phải xử lý kỷ luật. Tác giả Đỗ Như Hiến phản ánh một số hạn chế của giảng viên trẻ như sau: *“Một số giảng viên trẻ thiếu tu dưỡng, rèn luyện bản thân, phai nhạt lý tưởng, bị vật chất cám dỗ, nhấn mạnh lợi ích kinh tế, coi trọng lợi ích cá nhân, điều này đã dẫn đến có những hành vi, ứng xử không phù hợp với đạo đức nghề nghiệp, gây ảnh hưởng xấu trong học viên.”* [37, tr.99]. Những hạn chế này ảnh hưởng xấu đến nhân cách giảng viên, cần khắc phục một số hạn chế để giữ vững vai trò chuẩn mực văn hóa – kết tinh của trí tuệ và phẩm chất quân nhân.

3.2.2. Nhân cách văn hóa cán bộ quản lý

Nếu giảng viên là người thầy truyền thụ tri thức thì CBQLHV được ví như “người thầy thứ hai” giữ vai trò trung tâm trong việc hình thành thói quen, nếp sống, kỷ luật của học viên trong đời sống sinh hoạt hằng ngày. Đội ngũ CBQLHV là những sĩ quan trung đội, đại đội, tiểu đoàn, hệ quản lý học viên - những người gần gũi nhất, cùng ăn, cùng ở, cùng sinh hoạt, gắn bó với mọi hoạt động của học viên. Họ là những người dẫn dắt, đồng hành với học viên trong quá trình học tập, rèn luyện tại nhà trường. Nhân cách văn hóa của CBQLHV quân đội biểu hiện tập trung ở các đặc trưng sau:



Kết quả khảo sát cho thấy CBQLHV ở cả ba nhà trường được đánh giá rất cao về lập trường chính trị vững vàng và đạo đức mẫu mực, với trung bình từ 4,12 - 4,38 điểm, cao nhất trong các tiêu chí đánh giá. CBQLHV trước hết là những sĩ quan chỉ huy nên phải có lập trường tư tưởng kiên định, tuyệt đối trung thành với mục tiêu, lý tưởng cách mạng, đồng thời giữ gìn phẩm chất đạo đức của “Bộ đội Cụ Hồ”.

Bên cạnh đó, CBQLHV được yêu cầu có tinh thần trách nhiệm cao, tận tâm với công việc, sâu sát, bám nắm đơn vị với phương châm “3 cùng, 5 nắm”, tức là “cùng ăn, cùng ở, cùng làm việc” với học viên, và “nắm hoàn cảnh, nắm tính cách, nắm năng lực, nắm tâm tư, nắm ý chí” của từng học viên. Bản thân CBQLHV là những người gần gũi học viên nhất nên mọi biểu hiện hành từ lời nói, hành vi, cử chỉ, trang phục đến tác phong đều trở thành *tín hiệu văn hóa*, tác động trực tiếp đến quá trình hình thành nhân cách học viên. Do đó, CBQLHV phải luôn rèn luyện mình theo phương châm “gương mẫu là mệnh lệnh không lời”, nói đi đôi với làm, kỷ luật nghiêm minh nhưng thái độ hòa nhã, gần gũi để nêu gương trực tiếp cho học viên. CBQL5 tâm sự: *“Trong quá trình quản lý học viên, tôi luôn gần gũi, hòa đồng, quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần học viên, xây dựng môi trường văn hóa, đẩy mạnh thực hiện các phong trào thi đua của đơn vị; thường xuyên nắm các thông tin, trào lưu và xu hướng của giới trẻ có thể ảnh hưởng đến học viên để nắm, định hướng tư tưởng”*. Những chia sẻ này cho thấy hình ảnh người CBQLHV vừa nghiêm khắc vừa ấm áp, vừa duy trì kỷ luật nhưng cũng thấu hiểu tâm lý, nhạy bén trước những tác động bên ngoài để định hướng tư tưởng cho học viên.

Năng lực quản lý, chỉ huy và phương pháp làm việc:

Đây là hai nhóm năng lực cốt lõi quyết định hiệu quả thực hiện vai trò tổ chức, điều hành đơn vị. Khảo sát cho thấy điểm trung bình của nhóm năng lực này tại các trường đạt từ 4,01 đến 4,24, phản ánh đa số cán bộ quản lý hoàn thành tốt nhiệm vụ giáo dục, quản lý, hỗ trợ và truyền cảm hứng cho học viên. Tác phong lý tưởng của một CBQLHV là tổng hòa của tính kỷ luật - nguyên

tắc và tính linh hoạt - nhân văn. Nói cách khác, họ vừa thực thi nghiêm mệnh lệnh quân sự, vừa là nhà sư phạm truyền cảm hứng. Đây chính là nét độc đáo của môi trường quân sự: quá trình quản lý con người gắn chặt với huấn luyện kỷ luật, nhưng đồng thời cũng là quá trình giáo dục nhân cách. Đặc điểm nhân cách này có biểu hiện cụ thể như sau:

Tác phong quản lý, chỉ huy kỷ luật - nguyên tắc:

Môi trường quân ngũ đặc thù ở tính kỷ luật nghiêm minh và đoàn kết tập thể. Là người quản lý đơn vị học viên, CBQLHV phải luôn quán triệt phương châm “Kỷ luật là sức mạnh Quân đội”. Họ cần rèn cho học viên ý thức chấp hành mệnh lệnh và nếp sống kỷ cương là ưu tiên hàng đầu. Thực tế, nhiều CBQLHV đã thể hiện tốt vai trò lấy kỷ luật làm nền, đồng thời tạo được không khí đơn vị như gia đình. Chia sẻ CBQL6 sau đây thể hiện rõ nét điều này: *“Một lần, tôi thực hiện nhiệm vụ tuần tra và kiểm tra gác của học viên trong tiểu đoàn, đến điểm gác trung đội mình quản lý thì không có người, lúc đó khoảng 1 giờ đêm. Đoán là học viên bỏ gác, tôi lập tức trở về, báo động toàn trung đội tập trung, cơ động ra vọng gác và yêu cầu cả trung đội canh gác đến hết ca, đồng chí bỏ gác tiếp tục gác ca sau. Từ đó, trung đội tôi quản lý có ý thức bảo ban nhau và không vi phạm quy định canh gác nữa”*. Tính kỷ luật được thực hiện nghiêm mà không khô cứng do CBQLHV biết kết hợp chặt chẽ giữa tuyên truyền - nêu gương - thực hành - rèn luyện tập thể, qua đó hình thành nề nếp sống kỷ cương, đoàn kết.

CBQLHV không chỉ nắm vững điều lệnh, điều lệ, quy định của Quân đội, nhà trường, đơn vị mà còn phải am hiểu mục tiêu, chương trình đào tạo, quy chế, quy định liên quan đến học viên để vừa quản lý đơn vị theo đúng nề nếp chính quy, vừa tổ chức, duy trì hoạt động học tập, rèn luyện hằng ngày và tham gia hướng dẫn ngoại khóa, huấn luyện bổ trợ cho học viên. CBQL7 cho biết thêm: *“Trên cơ sở nắm chắc nội dung, chương trình và kế hoạch huấn luyện của các đối tượng đào tạo, Hệ chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nghiêm quy định về thực hiện bám lớp, nắm tình hình học tập trên giảng đường, thao trường, bãi tập. Đơn vị duy trì nghiêm các quy chế, quy định trong GD - ĐT, nhất là quy*

ché trong thi và kiểm tra, kịp thời chấn chỉnh, nhắc nhở, kiên quyết xử lý những trường hợp chấp hành quy chế, quy định chưa nghiêm”. Nhờ những biện pháp quản lý nghiêm khắc nhưng linh hoạt, các CBQLHV thực sự trở thành chỗ dựa kỹ luật vững chắc cho học viên, giúp họ nhanh chóng thích nghi và trưởng thành trong môi trường quân đội.

Phong cách lãnh đạo, quản lý nhân văn - linh hoạt:

Trong quản lý học viên, ngoài tính nguyên tắc ra, CBQLHV cần gần gũi nắm bắt tâm tư của học viên, hỗ trợ họ trong đời sống. Nhiều cán bộ giữ vai trò như người “anh lớn” có khả năng cảm hóa, định hướng hành vi qua thực tiễn không chỉ bằng mệnh lệnh mà bằng thực tiễn, đảm bảo không gian giáo dục nề nếp, chính quy, kỷ luật. Họ tạo ra không gian giáo dục nề nếp, chính quy, kỷ luật nhưng đồng thời ấm áp, thân thiện, nhân văn. Câu chuyện của HV2 phần nào khắc họa hình ảnh người CBQLHV như vậy:

“Lần đầu tiên diễn tập cối, chúng em hành quân bộ với cự ly dài khoảng 100km. Lúc đó, thời tiết rất nắng nóng, chúng em phải cơ động liên tục trên nhiều địa hình, mang vác nặng và thực hiện nhiều nhiệm vụ chiến thuật căng thẳng, phức tạp. Khi đơn vị đang hành quân thì đột nhiên bạn khiêng cối cùng em đuổi sức, loạng choạng, mặt tái xanh, mồ hôi đầm đìa. Em lúng túng chưa biết xử lý thế nào bỗng đại đội trưởng từ đâu chạy tới nghiêng vai đỡ hộ đòn khiêng và giữ vai bạn để bạn không bị ngã. Đại trưởng hạ lệnh cho khẩu đội dừng lại để sơ cứu cho bạn. Khi bạn tỉnh táo hơn, khẩu đội tiếp tục hành quân. Trên đường đi, anh dạy chúng em cách sơ cứu khi bị say nắng, say nóng, cách lột giày sao cho êm để chân đỡ sưng phồng, đau rát, rồi cách đi bằng gót chân, mép chân hay cả bàn chân để dẻo dai, đỡ tốn sức. Những bài học đó, em vẫn ghi nhớ đến bây giờ”.

Trong môi trường huấn luyện gian khổ, sự gần gũi, đồng cam cộng khổ giữa cán bộ và học viên đã xây dựng nên niềm tin, tình cảm sâu đậm của tình đồng chí, đồng đội, góp phần tạo nên sức mạnh tinh thần và gắn kết tập thể đơn vị. Bên cạnh

đó, CBQLHV phải công bằng, vô tư trong quản lý, khen thưởng, kỷ luật nghiêm minh, dứt khoát nhưng không hà khắc để tạo niềm tin và uy tín trong đơn vị.

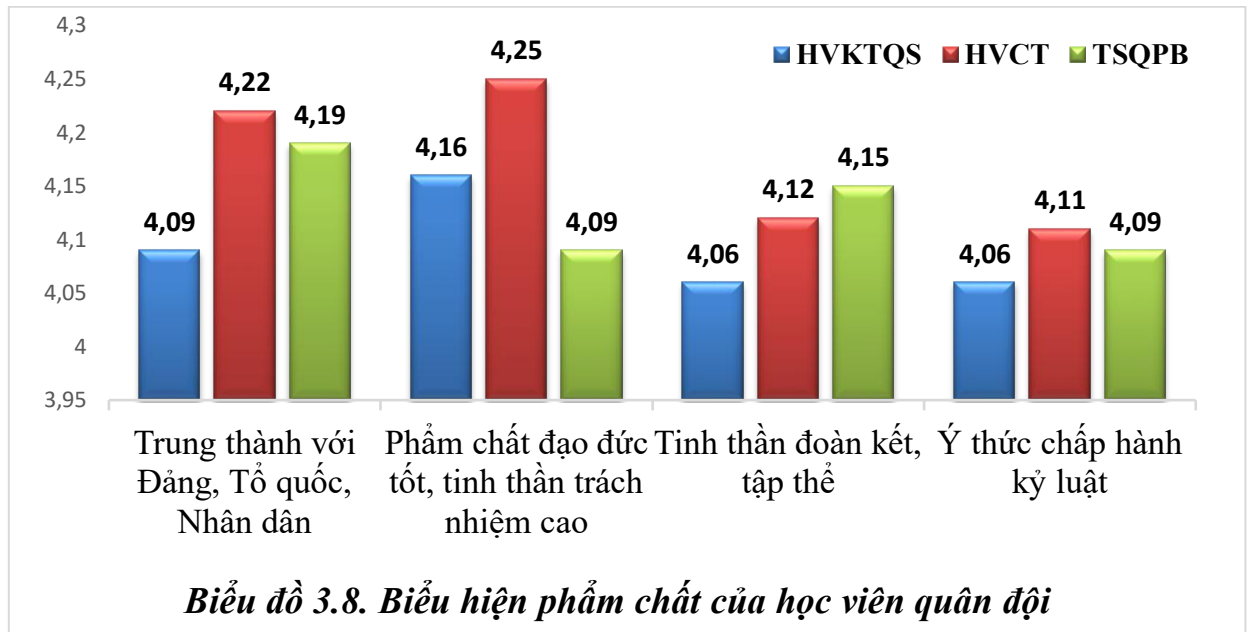
Khảo sát tại ba nhà trường cho thấy bức tranh chung về đội ngũ CBQLHV là đáp ứng tốt nhiệm vụ, có phẩm chất và năng lực khá toàn diện, song vẫn tồn tại những hạn chế. Ở một số đơn vị, công tác quản lý, rèn luyện học viên còn biểu hiện “thiên” về biện pháp hành chính quân sự, thiếu linh hoạt trong xử lý tình huống. Trong báo cáo Tổng kết của các nhà trường ghi nhận những biểu hiện: *“Một số CBQLHV chất lượng, hiệu quả công tác chưa cao, chưa làm tròn vai trò, trách nhiệm là “người thầy thứ hai”* [50, tr.13]; *“Phương pháp, tác phong công tác của một số cán bộ trung, đại đội chưa thật sâu sát bộ đội”* [99, tr.10]. Những biểu hiện này cho thấy sự lệch chuẩn về vai trò, tức là có khoảng cách giữa yêu cầu chuẩn mực và hành vi thực tế của một số cán bộ. Thực tế này đặt ra yêu cầu bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trẻ về kinh nghiệm thực tiễn và kỹ năng mềm để đáp ứng tốt hơn vai trò giáo dục trong giai đoạn mới.

3.2.3. Nhân cách văn hóa học viên quân đội

Học viên là chủ thể trung tâm của quá trình GD-ĐT, đồng thời là sản phẩm đầu ra phản ánh chất lượng GD-ĐT của nhà trường. Khác với sinh viên dân sự, học viên sĩ quan vừa là người học vừa là quân nhân trong quân đội. Họ không chỉ tiếp nhận tri thức chuyên môn mà còn được rèn luyện trong môi trường kỷ luật quân đội, thấm nhuần các giá trị chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống quân sự để từng bước hoàn thiện nhân cách quân nhân cách mạng. Điều này tạo nên những nét đặc thù trong nhân cách của họ.

Kết quả khảo sát tại ba nhà trường (Phụ lục 1.1) cho thấy 90,3% ý kiến đồng tình với nhận định học viên quân đội có những phẩm chất khác biệt so với sinh viên dân sự, biểu hiện tập trung ở các phương diện: (1) Chú trọng rèn luyện bản lĩnh chính trị, tinh thần sẵn sàng hy sinh vì Tổ quốc; (2) Đề cao tinh thần đồng đội, tinh thần trách nhiệm; (3) Nhân mạnh tính chính quy, kỷ luật nghiêm minh, chấp hành mệnh lệnh. Những yếu tố này chính là giá trị văn hóa quân sự cốt lõi hun đúc nên hình mẫu người học viên quân đội.

Dựa trên khảo sát tại HVKTQS, HVCT và TSQPB, có thể nêu một số đặc điểm nổi bật về nhân cách văn hóa của học viên quân đội hiện nay như sau:



Phẩm chất chính trị, đạo đức là nền tảng xuyên suốt trong nhân cách người học viên. Mức độ đồng thuận về tiêu chí này ở các nhóm khảo sát rất cao, với các điểm trung bình trên thang 5 đều đạt trên 4,2. Trong đó, hai tiêu chí “*Trung thành với Đảng, Tổ quốc và Nhân dân*” (từ 4,09 đến 4,22 điểm) và “*Phẩm chất đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao*” (từ 4,09 đến 4,25 điểm) có mức điểm cao nhất.

Ngay từ khi tuyển chọn, học viên quân đội đã được sàng lọc về động cơ lý tưởng. Trong suốt quá trình học tập, các em được hun đúc lý tưởng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân và truyền thống cao đẹp của Quân đội, nhằm đạt được mục tiêu hàng đầu của giáo dục quân sự là: “*Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn kỹ thuật có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; có phẩm chất đạo đức cách mạng*” [6]. Do đó, đại đa số học viên có lập trường tư tưởng vững vàng, trung thành với Đảng, Nhà nước, Nhân dân, có đạo đức trong sáng, tốt đẹp, có trách nhiệm cao theo chuẩn mực “*Bộ đội Cụ Hồ*”. Tỷ lệ học viên kết nạp Đảng trước khi ra trường của HVKTQS và TSQPB đạt trên 99% đến 100%

[55] [122] là minh chứng rõ rệt cho quá trình trưởng thành về bản lĩnh chính trị và đạo đức cách mạng.

Ý thức kỷ luật và tinh thần tập thể cao: Khảo sát cho thấy tiêu chí “*Ý thức kỷ luật, chấp hành mệnh lệnh*” của học viên đều đạt mức điểm khá cao (HVKTQS 4,06; HVCT 4,11; TSQPB 4,09). Trong môi trường kỷ luật nghiêm minh, ngay từ năm thứ nhất, học viên được uốn nắn từ lời nói, tác phong, nếp sống, sinh hoạt chính quy theo kỷ cương điều lệnh quân đội. CBQL8 cho biết: “*Học viên năm thứ nhất cơ bản đã nắm được và thực hiện tốt các chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần, chức trách quân nhân, chức trách nhiệm vụ trực ban, trực nhật, tuần tra, canh gác*”. Qua quá trình học tập, rèn luyện, đa số học viên đã nhận thức ngày càng đầy đủ, toàn diện các quy định, nắm chắc kỷ luật, điều lệ, điều lệnh, chế độ quy định của quân đội và đơn vị... Từ đó, hành vi, thói quen chấp hành kỷ luật, quy định, mệnh lệnh của học viên có sự chuyển biến rõ rệt.

Tiêu chí “*Tinh thần đoàn kết, tập thể*” được đánh giá cao ở cả 3 nhà trường với mức điểm từ 4,04 đến 4,15. Đoàn kết được biểu hiện qua sự tin cậy và sẵn sàng giúp đỡ nhau. Khảo sát ở ba nhà trường cho thấy: những mô hình như “*Đôi bạn học tập*”, “*Tổ phương pháp học tập*”, “*Chi đoàn học tập tốt*”, “*Bộ ba cùng tiến*”, các câu lạc bộ Tiếng Anh, Lý luận trẻ, Sách và hành động, Ghi ta... đã phát huy tốt tinh thần đoàn kết, giúp nâng cao hiệu quả học tập, nghiên cứu, rèn luyện kỷ luật cho học viên.

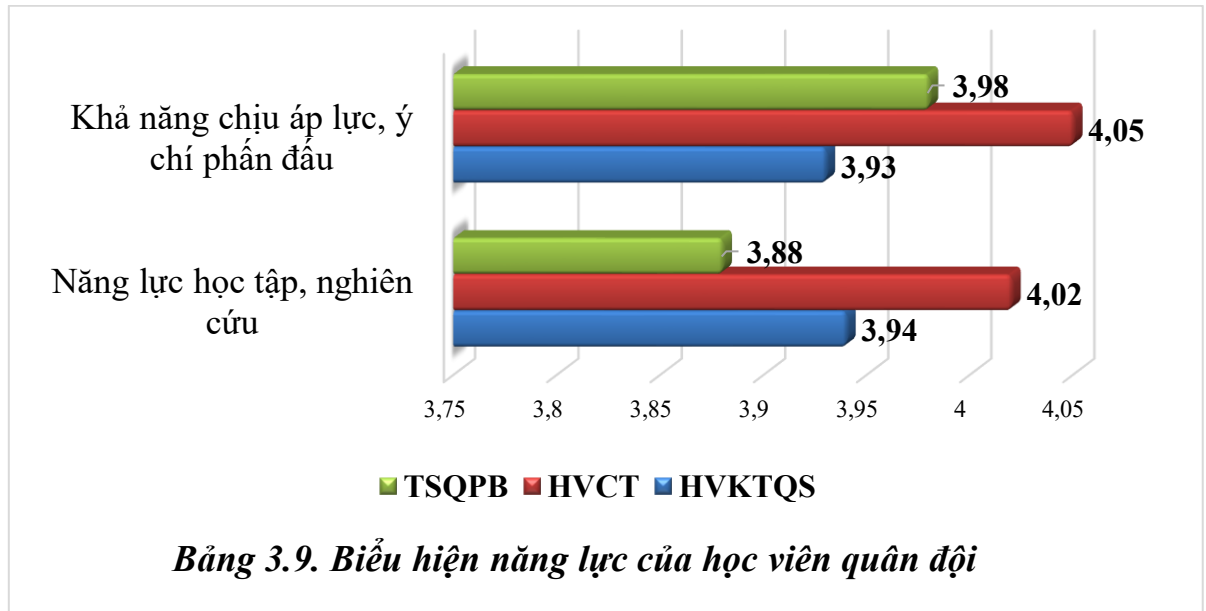
Đặc biệt, ở TSQPB, tiêu chí đoàn kết đạt điểm cao nhất với 4,15 điểm, phản ánh tính đặc thù trong chuyên ngành pháo binh. GV3 giải thích:

“Mỗi khẩu đội, tổ đài pháo binh giống như một dây chuyền, trong đó mỗi thành viên là một mắt xích không thể tách rời, phải gắn bó và hiểu nhau để thực hành thao tác chiến đấu. Trong huấn luyện, diễn tập, hoạt động trình sát, bắn và chỉ huy bắn có tính liên hoàn, nếu một thành viên không hiểu ý hay làm không tốt sẽ ảnh hưởng đến quá trình chiến

đấu của cả phân đội. Do đó, nếu không có sự hiệp đồng chặt chẽ thì không bảo đảm chi viện hỏa lực kịp thời cho các lực lượng chiến đấu”.

Tinh thần “đoàn kết hiệp đồng, lập công tập thể” trở thành nét đẹp của văn hóa quân sự. Học viên thường xuyên tham gia huấn luyện theo khẩu đội/ tiểu đội, trung đội, đại đội - mỗi đơn vị là một cấu trúc xã hội thu nhỏ có sự phân công, hiệp đồng và tương tác lẫn nhau. Vì vậy, thành tích có được là sự kết tinh giữa nỗ lực cá nhân và sự phối hợp nhịp nhàng của cả đơn vị. Mỗi giải thưởng, mỗi thành tích đều gắn với tập thể. Văn hóa vinh danh trong nhà trường quân đội - vì thế cũng mang tính tập thể cao với việc biểu dương “Chi đoàn xuất sắc”, “Bộ môn mẫu mực”, “Khoa điển hình”, “Đơn vị văn hóa”....

Năng lực học tập, rèn luyện và khả năng chịu áp lực, ý chí phấn đấu là những tiêu chí quan trọng, phản ánh sự phát triển toàn diện giữa trí tuệ, đạo đức và ý chí chiến đấu - những giá trị cốt lõi của văn hóa giáo dục quân sự. Khảo sát các tiêu chí này, luận án thu được kết quả như sau:



Kết quả khảo sát cho thấy năng lực học tập, rèn luyện của học viên tại ba nhà trường đạt mức khá với điểm trung bình từ 3,88 – 4,05 điểm. Trên thực tế, học viên quân đội hiện nay không thụ động, rập khuôn mà đã chủ động đặt mục tiêu phát triển bản thân, kiếm cơ hội học hỏi thông qua các câu lạc bộ, tham gia nghiên cứu khoa học, các cuộc thi Olympic và sáng tạo trẻ... Kết quả học tập

và rèn luyện của học viên tại ba nhà trường những năm gần đây là minh chứng rõ nét cho nhân định này (Phụ lục 3). Đây là dấu hiệu tốt trong nhân cách văn hóa của thể hệ học viên trẻ, phản ánh sự chủ động, cầu tiến trong học tập nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo sĩ quan thời kỳ mới.

Biểu đồ 3.9 cũng cho thấy có sự chênh lệch về điểm số giữa các nhà trường. HVCT có mức điểm cao nhất, lần lượt là 4,02 và 4,05 điểm. Đây là kết quả phản ánh tính đặc thù về nhiệm vụ, mục tiêu, đối tượng đào tạo của học viện. HV3 cho biết: *“Đối tượng học viên của HVCT khác so với những học viện, trường sĩ quan đào tạo cấp phân đội. “Nền” của học viên HVCT cao hơn so với học viên đại học do đã trải qua cương vị công tác ở đơn vị, được tuyển chọn ở toàn quân về đào tạo tại Học viện, bởi vậy năng lực học tập, nghiên cứu và khả năng chịu áp lực tốt”*. Trong Báo cáo Tự đánh giá Cơ sở giáo dục HVCT nhận xét: *“Học viên qua đào tạo có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức toàn diện, chuyên sâu về công tác đảng, công tác chính trị, về khoa học xã hội nhân văn quân sự; có năng lực lãnh đạo, chỉ huy quản lý hoàn thành tốt nhiệm vụ, khẳng định được vị trí, vai trò và uy tín trên cương vị công tác”* [41, tr.13].

Đối với HVKTQS, điểm đánh giá đạt 3,94 trên thang 5. Là học viện trọng điểm của quân đội và quốc gia, đa số học viên đã nỗ lực trong cả học tập kiến thức lẫn rèn luyện quân sự để đáp ứng mục tiêu đào tạo “Sĩ quan tốt - Kỹ sư giỏi - Đảng viên mẫu mực” và 5 chuẩn đầu ra gồm: “kiến thức - kỹ năng chuyên môn; ngoại ngữ; ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản; thể lực; điều lệnh và tác phong chính quy” [118]. Trong môi trường yêu cầu cao về năng lực tư duy logic, kỹ năng ứng dụng kỹ thuật - công nghệ, học viên HVKTQS nổi bật ở tinh thần ham học hỏi, say mê nghiên cứu, liên tục đạt thành tích cao trong các kỳ thi Olympic và giải thưởng sáng tạo trẻ của Quân đội và Quốc gia. Báo cáo tổng kết năm học 2023 - 2024 của HVKTQS cho biết: *“Năm học 2023 – 2024, Khóa 55 - Hệ đào tạo kỹ sư quân sự dài hạn có 80% học viên đạt khá, giỏi, 100% đạt kết quả rèn luyện tốt. Toàn khóa có 19 giải Nhất, 22 giải Nhì, 18 giải Ba trong các*

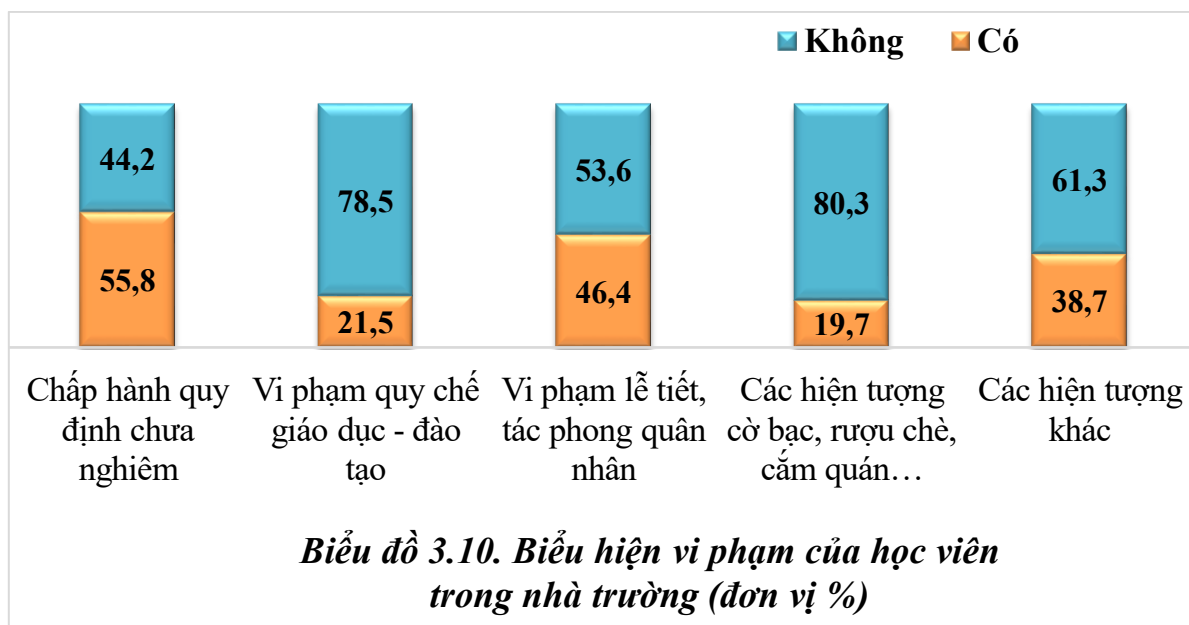
kỳ thi Olympic cấp toàn quân, toàn quốc.... 93% học viên đạt chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế trước khi ra trường”.

Mặc dù có nhiều ưu điểm song học viên HVKTQS cũng đối mặt với những thử thách riêng. Ở tiêu chí “*Khả năng chịu áp lực, ý chí phấn đấu*”, học viên của HVKTQS đạt 3,93 điểm. Điều này phản ánh thực tế là khối lượng kiến thức chuyên ngành lớn và yêu cầu kỷ luật cao đôi khi gây áp lực tâm lý cho học viên.

TSQPB đạt mức khá với 3,88 điểm ở tiêu chí “*Năng lực học tập, rèn luyện*”. Học viên TSQPB được rèn luyện cường độ cao về thể lực và kỹ năng tổ chức hiệp đồng chiến đấu và sử dụng vũ khí hỏa lực phức tạp nhằm đáp ứng mục tiêu đào tạo sĩ quan phân đội: “*Có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt; có trình độ đại học, năng lực toàn diện về chỉ huy, lãnh đạo, quản lý và huấn luyện bộ đội, có thể lực tốt, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ*”[98, tr.10]. Do đó, mỗi học viên phải xây dựng cho mình phương pháp học tập hiệu quả và ý chí quyết tâm vượt khó cao (đạt mức 3,98 điểm). Tỷ lệ học viên tốt nghiệp loại khá, giỏi của nhà trường đạt 82,3%, kết quả rèn luyện đạt loại Khá, Tốt chiếm 98,92% [99] (Phụ lục 3.1) là minh chứng cho sự nỗ lực của cá nhân và sự hiệu quả của môi trường giáo dục kỷ luật cao.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, cơ chế thị trường và truyền thông hiện đại, học viên trong nhà trường quân đội có xu hướng cá nhân hóa tăng. Theo CBQLHV 9: “*So với thời chúng tôi, học viên ngày nay có cá tính rõ ràng hơn, dám bày tỏ quan điểm cá nhân và bảo vệ ý kiến của mình mạnh mẽ hơn*”. Điểm tích cực là học viên có tư duy phản biện, dám nghĩ, dám nói. Tuy nhiên, mặt tiêu cực là dễ dẫn đến “cái tôi” quá mức, xung đột với tính tập thể trong quân đội. Có thể thấy, nhân cách học viên hiện nay có mặt đa dạng hơn, việc quản lý, giáo dục phức tạp hơn.

Bên cạnh đó, một bộ phận học viên chưa thực sự thấm nhuần hết giá trị truyền thống, còn ảnh hưởng bởi trào lưu bên ngoài. Một số khác có *biểu hiện lệch chuẩn*, thậm chí vi phạm kỷ luật. Khảo sát về “*Biểu hiện vi phạm xảy ra ở học viên trong nhà trường*” đã phản ánh thực trạng này:



Kết quả khảo sát ở biểu đồ 3.10 đã chỉ ra một số tồn tại: 55,8% ý kiến cho biết học viên trong nhà trường “*Chấp hành quy định chưa nghiêm*” với các biểu hiện như: “*lên Tết, hè chưa đúng thời gian quy định, chấp hành quy chế, quy định trên giảng đường, duy trì kỷ luật học đường có thời điểm chưa nghiêm*” [50] [99]; 46,4% ý kiến ghi nhận có hiện tượng “*Vi phạm lễ tiết, tác phong quân nhân*” như: “*lễ tiết tác phong, xưng hô, chào hỏi theo điều lệnh chưa nghiêm; nề nếp chính quy của các đơn vị quản lý học viên chưa đồng đều, sắp đặt nội vụ vệ sinh chưa thống nhất*” [50] [99]; 21,5 % ý kiến phản ánh tình trạng “*Vi phạm quy chế giáo dục - đào tạo*”; Các vi phạm như “*Hiện tượng cờ bạc, rượu chè, cấm quán*” ở mức thấp khoảng 19,7% ý kiến đánh giá.

Nguyên nhân của các hạn chế theo ý kiến của học viên tại 3 nhà trường chủ yếu đến từ tác động tiêu cực của bên ngoài với 45,5% số người bình chọn nội dung “*Tác động tiêu cực của cơ chế thị trường*” và 33,1% cho rằng có sự tác động không nhỏ do “*Sự chống phá của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa*”. Cụ thể:

Nguyên nhân	Số lượng (N)		Tỉ lệ (%)	
	Có	Không	Có	Không
1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo chưa sâu sát	156	351	30.8	69.2
2. Nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục chưa phù hợp	130	377	25.6	74.4
3. Cán bộ quản lý chưa gương mẫu	107	400	21.1	78.9
4. Nhận thức của một bộ phận học viên còn hạn chế	342	165	67.5	32.5
5. Tác động tiêu cực của cơ chế thị trường	232	275	45.8	54.2
6. Sự chống phá của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa	168	339	33.1	66.9

Bảng 3.1. Nguyên nhân hạn chế về đạo đức, lối sống, tác phong của học viên trong nhà trường hiện nay (đơn vị %)

Nguyên nhân thực sự được đa số ý kiến công nhận là do ý thức tu dưỡng của học viên chưa cao với tỉ lệ 67,5% và công tác quản lý giáo dục còn hạn chế chiếm 30,8% số người bình chọn. Kết quả này phù hợp với khảo sát thực tế của nhóm tác giả Đinh Vũ Mai Nam và Nguyễn Văn Đoàn:

“Nhận thức của một bộ phận học viên đào tạo sĩ quan cấp phân đội về chấp hành kỷ luật còn hạn chế, dẫn tới hiện tượng chấp hành kỷ luật chưa nghiêm, tính tự giác rèn luyện chưa cao, chấp hành mệnh lệnh cấp trên không triệt để, ý thức kỷ luật trong chấp hành nhiệm vụ thấp, còn học viên chấp hành chưa nghiêm các quy định, vi phạm quy chế thi, lễ tiết tác phong quân nhân không bảo đảm” [66].

Tuy vậy, số học viên nhận thức chưa sâu sắc, thiếu tự giác trong tu dưỡng, rèn luyện, giảm sút ý chí, sa vào chủ nghĩa cá nhân là thiểu số, chiếm tỉ lệ nhỏ trong nhà trường quân đội. Xu thế chung vẫn là đại đa số học viên quân đội có động cơ học tập, rèn luyện đúng đắn, bản lĩnh chính trị vững vàng, kỷ luật nghiêm, đạo đức trong sáng, xứng đáng với truyền thống nhà trường và phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”. Đây không chỉ là yếu tố tạo nên giá trị nhân cách mà

còn là động lực bên trong, định hướng hành động, lẽ sống và sự phát triển tài năng của học viên.

Nhìn tổng thể, nhân cách văn hóa của giảng viên, CBQLHV và học viên chính là “kết tinh sống động” của văn hóa giáo dục quân sự. Nhân cách văn hóa của họ không tồn tại biệt lập mà đan xen giữa truyền thống - hiện đại, phổ quát - đặc thù, đồng thời phải đối diện với sự tác động của bối cảnh mới. Những ưu điểm nổi bật như tính kỷ luật, chuẩn mực, lý tưởng chính trị vững vàng và tinh thần trách nhiệm cao đã tạo thành nền tảng bền vững cho sự phát triển của văn hóa giáo dục quân sự. Tuy nhiên, các hạn chế về tính linh hoạt, xu hướng hành chính hóa và hiện tượng lệch chuẩn (dù chỉ ở số ít) là cảnh báo cần được nhìn nhận một cách khoa học, hệ thống để có giải pháp khắc phục đồng bộ.

Từ góc độ so sánh, ba nhà trường khảo sát đều đề cao việc xây dựng nhân cách quân nhân với những phẩm chất cốt lõi tương đồng (trung thành, kỷ luật, gương mẫu, đoàn kết...). Song mỗi trường cũng có điểm nhấn riêng: HVKTQS coi trọng bồi dưỡng phong cách người kỹ sư quân đội có tư duy nhanh nhạy, sáng tạo, có năng lực phát minh chế tạo, sử dụng, quản lý, chỉ huy về vũ khí, khí tài quân sự; HVCT chú trọng xây dựng mô hình người cán bộ chính trị có lập trường tư tưởng kiên định, lý luận chính trị sắc bén; TSQPB rèn luyện tác phong chỉ huy phân đội, sức chịu đựng gian khổ, sẵn sàng chiến đấu cao. Dù khác nhau về trọng tâm, tất cả đều hướng đến hình mẫu người sĩ quan tương lai “vừa hồng, vừa chuyên” - có nhân cách văn hóa đáp ứng cả yêu cầu phổ quát (có đức, có tài) lẫn đặc thù (chất lính, chất thép) của môi trường quân sự.

3.3. THỰC HÀNH VĂN HÓA GIÁO DỤC

Nếu hệ giá trị là phần lõi định hướng, nhân cách là kết quả biểu hiện, thì các thực hành văn hóa giáo dục chính là trục vận hành, biến những giá trị và mục tiêu văn hóa thành hiện thực sống động trong đời sống nhà trường. Trong mô hình văn hóa củ hành của Hofstede, thực hành văn hóa nằm ở lớp giữa - bao gồm những gì có thể quan sát, truyền dạy và học hỏi được thông qua tương tác xã hội. Đối với nhà trường quân đội, thực hành văn hóa giáo dục chính là những hoạt

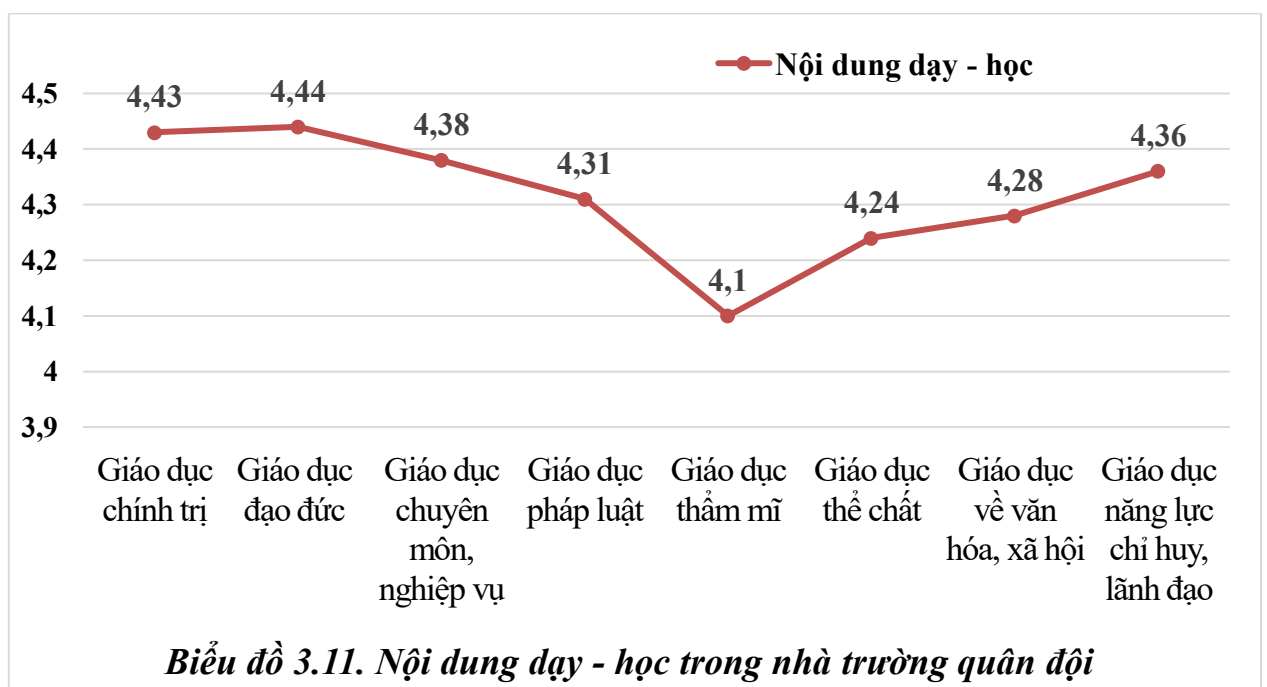
động đặc thù mang triết lý giáo dục quân sự, phản ánh cách thức mà văn hóa thấm vào từng giờ học, buổi huấn luyện, từng nếp sống hàng ngày của cán bộ, học viên. Đây chính là “phần cứng” của văn hóa giáo dục, nơi giá trị được cụ thể hóa và thử thách, nơi nhân cách được rèn giũa và củng cố.

3.3.1. Hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học

Hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học là thành tố trung tâm, phản ánh trực tiếp định hướng tư tưởng, quan điểm giáo dục và mục tiêu đào tạo của Quân đội. Khác với môi trường dân sự, dạy – học trong quân đội không chỉ nhằm truyền đạt tri thức, kỹ năng mà còn là quá trình truyền bá hệ giá trị văn hóa quân sự, hình thành nền tảng nhân cách cho người học.

3.3.1.1. Nội dung, chương trình dạy - học

Nội dung, chương trình đào tạo trong nhà trường quân đội được tổ chức theo hướng toàn diện, chuẩn hóa, hiện đại hóa, thực hiện mục tiêu kép: vừa đào tạo kiến thức, vừa rèn luyện kỹ năng quân sự chuyên nghiệp theo chức danh chỉ huy hoặc chuyên môn, đồng thời đặt ra yêu cầu cao về phẩm chất chính trị, đạo đức. Kết quả khảo sát *Mức độ quan trọng của nội dung dạy - học* khẳng định chương trình giáo dục mang tính toàn diện, mang tính tích hợp cao.



Khảo sát cho thấy điểm trung bình của các nội dung giáo dục đều cao (trên 4,0/5 điểm), nhưng mức độ ưu tiên có sự phân tầng rõ rệt. Nội dung được đánh giá cao nhất là: *Giáo dục về phẩm chất, đạo đức cách mạng* (4,44 điểm) và *Giáo dục chính trị, tư tưởng* (4,43 điểm). Đây là những nền tảng của giáo dục quân sự, phản ánh các giá trị lý tưởng, đạo đức trong môi trường giáo dục quân sự. Các giá trị này là cơ sở hình thành bản sắc người quân nhân cách mạng, hình mẫu “Bộ đội Cụ Hồ”. Việc ưu tiên hai nội dung này thể hiện triết lý giáo dục “dạy người trước, dạy chữ sau” trong môi trường quân đội.

Xếp thứ 3 là *Giáo dục chuyên môn, nghiệp vụ* (4,38 điểm). Điều này cho thấy tri thức chuyên môn giữ vai trò trung tâm, khẳng định sứ mệnh đào tạo và mục tiêu phát triển đội ngũ sĩ quan của mỗi nhà trường, đồng thời là yếu tố thiết yếu hình thành năng lực nghề nghiệp, tạo nên *nét riêng* cho từng trường trong hệ thống giáo dục quân đội.

HVKTQS đào tạo hầu hết các lĩnh vực khoa học - công nghệ mũi nhọn phục vụ quốc phòng như: công nghệ thông tin, cơ khí quân sự, điện tử viễn thông, tự động hóa, vũ khí, robot,... Phương pháp đào tạo gắn với mô hình công nghệ quân sự, quốc phòng an ninh kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, phản ánh rõ tính kỹ - chiến thuật quân sự hiện đại. Nội dung giáo dục chuyên ngành tại HVKTQS đòi hỏi học viên tư duy hệ thống, đề cao tri thức, tinh thần sáng tạo, phát minh, đổi mới công nghệ và khả năng thích ứng nhanh với chuyển đổi số. Điều này định hình một nét văn hóa học thuật - công nghệ, đề cao tính sáng tạo, chính xác, logic, tạo nên sắc thái văn hóa giáo dục chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa học thuật kỹ thuật hiện đại kết hợp với truyền thống quân sự.

HVCT hướng tới mục tiêu đào tạo đội ngũ cán bộ chính trị, đạo đức mẫu mực, có khả năng giáo dục, dẫn dắt tư tưởng - chính trị, góp phần giữ vững trận địa tư tưởng của Đảng trong quân đội. Do đó, nội dung chương trình giáo dục là “những tri thức của chủ nghĩa Mac -Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chính trị, đường lối quân sự của Đảng” [38, tr.131].

TSQPB đào tạo sĩ quan chỉ huy - tham mưu pháo binh cấp phân đội, do đó nội dung chuyên ngành kết hợp giữa kiến thức quân sự chuyên sâu (chiến thuật chiến đấu pháo binh, bắn pháo, binh thao, trình sát pháo binh,...) với thực hành huấn luyện trên thao trường, bãi tập, trường bắn. Chương trình đào tạo gắn liền với các bài huấn luyện, diễn tập chiến thuật, hành quân dã ngoại nhằm thu hẹp khoảng cách giữa nhà trường và chiến trường. Môi trường học tập, rèn luyện này hun đúc nên văn hóa đề cao tính kỷ luật, hiệp đồng, chính xác, kiên cường, phản ánh rõ sắc thái “chân đồng, vai sắt, đánh giỏi, bắn trúng” của Bộ đội Pháo binh. Những đặc điểm trong đào tạo chuyên ngành pháo binh đã tạo nên nét đặc thù về năng lực chỉ huy cho đội ngũ sĩ quan hỏa lực tương lai.

Như vậy, giáo dục chuyên môn, nghiệp vụ là nội dung cốt lõi định hình nhân cách nghề nghiệp của quân nhân, thể hiện rõ sự kết hợp giữa mục tiêu đào tạo, đặc thù chuyên ngành và sắc thái văn hóa của mỗi nhà trường. Nhà lý luận giáo dục John Dewey đã nhấn mạnh: *“Giáo dục là quá trình chuẩn bị cho vai trò xã hội tương lai bằng cách tổ chức lại kinh nghiệm quá khứ”* [21]. Trong môi trường giáo dục quân sự, vai trò xã hội tương lai của người học chính là trở thành sĩ quan chỉ huy, kỹ sư quân sự, chính ủy đơn vị..., do đó, giáo dục chuyên môn chính là môi trường định hình bản sắc, tư duy và năng lực hành động cho người học. Tuy nhiên, nội dung giáo dục chuyên môn, nghiệp vụ xếp thứ 3 ở mức độ quan trọng trong nội dung dạy - học. Điều này phản ánh tính đặc thù trong văn hóa giáo dục quân sự: tri thức không được xem là mục tiêu hàng đầu như trong văn hóa học thuật dân sự, mà được định vị trong một hệ quy chiếu với mục tiêu lớn hơn – phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

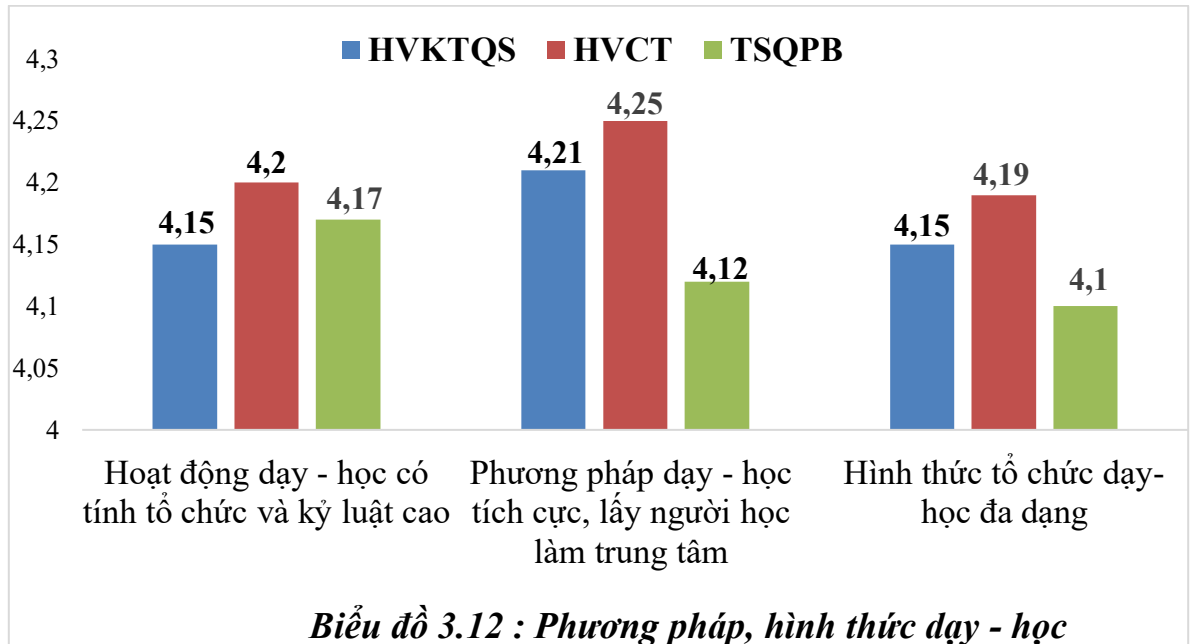
Nội dung *Giáo dục năng lực chỉ huy, lãnh đạo* (4,36 điểm) đứng thứ 4 phản ánh văn hóa chức năng trong quân đội, nơi mỗi quân nhân được đào tạo để ra quyết định, dẫn dắt tập thể trong môi trường quân sự. Các nội dung khác tuy điểm trung bình cao nhưng có mức ưu tiên thấp hơn. *Giáo dục pháp luật* (4,31 điểm), *Giáo dục thể chất* (4,24 điểm), *Giáo dục thẩm mỹ* (4,10 điểm). So với các

giá trị “chính trị - chỉ huy - chuyên môn”, những nội dung này được xem là “thứ yếu”, phản ánh tầng giá trị phụ trợ trong văn hóa tổ chức quân đội.

Tóm lại, nội dung giáo dục ở nhà trường quân đội có thứ bậc rõ rệt: chính trị – đạo đức đặt lên hàng đầu và nền tảng để người học tiếp thu kiến thức, kế đến là chuyên môn, tri thức, cho thấy bản chất của văn hóa giáo dục ở nhà trường quân đội là nền văn hóa định hướng lý tưởng - kỷ luật - thực tiễn. Nhờ có chương trình đa dạng, môi trường học tập trong nhà trường quân đội trở nên sôi động, phong phú. Học viên được thử thách và trau dồi nhiều mặt, qua đó các giá trị cốt lõi như yêu nước, kỷ luật, đồng đội... dần được thấm thấu vào nhận thức, hành vi một cách tự nhiên.

3.3.1.2. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy - học

Không chỉ nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy – học trong quân đội cũng mang nét đặc thù. Khảo sát tại ba nhà trường, luận án thu được kết quả như sau:



Tiêu chí “*Hoạt động dạy - học có tính tổ chức, kỷ luật cao*” đạt điểm cao ở cả ba trường (trên 4,1 điểm). Trong đó, mối quan hệ thầy - trò mang đậm tính quân sự, thể hiện tính tôn ti rất rõ.

Quan sát, tham dự một số tiết học tại ba nhà trường cho thấy mối quan hệ thầy - trò thể hiện rõ cấp bậc, tôn ti, hoạt động dạy - học trang nghiêm, trật

tự, *đậm tính kỷ luật quân sự*. Lớp học thường bố trí bàn ghế thẳng tắp, có sơ đồ chỗ ngồi cố định theo đơn vị, bục giảng, bàn giáo viên được đặt cao. Theo tác giả Nguyễn Thị Thanh Huyền: “Bục giảng - biểu tượng quan trọng trong lớp học là một trong những minh chứng cho mối quan hệ tôn ti, cho khoảng cách thầy - trò” [56, 138]. Việc bục giảng, bảng phấn, bàn giáo viên đặt cao và cách một khoảng nhất định với bàn ghế học viên là minh chứng cho sự trang nghiêm và quyền uy của người thầy.

Học viên khi di chuyển phải theo đội hình có người chỉ huy và hành quân theo điều lệnh. Giờ học bắt đầu và kết thúc bằng nghi thức chào báo cáo theo điều lệnh, học viên đứng lên chào khi giảng viên vào lớp, tạo bầu không khí trang nghiêm mà các trường dân sự ít khi có. Không khí lớp học nghiêm túc, trật tự, nề nếp. Trong giao tiếp, giảng viên, học viên xưng hô “đồng chí - tôi”. Tất cả nhằm nhấn mạnh tính kỷ luật và khoảng cách tôn nghiêm trong quan hệ thầy trò. Sự kết hợp giữa tính hàn lâm và tính kỷ luật tạo nên môi trường văn hóa quân sự toàn diện, tác động sâu sắc đến nhân cách và tư duy của người học.

Bên cạnh đó, hiện nay các nhà trường cũng đang nỗ lực đổi mới phương pháp dạy học theo hướng hiện đại, phát huy tính chủ động của người học. Ở tiêu chí “*Phương pháp dạy - học tích cực, lấy người học làm trung tâm*” đạt kết quả khả quan ở cả ba đơn vị: HVCT (4,25), HVKTQS (4,21); TSQPB (4,12). Nếu trước đây, mô hình dạy học quân sự thường mang tính truyền thụ một chiều, giảng viên thuyết giảng, học viên ghi chép và học thuộc, phần nào ảnh hưởng của văn hóa giáo dục truyền thống vốn đề cao tính kỷ luật và vai trò người thầy, thì hiện nay các nhà trường đã chủ động đổi mới để phát huy tính tích cực, chủ động của học viên, phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục. Có thể thấy phương pháp và hình thức dạy - học trong nhà trường hiện nay đang chuyển dịch theo hướng hiện đại, “lấy người học làm trung tâm”.

Ở HVCT, học viên được khuyến khích chủ động phát biểu, tranh luận các vấn đề thời sự, giảng viên đóng vai trò tổ chức, gợi mở để học viên tự nghiên cứu, rút ra kiến thức. Theo GV4: “*Việc vận dụng phương pháp nêu vấn*

để giúp học viên tự giác nhận ra giá trị của tri thức, lớp học trở nên sôi nổi, tránh được tình trạng học viên ngồi im thụ động”. Báo cáo Tổng kết năm học 2023 -2024 của HVCT nhấn mạnh: “*Đẩy mạnh sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, nhất là mô hình lớp học đảo ngược, phương pháp dạy học “đảo chiều”; hoạt động dạy học đã hướng vào phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học; chất lượng giảng dạy và các hình thức sau bài giảng được nâng lên rõ rệt*” [42]. Đây chính là chuyển biến trong *phong cách sư phạm*, mối quan hệ thầy - trò vẫn giữ được sự tôn trọng, kỷ luật, nhưng người thầy không còn “độc thoại” mà là người dẫn dắt, hướng dẫn, đồng hành. Vai trò chủ thể của người học được đề cao, tự giác, tự chịu trách nhiệm trong quá trình lĩnh hội kiến thức và rèn luyện kỹ năng của bản thân.

Về tiêu chí “*Hình thức dạy - học đa dạng*”, cả 3 nhà trường đạt mức điểm lần lượt là HVCT 4,19 điểm, HVKTQS 4,15 và TSQPB 4,10, cho thấy các trường đều chú trọng kết hợp linh hoạt giữa học lý thuyết với thực hành, huấn luyện thực tế, truyền thụ kinh nghiệm, trong đó HVCT có phần nổi trội hơn.

Quán triệt yêu cầu “*gắn nhà trường với chiến trường và đơn vị*”, “*chất lượng giáo dục đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị*” theo tinh thần Nghị quyết 1657 NQ/QUTW, các nhà trường đã tăng thời gian huấn luyện thực tế dưới nhiều hình thức đa dạng: bài tập lớn, dã ngoại, diễn tập chiến thuật, bắn đạn thật, hội thao quân sự... Tại HVKTQS, để tăng năng lực thực hành cho học viên, Học viện đã điều chỉnh chương trình đào tạo: “*Từ năm học thứ 3, học viên sẽ có ít nhất 2 tuần đi thực tế, thực tập tại các đơn vị, nhà máy; công tác diễn tập cuối khóa cũng được điều chỉnh theo hướng gắn liền với các chức danh ban đầu của học viên sau khi tốt nghiệp và có bổ sung các tình huống trong chiến tranh công nghệ cao*” [50, tr.12].

Học viện Chính trị chú trọng hình thức diễn tập cuối khóa cho học viên chính ủy: Các học viên tham gia diễn tập chỉ huy cơ quan chính trị trong một tình huống chiến đấu giả định, qua đó rèn luyện năng lực vận dụng tổng hợp kiến thức đã học vào xử lý tình huống thực tế.

Đối với TSQPB, ngoài giảng dạy trên lớp, chương trình đào tạo của nhà trường gắn liền với hực hành yếu lĩnh động tác, huấn luyện hiệp đồng khẩu đội, đại đội, dã ngoại, diễn tập chiến thuật, thực tập tại đơn vị... nhằm rút ngắn khoảng cách giữa môi trường học đường và thực tiễn chiến đấu. Báo cáo tổng kết năm học 2023-2024 của TSQPB nêu rõ:

“Nhà trường đã “tổ chức diễn tập chiến thuật có bắn đạn thật (9/2023), diễn tập chiến thuật vòng tổng hợp có bắn đạn thật (4/2024) cho học viên Khóa 62-CHPD và diễn tập chiến thuật bắn đạn thật Khóa 63-CHPD (4/2024) tại trường bắn TBI đảm bảo an toàn tuyệt đối, chất lượng tốt.... thông qua diễn tập rèn luyện phương pháp, tác phong chỉ huy, đưa học viên vào sát điều kiện thực tế chiến đấu” [99].

Các cách tiếp cận này giúp phát huy tính chủ động, rèn luyện tư duy sáng tạo, kỹ năng lãnh đạo chỉ huy và các kỹ năng mềm cần thiết cho người học, qua đó đáp ứng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ thực tế tại đơn vị sau khi tốt nghiệp.

Bên cạnh những chuyển biến tích cực, quá trình hiện đại hóa giáo dục quân sự cũng bộc lộ một số khó khăn, thách thức. Đặc thù nhà trường quân đội vừa là cơ sở GD - ĐT, vừa là một đơn vị Quân đội, do đó, ngoài nhiệm vụ trung tâm là dạy - học, nghiên cứu khoa học, cán bộ, giảng viên, đặc biệt là học viên phải tham gia nhiều hoạt động như: nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, tuần tra, canh gác, nội vụ vệ sinh, cảnh quan môi trường, tăng gia sản xuất. Bên cạnh mặt tích cực nhằm rèn luyện ý thức trách nhiệm quân nhân, xây dựng không gian xanh - sạch - đẹp, những nhiệm vụ này cũng chi phối đến thời gian và hiệu quả học tập của học viên. GV5 bày tỏ: *“Nhiều thời điểm, nhà trường chú trọng công tác vệ sinh, tăng gia, cảnh quan môi trường khiến học viên không có nhiều thời gian tự học. Ban đêm học viên thức khuya để ôn bài thi vi phạm chế độ ngủ nghỉ hay mang sách vở khi canh gác là vi phạm chế độ canh phòng”.*

Ngoài ra, việc khảo sát ý kiến về *“Phương án thay đổi hoạt động dạy - học trong nhà trường để phù hợp với xu thế hiện đại”* cũng phản ánh những tồn tại cần khắc phục. Kết quả cụ thể như sau:

Nội dung	Số lượng		Tỉ lệ (%)	
	Có	Không	Có	Không
1. Cải tiến môi trường học tập, trang thiết bị giáo dục, huấn luyện	352	155	69.4	30.6
2. Xây dựng mô hình giáo dục kết hợp giữa truyền thống và hiện đại;	272	235	53.6	46.4
3. Kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường với đơn vị	309	198	60.9	39.1
4. Chú trọng hơn đến giáo dục tư duy chiến lược, khả năng lãnh đạo	246	261	48.5	51.5
5. Tăng cường hội nhập quốc tế, học hỏi mô hình giáo dục quân sự tiên tiến	253	254	49.9	50.1
6. Ý kiến khác:				
- Chú trọng chất lượng, chống hình thức				
- Công việc gì thì đào tạo đó	01		0,2	
- Bồi dưỡng năng lực số, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại trong giảng dạy	01		0,2	
- Tăng cường cung cấp, cập nhật thông tin mới	01		0,2	
- Tăng cường giao lưu, trao đổi kinh nghiệm với các trường dân sự	01		0,2	
- Xây dựng tài liệu, giáo trình điện tử, hỗ trợ không gian mạng nội bộ.	01		0,2	

Bảng 3.2. Phương án thay đổi hoạt động dạy - học trong nhà trường
(Đơn vị %)

Vấn đề cần cải tiến mạnh mẽ môi trường học tập và trang bị huấn luyện hiện đại được quan tâm hàng đầu với 76,3% ý kiến tán thành. Điều này phản ánh thực trạng trang thiết bị một số nhà trường còn lạc hậu, chưa đáp ứng yêu cầu đào tạo trong thời kỳ mới. GV6 chia sẻ: “*Trên các phòng học chuyên dùng được trang bị bảng thông minh, máy tính nội bộ... nhưng vật chất, trang bị ngoài bãi tập vẫn còn thiếu thốn, lạc hậu, xuống cấp. Những năm gần đây Cục Quân huấn, Cục Nhà trường trang bị những thiết bị tạo giả, máy bắn tập, mìn định hướng, sa bàn bộ binh... nhưng trang bị không đồng bộ, chưa có cơ chế bảo hành, nguồn pin không đảm bảo, hết pin là xếp kho phòng đào tạo*”

Khoảng 70,1% ý kiến nhấn mạnh cần “*Kết hợp chặt chẽ hơn giữa nhà trường và đơn vị*” trong đào tạo. Đề xuất *kết hợp mô hình giáo dục truyền thống và hiện đại* cũng nhận được sự tán thành đáng kể chiếm 59,6%, cho thấy chủ trương đổi mới cần kế thừa những ưu điểm của mô hình huấn luyện truyền thống đồng thời ứng dụng phương pháp sư phạm hiện đại.

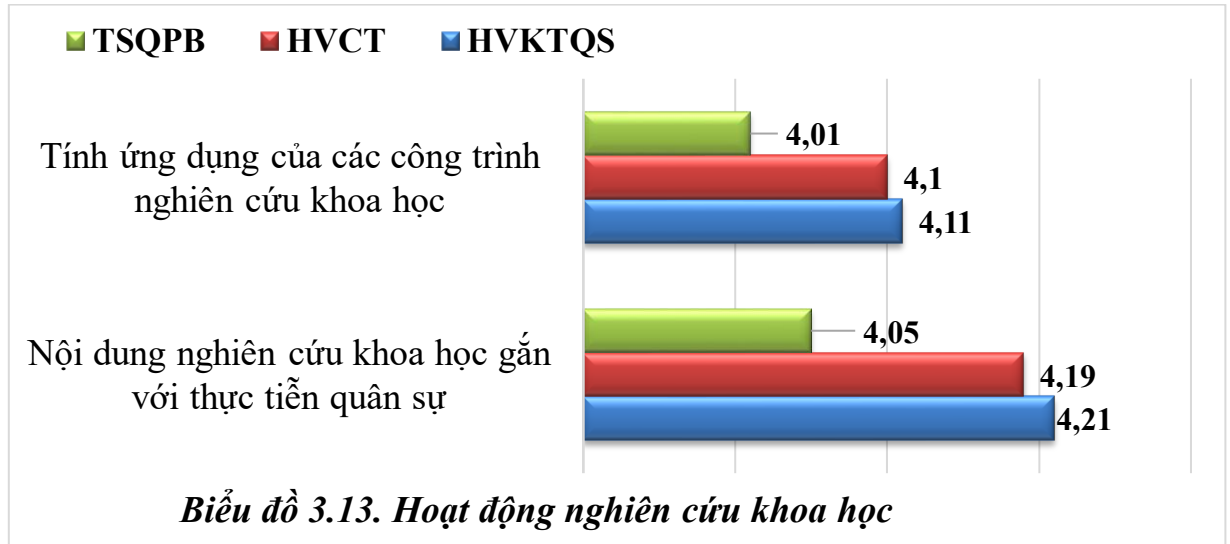
Khảo sát cũng chỉ ra những ý kiến phân tán, thiếu đồng thuận trong một số lĩnh vực. Khoảng 51,5% ý kiến đồng ý rằng “*Cần chú trọng hơn nữa giáo dục tư duy chiến lược, khả năng lãnh đạo cho học viên sĩ quan*”, trong khi 48,5% cho rằng không cần thiết hoặc không chắc chắn. Tương tự, tỷ lệ ý kiến ủng hộ “*Tăng cường hội nhập quốc tế, học hỏi mô hình giáo dục quân sự tiên tiến*” chiếm 57,6%. Điều này cho thấy vẫn còn những băn khoăn trong nội bộ nhà trường về mức độ mở cửa, hội nhập của giáo dục quân sự.

Ngoài ra, các ý kiến đóng góp khác từ khảo sát cũng gợi mở nhiều hướng cải tiến quan trọng như đề nghị chú trọng đánh giá *chất lượng thực chất, chống bệnh thành tích, hình thức trong giáo dục* hay *bám sát yêu cầu nhiệm vụ, “công việc gì thì đào tạo nấy”*, tránh tình trạng dàn trải hoặc chạy theo trào lưu không phù hợp. Điều này phản ánh nhu cầu điều chỉnh chương trình sao cho thiết thực, hiệu quả hơn. Một số đề xuất *giao lưu, trao đổi kinh nghiệm với các trường ngoài quân đội* và *xây dựng tài liệu điện tử, thư viện số và không gian mạng nội bộ* cùng với *tập trung bồi dưỡng năng lực số của giảng viên, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong dạy học*. Đồng tình với ý kiến này, GV7 cho biết thêm: “*Một số giảng viên còn chậm đổi mới, trình độ ngoại ngữ, tin học mới chỉ đáp ứng ở mức cơ bản, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin hay thiết kế bài giảng điện tử tương tác cao vẫn còn yếu*”. Việc bồi dưỡng kỹ năng hiện đại cho giảng viên chưa theo kịp yêu cầu dẫn đến hiệu quả giảng dạy chưa đồng đều, đồng thời cho thấy khoảng trống về kỹ năng số ở nhà trường quân đội.

3.3.1.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Những năm qua, Bộ Quốc phòng quy định rõ các đề tài nghiên cứu tại các nhà trường quân đội phải bám sát định hướng phát triển GD - ĐT và nhu

cầu thực tiễn quân sự của quân đội [12]. Theo đó, nghiên cứu gắn với thực tiễn quân sự được xác định là yêu cầu khách quan, góp phần hoàn thiện lý luận quốc phòng - quân sự và phục vụ hiệu quả công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang. Kết quả khảo sát tại ba nhà trường như sau:



Khảo sát cho thấy mức độ gắn kết thực tiễn của các đề tài nghiên cứu khoa học tại ba nhà trường được đánh giá cao: HVKTQS (4,21; 4,11), HVCT (4,19; 4,10), TSQPB (4,05; 4,01). Trên thực tế, nhiều công trình được áp dụng trong giáo dục, đào tạo, huấn luyện hoặc phát triển trang bị.

Với định hướng phát triển thành trung tâm khoa học – công nghệ quân sự hiện đại, HVKTQS đã xây dựng được một hệ sinh thái nghiên cứu vững mạnh. Học viện thành lập 18 nhóm nghiên cứu mạnh và 6 Viện nghiên cứu và 5 trung tâm ứng dụng. Hoạt động nghiên cứu khoa học ở HVKTQS đạt được nhiều thành tựu thể hiện ở số lượng đề tài và công bố khoa học cấp quốc gia, quốc tế. Giai đoạn 2018 - 2024, học viện đã chủ trì 42 đề tài cấp quốc gia; 33 đề tài cấp Bộ, 41 đề tài từ các bộ, ngành và hơn 60 đề tài cấp Tổng cục; sở hữu 5 bằng độc quyền sáng chế, 28 văn bằng sở hữu trí tuệ được chấp nhận. Đội ngũ cán bộ, giảng viên đã công bố gần 6.000 bài báo khoa học, trong đó hơn 1.100 bài đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín” [118]. Học viện giành nhiều giải cao trong các Hội thi *Sáng tạo Kỹ thuật toàn quốc* (Quỹ Vifotec), Giải thưởng *Tuổi trẻ sáng tạo* trong quân đội... Các sản phẩm nghiên cứu được chuyển hóa

thành các vật tư kỹ thuật, mô hình mô phỏng, phần mềm phục vụ huấn luyện, bảo đảm kỹ thuật cho trang bị khí tài đặc chủng góp phần đáp ứng yêu cầu sẵn sàng chiến đấu của quân đội.

Hoạt động nghiên cứu khoa học của HVCT được thúc đẩy mạnh (điểm trung bình 4,10). Phong trào nghiên cứu khoa học ở học viện được triển khai sâu rộng cùng với cơ chế khuyến khích học viên tham gia. HV5 cho biết: *“Học viện giao chỉ tiêu mỗi học viên có ít nhất một đề tài cấp Viện trong năm học, khuyến khích thi viết chính luận, tuổi trẻ sáng tạo. Nhờ vậy, năm nay lớp có 2 học viên được giải chính luận cấp toàn quân và 01 giải Tuổi trẻ sáng tạo”*. Nội dung nghiên cứu của học viện chú trọng vận dụng kết quả nghiên cứu vào nâng cao chất lượng giảng dạy và phục vụ hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Quân đội, tích cực vào đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, thể hiện rõ tính chất lý luận - chính trị của văn hóa giáo dục nhà trường. Báo cáo Tự đánh giá cơ sở giáo dục của HVCT nhận xét: *“Kết quả nghiên cứu các đề tài, chương trình khoa học đã trực tiếp góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ở Học viện; góp phần đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch, phản động, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;”* [41]. Trong đó, nổi bật là nhiệm vụ *“nghiên cứu, bổ sung các văn kiện Đảng qua các kỳ đại hội, đề án về Tiếp tục hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội”* [39, tr.635]. Nhiệm kỳ 2020-2024, học viện nghiệm thu 2 đề tài cấp Quốc gia, 12 đề tài cấp Bộ, 41 cấp ngành, 5 chương trình khoa học, 265 đề tài cấp Học viện; trong đó có 2 đề tài cấp Bộ đạt xuất sắc; 65 tác phẩm tham gia thi “Tuổi trẻ sáng tạo” toàn quân [41, tr.33].

Trong khi đó, TSQPB có số điểm khảo sát thất nhất 4,05 và 4,01. Giai đoạn 2020- 2024, Nhà trường đã hoàn thành 32 đề tài cấp Bộ, Ngành, Binh chủng, 119 đề tài cấp Trường [100]. Một số đề tài tiêu biểu: *“Quy trình diễn tập chiến thuật vòng tổng hợp có bắn đạn thật tại TSQPB”*; *“Nghiên cứu ứng dụng phân phối xác xuất ổn định trong đo đạc pháo binh”*; *“Nghiên cứu vận*

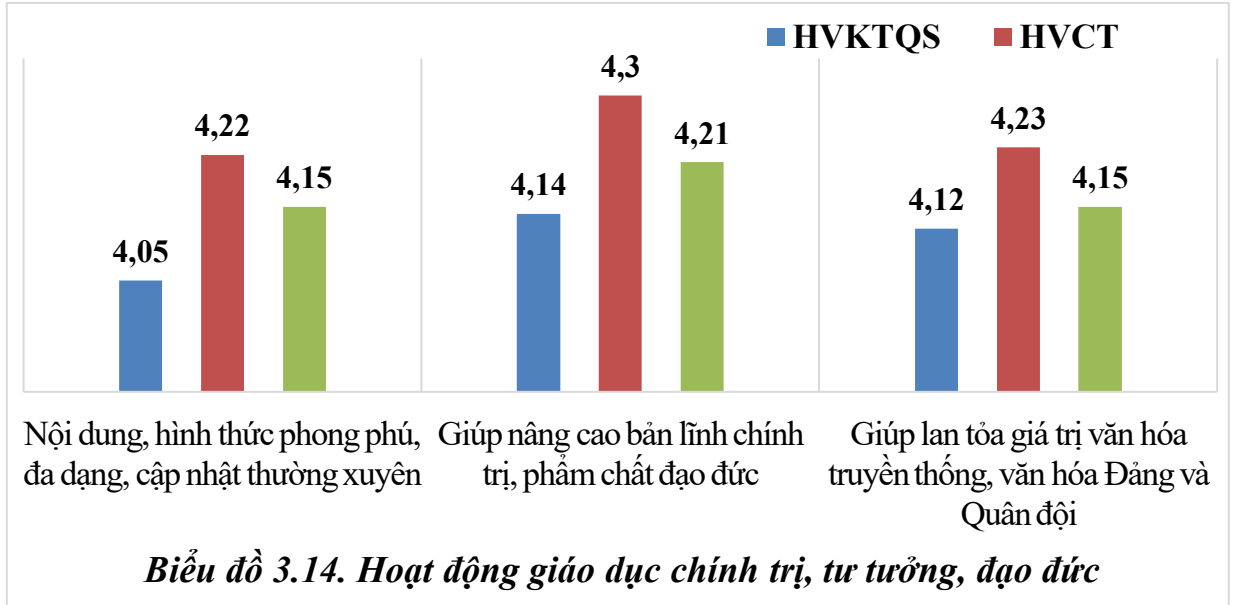
dụng quy tắc bắn pháo binh trong điều kiện tác chiến mới”.... Tuy số lượng công trình nghiên cứu chưa nhiều nhưng nhà trường đã nỗ lực đưa kết quả nghiên cứu vào thực tiễn huấn luyện pháo binh, điều chỉnh nội dung diễn tập phù hợp với môi trường tác chiến hiện đại.

Nhìn chung, mỗi nhà trường đều xây dựng định hướng nghiên cứu phù hợp với sứ mệnh đào tạo đặc thù: công nghệ - lý luận - tác chiến. Hoạt động nghiên cứu khoa học có xu hướng gắn với thực tiễn và ứng dụng, khẳng định vai trò trung tâm tri thức trong giáo dục quân sự của các nhà trường.

Tuy nhiên, khảo sát cho thấy hoạt động nghiên cứu khoa học ở các nhà trường hiện nay vẫn còn một số hạn chế, bất cập: số lượng công bố quốc tế, trình độ nghiên cứu, mức độ hội nhập khoa học giữa các nhà trường không đồng đều; số lượng công trình, bài báo quốc tế còn khiêm tốn; một số đề tài chất lượng hiệu quả và tính ứng dụng thực chưa cao. Báo cáo của HVCT nêu lên hạn chế: *“Công tác khoa học quân sự có nội dung kết quả đạt chưa tương xứng với tiềm năng và vị thế của Học viện; chất lượng một số đề tài khoa học, thông tin khoa học cơ sở, biên soạn giáo trình, tài liệu chưa cao, chưa kịp thời cập nhật sự phát triển mới về thực tiễn”* [42, tr.13]. Tương tự, Nghị quyết của HVKTQS chỉ ra: *“Kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ hoặc tạo ra sản phẩm mang thương hiệu học viện chưa được như kỳ vọng; hoạt động của các nhóm nghiên cứu chưa có tính đột phá; cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, cơ sở dữ liệu nền tảng chưa được đồng bộ, chuẩn hóa và cập nhật thường xuyên”* [51, tr.1]. Có thể nói, so với tiềm năng, hoạt động nghiên cứu khoa học trong nhà trường quân đội còn nhiều khoảng trống lớn để phát triển.

3.3.2. Hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức

Cùng với giảng dạy chuyên môn, nhà trường quân đội đặc biệt coi trọng hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức. Đây là những thực hành văn hóa mang bản sắc quân sự rõ nét nhằm định hình thế giới quan, nhân sinh quan, nâng cao bản lĩnh chính trị cho cán bộ, giảng viên, học viên. Một số nét nổi bật của hoạt động được thể hiện qua kết quả khảo sát dưới đây:



Các học viện, nhà trường thường xuyên tổ chức học tập, quán triệt cương lĩnh, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, lịch sử cách mạng, nhiệm vụ chiến lược của quân đội, tổ chức sinh hoạt chính trị tư tưởng, tọa đàm về truyền thống, đạo đức lối sống, phong trào thi đua “Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ”... Những hoạt động này được tiến hành rất bài bản và nghiêm túc, với nội dung và hình thức phong phú (với mức điểm đồng thuận đạt 4,05 đến 4,22 điểm).

Không chỉ giảng dạy lý luận, các nhà trường quân đội thường xuyên đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục. Từ việc tổ chức nội dung giáo dục chính trị bài bản trong chương trình chính khóa với các môn học về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối quân sự, quốc phòng của Đảng...; chế độ sinh hoạt chính trị tập trung bắt buộc: ngày chính trị, pháp luật, xem thời sự, đọc báo, đến các phong trào thi đua, xây dựng điển hình tiên tiến, hoạt động tri ân, lễ báo công, diễn đàn, tọa đàm, các hội thi Kể chuyện tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Tuyên truyền viên trẻ; Chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng...

Đồng thời, các nhà trường đẩy mạnh hình thức giáo dục trên nền tảng số thông qua Câu lạc bộ Lý luận trẻ và lực lượng “47” (lực lượng đấu tranh trên không gian mạng). Khảo sát cho thấy, fanpage và group của các nhà trường

“Trí tuệ tỏa sáng” (HVKTQS), “Sáng mãi niềm tin 25.10” (HVCT), Thần công (TSQPB) Lực lượng “47” của HVKTQS đã đăng tải hàng ngàn tin bài và thu hút hàng triệu lượt tương tác, bình luận trên mạng xã hội trong năm 2024. HVCT đấu tranh chống các quan điểm sai trái thù địch trên không gian mạng với nhiều trang blog hoạt động có hiệu quả (như “Sángmãiniềmtin25.10”, Nhanvanviet.com” “Trongan2510.blogspot.com”, “Binhminh25102016.blogspot.com”).

Về hình thức, các trường kết hợp linh hoạt giữa các hình thức giáo dục chung và giáo dục riêng; kết hợp giáo dục giá trị thông qua trải nghiệm thực tiễn. Nhờ những hoạt động sôi nổi như: thấp nền tri ân, hành trình về nguồn, đền ơn đáp nghĩa, lễ hứa quyết tâm, lễ báo công..., học viên được tạo động lực, góp phần bồi dưỡng tinh thần yêu nước, tự hào với truyền thống Quân đội.

Bên cạnh đó, các nhà trường lồng ghép giáo dục chính trị tư tưởng trong mọi hoạt động nội bộ đơn vị kết hợp sử dụng hiệu quả thiết chế văn hóa như nhà truyền thống, phòng Hồ Chí Minh, hệ thống truyền thanh nội bộ... và ứng dụng truyền thông đa phương tiện đã tạo hiệu ứng tuyên truyền tích cực. Đặc biệt công tác xây dựng, nhân rộng điển hình tiên tiến được thực hiện có hiệu quả, góp phần tạo ra những hình mẫu để học viên hướng tới đồng thời truyền tải những giá trị tốt đẹp, đạo đức, lối sống lành mạnh cho cán bộ, học viên noi theo. Khảo sát “*Tác động của tám gương điển hình tiên tiến đến động lực phấn đấu của cán bộ, giảng viên, học viên*” tại ba nhà trường cho thấy kết quả khả quan với 92,5% ý kiến trả lời có ảnh hưởng tích cực và rất tích cực (xem Phụ lục 1.2).

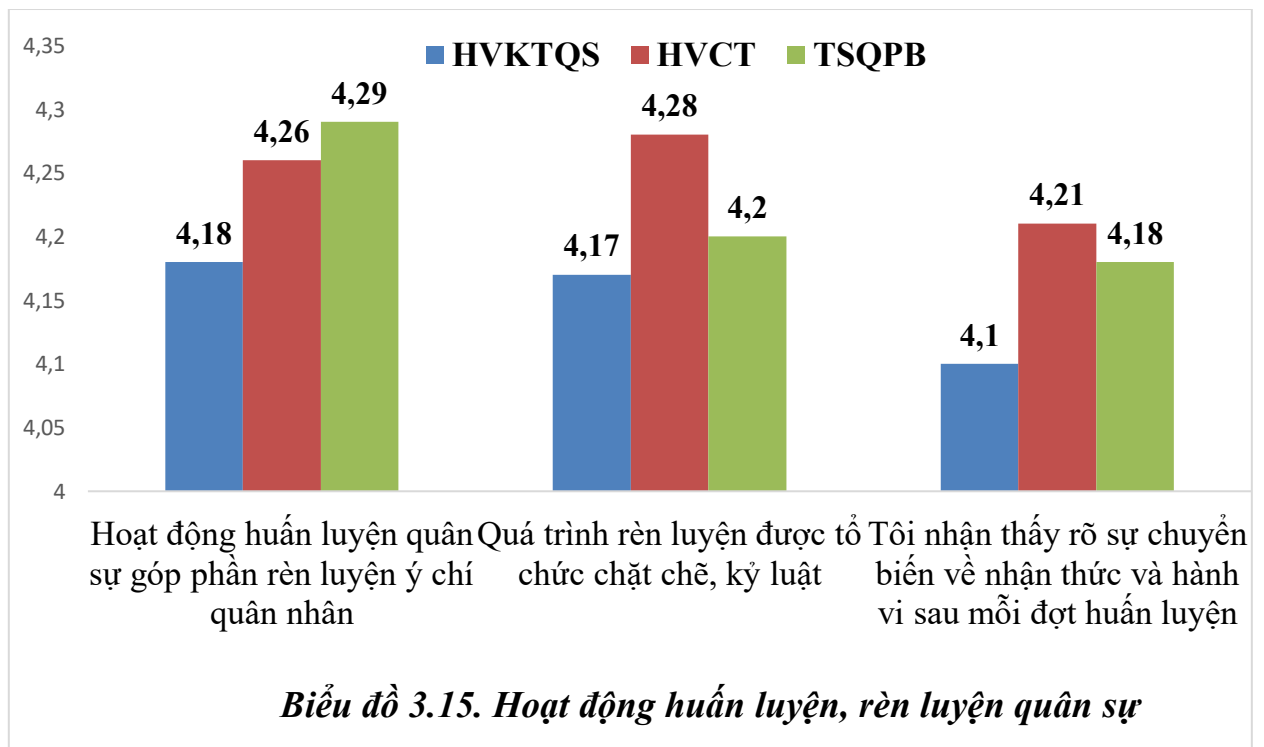
Khảo sát về “*Hoạt động giáo dục chính trị - tư tưởng giúp nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lan tỏa văn hóa dân tộc văn hóa Đảng, Quân đội*”, đa số các ý kiến nhất trí cao với mức điểm từ 4,12 – 4,3/5. Tại HVKTQS và TSQPB, hoạt động giáo dục chính trị - tư tưởng gắn với rèn luyện kỷ luật, thể hiện tinh thần văn hóa quân sự kiểu mẫu. Đây là nền tảng để xây dựng người sĩ quan – đảng viên có tư tưởng vững vàng, đạo đức trong sáng, hành động kiên định. Vì vậy, hoạt động này là công cụ nuôi dưỡng văn hóa chính quy, góp phần lan tỏa văn hóa truyền thống của dân tộc, văn hóa Đảng, văn hóa quân sự

sâu rộng trong môi trường quân đội. Kết quả kiểm tra chính trị hàng năm (giai đoạn 2019-2024) có tỉ lệ khá giỏi đạt trên 90% ở cả 3 trường đã thể hiện rõ điều này [42] [50][99]. Đây chính là điểm khác biệt lớn với các trường đại học ngoài quân đội, đồng thời là ưu thế của văn hóa giáo dục quân sự trong việc hình thành lớp thanh niên ưu tú “vừa hồng vừa chuyên”.

Bên cạnh mặt tích cực, công tác giáo dục chính trị tư tưởng ở một số đơn vị có thời điểm còn bộc lộ những hạn chế: *“Lãnh đạo, chỉ đạo công tác tư tưởng của một số cấp ủy, chi bộ có thời điểm chưa nhạy bén, sáng tạo và chưa theo kịp tình hình”* [42, tr. 13]; *“Việc đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục chính trị, giáo dục pháp luật có lúc chưa kịp thời. Công tác nắm, quản lý, giải quyết và định hướng tư tưởng có cơ quan, đơn vị chưa tốt”* [100, tr.6-7]. Những hạn chế này cần rút kinh nghiệm và khắc phục để xây dựng nhà trường vững mạnh về chính trị, tư tưởng, có sức chiến đấu cao, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3.3.3. Hoạt động huấn luyện, rèn luyện quân sự

Đây là nét đặc thù nhất của giáo dục quân sự so với dân sự. Môi trường huấn luyện quân sự với thao trường, bãi tập, kỷ luật thép thể hiện rõ tính chiến đấu trong văn hóa sư phạm quân sự. Kết quả khảo sát hoạt động này như sau:



Kết quả khảo sát cho thấy hoạt động huấn luyện, rèn luyện quân sự được xem như yếu tố cốt lõi trong văn hóa giáo dục quân sự với đa số ý kiến đánh giá cao (điểm trung bình 4,1 đến 4,29/5). HVKTQS duy trì nền nếp huấn luyện quân sự nghiêm túc (mức đánh giá trong ba tiêu chí từ 4,10 – 4,18 điểm). HVCT đạt điểm cao nhất ở tiêu chí “*Quá trình rèn luyện được tổ chức chặt chẽ, kỷ luật*” (4.28 điểm), phản ánh văn hóa đặc trưng của trường chính trị, nơi huấn luyện quân sự gắn bó chặt chẽ với giáo dục chính trị tư tưởng, nổi bật tinh thần kỷ cương, nề nếp. TSQPB dẫn đầu tiêu chí “*Hoạt động huấn luyện quân sự góp phần rèn luyện ý chí quân nhân*” với 4.29 điểm, thể hiện vai trò cốt lõi của huấn luyện chiến thuật, hành quân, rèn luyện... trong việc tôi luyện bản lĩnh người chỉ huy tương lai - yếu tố cốt lõi của bản sắc trường pháo binh.

So với môi trường dân sự, học viên quân đội phải trải qua quá trình rèn luyện thể chất và kỹ năng quân sự hết sức gian khổ, kỷ luật ngặt nghèo. Những chia sẻ của HV6 minh chứng rõ nét điều này: “*Ngoài giờ học văn hóa, chúng em dành nhiều thời gian cho huấn luyện điều lệnh đội ngũ, bắn súng, hành quân, trực ban, gác, tuần tra doanh trại.... Qua mỗi hoạt động, em lại trưởng thành thêm một bước về bản lĩnh, ý chí và tác phong chỉ huy. Em cũng hiểu hơn về kỷ luật và tinh thần đồng đội*”. Những hoạt động này chính là “trường học thực tiễn” giúp học viên trui rèn ý chí kiên cường, sức chịu đựng và tinh thần sẵn sàng chiến đấu. Kết quả rèn luyện cuối khóa cho thấy đa số học viên đạt loại khá, tốt (Phụ lục 3.1), phản ánh ý thức rèn luyện của học viên ở các nhà trường khảo sát rất cao.

Tiêu chí “*Quá trình rèn luyện được tổ chức chặt chẽ, kỷ luật*” được đánh giá cao với điểm trung bình từ 4,17 đến 4,28 điểm. Các nhà trường duy trì nghiêm ngặt các chế độ trong ngày, tuần, tuần tháng với thời gian biểu chặt chẽ cho mọi hoạt động từ học tập, lao động đến nghỉ ngơi. Học viên được rèn luyện qua nhiều hoạt động phong phú: huấn luyện quân sự, hành quân dã ngoại, trực ban, rèn thể lực, tăng gia... trên thao trường, bãi tập, khu tăng gia, khu diễn tập nhằm trui rèn

thể chất, ý chí kiên cường, phong cách chỉ huy và thói quen chấp hành kỷ luật. Khi được hỏi về thời gian biểu hàng ngày, HV7 cho biết:

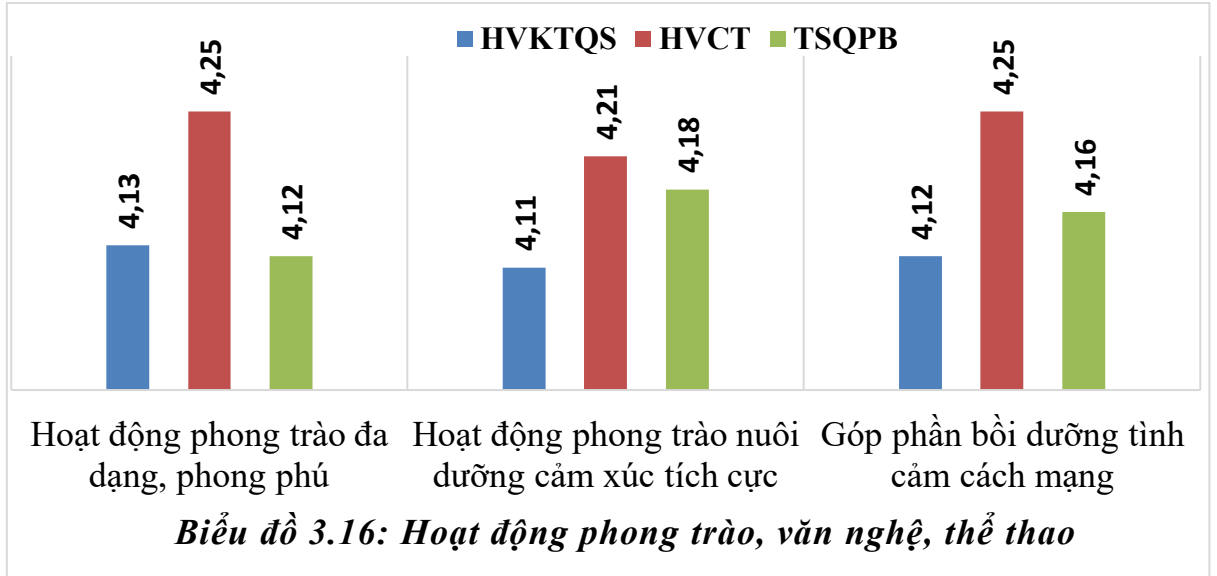
“5 giờ báo thức, chúng em thức dậy, thực hiện thể dục sáng, sắp đặt nội vụ, quét dọn vệ sinh khu vực. Sau khi đơn vị kiểm tra sáng, chúng em học tập theo thời khóa biểu từ 6 giờ 30 đến 11 giờ 30. Buổi chiều, từ 13 giờ 45 chúng em tự học tập trung theo trung đội đến 15 giờ 15 thực hiện chế độ bảo quản vũ khí trang bị. Từ 16 giờ đến 17 giờ 45, chúng em rèn luyện thể lực, thể thao, vệ sinh, tăng gia sản xuất. Buổi tối, từ 18 giờ 30, chúng em sinh hoạt tổ đoàn kết, đọc báo, nghe tin, xem thời sự ở đại đội. Từ 19 giờ 45, chúng em tự học buổi tối. Đúng 20 giờ 45, đơn vị tập hợp điểm danh, điểm quân số. 21 giờ 30 chúng em tắt đèn đi ngủ. Ngoài ra, chúng em thực hiện nhiệm vụ gác, tuần tra, trực ban, hành quân rèn luyện theo kế hoạch của đơn vị”.

Dưới góc nhìn văn hóa, các hoạt động này không chỉ là sinh hoạt, học tập, rèn luyện mà là một hệ thống thực hành văn hóa, tái hiện và truyền thụ giá trị cốt lõi của quân đội.

Qua những trải nghiệm khắc nghiệt ấy, học viên thấm thía hơn vai trò người lính, giá trị tình đồng chí và “kỷ luật thép” trong quân đội. Môi trường huấn luyện này tạo nên văn hóa giáo dục đặc thù, trở thành “cái nôi” tạo nên phong cách, tác phong người sĩ quan tương lai: vừa kỷ luật, nghiêm cẩn, vừa chủ động linh hoạt khi đối mặt khó khăn.

3.3.4. Hoạt động phong trào, văn nghệ, thể thao

Đây là “chất xúc tác” văn hóa, góp phần quan trọng trong xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phong phú, gắn kết tập thể và nuôi dưỡng đời sống tinh thần cho cán bộ, học viên. Kết quả khảo sát tại ba nhà trường cho thấy mức độ đánh giá khá cao với ba khía cạnh tiêu biểu:



Thứ nhất, các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao phong phú, đa dạng: nhận định này đạt mức điểm cao từ 4,12 điểm (TSQPB) đến 4,25 điểm (HVCT) thể hiện sự sôi nổi của hoạt động này tại các nhà trường. Các hoạt động này thường được tổ chức nhân các ngày lễ, kỷ niệm của đất nước, Quân đội hoặc của nhà trường: như hội diễn văn nghệ chào mừng Ngày thành lập QĐNDVN 22/12, giải thi đấu thể thao mừng ngày thành lập Đoàn 26/3, hội trại truyền thống dịp kỷ niệm ngày thành lập trường,... Bên cạnh đó, các nhà trường tổ chức nhiều hoạt động mang tính đặc thù như: HVKTQS có “Tuần lễ tuổi trẻ sáng tạo” hàng năm, TSQPB có Hội thao quân sự cấp trường vào dịp 22/12, HVCT tổ chức các cuộc thi tìm hiểu Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh... Những hoạt động này thu hút đông đảo học viên tham gia, tạo không khí vui tươi, phấn khởi, đồng thời giáo dục truyền thống yêu nước và lý tưởng cách mạng một cách sinh động thông qua trải nghiệm tập thể.

Thứ hai, các phong trào nuôi dưỡng cảm xúc tích cực và bồi dưỡng tình cảm cách mạng (điểm trung bình từ 4,11 đến 4,21). Không khí các phong trào luôn sôi nổi, thu hút đông đảo học viên tham gia với tinh thần hào hứng. Đáng chú ý, phong trào còn đóng vai trò như “chất điều hòa” nhịp sống quân trường: sau những giờ học tập và huấn luyện căng thẳng, một buổi giao lưu thể thao hay văn nghệ giúp giải tỏa áp lực, gắn kết tình cảm thầy trò, bạn bè, làm cho đời sống tập thể thêm vui tươi, nhân văn. HV8 nhận xét: “Phong trào văn nghệ, thể dục

thể thao ở học viện rất đa dạng, là sân chơi chung của cả cán bộ, giảng viên, học viên. Các sân chơi thể thao như bóng đá, bóng bàn, cầu lông, bóng chuyền không phân biệt giảng viên, học viên, mọi người đều hòa đồng, vui vẻ”.

Tuy nhiên, hình thức sinh hoạt truyền thống đôi khi còn khuôn mẫu, thiếu tương tác. Báo cáo của HVCT nêu lên thực trạng: *“Hoạt động của thiết chế văn hóa có lúc còn biểu hiện hình thức, thiếu chiều sâu, chưa có nhiều công trình nghiên cứu văn hóa, tác phẩm báo chí tương xứng với tiềm năng của Học viện.”* [42, tr.8]. Trên thực tế, một số hoạt động còn đơn điệu, lặp lại, chưa hấp dẫn được thế hệ trẻ vốn năng động, ưa thích công nghệ số; các câu lạc bộ sở thích chưa đa dạng để thu hút mọi đối tượng; việc ứng dụng văn hóa số, mạng xã hội vào hoạt động tập thể vẫn còn dè dặt.

Theo quan điểm của Talcott Parsons, hoạt động này thực hiện chức năng duy trì mô hình giá trị, từ đó củng cố hệ thống văn hóa tổ chức quân đội. Đây là hình thức thực hành văn hóa gắn kết giữa giá trị tập thể, kỷ luật, nhân văn; kỹ năng sống, thẩm mỹ, thể chất; tái tạo năng lượng tinh thần, điều tiết cảm xúc và nuôi dưỡng bản sắc tập thể. Những hoạt động này không tách biệt với hoạt động chính khóa mà là không gian chuyển hóa giá trị thành cảm xúc, hành vi và niềm tin bền vững. Tuy nhiên, để nâng cao hơn nữa hiệu quả và tính hấp dẫn, cần có sự đầu tư đồng bộ về tổ chức, nội dung, cán bộ chuyên trách, cũng như tăng cường phát huy vai trò của học viên, từ đó xây dựng một không gian văn hóa phong trào thực chất, sáng tạo và giàu tính nhân văn quân sự.

Có thể thấy, chính sự kết hợp hài hòa giữa môi trường khoa học sư phạm và môi trường rèn luyện quân sự đã tạo nên nền văn hóa giáo dục quân sự đậm tính thực tiễn, kỷ cương mà nhân văn. Trong môi trường ấy, mỗi bài giảng trên lớp đều gắn với kỷ luật và lý tưởng; mỗi giờ huấn luyện thao trường đều hàm chứa giá trị truyền thống; và mỗi hoạt động vui chơi giải trí cũng hướng đến củng cố tinh thần tập thể, tình yêu quê hương đất nước. Tất cả góp phần hình thành nên mẫu hình sĩ quan “vừa hồng, vừa chuyên” trong thời kỳ mới.

Nhìn chung, thực hành văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội là sự cụ thể hóa sinh động các giá trị và chuẩn mực văn hóa qua hoạt động hàng

ngày; nó vừa mang tính phổ quát của hoạt động giáo dục vừa mang tính đặc thù của môi trường quân sự. Tuy vậy, bên cạnh những kết quả đạt được, thực hành văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội vẫn còn một số vấn đề đặt ra. Một là, có hiện tượng chưa theo kịp giữa triết lý giáo dục tiên tiến và phương pháp thực hành lạc hậu ở một số nội dung. Hai là, nguy cơ hành chính hóa trong giáo dục vẫn tồn tại. Điều này dễ làm giảm tính linh hoạt của môi trường văn hóa, khiến một số hoạt động văn hóa trở nên gò bó, nặng tính hình thức. Ba là, thách thức giữ gìn bản sắc văn hóa trước làn sóng hội nhập và bùng nổ công nghệ. Những vấn đề này chính là “điểm nghẽn” cần được nhận diện rõ và tháo gỡ để văn hóa giáo dục quân sự tiếp tục phát triển bền vững.

3.4. YẾU TỐ NGOẠI HIỆN GIÁO DỤC

Trong nhà trường quân đội, các yếu tố ngoại hiện chính là phương tiện tái hiện và truyền tải văn hóa quân sự, góp phần tạo dựng “bộ mặt” văn hóa riêng và nuôi dưỡng lòng tự hào, tinh thần gắn kết trong tập thể.

3.4.1. Không gian kiến trúc và cảnh quan

Không gian kiến trúc của hầu hết nhà trường quân đội được quy hoạch như một doanh trại quân sự thu nhỏ, khép kín và đầy đủ các khu chức năng bảo đảm sinh hoạt, học tập và huấn luyện và tính cơ động, sẵn sàng chiến đấu. Khuôn viên nhà trường thường có cổng, phù hiệu quân đội, bên trong là chỉ huy, văn phòng, hội trường, giảng đường, thao trường, thư viện, sân vận động, khu sinh hoạt của các Hệ/Tiểu đoàn, khu kỹ thuật và kho đạn, khu tăng gia sản xuất... Tiêu biểu của không gian kiến trúc, cảnh quan trong nhà trường quân đội là cổng trường, vọng gác, giảng đường, thao trường, bãi tập.

Cổng trường không đơn thuần là lối ra vào mà còn mang ý nghĩa biểu tượng đặc biệt: nó là ranh giới chuyển tiếp giữa thế giới dân sự và thế giới quân sự. Theo lý thuyết “không gian chuyển hóa” của V. Turner, bước qua cánh cổng là bắt đầu một nghi thức nhập thân văn hóa. Cảm nhận của HV9 phản ánh rõ điều này: “*Mỗi khi đi qua cổng, em phải chào điều lệnh, xuất trình giấy ra vào với trực ban, chỉnh đốn trang phục, tư thế, tác phong, lời nói, hành vi đúng với điều lệnh và quy định của nhà trường*”. Khi bước vào nhà trường, cá nhân bắt

đầu tái định hình bản thân, không chỉ phải xuất trình giấy tờ, chỉnh đốn quân phục, chào điều lệnh... mà còn tự điều chỉnh lại tư thế, tác phong, thái độ, lời nói. Đây chính là dấu hiệu của sự nội hóa giá trị và chuẩn mực quân sự - điều làm nên bản sắc của giáo dục trong quân đội. Đối với học viên, công trường còn là cột mốc ý nghĩa, nơi khởi đầu và kết thúc của một quá trình học tập, rèn luyện đầy thử thách. Cánh công trường vì thế cũng trở thành biểu tượng cho lý tưởng phụng sự tổ quốc, phục vụ nhân dân của người quân nhân trí thức.

Vọng gác là hiện thân của sự giám sát và bảo vệ, nơi người lính thực hiện nhiệm vụ canh gác trở thành người bảo vệ cho những giá trị thiêng liêng của quân đội. Trong nhà trường quân đội thường bố trí nhiều vọng gác ở các vị trí trọng yếu như cổng, sở chỉ huy, kho đạn, kho pháo, giảng đường, nhà huấn luyện.... Cán bộ, giảng viên, học viên làm nhiệm vụ canh gác là “người đang làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu bảo vệ mục tiêu được giao” [5, tr.97]. Nhiệm vụ canh gác không chỉ nhằm đảm bảo an ninh mà còn là một phần quan trọng trong quá trình giáo dục, rèn luyện đối với học viên, thực hành kỷ luật và rèn luyện bản lĩnh đối với cán bộ, giáo viên. Khi làm nhiệm vụ gác, quân nhân phải tuân thủ chặt chẽ quy định về canh phòng như: không được rời vị trí gác, “phải luôn tỉnh táo, tập trung, không hút thuốc, hát, nói chuyện, cười đùa, ăn uống; tư thế phải nghiêm túc, đứng động tác gác, nếu mang súng tiểu liên thì ở trong tư thế mang súng hoặc chuẩn bị bắn, nếu mang súng trường thì ở tư thế nghiêm, nghỉ, khi di chuyển phải xách súng hoặc cầm ngang súng” [7, tr.97].

Việc thực hiện nhiệm vụ canh gác đòi hỏi người quân nhân phải có tinh thần cảnh giác cao, tác phong nghiêm túc và khả năng xử lý tình huống linh hoạt. Trong quá trình này, nhiệm vụ canh gác trở thành một phương thức rèn luyện quan trọng. HV10 tâm sự: *“Một phiên gác kéo dài 2 tiếng, đặc biệt là những phiên gác đêm mà hôm sau chúng em có buổi thi hoặc kiểm tra thì rất buồn ngủ và mệt mỏi. Nhưng không phải vì thế mà em lơ là mất cảnh giác. Bởi vì em nghĩ khi em đang ngủ say sưa thì các đồng đội cũng đang đứng gác, đến lượt em thì em cũng phải hoàn thành tốt nhiệm vụ gác của mình”*. Thông qua việc thực hiện nhiệm vụ canh gác, học viên được rèn luyện thể chất và tinh thần kiên

cường, sẵn sàng đối mặt với khó khăn, được thấm nhuần giá trị kỷ luật và tinh thần trách nhiệm, đồng thời, phát triển kỹ năng quan sát, phân tích tình huống và ra quyết định. Trên hết, nhiệm vụ canh gác giúp học viên hiểu rõ hơn về vai trò và trách nhiệm của người lính trong việc bảo vệ Tổ quốc.

Hình ảnh người lính đứng gác nghiêm trang bên vọng gác trở thành biểu tượng sống động của quá trình giáo dục và rèn luyện trong nhà trường quân đội, thể hiện giá trị kỷ luật, tinh thần cảnh giác, nhắc nhở mỗi cán bộ, giáo viên, học viên về sứ mệnh cao cả và trách nhiệm thiêng liêng đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Giảng đường, thao trường, bãi tập: Giảng đường, lớp học là thiết chế văn hóa đặc thù trong nhà trường quân đội. Quan sát tại 3 nhà trường cho thấy, điểm nổi bật trong tổ chức không gian lớp học trên giảng đường là “*không gian đóng và hướng tâm*”. Bàn, ghế học viên được tổ chức theo các dãy, hàng lối chính quy, cố định ít xê dịch, đặt thấp hơn bục giảng. Phòng học thường trang trí giản dị với quốc huy, ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh, khẩu hiệu và bảng nội quy; học viên ngồi cố định theo đơn vị, tạo tính tổ chức kỷ luật cao. Ngoài ra, thao trường, bãi tập với các mô hình súng pháo, chiến hào, vật cản... là nét ngoại hiện rất riêng của trường quân đội - nơi biến kiến thức lý thuyết thành kỹ năng chiến đấu thực tế. Chính nhờ không gian kiến trúc được “quân sự hóa” tối đa như vậy mà môi trường nhà trường đã thấm đẫm các giá trị kỷ luật, chính quy và tinh thần đồng đội: mọi chi tiết xung quanh từ cách sắp xếp phòng ốc, sân tập đến giờ giấc sinh hoạt đều truyền tải thông điệp về trật tự, tính thống nhất và sự sẵn sàng của một đơn vị quân đội.

Kiến trúc và cảnh quan ở nhà trường quân đội được thiết kế có dụng ý rõ ràng: vừa đảm bảo công năng sử dụng, vừa hàm chứa thông điệp giáo dục giá trị và bản sắc của nhà trường. Chính môi trường vật chất đó tạo ra “tác động ngầm” đến người học: từng bức ảnh, dãy nhà, phiên đá, khẩu pháo... đều kể câu chuyện về truyền thống, về kỷ luật, thôi thúc học viên tự điều chỉnh theo nề nếp quân đội.

3.4.2. Logo và khẩu hiệu

Mỗi nhà trường quân đội đều có logo riêng, thường gắn với phương châm, khẩu hiệu hành động của trường đó. Logo của các học viện, trường sĩ quan được thiết kế rất công phu, thể hiện sứ mạng và giá trị cốt lõi của trường.

Logo của HVKTQS (Hình 3.1) là sự kết hợp hài hòa giữa các biểu tượng của khoa học - công nghệ - quân sự. Hướng dẫn số 460/HD-CT (2023) của Phòng Chính trị, HVKTQS mô tả:

“Biểu trưng HVKTQS có nền hình tròn, màu xanh, viền xanh trắng; bên trong có hình quyển vở mở, cách điệu cánh chim hòa bình màu trắng, viền xanh; trên nền quyển vở, phía bên trái bố trí một nửa bánh xe răng cưa, 03 nửa đường tròn đồng tâm, 03 hình e-lip mô phỏng Mô hình nguyên tử của Rutherford, phía bên phải bố trí



Hình 3.1. Logo HVKTQS

cánh nguyệt quế màu vàng phía trên có ngôi sao năm cánh màu đỏ, ánh chiếu màu trắng; sát viền hình tròn, bố trí chữ HVKTQS nửa phía trên, tên Học viện bằng tiếng Anh nửa phía dưới, màu trắng, ngăn cách bởi 02 ngôi sao nhỏ màu trắng. Các họa tiết của biểu trưng được bố trí cân đối, hài hòa” [56]. Từ góc nhìn văn hóa học, logo của HVKTQS phản ánh sự giao thoa giữa tri thức và sức mạnh quốc phòng. Tổng thể logo thể hiện sứ mệnh của Học viện trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về khoa học kỹ thuật, góp phần hiện đại hóa quân đội Việt Nam.

Logo của HVCT nổi bật với hình ảnh chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh trên nền ngôi sao vàng đặt ở trung tâm cho thấy sự trung thành tuyệt đối với tư tưởng Hồ Chí Minh và vai trò “trường Đảng” trong quân đội. Xung quanh là ngọn đuốc và sách (ánh sáng lý luận, giáo dục tư tưởng), bánh răng và bông lúa (truyền thống



Hình 3.2. Logo HVCT

công-nông). Tất cả khúc xạ thành một bộ biểu tượng đa tầng phản ánh tri thức lý luận, lý tưởng cách mạng và tổ chức quân sự thống nhất. Có thể nói, Logo HVCT có tính định hướng mạnh mẽ, truyền tải hệ giá trị trung tâm của nền sự phạm chính trị quân đội: trí tuệ - lý tưởng - phụng sự.

Logo của TSQPB có bố cục mạnh mẽ, phản ánh rõ tính chiến đấu và chuyên ngành quân sự. Trung tâm logo là khẩu pháo và tên lửa, biểu tượng ngành đào tạo pháo binh hiện đại, đặt trên nền cuốn sách mở tượng trưng cho tri thức quân sự. Biểu tượng nguyên tử đặt phía trên góc phải, tượng trưng cho tính hiện đại, công nghệ và trình độ khoa học quân sự trong huấn luyện pháo binh.



Hình 3.3. Logo TSQPB

Đáng chú ý, cả ba logo trên đều có cấu trúc hình tròn, tâm đối xứng và sử dụng các họa tiết giống nhau như ngôi sao, bánh răng, bông lúa, cuốn sách, ngọn đuốc. Sự lặp lại này không chỉ đơn thuần thẩm mỹ mà phản ánh tính hệ thống trong văn hóa quân sự: từ HVKTQS đến HVCT và TSQPB, các giá trị nền tảng về lý tưởng (ngôi sao cách mạng), tổ chức (bánh răng), tri thức (sách, đuốc, bông lúa) được chia sẻ và bảo lưu xuyên suốt. Đồng thời, mỗi trường khẳng định bản sắc riêng qua việc sắp đặt, phối màu và bổ sung biểu tượng ngành (ví dụ logo TSQPB có pháo, HVCT có chân dung Bác Hồ). Như vậy, sự thống nhất trong đa dạng tạo nên đặc trưng của văn hóa quân sự: vừa nhấn mạnh tính nhất quán trong giáo dục quân đội, vừa thể hiện sự khác biệt nghề nghiệp, tất cả đặt trên nền tảng chung của lý tưởng, kỷ luật và truyền thống quân đội.

*** Khẩu hiệu**

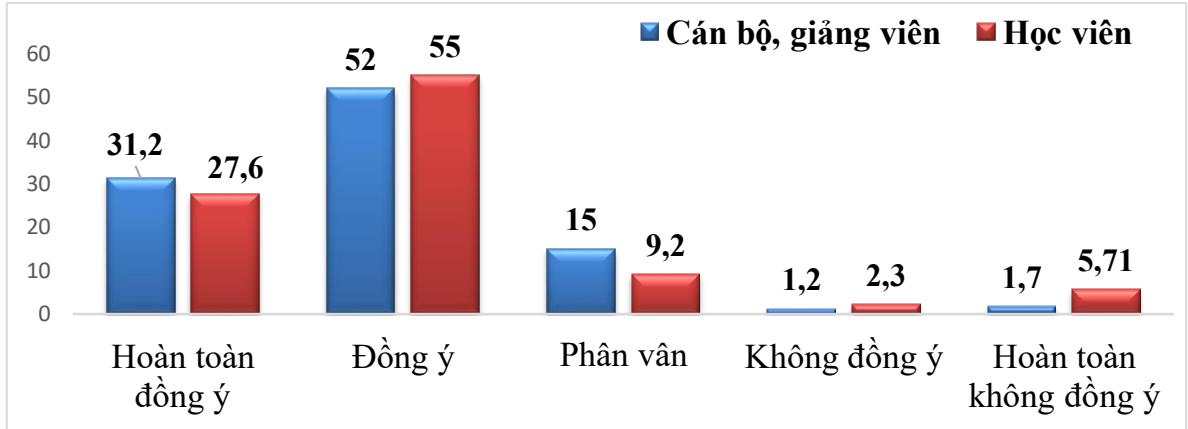
Cùng với logo, các khẩu hiệu xuất hiện dày đặc trong khuôn viên nhà trường. Khẩu hiệu thường là những câu ngắn gọn, súc tích, có vần điệu và tính hiệu triệu cao, được kẻ sơn trên pano, bảng biểu ở các khu vực trung tâm như cổng trường, trục đường chính, hội trường, giảng đường, thao trường... để thu

hút sự chú ý. Nội dung khẩu hiệu mang đậm tính định hướng tư tưởng, chuẩn mực hành vi và lý tưởng rèn luyện của người quân nhân cách mạng.

Quan sát tại ba trường cho thấy khẩu hiệu tập trung vào ba nhóm chính: (1) Tôn vinh Đảng, Bác Hồ, lý tưởng cách mạng, trách nhiệm công dân, với những khẩu hiệu phổ biến như: *“Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm”, “Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp chúng ta”...*; (2) Kêu gọi thi đua, rèn luyện, như: *“Kỷ luật là sức mạnh quân đội”, “Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh “Bộ đội cụ Hồ” thời kỳ mới”, “Vượt nắng, thắng mưa, say sưa luyện tập”*;(3) Thể hiện truyền thống và nhiệm vụ của nhà trường, chẳng hạn khẩu hiệu của HVKTQS: *“Trí tuệ, tỏa sáng”, “Dân chủ, trí tuệ, đoàn kết, đổi mới – Phát triển học viện thành trường đại học nghiên cứu”, “Phát huy trí tuệ, hợp tác toàn diện, không ngừng đổi mới, phát triển”...*; của HVCT: *“Kiên định và Phát triển, Đoàn kết và Kỷ luật, chủ động, sáng tạo, khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ”...*; của TSQPB: *“Tự lực, tự cường, chủ động, sáng tạo, dạy tốt, học tốt, công tác tốt”, “Học giỏi, rèn nghiêm, phấn đấu trở thành Sĩ quan Pháo binh ưu tú”, “Chân đồng, vai sắt, đánh giỏi, bắn trúng”...*

Những khẩu hiệu này đã cô đọng tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của mỗi nhà trường, trở thành “mục tiêu phấn đấu” chung cho mọi thành viên. Đây là một hình thức tác động gián tiếp nhưng có sức ảnh hưởng bền bỉ đến nhận thức và hành vi của quân nhân. Theo nhận định của GV8: *“Một khẩu hiệu hay không chỉ có sức hút về thị giác, tri giác mà còn tác động đến tình cảm, niềm tin của học viên, từ đó có thể chuyển biến thành ý thức, thái độ, hành động tốt đẹp của mỗi học viên”*.

Khẩu hiệu trong nhà trường quân đội có tác dụng như một công cụ giáo dục mềm, ngày ngày hiện diện trước mắt giúp định hướng suy nghĩ và hành vi của học viên theo chuẩn mực mong muốn. Khảo sát ý kiến giảng viên, CBQLHV và học viên ở ba nhà trường về việc *“Logo, khẩu hiệu phản ánh sứ mạng, giá trị cốt lõi của nhà trường”* cho thấy đa số đều đánh giá tích cực:



Biểu đồ 3.17: Logo, khẩu hiệu phản ánh sức mạnh, giá trị cốt lõi của nhà trường

Phần lớn ý kiến đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý (83,2% cán bộ, giảng viên, 82,6% học viên), chỉ một bộ phận nhỏ (khoảng 15% cán bộ, giảng viên và 9,2% học viên) còn hoài nghi. Tỷ lệ không đồng ý rất thấp, chứng tỏ tính biểu tượng của logo, khẩu hiệu được nhìn nhận tích cực bởi đa số thành viên. Đây là dấu hiệu cho thấy quá trình xây dựng nhận diện văn hóa nhà trường thông qua biểu trưng, khẩu hiệu đang đi đúng hướng và phát huy hiệu quả.

Tuy nhiên, sự chênh lệch giữa đánh giá của giảng viên, CBQLHV và học viên cho thấy mức độ thẩm thấu giá trị văn hóa giữa các nhóm đối tượng là khác nhau. Tỷ lệ "phân vân" và "không đồng ý" tuy thấp nhưng cảnh báo một khoảng trống nhận thức văn hóa, có thể xuất phát từ việc chưa lồng ghép đủ nội dung biểu trưng trong hoạt động thực tiễn giảng dạy, huấn luyện hoặc truyền thông nội bộ chưa hiệu quả. Do vậy, cần có giải pháp truyền thông nội bộ và giáo dục biểu trưng phù hợp với từng đối tượng, đặc biệt là học viên.

3.4.3. Quân phục, quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu

Một yếu tố ngoại hiện đặc trưng khác là trang phục, quân phục. Quân nhân mặc quân phục thống nhất theo quy định của QĐNDVN. Bộ quân phục, quân hàm, phù hiệu gắn trên vai áo, trên mũ kê-pi có quân hiệu ngôi sao tỏa sáng... tất cả tạo nên sự thống nhất về hình thức và toát lên sức mạnh của quân đội. Trong đó, cấp hiệu và quân hàm là dấu hiệu để nhận biết cấp bậc, vừa là biểu hiện của sự phân cấp chặt chẽ, vừa góp phần quan trọng trong việc giáo dục ý thức tổ chức, kỷ luật và bản sắc nghề nghiệp - những yếu tố cốt lõi trong văn

hóa quân sự. Với mỗi giảng viên, cán bộ, học viên, từng bậc thăng tiến trong cấp hiệu là sự ghi nhận quá trình trưởng thành trong công tác, học tập, rèn luyện và cống hiến. Do đó, cấp hiệu đóng vai trò hướng đạo, thúc đẩy quân nhân nỗ lực để đạt đến những cột mốc cao hơn không chỉ về kiến thức chuyên môn mà còn về tư tưởng, đạo đức và phẩm chất người sĩ quan.

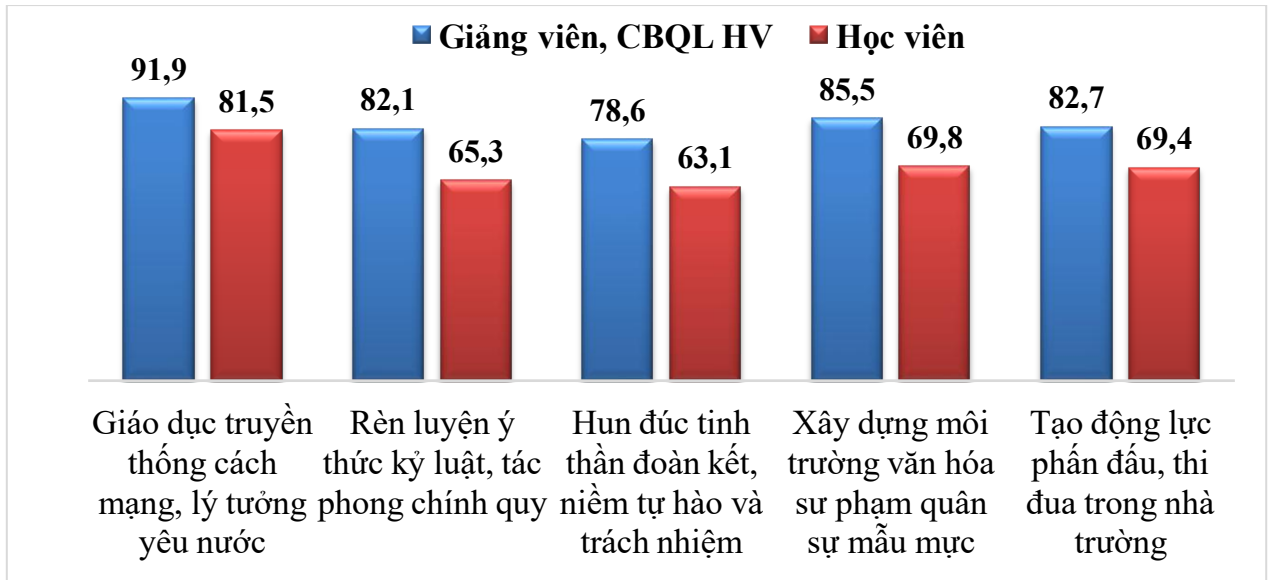
Nét riêng trong quân phục của quân nhân ở các nhà trường là phù hiệu. Đối với HVKTQS, phù hiệu “hình compa trên chiếc búa” [11] thể hiện bản sắc ngành kỹ thuật. Phù hiệu HVCT có “hình thanh kiếm và khẩu súng đặt chéo” [11] biểu trưng cho Binh chủng Hợp thành - Bộ binh. Phù hiệu TSQPB là “hình hai nòng súng thần công đặt chéo” [11] biểu hiện cho sức mạnh hỏa lực của lực lượng Pháo binh. Phù hiệu mang mặc trên bộ quân phục được sử dụng đại diện cho các lực lượng khác nhau giúp nhận diện chuyên ngành và bản sắc của từng ngành nghề quân sự. HV11 chia sẻ: *“Giây phút khoác lên bộ quân phục gắn đôi cầu vai màu đỏ tươi mang phù hiệu binh chủng sáng ngời trên ve áo, em cảm thấy tự hào, trong em xác định rõ mục tiêu phải phấn đấu, nỗ lực học tập, rèn luyện để trở thành người sĩ quan pháo binh. Ngày đầu tiên mặc quân phục, chúng em được cán bộ lớp chụp cho một kiểu ảnh gửi về gia đình, ai cũng khen em cứng chạc, trưởng thành hơn”*.

Quân phục không đơn thuần chỉ là phương tiện bảo vệ sức khỏe, phục vụ yêu cầu công tác, huấn luyện, chiến đấu, sinh hoạt của bộ đội, mà còn là biểu tượng của danh dự và trách nhiệm; thể hiện tính thống nhất, chính quy, sức mạnh trong hình thức của QĐNDVN. Đối với mỗi quân nhân, quân phục cùng với các biểu tượng đặc trưng của nhà trường và quân đội trở thành niềm tự hào, góp phần thể hiện phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” của người quân nhân cách mạng. Bên cạnh đó, các quy định về lễ tiết, lễ phục cũng góp phần tạo nên diện mạo văn hóa đặc thù riêng có trong môi trường quân sự.

3.4.4. Nghi lễ, nghi thức

Nghi lễ là yếu tố ngoại hiện đặc trưng của văn hóa giáo dục quân sự, đóng vai trò kết nối quá khứ truyền thống với hiện tại sinh hoạt tập thể. Nghi

lễ trong nhà trường quân đội có thể phân loại theo bốn nhóm chính: nghi lễ chuyển giao, củng cố, nhắc nhở và liên kết (Phụ lục 3). Trong đó, một số nghi lễ, nghi thức tiêu biểu gồm: Lễ Khai giảng, Lễ Tốt nghiệp và trao quân hàm; Lễ Chào cờ, Lễ kỷ niệm ngày truyền thống của Quân đội (22/12), Ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11), Ngày thành lập trường... Các nghi lễ, nghi thức được xây dựng dựa trên truyền thống, điều lệnh, điều lệ và các giá trị cốt lõi của quân đội và nhà trường, nhằm tạo môi trường giáo dục chính quy, mẫu mực, kỷ luật. Khảo sát “*Vai trò của nghi lễ trong nhà trường quân đội*” cho thấy nghi lễ có tác động tích cực đến nhận thức, tình cảm của giảng viên, cán bộ quản lý, học viên trong nhà trường quân đội. Cụ thể:



Bảng 3.18. Vai trò của nghi lễ trong nhà trường (đơn vị %)

Trên 80% ý kiến công nhận vai trò của nghi lễ trong việc truyền thụ truyền thống, lòng yêu nước và định hướng chính trị. Tâm sự của HV12 sau đây khẳng định rõ hơn nhận định này: “*Mỗi sáng thứ hai hàng tuần, dưới lá cờ đỏ sao vàng thiêng liêng của Tổ quốc, chúng em đồng thanh hát Quốc ca, đọc 10 lời thề danh dự của quân nhân. Sau mỗi lời thề, chúng em đồng thanh hô “Xin thề” đồng dục, oai nghiêm. Lễ chào cờ đã bồi dưỡng cho chúng em lòng tự hào dân tộc, nhắc nhở chúng em ý thức, trách nhiệm danh dự người chiến sĩ cách mạng và phẩm chất cao đẹp “Bộ đội Cụ Hồ”.*”

Bên cạnh đó, đa số ý kiến nhất trí nghi lễ quân đội “*rèn luyện ý thức kỷ luật và tác phong chính quy*” (82,1% giảng viên, CBQLHV; 62,9% học viên) và góp phần “*Xây dựng môi trường văn hóa quân sự sư phạm mẫu mực*” (85,5% giảng viên, CBQLHV; 69,8% học viên). Khi tham gia nghi lễ, quân nhân phải tuân thủ nghiêm các quy định về mang mặc trang phục, tổ chức đội hình... đến các nghi thức như động tác chào, báo cáo, chào cờ, động tác đội ngũ, đọc lời thề, tuyên thệ... Đây là nét văn hóa đặc trưng trong quân đội, góp phần hình thành thói quen, tác phong chuẩn mực, rèn luyện phẩm chất của “Bộ đội Cụ Hồ” từ sớm cho học viên. HV13 cho rằng: “*Đối với chúng em, việc duy trì và thực hiện nền nếp, chế độ chào cờ tại nhà trường cũng là dịp để rèn luyện tác phong chỉ huy trong tổ chức sinh hoạt tập trung. Qua đó, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng để không ngừng trưởng thành về mọi mặt*”. Những nghi lễ trong nhà trường quân đội vừa thể hiện nét đẹp chính quy vừa là phương tiện giáo dục góp phần hun đúc ý thức tập thể, tinh thần kỷ luật, giáo dục truyền thống cho các quân nhân trẻ.

Tuy nhiên, việc tổ chức và thực hành các nghi lễ trong các nhà trường hiện nay đang gặp không ít thách thức. Kết quả khảo sát tại ba nhà trường đã chỉ ra một số hạn chế chủ yếu sau:

Một số hạn chế trong thực hành nghi lễ	Cán bộ, giảng viên		Học viên	
	Có	Không	Có	Không
1. Một số nghi thức nặng tính hình thức, chưa thực sự hiệu quả	48	52	43	57
2. Một bộ phận học viên chưa thực sự ý thức được ý nghĩa của nghi lễ	75,7	24,3	60	39,4
3. Cường độ tập luyện cao, gây áp lực về mặt thể chất và tinh thần	30,1	69,9	26,4	73,6
4. Chưa đổi mới về nội dung, hình thức để tăng tính hấp dẫn	57,2	42,2	41,2	48,2
5. Ý kiến khác: - Cùng lúc thực hiện rất nhiều nhiệm vụ, gây tâm lý không thoải mái			0,2	

- Một số nghi lễ chưa được chú trọng thực hiện nghiêm túc			0,2	
- Thực hiện đảm bảo thống nhất đồng bộ	0,2			

Bảng 3.3. Hạn chế trong thực hành nghi lễ ở nhà trường quân đội (đơn vị %)

Khoảng 48% giảng viên, CBQL và 43% học viên cho rằng một số nghi thức còn mang nặng tính hình thức, thiếu tính hấp dẫn. Đáng chú ý, có tới 75,7% cán bộ và 60,6% học viên phản ánh một bộ phận học viên chưa thực sự ý thức đầy đủ về ý nghĩa nghi lễ. 57,8% giảng viên, CBQL và 41,8% học viên nhận xét nội dung, hình thức nghi lễ ít được đổi mới để phù hợp với tâm lý thế hệ trẻ. Một số ý kiến khác cho rằng phải thực hiện đồng thời nhiều nhiệm vụ nên việc tham gia nghi lễ đôi lúc gây áp lực thời gian, thể chất; bên cạnh đó, một số đơn vị chưa thực sự coi trọng và thống nhất nghiêm túc trong tổ chức nghi lễ, dẫn đến hiệu quả giáo dục chưa đồng đều.

Các nghi lễ trong nhà trường quân đội hiện nay vừa thể hiện rõ vai trò tích cực trong truyền thụ văn hóa quân sự và rèn luyện bản lĩnh, phẩm chất người cán bộ, học viên, vừa bộc lộ những hạn chế về tính hình thức và sức hấp dẫn đối với một bộ phận học viên. Việc đổi mới nội dung, hình thức tổ chức nghi lễ và nâng cao nhận thức, thái độ tham gia của học viên là cần thiết để các nghi lễ này tiếp tục phát huy giá trị, góp phần đào tạo đội ngũ sĩ quan đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội trong tình hình mới.

Tóm lại, yếu tố ngoại hiện trong nhà trường quân đội đã và đang là “chất keo” gắn kết truyền thống với hiện tại. Thông qua môi trường kiến trúc đặc thù, kỷ luật lễ nghi nghiêm minh và hệ thống biểu trưng phong phú, các nhà trường tạo dựng được bộ mặt văn hóa riêng, vừa thể hiện tính thống nhất của quân đội, vừa mang sắc thái riêng theo từng nhà trường. Các yếu tố này tuy “mắt thấy tai nghe” hàng ngày, nhưng tác động đến chiều sâu, thấm vào tiềm thức mỗi quân nhân, góp phần rèn luyện thói quen, tác phong, củng cố niềm tin vào giá trị cốt lõi. Đây là phần nổi để truyền tải và củng cố phần chìm là các giá trị, niềm tin.

Tiểu kết chương 3

Ở chương 3, luận án đã phác họa một bức tranh khá toàn diện về văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội hiện nay trên cơ sở khảo sát tại ba nhà trường tiêu biểu: HVKTQS, HVCT và TSQPB. Dưới lăng kính văn hóa học, văn hóa giáo dục quân sự như một hệ thống cấu trúc gồm bốn thành tố cốt lõi: giá trị, nhân cách, thực hành, yếu tố ngoại hiện vận hành trong môi trường quân sự - sự phạm đặc thù.

Thứ nhất, thang bậc giá trị trong nhà trường quân đội được cấu trúc thành ba tầng, có tính bền vững, được truyền thụ đồng bộ qua chương trình chính khóa, hoạt động ngoại khóa, sự nêu gương nhưng cũng bộc lộ khoảng cách giữa nhận thức và hành vi ở một bộ phận nhỏ cán bộ, giảng viên, học viên, dẫn đến nguy cơ “hình thức hóa” nếu không được chuyển hóa thành niềm tin nội tại.

Thứ hai, chương 3 làm rõ đặc trưng nhân cách của ba nhóm chủ thể chính: giảng viên, CBQLHV và học viên. Phần lớn giảng viên, CBQLHV, học viên quân đội hiện nay được đánh giá có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, chuyên môn vững, học tập tốt. Tuy nhiên, vẫn còn hiện tượng một số giảng viên sa sút đạo đức, hạn chế về phương pháp giảng dạy hiện đại; học viên còn biểu hiện học đối phó, thiếu chủ động.

Thứ ba, thực hành văn hóa giáo dục là “trực vận hành” biến giá trị thành hành vi và năng lực. Thực hành văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội mang tính tổ chức, kỷ luật cao và gắn chặt với tính thực tiễn. Đồng thời, kết quả nghiên cứu chỉ ra sự chậm bắt kịp giữa triết lý giáo dục hiện đại và một số phương thức thực hành và nguy cơ hành chính hóa trong tổ chức hoạt động giáo dục ở nhà trường quân đội.

Các yếu tố ngoại hiện đóng vai trò định hình hình ảnh, không khí và bản sắc của từng nhà trường quân đội; song quá trình hội nhập và áp lực khoa học, công nghệ đặt ra thách thức trong việc giữ gìn bản sắc.

Văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội hiện nay về cơ bản phát triển đúng hướng, đạt nhiều kết quả tích cực, song đang đối mặt với những thách thức mới dưới tác động của hội nhập và biến chuyển xã hội. Những vấn đề này sẽ được bàn luận sâu hơn ở Chương 4, nhằm làm rõ thách thức đặt ra và đề xuất khuyến nghị để phát triển văn hóa giáo dục quân sự bền vững, nhân văn, hiện đại trong giai đoạn mới.

CHƯƠNG 4. BÀN LUẬN VỀ VĂN HÓA GIÁO DỤC TRONG NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM HIỆN NAY

4.1. XÂY DỰNG HỆ GIÁ TRỊ VĂN HÓA GIÁO DỤC TRONG NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI HIỆN NAY

4.1.1. Vấn đề phát huy giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” trong nhà trường quân đội hiện nay

Một trong những vấn đề quan trọng đặt ra trong xây dựng văn hóa giáo dục ở nhà trường quân đội hiện nay là làm sao giữ gìn, lan tỏa và phát huy giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” trong môi trường đào tạo thế hệ quân nhân mới.

Thuật ngữ “Bộ đội Cụ Hồ” dùng để chỉ hình mẫu người quân nhân cách mạng Việt Nam với những phẩm chất cao quý được hun đúc qua các cuộc đấu tranh dân tộc dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Về phương diện văn hóa, đó là một hiện tượng độc đáo, kết tinh cô đọng, sâu sắc các giá trị truyền thống của dân tộc và tinh hoa thời đại Hồ Chí Minh, tạo thành hệ giá trị văn hóa - chính trị - đạo đức đặc trưng của người chiến sĩ cách mạng.

Việc phát huy các giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đối với quân đội nói chung và hệ thống nhà trường quân đội nói riêng. Để đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại”, mục tiêu quan trọng của giáo dục quân sự là nuôi dưỡng, phát triển hình mẫu nhân cách “Bộ đội Cụ Hồ” nhằm tạo ra lớp quân nhân kế cận vừa hồng vừa chuyên, đủ phẩm chất, năng lực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ và xây dựng Tổ quốc trong tình hình mới.

Trong những năm qua, giá trị “Bộ đội Cụ Hồ” đã thấm sâu vào đời sống văn hóa, tinh thần của cán bộ, giảng viên, học viên quân đội. Các nhà trường quân đội đã tích cực tích hợp nội dung giáo dục giá trị “Bộ đội Cụ Hồ” vào chương trình đào tạo một cách hệ thống, bài bản; kết hợp các phong trào thi đua “Phấn đấu xứng danh Bộ đội Cụ Hồ”, “Thanh niên quân đội thi đua rèn đức, luyện tài, xung kích, sáng tạo xứng danh Bộ đội Cụ Hồ”... với nhiều biện pháp linh hoạt để học viên thấm nhuần và hiện thực hóa giá trị này trong học

tập, sinh hoạt. Khảo sát ở biểu đồ 3.3 đại đa số ý kiến cho rằng bản thân có ý thức phấn đấu tốt để xứng danh “Bộ đội Cụ Hồ”. Có thể nói, giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” vẫn giữ vững vai trò nền tảng, định hướng hành vi và lối sống của cán bộ, giảng viên, học viên.

Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hóa, hiện đại hóa và chuyển đổi số, việc phát huy giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” trong nhà trường quân đội đứng trước nhiều thách thức. Các thế lực thù địch ráo riết thúc đẩy chiến lược “diễn biến hòa bình”, “phi chính trị hóa” QĐNDVN, tìm cách bào mòn các giá trị cốt lõi và xuyên tạc, bôi nhọ hình ảnh “Bộ đội Cụ Hồ”. Chúng lợi dụng triệt để môi trường truyền thông, mạng xã hội để gieo rắc những quan điểm lệch lạc, xuyên tạc thậm chí phủ nhận giá trị “Bộ đội Cụ Hồ”, từng bước du nhập các “phản giá trị văn hóa” vào một bộ phận cán bộ, học viên. Kết quả điều tra nguyên nhân hạn chế về đạo đức, lối sống, tác phong ở học viên cho thấy một bộ phận học viên nhận định do sự chống phá về tư tưởng, văn hóa của thế lực thù địch (Bảng 3.1).

Song song đó, những ảnh hưởng tiêu cực của mặt trái cơ chế thị trường và sự bùng nổ thông tin cũng tác động không nhỏ đến nhận thức, lối sống của một bộ phận quân nhân trẻ trong nhà trường quân đội. Hiện tượng “phân hóa” và “thực dụng hóa”, giảm sút lý tưởng, dao động niềm tin, lệch chuẩn giá trị ở một bộ phận cán bộ, giảng viên, học viên đã xuất hiện. Kết quả khảo sát ở Biểu đồ 3.11 cho thấy dấu hiệu suy giảm ý thức rèn luyện phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” ở một số trường hợp. Nguyên nhân hàng đầu là do “nhận thức của một bộ phận học viên còn hạn chế”, tức là bản thân một số học viên chưa tự giác tu dưỡng, còn dao động trước cám dỗ vật chất, lối sống tiện nghi, hưởng thụ bên ngoài. Bên cạnh đó, ảnh hưởng từ kinh tế thị trường cũng được nhận diện là nguyên nhân đáng kể làm nảy sinh hạn chế về đạo đức, lối sống của học viên hiện nay (Bảng 3.1).

Trên thực tế, một bộ phận học viên trẻ có xu hướng đề cao lợi ích cá nhân trước mắt hơn là những giá trị lý tưởng, cống hiến lâu dài; coi trọng “cái tôi” hơn “cái ta”. Họ có thể vẫn tôn trọng các chuẩn mực, kỷ luật nhưng niềm

tin và sự nhiệt huyết đối với lý tưởng quân sự bị giảm sút, dẫn đến thái độ học tập, rèn luyện vì động cơ vụ lợi. Một số học viên đặt nặng bằng cấp, vị trí công tác, hoặc lựa chọn ngành nghề vì lợi ích kinh tế hơn là lý tưởng quân sự (Biểu đồ 3.2). Đây chính là biểu hiện của chủ nghĩa thực dụng đang len lỏi vào môi trường quân sự - hệ quả từ mặt trái của kinh tế thị trường và hội nhập văn hóa. Khi chạy theo lợi ích kinh tế, một bộ phận quân nhân dần “quay lưng” với những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp như sự hy sinh, giản dị, phụng sự, đặt lợi ích tập thể lên trên vốn là cốt lõi của giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ”.

Thực trạng này đòi hỏi nhà trường phải tăng cường “sức đề kháng” về tư tưởng - văn hóa cho học viên, giúp họ vững vàng bản lĩnh, chủ động nhận diện và đấu tranh với mọi ảnh hưởng sai trái, tiêu cực, qua đó bảo vệ vững chắc các giá trị chuẩn mực của “Bộ đội Cụ Hồ” trong môi trường học đường quân sự.

4.1.2. Vấn đề xây dựng giá trị văn hóa truyền thống và hiện đại, thống nhất và đa dạng trong nhà trường quân đội hiện nay

** Thách thức trong xây dựng hệ giá trị vừa truyền thống vừa hiện đại*

Văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội được định hình trong môi trường chính trị - xã hội đặc thù, gắn liền với truyền thống quân sự, song cũng đang đối diện với yêu cầu hội nhập và đổi mới. Cùng với sự gia nhập của tư duy thị trường, công nghệ số và văn hóa toàn cầu, hệ giá trị hiện đại đang ngày càng thâm nhập vào môi trường giáo dục quân sự. Hệ giá trị đó bao gồm: đề cao cái tôi cá nhân, tính thực dụng, tư duy phản biện, năng lực thích ứng, tự chủ tri thức, hiệu quả tức thời và tự do lựa chọn lối sống.

Những giá trị này du nhập vào môi trường quân sự thông qua mạng xã hội, internet, các chương trình trao đổi quốc tế, phương tiện truyền thông hiện đại và tâm lý thế hệ trẻ thời công nghệ số. Trong bối cảnh chuyển đổi cơ cấu xã hội - văn hóa sâu sắc, mâu thuẫn giữa giá trị truyền thống và hiện đại là khách quan và khó tránh khỏi. Tuy nhiên, trong môi trường nhà trường quân đội, vốn là thiết chế giáo dục mang tính định hướng giá trị cao thì sự xung đột này xuất hiện những biểu hiện phức tạp.

Thế hệ trẻ ngày nay bước vào quân ngũ mang theo hành trang văn hóa xã hội đa dạng, coi trọng tư duy phản biện, tính linh hoạt và tự chủ, sự thúc đẩy cá nhân khẳng định bản thân, tìm kiếm cơ hội phát triển riêng biệt. Trong khi đó, giá trị quân sự truyền thống chú trọng tính tập thể, kỷ luật, sự phục tùng, chấp hành mệnh lệnh. Hơn nữa, giáo dục quân sự yêu cầu quân nhân tuân thủ nghiêm ngặt giờ giấc, chế độ, điều lệnh, điều lệ nhưng phương thức đào tạo hiện đại cần môi trường linh hoạt, cá nhân hóa theo năng lực học viên. Sự thiếu đồng bộ giữa hai yêu cầu này có thể dẫn đến xung đột giá trị giữa “chủ nghĩa cá nhân” đang trỗi dậy với tinh thần tập thể truyền thống, giữa tư duy linh hoạt, cởi mở của tuổi trẻ với tính nguyên tắc, kỷ luật, mệnh lệnh đặc thù trong quân đội.

Trên thực tế, một số va chạm văn hóa ban đầu đã ảnh hưởng đến tâm thế, động cơ học tập của học viên buộc nhà trường quân đội phải điều chỉnh linh hoạt phương pháp quản lý, giáo dục nhằm thu hẹp khoảng cách giữa chuẩn mực văn hóa quân sự với thực tiễn văn hóa. Các giá trị kỷ luật, trung thành, tập thể, phụng sự được giữ gìn, nhưng chia sẻ “không gian ý nghĩa” với các giá trị mới như sáng tạo và tự chủ để tạo “cơ chế đồng hiện giá trị” cho thế hệ trẻ.

Ngoài ra, trong nhà trường quân đội với đặc trưng khép kín, hệ thống quản lý chặt chẽ, tính chính trị, tư tưởng cao làm cho quá trình tiếp nhận giá trị hiện đại diễn ra không đồng đều, gây ra tình trạng rạn nứt cấu trúc giá trị cục bộ ở một số nhóm, đặc biệt là nhóm học viên tiếp cận công nghệ mới nhưng thiếu định hướng giá trị rõ ràng. Nếu không có cầu nối phù hợp, học viên có thể chưa thấm thấu sâu các giá trị quân sự, dẫn đến khoảng cách giữa giá trị được truyền đạt và giá trị được tiếp nhận thực sự.

Từ góc nhìn văn hóa học, mâu thuẫn giá trị truyền thống và hiện đại phản ánh quá trình chuyển đổi cấu trúc giá trị trong môi trường văn hóa giáo dục, đặc biệt là sự va chạm giữa tầng văn hóa truyền thống mang tính tích lũy - bảo thủ và tầng văn hóa hiện đại mang tính lan truyền - cải tiến. Dưới góc nhìn của lý thuyết cấu trúc - chức năng: khi các chuẩn mực giá trị cốt lõi không kịp điều

chỉnh theo sự thay đổi nhanh chóng của hệ thống xã hội sẽ xuất hiện tình trạng rối loạn chức năng, tạo ra hiện tượng lệch chuẩn, tự mâu thuẫn văn hóa.

Đây là thách thức nội sinh có tính tất yếu, đặt ra vấn đề là phải tái định hình hệ giá trị cho phù hợp với thể hệ trẻ trong bối cảnh mới: giữ vững những giá trị nền tảng (trung thành; kỷ luật tự giác; đoàn kết đồng đội; hy sinh vì lý tưởng...) đồng thời bổ sung, nhấn mạnh các giá trị mới cần có của sĩ quan thời đại 4.0 (sáng tạo, chủ động, hợp tác quốc tế, học tập suốt đời, v.v.). Việc định hình lại này cần được tiến hành một cách khoa học, có hệ thống trong toàn quân, tránh khoảng trống về hệ giá trị khiến giới trẻ “lệch chuẩn” hoặc mơ hồ về mục tiêu, lý tưởng. Nói cách khác, nhà trường quân đội cần không ngừng bồi đắp “sức đề kháng” văn hóa cho học viên thông qua các hoạt động giáo dục giá trị, tuyên truyền, sinh hoạt chính trị tư tưởng sâu sắc, giúp học viên “miễn nhiễm” trước các luận điệu sai trái và lối sống lệch lạc. Đồng thời tăng cường kỷ luật tự giác và giáo dục chính trị, đạo đức để mỗi học viên tự điều chỉnh hành vi theo chuẩn mực quân nhân và truyền cảm hứng để học viên thấm nhuần sâu sắc bộ giá trị chuẩn mực của “Người lính Bộ đội Cụ Hồ” trong thời kỳ mới.

Như vậy, vấn đề đặt ra là phải kiên quyết bảo vệ những giá trị cốt lõi, chuẩn mực nền tảng của văn hóa giáo dục quân sự, coi đó là “hòn cốt” trường tồn của nhà trường quân đội đồng thời điều chỉnh cách thể hiện và truyền thụ sao cho phù hợp với thời đại.

** Vấn đề hài hòa giữa tính thống nhất và đa dạng*

Tính thống nhất và đa dạng trong văn hóa nhà trường quân đội là một vấn đề trung tâm, vừa bảo đảm sự đồng bộ hệ giá trị cốt lõi, vừa tạo điều kiện cho mỗi nhà trường khẳng định sắc thái riêng. Tính thống nhất được thể hiện trước hết ở hệ giá trị cốt lõi chung toàn quân đội: lòng trung thành với Đảng, Tổ quốc, Nhân dân, tinh thần kỷ luật, tập thể, chính quy, lý tưởng chiến đấu và phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”. Đây là nền tảng xuyên suốt, có tính chất định hướng, bảo đảm sự đồng bộ trong mọi hoạt động GD-ĐT của các nhà trường. Sự thống nhất này không chỉ có ý nghĩa duy trì kỷ luật và bản lĩnh chính trị mà

còn tạo nên một trục liên kết vững chắc để gắn kết các nhà trường trong cùng hệ thống. Có thể coi đó là “sợi chỉ đỏ” giữ cho văn hóa giáo dục quân sự không bị phân mảnh, ngay cả khi mỗi trường mang sắc thái riêng.

Bên cạnh tính thống nhất, văn hóa giáo dục quân sự còn biểu hiện sự đa dạng về sắc thái. Tùy theo chức năng, nhiệm vụ đào tạo và truyền thống riêng, mỗi nhà trường hình thành một tiểu văn hóa đặc thù. Kết quả khảo sát tại ba nhà trường cho thấy: các nhà trường đều có khẩu hiệu hành động, biểu trưng văn hóa, phong cách học tập - sinh hoạt riêng, mang màu sắc riêng: HVCT nhấn mạnh tính chính trị, tư tưởng; HVKTQS đề cao tác phong khoa học, công nghệ; TSQPB hướng đến bản lĩnh chiến đấu, tác phong chỉ huy. Sự khác biệt này tạo nên sắc riêng, được thể hiện qua khẩu hiệu, biểu trưng, nghi lễ, phong cách học tập, nề nếp sinh hoạt.

Sự đa dạng về sắc thái văn hóa giữa các nhà trường là một hiện tượng tất yếu, phản ánh đặc trưng phân hóa chức năng trong cấu trúc hệ thống giáo dục quân sự. Theo lý thuyết cấu trúc - chức năng, mỗi bộ phận đều có vai trò trong hệ thống chung và sẽ hình thành các sắc thái văn hóa tiểu hệ thống tương ứng với nhiệm vụ được giao. Mỗi nhà trường với vai trò, nhiệm vụ đào tạo khác nhau, có điều kiện hình thành một tiểu hệ giá trị, tiểu văn hóa đặc thù. Chính sự khác biệt này giúp tạo nên “thương hiệu” và định vị mỗi nhà trường trong bức tranh giáo dục quân sự có tính thống nhất cao.

Sự khác biệt này góp phần hình thành “thương hiệu” riêng và định vị mỗi nhà trường trong bức tranh giáo dục quân sự có tính thống nhất cao. Tuy nhiên, thực tế cho thấy việc công bố và lan tỏa giá trị cốt lõi chưa đồng đều.

Trong ba trường chỉ có HVCT công bố và lý giải giá trị cốt lõi trên phương tiện truyền thông (website <http://www.hocvienchinhtribqp.edu.vn/> của học viện). Hai nhà trường HVKTQS và TSQPB đưa ra tuyên bố về giá trị cốt lõi trong các văn bản lưu hành nội bộ. Trong Báo cáo Tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học (Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng Cơ sở giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2017-2020) của HVKTQS viết:

“Mặc dù chưa có công bố chính thức về giá trị văn hóa/ giá trị cốt lõi nhưng các giá trị văn hóa của Học viện Kỹ thuật quân sự được xây dựng, phát triển lồng ghép vào Mục tiêu đào tạo và phương châm giáo dục đào tạo, đồng thời thực hiện trong bản Tổng kết lịch sử 50 năm xây dựng và phát triển (1966-2016). Các giá trị cốt lõi được học viện đúc kết gồm: (1) Chính quy; (2) Vững mạnh toàn diện; (3) Dân chủ; (4) Trí tuệ; (5) Đoàn kết; (6) Đổi mới.” [44, tr.13]

Đối với TSQPB, nhà trường xác định giá trị cốt lõi đồng thời là truyền thống của nhà trường: “Phát huy truyền thống hơn 67 năm xây dựng, đào tạo, chiến đấu và trưởng thành, bản sắc văn hóa và triết lý phát triển của TSQPB đã được định hình với một giá trị cốt lõi: “Tự lực, tự cường, chủ động, sáng tạo, dạy tốt, học tốt, công tác tốt” [97, tr.9]

Điều này cho thấy sự nghiêm túc trong quản lý giáo dục, nhưng làm hạn chế khả năng thương hiệu hóa và sức lan tỏa xã hội. Thiếu sự công bố công khai cũng khiến giá trị cốt lõi có nguy cơ trở thành hình thức, khó “thấm sâu” vào thực tiễn đời sống VHGD.

So với các trường dân sự, nếu các nhà trường quân sự có một trục giá trị thống nhất trong toàn hệ thống là giá trị văn hóa quân sự truyền thống, giá trị “Bộ đội cụ Hồ” làm điểm xuất phát, sau đó đa dạng hóa, thì các trường dân sự lại lấy đa dạng làm tiền đề, phát triển dựa trên cạnh tranh, đa dạng hóa và tự chủ. Các nghiên cứu về trường Phổ thông Quốc tế [55] hay trường Đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội [25] cho thấy mỗi trường tự kiến tạo thương hiệu thông qua triết lý giáo dục, môi trường học đường, truyền thống riêng. Sự thống nhất ở các nhà trường dân sự chỉ thể hiện ở các chuẩn mực chung của pháp luật và định hướng của Nhà nước.

Như vậy, việc khẳng định và phát huy bản sắc riêng là tất yếu và có cơ sở chính đáng. Những sắc thái văn hóa riêng này góp phần làm phong phú thêm bức tranh văn hóa chung của quân đội, tạo động lực thi đua giữa các trường. Tuy nhiên, mặt trái là có thể nảy sinh sự chênh lệch về chuẩn mực và phong cách làm việc

giữa các đơn vị. Thách thức đặt ra là làm sao vừa tôn trọng bản sắc riêng của mỗi trường, vừa đảm bảo thống nhất về những giá trị cốt lõi của văn hóa QĐNDVN. Nói cách khác, hệ giá trị văn hóa quân đội phải đóng vai trò là trục liên kết, còn bản sắc của từng nhà trường cần được xem như sự phong phú hóa trong khuôn khổ định hướng chuẩn mực.

Như vậy, thách thức giữa truyền thống và hiện đại, thống nhất và đa dạng trong hệ giá trị văn hóa giáo dục quân sự là vấn đề tất yếu trong giai đoạn quá độ của công cuộc hiện đại hóa quân đội. Nếu được nhận diện đúng và điều tiết hiệu quả, mâu thuẫn ấy có thể chuyển hóa thành động lực phát triển mới, góp phần hình thành nên mô hình nhà trường quân đội hiện đại, nhân văn, giàu bản sắc, đáp ứng yêu cầu tinh, gọn, mạnh trong thời đại số và hội nhập quốc tế.

4.1.3. Khuyến nghị giải pháp xây dựng hệ giá trị văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội

Trên cơ sở những tồn tại đã phân tích, luận án hướng đến xây dựng hệ giá trị thống nhất nhưng đa dạng phù hợp với đặc thù từng nhà trường. Hệ giá trị này làm nền tảng định hướng tư tưởng, đạo đức, hành vi cho mọi chủ thể giáo dục, đồng thời có khả năng thích ứng với bối cảnh hiện đại hóa, toàn cầu hóa và chuyển đổi số. Giải pháp cụ thể như sau:

Thứ nhất, phát huy các giá trị tiêu biểu của văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội. Trước hết, cần xác định chuẩn hóa các giá trị cốt lõi mang tính nền tảng, bền vững của văn hóa giáo dục dân tộc như hiếu học, tôn sư trọng đạo, giáo dục quân sự gắn với lý tưởng cách mạng, phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, tinh thần sẵn sàng chiến đấu, kỷ luật quân đội và đạo đức nghề nghiệp. Những giá trị chung như hiếu học, yêu nước, lòng trung thành với Tổ quốc, tinh thần anh hùng cách mạng, ý chí độc lập gắn với chủ nghĩa xã hội, đoàn kết quốc tế, kỷ luật tự giác, tinh thần lao động sáng tạo... cần được quán triệt sâu sắc và thể hiện cụ thể qua mọi hoạt động, hành vi, lời nói của cán bộ, giảng viên, học viên trong nhà trường. Song song, mỗi nhà trường cần cụ thể hóa các giá trị đặc thù phản ánh đúng đặc điểm nhiệm vụ và truyền thống đơn vị. Việc chuẩn hóa một

hệ giá trị kép gồm giá trị nền tảng (chung) và giá trị đặc thù (riêng) sẽ đảm bảo sự nhất quán trong định hướng, đồng thời tôn trọng nét đa dạng văn hóa của từng cơ sở đào tạo.

Thứ hai, tăng cường giáo dục giá trị bằng phương pháp tích hợp trong mọi hoạt động. Công tác giáo dục giá trị cần được tiến hành một cách sâu rộng, sinh động, không giới hạn trong các bài giảng chính trị - tư tưởng hoặc khẩu hiệu tuyên truyền một chiều. Nhà trường phải tích hợp giáo dục hệ giá trị vào toàn bộ quá trình đào tạo - từ giảng dạy chuyên môn, huấn luyện quân sự, sinh hoạt đơn vị đến các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao.

Thứ ba, xây dựng hệ thống giá trị mở và thích ứng trong thời đại chuyển đổi số. Trước tác động của cách mạng 4.0, hội nhập quốc tế và đa dạng văn hóa, hệ giá trị VHGD quân sự cũng cần được tái cấu trúc linh hoạt để vừa giữ được trụ cột bản sắc, vừa mở rộng tiếp thu tinh hoa nhân loại. Nhà trường cần hình thành một hệ giá trị mang tính mở, khuyến khích tiếp thu những giá trị phổ quát của thời đại trên nền tảng chọn lọc phù hợp với bản sắc QĐNDVN. Đồng thời, hệ giá trị phải thích ứng, có khả năng điều chỉnh phù hợp với đặc điểm thế hệ trẻ, bối cảnh công nghệ số và xu hướng giáo dục mới, nhưng vẫn giữ vững các giá trị cốt lõi về chính trị, đạo đức và truyền thống quân sự. Tính mở và thích ứng thể hiện qua việc không đóng khung người học trong những khuôn mẫu cứng nhắc, rập khuôn, mà khuyến khích họ tự chủ có trách nhiệm, phát triển cá tính trong khuôn khổ kỷ luật; mặt khác, khi môi trường thay đổi nhà trường có thể linh hoạt cập nhật những giá trị cần thiết (như tinh thần đổi mới, năng lực số, tư duy toàn cầu) vào chuẩn giá trị của mình.

Ngoài ra, hệ giá trị cần tích hợp vào các quy trình giáo dục hiện đại: chuẩn đầu ra, mục tiêu môn học, nội dung, phương pháp giảng dạy, rèn luyện.... Khi học viên học tập và huấn luyện trong môi trường gắn với giá trị, họ sẽ hình thành niềm tin và thói quen hành vi phù hợp.

4.2. PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH VĂN HÓA CỦA CHỦ THỂ GIÁO DỤC TRONG NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI

4.2.1. Khắc phục hiện tượng lệch chuẩn của chủ thể văn hóa trong nhà trường quân đội hiện nay

Hệ thống nhân cách văn hóa người quân nhân trong quân đội đã được hình thành qua chiến tranh và xây dựng đất nước kết tinh ở phẩm chất “Bộ đội cụ Hồ”. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hiện đại hóa, một vấn đề lớn là ngăn chặn xu hướng phai nhạt lý tưởng, lệch chuẩn về đạo đức, lối sống ở một bộ phận giảng viên, CBQLHV, học viên quân đội.

Dưới tác động mạnh mẽ của mặt trái cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế, hiện tượng lệch chuẩn đạo đức đã được ghi nhận ở nhà trường quân đội. Giảng viên được xem là “hình mẫu, là minh chứng cho văn hóa giáo dục”, với sự kết hợp giữa giữa bản lĩnh chính trị, đạo đức nhà giáo, trí tuệ khoa học và phong cách sư phạm mang màu sắc quân sự. Trong vai trò kép: nhà giáo, người chỉ huy, đồng chí, giảng viên quân đội không chỉ truyền tải văn hóa, mà còn là chuẩn mực văn hóa sống để học viên noi theo. Do vậy, xây dựng đội ngũ giảng viên có nhân cách văn hóa hoàn thiện chính là điều kiện tiên quyết để tạo nên môi trường giáo dục quân sự lành mạnh, giàu tính nhân văn.

Tuy nhiên, khảo sát đã chỉ ra trong khi đa số giảng viên giữ vững phẩm chất “người thầy - người lính” vẫn còn tồn tại một bộ phận nhỏ giảng viên thiếu nhiệt huyết, phai nhạt lý tưởng. Họ chưa thực sự chuyên tâm trau dồi đạo đức nhà giáo quân đội, thậm chí có trường hợp sa sút đạo đức phải xử lý kỷ luật. Những hiện tượng này tuy không phổ biến nhưng là hồi chuông cảnh báo về nguy cơ xói mòn “chuẩn mực văn hóa” ở người thầy quân đội – những người lẽ ra phải là kết tinh của trí tuệ và phẩm chất quân nhân. Bên cạnh đó, một bộ phận nhà giáo quân đội trẻ hiện nay chưa tích lũy đủ kinh nghiệm thực tiễn đơn vị, còn lúng túng trong xử lý tình huống sư phạm phức tạp. Đặc biệt, một số giảng viên xuất thân từ đơn vị chiến đấu có phong cách chỉ huy mang tính mệnh lệnh, khi chuyển sang môi trường sư phạm thiếu linh hoạt trong giảng dạy. Lối dạy

học cứng nhắc, mệnh lệnh có thể hiệu quả trên thao trường nhưng làm hạn chế sự sáng tạo, chủ động của người học trên giảng đường hiện đại. Đây là vấn đề về “chức năng ngầm” (theo Merton) của văn hóa sư phạm: khi tấm gương người thầy bị suy thoái về đạo đức, chưa đáp ứng được yêu cầu chuyên môn thì môi trường học tập, niềm tin của học viên sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Cán bộ quản lý học viên được ví là “người thầy thứ hai”, trực tiếp dẫn dắt học viên trong sinh hoạt hằng ngày. Ở các nhà trường được khảo sát, chất lượng đội ngũ CBQLHV nhìn chung đáp ứng tốt yêu cầu, đa phần đều tận tụy, gương mẫu và gần gũi với học viên, góp phần quan trọng xây dựng môi trường văn hóa sư phạm lành mạnh. Song cũng ghi nhận một số ít cán bộ quản lý chưa thực sự sâu sát, chưa nêu gương sáng. Một số ý kiến lý giải nguyên nhân khiến học viên sa sút đạo đức là do “cán bộ quản lý chưa gương mẫu”, và “công tác lãnh đạo, chỉ đạo chưa sâu sát, thường xuyên”. Điều này cho thấy ở một vài nơi, cán bộ quản lý còn thiếu gần gũi, chưa nắm chắc tư tưởng, hoàn cảnh từng học viên để kịp thời uốn nắn, giúp đỡ. Một số trường hợp cán bộ vi phạm kỷ luật, thiếu chuẩn mực về đạo đức, ảnh hưởng không tốt đến niềm tin của học viên. Dưới góc nhìn Merton, những biểu hiện này là sự lệch chuẩn về vai trò của giảng viên, CBQLHV trong văn hóa sư phạm, nếu không điều chỉnh kịp thời sẽ gây mất cân bằng giữa mục tiêu lý tưởng và kết quả giáo dục làm suy giảm niềm tin văn hóa, gây lệch chuẩn hành vi ở một số học viên.

Học viên sĩ quan là sản phẩm đầu ra của quá trình GD-ĐT, đồng thời chính họ cũng là chủ thể văn hóa đóng vai trò trung tâm trong đời sống văn hóa nhà trường. Đa số học viên quân đội hiện nay có động cơ phấn đấu đúng đắn, xác định tốt mục tiêu học tập, rèn luyện để trở thành người sĩ quan ưu tú. Khảo sát cho thấy phần lớn học viên đều ý thức rõ trách nhiệm học tập, rèn luyện xứng danh “Bộ đội Cụ Hồ” trong thời kỳ mới. Biểu đồ 3.3 và 3.4 cho thấy tỷ lệ cao học viên có ý thức phấn đấu, tu dưỡng phẩm chất “Bộ đội cụ Hồ” và nhận thức rõ về giá trị văn hóa của nhà trường. Những phẩm chất cốt lõi như

trung thành, kỷ luật, dũng cảm, tình đồng chí đồng đội... vẫn được thế hệ học viên kế thừa và phát huy..

Tuy nhiên, công tác giáo dục học viên cũng đang đối mặt với một số vấn đề nan giải. Trước hết, như đã đề cập, một bộ phận nhỏ học viên có biểu hiện vi phạm kỷ luật, lệch chuẩn lối sống với các biểu hiện như: học tập đối phó, “trung bình chủ nghĩa, thỏa mãn, ngại vươn lên, vi phạm kỷ luật quân đội” đến mức phải xử lý, thậm chí ra quân. Biểu đồ 3.10 trong luận án phản ánh biểu hiện vi phạm của học viên với các hiện tượng: chấp hành quy định chưa nghiêm, vi phạm lễ tiết, tác phong quân nhân, vi phạm quy chế GD-ĐT, đã xuất hiện tượng cờ bạc, rượu chè, “cắm quán” trong học viên. Những biểu hiện “lệch chuẩn” này tuy không phải phổ biến nhưng đã xuất hiện, ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường văn hóa sư phạm vốn đề cao tính khuôn mẫu và gương mẫu. Không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo, hiện tượng lệch chuẩn có thể là suy giảm ý thức kỷ luật, sa sút phẩm chất đạo đức, lối sống xa rời chuẩn mực quân nhân, thậm chí dẫn đến “khủng hoảng bản sắc nghề nghiệp” ở một số học viên. Đây là thực trạng đáng lo ngại, bởi nó đi ngược lại các chuẩn mực văn hóa quân sự vốn coi trọng tính kỷ luật, danh dự và phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”.

Từ góc độ lý thuyết, Merton lý giải hiện tượng lệch chuẩn như một hệ quả của sự bất cân xứng giữa mục tiêu văn hóa và phương tiện thể chế: khi nhà trường quân đội đặt ra mục tiêu, chuẩn mực cao về phẩm chất, kỷ luật nhưng phương pháp quản lý, giáo dục hoặc tính tự giác cá nhân thấp, hành vi thích nghi lệch lạc ở một số cá nhân. Bên cạnh đó, hiện tượng một bộ phận học viên thiếu ý thức tiếp thu, đồng thuận với các giá trị chung tất yếu sẽ dẫn tới hành vi sai lệch chuẩn mực, gây tác động phản chức năng tới văn hóa nhà trường.

Nguyên nhân của hiện tượng trên xuất phát từ cả chủ quan và khách quan: Chủ quan là do chính học viên đó thiếu tu dưỡng, “nhận thức hạn chế”. Khách quan là do tác động bên ngoài: từ mặt trái kinh tế thị trường, sự chống phá về tư tưởng của các thế lực thù địch, cùng với tâm lý cá nhân, thực dụng len lỏi vào một bộ phận học viên (Bảng 3.1; Biểu đồ 3.2). Đồng thời, do một phần trách nhiệm của nhà trường trong quản lý, giáo dục, một số ý kiến cho

rằng “nội dung, phương pháp giáo dục chưa phù hợp” góp phần dẫn đến hạn chế của học viên (Bảng 3.1). Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết cần tăng cường giáo dục động cơ, lý tưởng cho học viên, gắn học tập với rèn luyện bản lĩnh, trách nhiệm quân nhân. Đồng thời, phải có biện pháp chấn chỉnh kỷ luật, khắc phục tính hình thức trong một số hoạt động giáo dục để lôi cuốn học viên tham gia một cách tự giác, nhiệt tình. Thực tế, nếu làm tốt công tác giáo dục và rèn luyện đạo đức, sẽ góp phần nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin và ngăn chặn hiệu quả các tác động tiêu cực, lạc hậu, đặc biệt là ảnh hưởng của chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng; qua đó vô hiệu hóa âm mưu “diễn biến hòa bình” của kẻ thù trong lĩnh vực tư tưởng. Việc nhận diện và chấn chỉnh những lệch chuẩn văn hóa, đạo đức trong nhà trường quân đội là vấn đề cấp bách nhằm giữ vững môi trường giáo dục lành mạnh, chuẩn mực.

Vấn đề đặt ra là phải tăng cường giáo dục kỹ năng tự quản, tự rèn cho học viên, giúp họ hình thành “tự giác kỷ luật” chứ không chỉ phụ thuộc kỷ luật áp đặt. Đồng thời, đổi mới nội dung giáo dục đạo đức lối sống theo hướng gần gũi, thiết thực với đời sống học viên trẻ để họ dễ tiếp thu hơn. Bên cạnh đó, cần phát huy vai trò của Đoàn thanh niên, Hội đồng quân nhân trong xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, tạo nhiều sân chơi tập thể, hoạt động văn hóa – văn nghệ, thể thao bổ ích để học viên được trải nghiệm, tự hoàn thiện nhân cách.

Hiện nay, các nhà trường quân đội đã tích hợp những giá trị, chuẩn mực văn hóa vào chương trình, hoạt động GD-ĐT và đời sống tập thể. Tuy nhiên, hiệu quả chuyên hóa giá trị ở mỗi cá nhân có thể khác nhau. Một số “điểm nghẽn” trong thực tiễn (như xung đột giá trị cũ – mới, phương pháp giáo dục chưa phù hợp, ảnh hưởng tiêu cực của ngoại cảnh) khiến cho một bộ phận nhỏ học viên chưa chuyển hóa sâu sắc các giá trị được dạy thành phẩm chất, thái độ của bản thân. Do đó, vấn đề đặt ra là cần củng cố cơ chế thực thi giá trị trong nhà trường: từ khâu giảng dạy, nêu gương, kiểm tra, kỷ luật đến tạo dựng các tình huống trải nghiệm thực tế để học viên rèn luyện và thấu hiểu giá trị.

4.2.2. Xử lý vấn đề chuyển hóa giá trị trong nhân cách văn hóa của chủ thể giáo dục ở nhà trường quân đội

Cùng với việc chấn chỉnh hiện tượng lệch chuẩn, vấn đề cốt lõi cần làm là: phát triển nhân cách văn hóa học viên quân đội theo các giá trị, chuẩn mực của văn hóa giáo dục quân sự. Nói cách khác, vấn đề trọng tâm là chuyển hóa thành công hệ giá trị, chuẩn mực từ tầm nguyên tắc, khẩu hiệu thành tình cảm, niềm tin, hành vi, thái độ hàng ngày của họ trong môi trường sư phạm - quân sự hiện đại. Từ đó khơi dậy được khát vọng cống hiến và tinh thần sáng tạo nơi học viên - những yếu tố rất quan trọng để hình thành nhân cách người sĩ quan trong thời kỳ mới.

Theo lý thuyết cấu trúc - chức năng của Parsons, hệ thống văn hóa (ở đây là văn hóa giáo dục quân sự) làm nhiệm vụ duy trì các mẫu hình giá trị cốt lõi và định hướng ý nghĩa cho hành động, đảm bảo sự ổn định và gắn kết của tổ chức. Muốn vậy, các giá trị, chuẩn mực truyền thống phải luôn được tái tạo và củng cố liên tục qua quá trình xã hội hóa trong nhà trường. Quá trình này gồm cả chương trình chính khóa lẫn “chương trình ẩn” - những hoạt động ngoại khóa, môi trường kỷ luật, văn hóa ứng xử, tấm gương điển hình tiên tiến.... Để thực thi hiệu quả giá trị đòi hỏi sự nhất quán, mọi thành viên trong nhà trường, từ cán bộ chỉ huy, giảng viên đến học viên, đều phải thống nhất nhận thức và hành động theo hệ giá trị chung, tạo thành niềm tin sâu bền.

Nhà trường quân đội cũng là nơi diễn ra quá trình tái sản xuất văn hóa: những giá trị và “vốn văn hóa” quân sự được truyền lại cho thế hệ tiếp theo nhằm tái tạo mẫu hình sĩ quan quân đội lý tưởng. Quá trình này chỉ thành công khi người học hình thành được lối nghĩ, lối sống mang phẩm chất, chuẩn mực “Bộ đội Cụ Hồ” một cách tự nhiên. Ngược lại, nếu quá trình giáo dục thiếu hiệu quả, nếp sống, nếp nghĩ cũ (dân sự) của học viên sẽ trỗi dậy, họ chỉ tiếp thu giá trị một cách đối phó, hình thức. Vấn đề chuyển hóa giá trị đặt ra yêu cầu phải nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa “dạy chữ, dạy nghề” với “dạy người”. Môi trường sư phạm - quân sự phải thực sự trở thành “lò luyện” nhân cách, nơi giá trị được sống động hóa trong mọi hoạt động.

Đồng thời, cơ chế khuyến khích và tôn vinh những hành vi chuẩn mực, phê bình và uốn nắn kịp thời hành vi lệch lạc phải được thực hiện nghiêm túc, nhất quán, để giá trị chuẩn mực luôn được củng cố.

Vì vậy, văn hóa giáo dục phải hướng tới xây dựng hình mẫu quân nhân vừa có tài vừa có đức, vừa giàu lý tưởng, đạo đức trong sáng; vừa có tri thức vững vàng, tư duy sáng tạo. Để đạt được điều đó đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ từ nội dung chương trình, phương pháp đến môi trường khuyến khích thi đua lành mạnh. Tựu trung, vấn đề đặt ra là: làm thế nào để mỗi cán bộ, giảng viên, học viên tự rèn luyện trở thành một chủ thể văn hóa, tức một con người quân nhân có nhân cách, lối sống văn hóa, trước khi trở thành người sĩ quan gánh vác trọng trách xây dựng quân đội hiện đại, bảo vệ tổ quốc. Đây chính là thước đo thành công cuối cùng của văn hóa giáo dục quân sự.

4.2.3. Khuyến nghị giải pháp phát triển nhân cách văn hóa của chủ thể giáo dục trong nhà trường quân đội

Phát triển nhân cách văn hóa cho chủ thể giáo dục quân sự nhằm mục tiêu hình thành đội ngũ nhà giáo quân đội mẫu mực và thế hệ học viên sĩ quan có nhân cách văn hóa tiêu biểu, coi con người vừa là trung tâm, vừa là động lực của quá trình phát triển văn hóa giáo dục. Điều này đòi hỏi xây dựng phẩm chất, năng lực văn hóa cho cả người dạy và người học, bảo đảm mỗi cá nhân trong hệ thống nhà trường đều tự giác, tích cực thực hiện sứ mệnh truyền tải và kế thừa văn hóa.

** Phát huy vai trò nêu gương của đội ngũ cán bộ, giảng viên*

Đội ngũ nhà giáo và CBQLHV đóng vai trò chủ đạo trong việc tạo dựng môi trường VHGD: họ vừa là người thiết kế, tổ chức hoạt động, vừa trực tiếp làm hình mẫu nhân cách cho học viên noi theo. Vì vậy, mỗi cán bộ, giảng viên phải luôn nêu gương về nhân cách văn hóa, mẫu mực, mô phạm trong cả lời nói và hành động. Đội ngũ cán bộ, giảng viên cần tự rèn luyện để tỏa sáng nhân cách văn hóa, từ phong cách làm việc khoa học, ứng xử chuẩn mực, tôn trọng kỷ luật đến tinh thần ham học hỏi, ứng xử nhân ái với học viên.

Nhà trường cần tổ chức các buổi sinh hoạt trao đổi về văn hóa sư phạm quân sự, học tập tấm gương nhà giáo dục - chỉ huy mẫu mực. Đồng thời, đưa tiêu chí đạo đức vào đánh giá thi đua của giảng viên, cán bộ. Khi người thầy thực sự là hình mẫu sống động về văn hóa, học viên sẽ noi theo một cách tự nhiên, hiệu quả giáo dục sẽ lan tỏa sâu rộng. Mặt khác, cần xây dựng mối quan hệ thầy trò, cán bộ - học viên trên tinh thần yêu thương, tôn trọng, tạo môi trường giao lưu cởi mở để giá trị văn hóa thấm vào nhận thức người học.

** Khơi dậy tinh thần tự giáo dục, tự rèn luyện của học viên*

Nhà trường phải làm cho mỗi học viên nhận thức sâu sắc và hăng hái trong tự tu dưỡng nhân cách văn hóa. Nhà trường cần kết hợp giáo dục – tuyên truyền với các biện pháp tâm lý, thi đua khen thưởng để học viên thấy được lợi ích thiết thân của việc hoàn thiện nhân cách: không chỉ vì hình ảnh chung “Bộ đội Cụ Hồ” mà còn vì chính sự trưởng thành và thành công của bản thân họ trong tương lai.

Mỗi học viên được định hướng để coi trọng việc tự học, tự rèn về văn hóa như một tiêu chí phấn đấu nghề nghiệp. Thực tế, xây dựng môi trường văn hóa tốt sẽ tạo điều kiện để quá trình tự giáo dục diễn ra mạnh mẽ, giúp học viên hình thành động cơ nội tại để rèn luyện không ngừng. Khi đã có “phần mềm tư duy” tốt được cài đặt, họ sẽ tự vận hành đúng định hướng mà không cần sự giám sát cưỡng ép. Nói cách khác, mục tiêu cao nhất là biến các giá trị văn hóa thành nhu cầu tự thân của mỗi học viên.

4.3. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY - HỌC VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI

4.3.1. Thách thức hoạt động dạy - học và nghiên cứu khoa học ở nhà trường quân đội

Nhà trường quân đội có tính “kép” - vừa là cơ sở giáo dục đào tạo, vừa là đơn vị quân đội. Vì vậy, học viên phải thực hiện đồng thời nhiệm vụ học tập kiến thức đại học chính quy và rèn luyện quân sự, chấp hành kỷ luật quân đội nghiêm ngặt. Thời gian biểu hàng ngày ở trường quân đội dày đặc với “11 chế

độ trong ngày, 3 chế độ trong tuần” được duy trì nghiêm ngặt. Mọi hoạt động học tập, sinh hoạt diễn ra theo thời gian biểu chặt chẽ trong doanh trại, cộng với các nhiệm vụ rèn luyện bắt buộc (huấn luyện thể lực, hành quân, tăng gia, gác, trực, v.v.). Môi trường kỷ luật cao rèn luyện học viên trưởng thành, nhưng cũng đồng nghĩa thời gian tự học, tự do sáng tạo của học viên bị hạn chế. Cùng với đó, khảo sát cho thấy ở một số đơn vị, công tác quản lý, rèn luyện học viên còn thiên về biện pháp hành chính, thiếu linh hoạt trong xử lý tình huống, dẫn đến học viên chịu áp lực nhưng chưa chủ động.

Mục tiêu giáo dục quân sự đòi hỏi sự toàn diện, thể hiện ở đào tạo sĩ quan “vừa hồng, vừa chuyên”, kết hợp phẩm chất chính trị, đạo đức với kiến thức, kỹ năng quân sự. Nội dung chương trình cũng được cập nhật theo hướng chuẩn hóa, người học được trang bị cả khoa học kỹ thuật quân sự hiện đại lẫn kỹ năng mềm, tin học, ngoại ngữ... Chương trình đào tạo tích hợp nhiều nội dung (kiến thức khoa học chuyên môn, quân sự, chính trị, pháp luật...) khiến khối lượng học tập rất lớn. Điều này nếu không được điều phối hợp lý có thể gây áp lực học tập cho công tác quản lý, người dạy và người học. Do đó, cần có sự điều phối hợp lý, tránh hiện tượng hình thức, học tập đối phó để “qua môn” hơn là học vì đam mê và sáng tạo. Vấn đề đặt ra là phải điều chỉnh nội dung, chương trình giáo dục theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực, tăng thời lượng thực hành, tự học và trải nghiệm sáng tạo.

Bên cạnh đó, một số giảng viên do quen tác phong chỉ huy mệnh lệnh nên khi lên lớp ít đối thoại, ít khuyến khích tranh luận, vô hình trung hạn chế tư duy phản biện của học viên. Đây là hạn chế phổ biến, đòi hỏi phải sớm khắc phục để nâng cao chất lượng đào tạo sĩ quan. Một số giảng viên, nhất là cán bộ trẻ ít kinh nghiệm thực tiễn, còn lúng túng về phương pháp sư phạm; một bộ phận giảng viên chậm ứng dụng công nghệ thông tin và phương pháp dạy học mới. Việc cập nhật kiến thức mới vào bài giảng cũng chưa kịp thời ở một số nơi. Mặt khác, tư duy quản lý giáo dục ở một số đơn vị vẫn còn nặng tính hành chính, chưa tạo được môi trường khuyến khích sáng tạo.

Thực tế này đòi hỏi các nhà trường phải tiếp tục điều chỉnh chương trình, đẩy mạnh cải tiến phương pháp giảng dạy theo hướng hiện đại, lấy người học làm trung tâm, chú trọng dạy cách học, cách tư duy, kỹ năng tự nghiên cứu để những giá trị cốt lõi của giáo dục hiện đại thật sự được triển khai hiệu quả. Các nhà trường quân đội cần khuyến khích giảng viên trẻ tiếp cận công nghệ, chuyển sang tương tác số hóa và đưa phương pháp mới vào thực tiễn; đồng thời giảm tải công việc hành chính để giảng viên có thời gian thử nghiệm công nghệ mới.

Bên cạnh đó, các nhà trường cần linh hoạt hơn trong quản lý giáo dục, kết hợp hài hòa giữa tính kỷ luật và tính nhân văn nhằm tạo môi trường học tập vừa kỷ cương, vừa khuyến khích được sự chủ động của người học; cần khắc phục tư duy giáo dục quan liêu, giảm bớt mệnh lệnh hành chính trong quản lý đào tạo, thay bằng quản trị nhà trường hiện đại linh hoạt, sáng tạo. Chỉ khi đó, mô hình văn hóa giáo dục quân sự mới vận hành đồng bộ, thống nhất mục tiêu, chương trình với phương pháp, hình thức giáo dục, giữa giá trị và phương tiện, phù hợp với yêu cầu xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại trong bối cảnh chuyển đổi số và toàn cầu hóa.

Chất lượng và hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học ở nhiều nhà trường quân đội còn hạn chế. Các nhà trường là trung tâm tri thức trong quân đội, nhưng hoạt động nghiên cứu khoa học của nhiều trường chưa tương xứng với tiềm năng và vị thế. Khảo sát cho thấy số lượng công bố quốc tế và mức độ hội nhập khoa học giữa các nhà trường còn chưa đồng đều, kết quả nghiên cứu còn khiêm tốn so với các trường đại học dân sự hàng đầu. Một số đề tài khoa học có chất lượng và tính ứng dụng chưa cao, nội dung tài liệu giảng dạy chưa kịp thời cập nhật thực tiễn mới. Những hạn chế này cho thấy vai trò trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo của nhà trường quân đội chưa được phát huy đầy đủ trong văn hóa giáo dục hiện nay.

Đặc biệt, giữa các trường cũng có sự chênh lệch: các học viện lớn có nhiều đề tài cấp quốc gia, công bố quốc tế hơn, trong khi trường binh chủng như TSQPB quy mô nhỏ hơn nên hạn chế về nghiên cứu chuyên sâu. TSQPB

giai đoạn 2020–2024 chỉ hoàn thành 32 đề tài cấp Bộ/ngành và 119 đề tài cấp Trường - một kết quả có cố gắng nhưng vẫn ở mức thấp, phản ánh sự khó khăn về nguồn lực nghiên cứu.

Do vậy, bài toán đặt ra là kết hợp chặt chẽ đào tạo với nghiên cứu, tăng đầu tư cho NCKH và kết nối giữa nhà trường với các viện nghiên cứu, đơn vị sử dụng để nâng cao chất lượng khoa học, góp phần làm giàu thêm đời sống văn hóa học thuật trong nhà trường.

4.3.2. Khuyến nghị giải pháp nâng cao chất lượng dạy học và nghiên cứu khoa học trong nhà trường quân đội

Giải pháp này nhằm đưa các hoạt động GD-ĐT trong nhà trường trở thành không gian tái tạo và lan tỏa văn hóa một cách hiệu quả nhất. Trong bối cảnh chuyển đổi số, toàn cầu hóa, nhà trường quân đội cần đổi mới toàn diện, đồng bộ các hoạt động giáo dục với trọng tâm là lấy người học làm trung tâm, tích hợp giá trị - kỹ năng - tri thức, cụ thể:

Thứ nhất, cơ cấu lại chương trình đào tạo, tích hợp nội dung giá trị và kỹ năng. Các nhà trường cần rà soát, chỉnh lý chương trình đào tạo theo hướng “chuẩn hóa, hiện đại hóa” nhưng vẫn kế thừa truyền thống. Một mặt, giữ vững các môn học nền tảng về đường lối quân sự, lịch sử, đạo đức quân nhân, mặt khác, bổ sung những nội dung mới phù hợp tình hình mới. Đồng thời, tinh giản những nội dung đào tạo lỗi thời, chồng chéo; bổ sung các môn học mới về công nghệ thông tin, an ninh mạng,... Trong đó mỗi môn học không chỉ truyền thụ kiến thức chuyên môn mà còn gắn với một mục tiêu giáo dục giá trị, kỹ năng sống cụ thể.

Thứ hai, đổi mới phương pháp dạy học, phát huy tính chủ động sáng tạo của người học. Phương pháp dạy học cần chuyển mạnh từ giáo dục truyền thống thụ động (giáo viên đọc – trò chép, áp đặt khuôn mẫu) sang các phương pháp dạy học tích cực. Song song, hình thức giảng dạy cần đa dạng hóa: kết hợp giờ học lý thuyết với hội thảo chuyên đề, diễn đàn trao đổi, bài tập tình huống thực tế. Tổ chức dạy học gắn liền với nhu cầu đơn vị, huấn luyện sẵn sàng chiến đấu,

phục vụ chiến đấu và quá trình hiện đại hoá công tác chỉ huy, quản lý, điều hành, hiện đại hoá quân đội. Những đổi mới về phương pháp và đánh giá này sẽ kích thích học viên tự học, tự rèn, biến quá trình đào tạo thành quá trình tự giáo dục liên tục.

Thứ ba, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học và sáng tạo trong nhà trường: Nghiên cứu khoa học là một bộ phận không tách rời của hoạt động GD-ĐT, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và hiện đại hóa Quân đội. Do đó, cần tạo điều kiện để cán bộ, giảng viên và học viên tích cực tham gia nghiên cứu khoa học. Mỗi nhà trường nên có các đề án, nghị quyết cụ thể thúc đẩy, khuyến khích cán bộ, giảng viên, học viên nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu với các viện, học viện ngoài Quân đội, trao đổi học thuật quốc tế cũng là cách để đội ngũ nhà trường mở mang tầm nhìn, tiếp thu tri thức tiên tiến, từ đó làm giàu thêm đời sống văn hóa học thuật trong quân đội.

4.4. ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ XÂY DỰNG “NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI THÔNG MINH”

4.4.1. Thách thức trong quá trình chuyển đổi số và xây dựng nhà trường quân đội thông minh

Cách mạng công nghiệp 4.0 đang tác động sâu sắc tới lĩnh vực GD-ĐT, đòi hỏi các nhà trường quân đội phải đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin để tạo bước đột phá về chất lượng. Xây dựng “nhà trường thông minh” không chỉ là khẩu hiệu mà phải trở thành chương trình hành động cụ thể trong từng học viện, trường quân sự.

Quán triệt sâu sắc nghị quyết của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT, phát triển khoa học, công nghệ, xây dựng chính phủ điện tử, chuyển đổi số quốc gia, ngày 20/12/2022, Quân ủy Trung ương ban hành Nghị quyết số 1657-NQ/TW “Về đổi mới công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Quân đội trong tình hình mới”; trong đó xác định: “Từ năm 2030, xây dựng hệ thống nhà trường Quân đội thông minh, hiện đại, có hệ thống bảo đảm, kiểm định chất lượng phát triển tương ứng, hoạt động hiệu quả, đáp

ứng yêu cầu, nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại” [71]. Đây là chủ trương lớn, đúng đắn, kịp thời; là mục tiêu, nhiệm vụ quan trọng, định hướng hoạt động đối với các nhà trường Quân đội.

Trên phạm vi toàn quân, Bộ Quốc phòng đã đầu tư hạ tầng số, đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng CNTT trong tổ chức các hoạt động học tập. Cụ thể, Bộ Quốc phòng đã hình thành các nền tảng số dùng chung toàn quân như mạng xã hội nội bộ Qime, tiến tới phát triển hệ thống học liệu điện tử, thư viện số, lớp học trực tuyến kết nối giữa các nhà trường. Trên cơ sở đó, các nhà trường đang từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đào tạo thống nhất, liên thông; triển khai hệ thống E-learning, LMS để hỗ trợ học viên tự học mọi lúc mọi nơi. Việc ứng dụng các phần mềm mô phỏng, thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR) trong huấn luyện kỹ chiến thuật sẽ giúp học viên quân sự được rèn luyện sát thực tế chiến đấu công nghệ cao.

Bên cạnh đó, Bộ Quốc phòng đã đề ra mục tiêu xây dựng “hệ thống nhà trường Quân đội tinh, gọn, mạnh, chuyên sâu, thông minh, hiện đại”, thực sự mẫu mực, tiêu biểu, đi đầu so với đơn vị. Các nhà trường quân đội đang tích cực triển khai chuyển đổi số trong giáo dục với nhiều biện pháp như: áp dụng mô hình đại học thông minh V-SMART, hình thành các thành phần cốt lõi như trung tâm chỉ huy điều hành số, hạ tầng và ứng dụng CNTT đồng bộ, chương trình đào tạo thông minh, giảng đường và thao trường ảo mô phỏng....

Mô hình “nhà trường thông minh” hứa hẹn tạo ra hệ sinh thái giáo dục số kết nối người học - người dạy - cán bộ quản lý trên không gian mạng, cho phép dạy - học linh hoạt mọi lúc mọi nơi, cá thể hóa việc học và học tập suốt đời. Tuy nhiên, triển khai đồng bộ chuyển đổi số là một thách thức văn hóa không nhỏ đối với các nhà trường. Một số vấn đề nổi cộm vẫn tồn tại như:

Thứ nhất, cơ sở hạ tầng kỹ thuật thiếu trang bị hiện đại và chưa được đầu tư đồng bộ. Khảo sát tại ba nhà trường cho thấy đa số cán bộ, giảng viên cho rằng cần cải tiến mạnh mẽ môi trường học tập và trang bị huấn luyện hiện

đại. Ở một số nhà trường trang thiết bị còn lạc hậu, chưa đáp ứng yêu cầu đào tạo trong thời kỳ mới. Đặc biệt, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, dữ liệu số ở nhiều đơn vị chưa đồng bộ, chưa chuẩn hóa và cập nhật thường xuyên. Hạn chế này gây cản trở trong việc triển khai chuyển đổi số và xây dựng “nhà trường thông minh” trong thực tiễn. Mặc dù các nhà trường đang tích cực chuyển đổi số, xây dựng mô hình nhà trường thông minh nhưng việc thiếu đồng bộ về trang bị khiến hiệu quả chưa cao và chưa tạo được bước đột phá. Do đó, hiện đại hóa cơ sở vật chất - công nghệ là yêu cầu cấp thiết để văn hóa giáo dục quân sự theo kịp xu hướng mới.

Thứ hai, đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý còn hạn chế về năng lực số, cần được đào tạo kỹ năng công nghệ; một số người còn tâm lý e ngại đổi mới, chưa thành thạo sử dụng công nghệ mới. Một số khác chỉ sử dụng phần mềm văn phòng cơ bản và chưa thành thạo công cụ tạo bài giảng điện tử tương tác trong khi người thầy thời đại 4.0 đòi hỏi phải thành thạo công nghệ dạy học hiện đại, tích hợp chuyển đổi số vào bài giảng. Điều này khiến việc chuyển đổi số trở nên hình thức, chưa thay đổi căn bản phương pháp dạy-học.

Để khắc phục hạn chế này, Bộ Quốc phòng đã phát động phong trào “Bình dân học vụ số” nhằm phổ cập kiến thức, kỹ năng số cho toàn quân. Từ năm học 2025–2026, Bộ Quốc phòng đã đưa vào chương trình chung một học phần công nghệ thông tin 4 tín chỉ (200 tiết) cho học viên sĩ quan, với chuẩn đầu ra kỹ năng số bậc 4/8 theo Khung năng lực số quốc gia. Đồng thời, các cơ quan chức năng xây dựng chương trình bồi dưỡng kỹ năng số cho 5 nhóm đối tượng (sĩ quan, QNCN, công nhân viên quốc phòng, học viên, hạ sĩ quan-binh sĩ), với tài liệu học liệu số hóa ngắn gọn, dễ hiểu đưa lên nền tảng trực tuyến để mọi quân nhân có thể tiếp cận. Điều này cho thấy quyết tâm phổ cập và nâng cao kỹ năng công nghệ trong Quân đội. Tuy nhiên, vấn đề là làm sao để triển khai hiệu quả trên quy mô lớn, đảm bảo mỗi cán bộ, học viên đều đạt chuẩn năng lực số theo yêu cầu trong thời gian ngắn. Việc này đòi hỏi sự vào cuộc quyết liệt của các nhà trường cũng như nỗ lực tự học của mỗi quân nhân. Nếu

thực hiện tốt, chuyển đổi số sẽ tạo ra một diện mạo văn hóa giáo dục mới - năng động, mở và hiệu quả cho các nhà trường; ngược lại, nếu triển khai chậm sẽ là rào cản khiến nhà trường quân đội tụt hậu so với xã hội.

Thứ ba, chuyển đổi số đặt ra vấn đề đổi mới phương pháp giảng dạy, thay đổi thói quen văn hóa dạy và học truyền thống

Trong bối cảnh CMCN 4.0, nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng quân đội theo hướng “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại” [18, tr.2], nội dung, chương trình giáo dục quân sự đặt ra yêu cầu cấp thiết phải thường xuyên cập nhật, đổi mới.

Nếu trước đây, nội dung, chương trình dạy học chủ yếu chú trọng kiến thức hàn lâm với quan niệm cứ có kiến thức là có năng lực, thì hiện nay, kiến thức được coi là yếu tố quan trọng của năng lực. Đổi mới nội dung chương trình giáo dục trong các NTQĐ gắn với quá trình chuyển từ trang bị kiến thức sang phát triển tư duy sáng tạo, năng lực thực hành, thực tế cho học viên, bám sát sự phát triển của khoa học và công nghệ, sự phát triển của vũ khí trang bị kỹ thuật. Quá trình đổi mới phải luôn bám sát với thực tiễn nhiệm vụ trọng tâm của đơn vị, nâng cao khả năng điều hành, tác phong chỉ huy, giảm lý thuyết, tăng cường thực hành, thực nghiệm, thí nghiệm, thực tập, thực tế tại đơn vị gắn với chức danh ban đầu khi tốt nghiệp.

Dưới tác động của CMCN 4.0 và sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật quân sự, nội dung, chương trình giáo dục trong các nhà trường chú trọng huấn luyện kỹ năng thực hành trên vũ khí, khí tài hiện đại, công tác chỉ huy tham mưu trong điều kiện chiến tranh sử dụng vũ khí công nghệ cao và cập nhật sự phát triển của nghệ thuật quân sự, cách đánh mới của quân đội các nước; đưa những nội dung từ Hội thi Army Game vào huấn luyện, diễn tập, thực tập, hội thao, hội thi.

Các nhà trường cũng liên tục cập nhật kiến thức, kỹ năng theo xu thế thời đại, chú trọng mở mới và điều chỉnh nội dung chương trình theo hướng đào tạo

chuyên sâu đáp ứng CMCN 4.0 như công nghệ IoT, trí tuệ nhân tạo, blockchain, thông tin vô tuyến 5G, An toàn thông tin, Phân tích dữ liệu, Tác chiến không gian mạng, Tự động hóa chỉ huy, Kỹ thuật vật liệu, Kỹ thuật viễn thông, Thiết bị bay không người lái...; thành lập mới các Viện, trung tâm nghiên cứu và mở các mã ngành mới, đặc biệt trong giai đoạn từ năm 2008 đến nay.

Việc ứng dụng công nghệ tính toán hiện đại, công nghệ mô phỏng, trí tuệ nhân tạo, hệ thống điều khiển thông minh phục vụ giảng dạy, thí nghiệm, thực hành thúc đẩy quá trình đổi mới phương pháp dạy học theo hướng sư phạm thông minh, đào tạo theo chuẩn đầu ra, đồng thời tăng cường vai trò tự học, tự tích lũy kiến thức của học viên, gắn kết học tập với nghiên cứu, xây dựng năng lực học tập suốt đời cho học viên.

Mặc dù các nhà trường đã bước đầu đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng tích cực “lấy người học làm trung tâm”, chuyển từ truyền thụ một chiều sang phát huy tư duy sáng tạo, khuyến khích học viên chủ động thảo luận, phản biện, ứng dụng công nghệ mô phỏng, lớp học đảo chiều, ... Song, nhìn chung, việc đổi mới chưa đồng bộ, nhiều giảng viên vẫn thiên về giảng lý thuyết một chiều, giảng viên thuyết trình - học viên thụ động lắng nghe.

Khảo sát thực tiễn cũng cho thấy nhu cầu đổi mới phương pháp là rất bức thiết: Bảng 3.2 trong luận án thống kê các phương án mà học viên và giảng viên đề xuất nhằm thay đổi hoạt động dạy - học. Đáng chú ý, tỷ lệ lớn ý kiến mong muốn tăng cường thảo luận, làm việc nhóm, đào tạo kỹ năng thực hành thay cho kiểu học thụ động; nhiều ý kiến đề nghị ứng dụng mạnh công nghệ mô phỏng, elearning để bài giảng sinh động, trực quan hơn (số liệu chi tiết xem Bảng 3.2). Rõ ràng, vấn đề đặt ra ở đây là làm sao đổi mới một cách hệ thống phương pháp giảng dạy - học tập trong nhà trường quân đội, chuyển từ mô hình “dạy - đọc, học - chép” sang mô hình “dạy cách học, học chủ động”. Lối dạy học truyền thống này khiến học viên quân đội chưa phát huy cao độ tính chủ động, sáng tạo; trong khi nhiệm vụ đào tạo hiện nay đòi hỏi chuyển mạnh sang dạy học phát triển năng lực, phát huy tính tích cực của người học.

4.4.2. Khuyến nghị giải pháp đẩy mạnh chuyển đổi số và xây dựng nhà trường quân đội thông minh

Thực hiện hiệu quả chương trình chuyển đổi số trong giáo dục quân sự, tiến tới xây dựng hệ thống nhà trường Quân đội thông minh, hiện đại theo tinh thần Nghị quyết 1657-NQ/QUTW của Quân ủy Trung ương. Nghị quyết 1657 (20/12/2022) xác định rõ mục tiêu: “Từ năm 2030, xây dựng hệ thống nhà trường Quân đội thông minh, hiện đại, ... hoạt động hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại”. Xây dựng nhà trường thông minh không chỉ là yêu cầu về trang bị kỹ thuật, mà còn là quá trình chuyển đổi mô hình tổ chức, phương pháp quản lý và văn hóa nhà trường. Để hiện thực hóa mục tiêu này, cần triển khai giải pháp mang tính tổng thể sau:

Thứ nhất, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin và nền tảng quản trị thông minh. Các nhà trường cần được đầu tư hạ tầng mạng đồng bộ, an toàn, mở rộng phủ sóng internet quân sự đến tận các đơn vị học viên, giảng đường, thao trường. Xây dựng các phòng học thông minh trang bị máy chiếu tương tác, màn hình cảm ứng, hệ thống mô phỏng 3D để phục vụ giảng dạy. Thiết lập trung tâm điều hành đào tạo số nhằm quản lý tập trung dữ liệu đào tạo, lịch trình, kết quả học tập, qua đó chỉ huy các cấp có thể theo dõi, điều hành hoạt động nhà trường một cách khoa học.

Bên cạnh đó, phát triển các phần mềm quản lý đào tạo và học liệu số hóa: từ hệ thống đăng ký học, thi trực tuyến đến ngân hàng đề thi, bài giảng điện tử. Tiến tới hình thành một hệ sinh thái số trong nhà trường, nơi mọi quy trình từ tuyển sinh, giảng dạy, đánh giá, đến quản lý học viên, tài chính, hậu cần... đều có thể thực hiện trên nền tảng số thống nhất. Đây là nền tảng để mô hình “nhà trường thông minh” vận hành thông suốt, hiệu quả.

Thứ hai, ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy, huấn luyện và truyền thông văn hóa. Trên cơ sở hạ tầng đã có, cần đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ giáo dục tiên tiến vào quá trình đào tạo. Mở rộng quy mô lớp học trực tuyến, mô hình đào tạo kết hợp để tận dụng ưu điểm của e-learning giúp linh hoạt thời

gian, không gian. Triển khai các phòng thí nghiệm ảo, thao trường ảo cho phép học viên thực hành trên mô phỏng các trang thiết bị hiện đại hoặc tình huống chiến thuật phức tạp, qua đó tăng trải nghiệm thực tế an toàn và tiết kiệm. Trong giảng dạy, khuyến khích sử dụng công nghệ thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR) trong các bài giảng lịch sử, địa hình, kỹ thuật... giúp bài giảng sinh động và trực quan hơn. Xây dựng thư viện số, tủ sách điện tử để học viên dễ dàng tiếp cận tài liệu mọi lúc mọi nơi. Sử dụng mạng nội bộ để làm kênh tương tác giữa nhà trường với học viên, giữa học viên với nhau trong học tập nhóm, trao đổi tài liệu. Đặc biệt, tận dụng công nghệ để truyền thông và giáo dục truyền thống - văn hóa: thiết lập các podcast, kênh video chia sẻ tấm gương người tốt, phim tư liệu lịch sử; tạo game giáo dục tìm hiểu lịch sử Quân đội; phát huy sức mạnh của mạng xã hội Quân đội (Qime) nhằm lan tỏa hình ảnh bộ đội và nhà trường trên không gian mạng một cách tích cực.

Thứ ba, đào tạo nguồn nhân lực có “năng lực số” và xây dựng văn hóa số trong nhà trường. Tổ chức học tập nghiêm túc phong trào “Bình dân học vụ số”, các khóa đào tạo, sát hạch kỹ năng ứng dụng phần mềm, sử dụng thiết bị thông minh cho giáo viên. Khuyến khích mỗi khoa, bộ môn có nhóm “giảng viên nòng cốt về chuyển đổi số” để hỗ trợ đồng nghiệp và đề xuất sáng kiến. Đối với học viên, cần đưa nội dung giáo dục văn hóa số vào chương trình kết hợp rèn luyện qua thực tế. Xây dựng quy tắc ứng xử trên không gian mạng cho quân nhân, hướng dẫn học viên sử dụng mạng xã hội đúng mực, an toàn, nhận diện và phòng chống thông tin xấu độc. Mục tiêu là hình thành ở mỗi cán bộ, học viên một tác phong làm việc khoa học, nhanh nhạy, chính xác trong môi trường số, đồng thời biết tự bảo vệ mình và gìn giữ “bản sắc người lính” trong thế giới ảo. Khi đó, chuyển đổi số không chỉ là thay đổi công cụ, mà thực sự tạo nên một nền văn hóa học đường số: văn hóa sử dụng công nghệ một cách nhân văn, có kỷ luật và hiệu quả. Song hành, phải đảm bảo an ninh, an toàn thông tin: xây dựng đội ngũ chuyên trách về an ninh mạng, lắp đặt các hệ thống tường lửa, mã hóa dữ liệu; có phương án dự phòng khi hệ thống số gặp sự cố. Môi trường mạng quân sự tuy mở nhưng vẫn phải kiểm soát được thông tin

theo quy định. Đây là yếu tố sống còn để chuyển đổi số diễn ra thuận lợi, không để mặt trái công nghệ ảnh hưởng xấu đến văn hóa nhà trường.

4.5. PHÁT HUY GIÁ TRỊ NGOẠI HIỆN VĂN HÓA GIÁO DỤC TRONG NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI

4.5.1. Thách thức trong việc phát huy giá trị ngoại hiện văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội

Yếu tố ngoại hiện văn hóa là lớp vỏ biểu tượng - vật chất - hành vi có thể quan sát được của văn hóa nhà trường quân đội. Các yếu tố giúp hệ giá trị và nhân cách văn hóa được cụ thể hóa, lan tỏa vào đời sống văn hóa giáo dục. Tuy nhiên, thực trạng hiện nay cho thấy có sự thiếu nhất quán, biểu hiện hình thức và khoảng cách giữa “vỏ biểu tượng” và “lõi giá trị” ở một số nhà trường.

Trên thực tế, ở một số đơn vị vẫn tồn tại hiện tượng hành chính hóa nghi lễ quân sự. Các nghi lễ được tổ chức theo khuôn mẫu máy móc, thiếu chiều sâu nội dung và cảm xúc, không gắn kết chặt chẽ với giáo dục giá trị. Điều này làm mất đi tính “thăng hoa văn hóa” vốn có của các nghi lễ trong môi trường sư phạm - quân sự.

Mặt khác, một bộ phận học viên trẻ chưa hiểu hết ý nghĩa sâu xa của các nghi lễ và biểu tượng, dẫn tới thái độ tham gia thụ động, chiếu lệ chứ không hào hứng, tự nguyện, chưa cảm nhận được đầy đủ giá trị thiêng liêng, tự hào như thế hệ trước. Nguyên nhân một phần do cách thức tổ chức nghi lễ chậm đổi mới, nội dung tuyên truyền còn khô cứng, thiếu sáng tạo phù hợp với tâm lý thế hệ trẻ. Ngôn ngữ, hình ảnh, phương thức giáo dục truyền thống chưa kịp thời “hiện đại hóa” để gần gũi với thế hệ trẻ.

Thêm vào đó, yếu tố môi trường ngoại hiện (như không gian kiến trúc, cảnh quan sư phạm) ở một số trường tuy bề thế nhưng thiếu điểm nhấn văn hóa riêng, còn dập khuôn theo mẫu chung; nhiều công trình truyền thống xuống cấp làm giảm tính thẩm mỹ và sức hút với người học. Một số nhà trường chưa tận dụng tốt vai trò nhận diện thị giác, chẳng hạn các không gian như cổng trường, logo, phòng truyền thống, pano - áp phích... chưa được thiết kế đồng bộ thành một hệ thống nhận diện, hỗ trợ giáo dục trực quan và cảm hóa sâu sắc. Tình

trạng này khiến các biểu trưng văn hóa bề mặt mất dần sức sống, không phát huy hết chức năng giáo dục chiều sâu.

Theo quan điểm của Merton, đây có thể coi là hiện tượng “nghi lễ chủ nghĩa” trong tổ chức: tuân thủ nghi thức một cách máy móc, chú trọng phần “vỏ” (hình thức) mà quên đi phần “nội dung” (giá trị cốt lõi). Nếu không được chấn chỉnh, nghi lễ văn hóa quân sự có nguy cơ trở thành “vỏ rỗng” thiếu sinh khí, không còn tác động mạnh mẽ đến nhận thức, tình cảm của học viên như mong muốn. Các nhà nghiên cứu văn hóa cũng chỉ ra rằng nghi lễ chỉ thực sự phát huy tác dụng kết nối và giáo dục khi người tham dự hiểu và tin vào ý nghĩa biểu tượng của nó. Do đó, vấn đề đặt ra là cần đổi mới công tác giáo dục truyền thống trong nhà trường: làm mới các nghi lễ, lễ hội bằng hình thức sinh động hơn; lồng ghép công nghệ, nghệ thuật để truyền tải thông điệp một cách hấp dẫn; giải thích rõ ý nghĩa lịch sử, văn hóa đằng sau mỗi nghi thức để học viên “thấm” giá trị thay vì tham gia một cách thờ ơ. Bên cạnh đó, việc đầu tư xây dựng không gian văn hóa riêng có và bảo trì thường xuyên các biểu tượng vật chất rất quan trọng, giúp thế hệ trẻ cảm nhận được dấu ấn truyền thống trong cuộc sống hàng ngày, từ đó truyền cảm hứng tự hào và mong muốn kế thừa, phát huy ở mỗi quân nhân.

4.5.2. Khuyến nghị giải pháp phát huy giá trị ngoại hiện văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội

Trước thực tế ở các trường quân đội, trong bối cảnh hiện nay, việc phát huy các giá trị ngoại hiện văn hóa trong nhà trường có ý nghĩa vô cùng quan trọng nhằm xây dựng môi trường sư phạm quân sự vừa chính quy, kỷ luật, vừa giàu bản sắc. Những yếu tố ngoại hiện như kiến trúc, cảnh quan, biểu tượng, lễ tiết, tác phong, trang phục và các hoạt động văn hóa thường nhật không chỉ góp phần tạo nên diện mạo riêng của nhà trường, mà còn nuôi dưỡng niềm tự hào, tinh thần trách nhiệm và ý thức chính trị của cán bộ, giảng viên và học viên. Tuy nhiên, trên thực tế, công tác khai thác và phát huy giá trị ngoại hiện văn hóa vẫn còn những hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu của nhiệm vụ đào tạo. Vì vậy, việc đề xuất các khuyến nghị, giải pháp khả thi và

phù hợp là hết sức cần thiết nhằm hoàn thiện môi trường văn hóa quân sự, góp phần nâng cao chất lượng GD-ĐT trong giai đoạn mới.

Thứ nhất, các trường cần thiết kế lại biểu tượng, logo, khẩu hiệu, cảnh quan văn hóa theo hướng vừa hiện đại, thẩm mỹ, vừa giữ nguyên bản sắc quân sự và đặc trưng riêng của từng trường. Phát triển không gian học đường quân sự nhân văn: bố trí các “góc giá trị”, “hành lang văn hóa”, “trạm truyền thống”, khu tưởng niệm, không gian đọc mở... Tái cấu trúc không gian học tập – sinh hoạt theo nguyên lý văn hóa học: đảm bảo tính biểu tượng – gợi mở – kết nối giữa truyền thống và hiện đại, giữa học tập và đời sống.

Thứ hai, cần xây dựng “bản sắc số” của từng nhà trường: bộ nhận diện thương hiệu, video truyền thống, biểu tượng số hóa (logo, avatar, slogan), ứng dụng tương tác AR/VR về truyền thống.

Thứ ba, cần tăng cường công tác truyền thông tích cực về hình mẫu người học, người thầy và không gian văn hóa học đường trong môi trường quân đội. Việc này có thể triển khai thông qua các nền tảng số như website nhà trường, mạng xã hội nội bộ, kênh Youtube văn hóa quân đội hay các chương trình podcast giới thiệu giá trị văn hóa. Mặt khác, việc ứng dụng các thành tựu công nghệ hiện đại, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn, sẽ giúp cá nhân hóa nội dung truyền thông văn hóa, ví dụ như xây dựng chatbot tư vấn giá trị, hệ thống theo dõi hành vi ứng xử văn minh trong học đường, hay thiết lập bảng điểm đánh giá văn hóa học tập.

Thứ tư, cần ban hành bộ quy chuẩn văn hóa học đường quân đội dưới sự chỉ đạo thống nhất của Tổng cục Chính trị. Bộ quy chuẩn này cần bao gồm những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng khẩu hiệu, biểu tượng, nghi lễ, nghi thức trong môi trường học đường quân sự, qua đó góp phần chuẩn hóa các giá trị ngoại hiện văn hóa. Đồng thời, các nhà trường nên định kỳ tổ chức các hội thảo hoặc cuộc thi sáng tạo biểu tượng nhằm vừa đảm bảo định hướng thống nhất, vừa tạo không gian cho sự sáng tạo và thể hiện bản sắc riêng của từng đơn vị.

Cùng với đó, việc tổ chức các triển lãm ảnh, trưng bày di tích lưu niệm, hoặc xây dựng công trình ghi dấu lịch sử đơn vị trong khuôn viên nhà trường

cũng là giải pháp quan trọng nhằm trực quan hóa các giá trị truyền thống. Học viên có thể được khuyến khích tham gia sáng tác các tác phẩm văn hóa như thơ ca, âm nhạc, báo tường gắn với chủ đề quân đội và đất nước, qua đó nuôi dưỡng tinh thần sáng tạo, trách nhiệm và tự hào. Giáo dục truyền thống thông qua trải nghiệm thực tế cần được xem là giải pháp mang tính bền vững. Các hoạt động như tham quan di tích lịch sử, thăm bảo tàng quân sự, giao lưu với các lão thành cách mạng hoặc cựu chiến binh sẽ giúp người học tiếp cận các giá trị văn hóa “Bộ đội Cụ Hồ” một cách sinh động, gắn kết lý luận với thực tiễn. Thông qua đó, các giá trị ngoại hiện văn hóa quân sự không chỉ dừng lại ở hình thức, mà được nội tâm hóa, trở thành động lực tinh thần trong học tập và rèn luyện.

Tóm lại, văn hóa giáo dục trong các nhà trường quân đội hiện nay đặt ra nhiều vấn đề vừa mang tính nội tại, vừa chịu tác động từ ngoại cảnh. Về hệ giá trị, cần cân bằng giữa giữ vững truyền thống và mở đón những giá trị mới để thích ứng; về nhân cách, phải kịp thời khắc phục các hiện tượng lệch chuẩn ở cả giảng viên, cán bộ và học viên nhằm đảm bảo môi trường sư phạm mẫu mực; về hoạt động, cần tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng nghiên cứu - phong trào để các chức năng văn hóa được phát huy tối đa; về ngoại hiện, cần chú trọng đầu tư xây dựng biểu tượng, nghi lễ phù hợp với tinh thần thời đại.

Đặc biệt, trước kỷ nguyên mới - kỷ nguyên “vươn mình” của dân tộc với những đột phá về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, tất cả quân nhân cần không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao tri thức và bản lĩnh để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh rằng thanh niên Quân đội phải xung kích đi đầu trong chuyển đổi số quốc gia, phát huy tinh thần “tự tin, tự chủ, tự lực, tự cường”, làm chủ vũ khí, trang bị kỹ thuật hiện đại và sáng tạo đột phá để nâng cao chất lượng huấn luyện, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ mà Tổ quốc và Nhân dân giao phó. Để đáp ứng những kỳ vọng đó, nhà trường quân đội cần xây dựng một văn hóa giáo dục tiên tiến, đậm đà bản sắc, lấy người học làm trung tâm, gắn chặt với quá trình chuyển đổi số và thúc đẩy học tập suốt đời.

Tiểu kết chương 4

Chương 4 đã tập trung bàn luận những vấn đề cốt lõi của văn hóa giáo dục trong nhà trường QĐNDVN hiện nay.

Trước hết, việc phát huy hệ giá trị văn hóa, đặc biệt là giá trị “Bộ đội Cụ Hồ”, đang đứng trước thách thức lớn trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số và tác động mặt trái của cơ chế thị trường. Cùng với đó, việc xây dựng hệ giá trị truyền thống - hiện đại, thống nhất - đa dạng đòi hỏi nhà trường phải vừa kiên định với nền tảng cốt lõi, vừa linh hoạt tiếp thu giá trị mới. Bên cạnh đó, nhân cách văn hóa của giảng viên, cán bộ quản lý và học viên nhìn chung vẫn giữ vững phẩm chất chuẩn mực, song cũng đã xuất hiện hiện tượng lệch chuẩn đạo đức, lối sống và động cơ học tập. Thực hành văn hóa trong môi trường quân sự - sư phạm còn nặng tính hành chính, hình thức; trong khi hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học và chuyển đổi số vẫn bộc lộ hạn chế. Các yếu tố ngoại hiện như nghi lễ, biểu tượng, cảnh quan chưa thực sự hấp dẫn, thiếu chiều sâu.

Nhìn chung, văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội vừa có thành tựu, vừa tồn tại nhiều thách thức. Trên cơ sở những tồn tại đã phân tích, luận án bàn luận giải pháp chủ yếu nhằm phát triển văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội, từ xây dựng hệ giá trị bền vững, phát triển nhân cách văn hóa, đổi mới hoạt động giáo dục đến chuyển đổi số, đồng thời làm sống động ngoại hiện văn hóa, nhằm xây dựng nhà trường quân đội thông minh, chính quy, mẫu mực, hiện đại, đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

KẾT LUẬN

Văn hóa giáo dục trong nhà trường QĐNDVN là một hiện tượng văn hóa đặc thù, vừa phản ánh những giá trị truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và văn hóa quân sự, vừa thể hiện sắc thái riêng của mỗi nhà trường. Với tư cách bộ phận quan trọng của nền văn hóa quân sự và văn hóa dân tộc, văn hóa giáo dục quân sự không chỉ kiến tạo môi trường sư phạm kiểu mẫu, mà còn góp phần bồi dưỡng, hình thành nhân cách quân nhân cách mạng, xây dựng bản sắc nhà trường quân đội, nâng cao chất lượng GD-ĐT và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Trong khuôn khổ luận án, NCS đã nghiên cứu và làm rõ những nội dung cơ bản sau đây:

Thứ nhất, luận án đã tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội. Trên cơ sở đó, luận án hệ thống hóa những vấn đề lý luận, làm rõ các khái niệm nền tảng. Vận dụng quan điểm lý thuyết cấu trúc – chức năng, quan điểm và mô hình văn hóa củ hành tây của Geert Hofstede, quan điểm của Đảng và Quân đội về GD-ĐT, luận án đã xác lập khung phân tích gồm bốn thành tố: (1) hệ giá trị, (2) nhân cách văn hóa của các chủ thể, (3) thực hành văn hóa giáo dục (4) yếu tố ngoại hiện.

Thứ hai, luận án khái quát hệ thống nhà trường quân đội, các trường hợp nghiên cứu; nhận diện bối cảnh quốc tế, trong nước và quân đội tác động đến văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội hiện nay.

Thứ ba, khảo sát, phân tích thực trạng văn hóa giáo dục tại ba nhà trường tiêu biểu: HVKTQS, HVCT và TSQPB. Kết quả khảo sát cho thấy: văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội hiện nay về cơ bản phát triển đúng hướng, đạt nhiều kết quả tích cực. Hệ giá trị văn hóa được duy trì khá ổn định, nhân cách văn hóa người thầy, người trò đa phần vững vàng, các hoạt động giáo dục diễn ra sôi nổi và nền nếp, môi trường văn hóa quân sự được giữ vững. Tuy nhiên, dưới tác động của bối cảnh hội nhập và chuyển đổi xã hội, văn hóa giáo

dục trong nhà trường quân đội đứng trước những thách thức mới đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết.

Thứ tư, từ việc khảo sát, phân tích thực trạng, luận án bàn luận những vấn đề đặt ra về phát huy hệ giá trị, phát triển nhân cách chủ thể giáo dục, nâng cao chất lượng dạy, học, nghiên cứu khoa học; đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số hóa, xây dựng nhà trường quân đội thông minh và phát huy yếu tố ngoại hiện. Những vấn đề này không chỉ mang tính nội tại, mà còn là phản ánh của biến chuyển xã hội, giá trị văn hóa và đòi hỏi cấp thiết phải chuyển hóa mô hình văn hóa giáo dục trong quân đội.

Luận án góp phần bổ sung vào khoảng trống lý luận trong nghiên cứu văn hóa giáo dục quân sự đương đại, vốn còn mang tính rời rạc, thiên về tiếp cận triết học, giáo dục học hoặc quản lý giáo dục.

Từ các phát hiện khoa học nêu trên có thể khẳng định, văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội hiện nay vẫn là “mạch nguồn” bèn bi hun đúc nhân cách người quân nhân cách mạng. Trong bối cảnh đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và xây dựng QĐNDVN cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, văn hóa giáo dục nếu được phát huy đúng hướng sẽ là đòn bẩy chiến lược, không chỉ kiến tạo môi trường học tập, rèn luyện, sẵn sàng chiến đấu hiệu quả, mà còn góp phần trực tiếp vào quá trình xây dựng đội ngũ sĩ quan “vừa hồng, vừa chuyên”, có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức sáng ngời và nhân cách văn hóa quân sự toàn diện, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thị Minh Thu (2022), “Giải pháp xây dựng môi trường văn hóa ở Trường Sĩ quan Pháo binh”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, số 515, tr.29-33.
2. Nguyễn Thị Minh Thu (2023), “Một số vấn đề lý luận chung về văn hóa giáo dục”, *Tạp chí Nghiên cứu dân tộc*, Số. 4, tr.41-47.
3. Nguyễn Thị Minh Thu (2024), “Một số yếu tố tác động đến văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội”, *Tạp chí Nghiên cứu dân tộc*, Số 1, tr.68 - 74.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

* Tài liệu tiếng Việt

1. Ban Chấp hành Trung ương (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*, Hà Nội.
2. Nguyễn Duy Bắc (2012), *Văn hóa giáo dục Việt Nam thời kì đổi mới*, Nxb. Thời đại, Hà Nội.
3. Nguyễn Quang Bình (2019), “Một số giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo ở các nhà trường quân đội trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0”, *Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam*, số 24, tr.43-48.
4. Nguyễn Vương Bình (2017), *Định hướng giá trị văn hóa của học viên đào tạo sĩ quan trong các trường Quân đội*, Luận án Tiến sĩ Văn hóa học, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Hà Nội.
5. Bộ Chính trị (2025), *Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*, Hà Nội.
6. Bộ Quốc phòng (2004), *Nhà trường quân đội trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
7. Bộ Quốc phòng (2011), *Điều lệnh quản lý bộ đội Quân đội nhân dân Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
8. Bộ Quốc phòng (2016), *Điều lệ công tác nhà trường quân đội nhân dân Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
9. Bộ Quốc Phòng (2023), *Quyết định số 3061/QĐ-BQP, ngày 11/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt Đề án “Đổi mới quy trình, chương trình đào tạo cán bộ các cấp trong đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới*, Hà Nội.
10. Bộ Quốc Phòng (2023), *Quyết định số 3525/QĐ-BQP ngày 03/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt Đề án “Xây dựng đội ngũ nhà giáo,*

cán bộ quản lý giáo dục trong Quân đội giai đoạn 2023 - 2030 và những năm tiếp theo”, Hà Nội.

11. Chính phủ (2016) Nghị định số 82/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01 tháng 7 năm 2016 “*Quy định quân hiệu, phù hiệu, cấp hiệu và trang phục của Quân đội nhân dân Việt Nam*”, Hà Nội.
12. Hà Công Chờ - Hồ Đức Thắng (2019), “Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và phương hướng đổi mới phương pháp dạy học ở các nhà trường quân đội hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục*, số 446, tr.20-23.
13. Cục Quân huấn (2004), *Hướng dẫn tổ chức nghi lễ trong Quân đội*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
14. Nguyễn Hữu Cương (2023). “Sự truyền tải sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi của trường đại học vào chương trình đào tạo”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp trường “Triết lý giáo dục và phương pháp dạy-học” của Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh*, tr. 45-51, Nxb. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
15. Phạm Tất Dong (2023), “Một số quan điểm về văn hóa giáo dục”, *Tạp chí Giáo dục online*.
16. Đinh Xuân Dũng (2022), *Chăm lo bồi đắp, phát triển kiểu mẫu nhân cách “Bộ đội cụ Hồ”*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
17. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
18. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
19. Đảng Cộng sản Việt Nam (2025), *Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng*, lưu hành nội bộ, Nxb. Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội.
20. Vũ Đình Đắc (2021), *Xây dựng lối sống có văn hóa của học viên các trường đào tạo sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện chính trị - Bộ Quốc phòng, Hà Nội.

21. John Dewey (2010) (Phạm Anh Tuấn dịch), *Dân chủ và giáo dục*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
22. Chu Xuân Giao (2023), “Bàn về giá trị hiếu học của người Việt”, *Tạp chí Tuyên giáo*, số 4, tr.52-56.
23. Phan Văn Giang (2023), *Phát huy truyền thống anh hùng, xây dựng Quân đội nhân dân Việt nam tinh, gọn, mạnh, hiện đại trong thời kỳ mới*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
24. Geert Hofstede, Gert Jan Hofstede, Michael Minkov (2015) (Đình Việt Hoà dịch), *Văn hoá và tổ chức: Phần mềm tư duy*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
25. Nguyễn Thị Hà (2025), *Văn hóa học đường trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay (qua khảo sát Trường ĐH Sư phạm Hà Nội, Trường ĐH Giao thông Vận tải, Trường ĐH Ngoại thương)*, Luận án tiến sĩ Văn hóa học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
26. Nguyễn Việt Hà (2018), “Văn hóa quân sự truyền thống trong xây dựng nhân cách học viên sĩ quan quân đội”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 408, tr. 17 - 18.
27. Trương Thị Lam Hà (2023), *Văn hoá giáo dục trong gia đình người Việt Tây Nam Bộ*, Luận án Tiến sĩ Văn hoá học, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Thành phố Hồ Chí Minh.
28. Phạm Minh Hạc (1998), *Văn hóa và giáo dục, giáo dục và văn hóa*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
29. Phạm Minh Hạc (2009), “Văn hoá học đường - khái niệm và xây dựng thông qua giáo dục giá trị”, *Tạp chí Nghiên cứu con người*, (số 2-41), tr.3-11.
30. Phạm Minh Hạc (2009), “Văn hoá học đường - Nhà trường thân thiện”, *Tạp chí Khoa học giáo dục*, số 42, tr.5-10.
31. Phạm Minh Hạc (2009), “Giáo dục giá trị xây dựng văn hoá học đường”, *Tạp chí Thế giới trong ta*, (326), tr6-8.

32. Nguyễn Văn Hải (2019), “Xây dựng môi trường văn hóa quân sự của học viên sĩ quan các nhà trường quân đội”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 423, tr. 17 - 18.
33. Kiều Văn Hạnh (2023), “Bồi dưỡng văn hóa sư phạm quân sự cho giảng viên ở Học viện Chính trị”, *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, số 1 (9), tr. 78 -85.
34. Trần Minh Hằng (2008), “Xây dựng văn hoá học đường trong trường học”, *Tạp chí Quản lí giáo dục*, số 2, tr.34-37.
35. Lê Văn Hảo (2018), “Phát triển văn hóa trường đại học phù hợp với yêu cầu của Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo”, *Hội thảo quốc tế Văn hóa học đường đại học Việt Nam trong thời kỳ phát triển và hội nhập*, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh
36. Nguyễn Vũ Bích Hiền (chủ biên), Nguyễn Thị Minh Nguyệt và Nguyễn Xuân Thanh (2022), *Giáo trình Văn hoá tổ chức (vận dụng vào phân tích văn hoá nhà trường)*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
37. Đỗ Như Hiên (2019), *Phát triển văn hóa sư phạm quân sự của giảng viên trẻ ở các nhà trường quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng.
38. Học viện Chính trị (2025), *Học viện Chính trị - 60 năm xây dựng và phát triển (1951 – 2011)*, lưu hành nội bộ.
39. Học viện Chính trị (2021), *Lịch sử Học viện Chính trị (1951 – 2021)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
40. Học viện Chính trị (2022), *Quy chế Giáo dục, đào tạo*, lưu hành nội bộ Hà Nội.
41. Học viện Chính trị (2024), *Báo cáo tự đánh giá Cơ sở giáo dục giai đoạn 2021 - 2024*, lưu hành nội bộ, Hà Nội.
42. Học viện Chính trị, *Báo cáo tổng kết năm học 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 -2023; 2023-2024, 2024- 2025*, lưu hành nội bộ.

43. Học viện Kỹ thuật Quân sự (2016), *Lịch sử Học viện Kỹ thuật Quân sự (1966 – 2016)*, lưu hành nội bộ, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
44. Học viện Kỹ thuật Quân sự (2021), *Báo cáo tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học (Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng đại học của Bộ Giáo dục và đào tạo giai đoạn 2017-2021)*, lưu hành nội bộ, Hà Nội.
45. Học viện Kỹ thuật Quân sự (2021), *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Học viện Kỹ thuật Quân sự lần thứ IX nhiệm kỳ 2015-2020*, lưu hành nội bộ.
46. Học viện Kỹ thuật quân sự (2022), *Báo cáo số 612/BC-HV “Tổng kết thực hiện Nghị quyết số 86/NQ-ĐUQSTW ngày 29/3/2007 của Đảng ủy Quân sự Trung ương về công tác giáo dục, đào tạo trong tình hình mới”*, lưu hành nội bộ, Hà Nội.
47. Học viện Kỹ thuật Quân sự (2023), *Hướng dẫn số 460/HD-CT Về việc sử dụng biểu trưng trong HVKTQS*, ngày 06 tháng 09 năm 2023.
48. Học viện Kỹ thuật Quân sự (2024), *Tuyển tập tham luận Hội thảo “Mô hình nhà trường quân đội thông minh, hiện đại, gắn với chuyển đổi số”*, lưu hành nội bộ, Hà Nội.
49. Học viện Kỹ thuật Quân sự (2024), *Báo cáo Công tác thi đua khen thưởng và phong trào thi đua quyết thắng năm 2024*, lưu hành nội bộ, Hà Nội.
50. Học viện Kỹ thuật Quân sự, *Báo cáo tổng kết năm học 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 -2023; 2023-2024*, lưu hành nội bộ.
51. Học viện Kỹ thuật Quân sự (2025), *Báo cáo Chính trị của Ban chấp hành Đảng Bộ học viện khóa X tại đại hội đại biểu đảng bộ học viện lần thứ XI, nhiệm kỳ 2025 - 2030*, lưu hành nội bộ.
52. Nguyễn Bá Hùng (2023), “Đổi mới chương trình dạy học ở các nhà trường quân đội theo định hướng phát triển năng lực”, *Tạp chí Giáo chức online*.
53. Nguyễn Văn Hùng (2024), “Bồi dưỡng giá trị đạo đức “Bộ đội cụ Hồ” cho học viên sĩ quan các nhà trường quân đội trong thời kỳ mới”, *Tạp chí Quản lý nhà nước online*.

54. Nguyễn Thị Huyền (2022), “Xây dựng đời sống văn hóa trong các học viện, nhà trường quân đội”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, số 491, tr.16-17.
55. Nguyễn Thị Thanh Huyền (2020), *văn hóa giáo dục của trường Phổ thông quốc tế tại thành phố Hồ Chí Minh*, Luận án tiến sĩ Văn hóa học, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
56. Nguyễn Thị Thanh Huyền (2022), “Văn hóa giáo dục trong trường tư thục có vốn đầu tư nước ngoài nhìn từ tổ chức không gian”, *Tạp chí Khoa học quản lý giáo dục*, số 2 (34), tr.1-9.
57. Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên) (2016), *Giáo trình giáo dục học đại cương*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
58. Nguyễn Văn Oanh (2021), “Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo của nhà trường quân đội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới”, *Tài liệu tập huấn giảng viên KHXH&NV các học viện, trường sĩ quan, đại học, cao đẳng trong Quân đội năm 2021*, Lưu hành nội bộ.
59. Nguyễn Tuấn Lê (2020), *Môi trường văn hóa sư phạm với phát triển nhân cách học viên ở các trường sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng, Hà Nội.
60. Nguyễn Duy Linh (2020), “Đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực học tập, rèn luyện của học viên ở Trường Sĩ quan Pháo binh hiện nay”, *Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam*, số 27, tr. 53-58.
61. Ngô Bằng Linh (2021), “Phát huy giá trị văn hóa quân sự truyền thống dân tộc trong xây dựng nhân cách học viên ở các trường quân đội hiện nay”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 11 – 2021, tr. 46-55.
62. Ngô Xuân Lịch (2020), *Bộ đội cụ Hồ - Phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
63. Hồ Sĩ Lộc (2011), “Xây dựng văn hóa học đường trong một số trường đại học ở Hà Nội hiện nay”, Đề tài cấp bộ 2011, mã số B.11-20, Hà Nội.

64. Nguyễn Hoa Mai (2022), *Văn hoá giáo dục Việt Nam giai đoạn 1884-1945*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
65. Phạm Hữu Mạnh (2024), “Phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” thời kỳ mới của học viên Hệ đào tạo cán bộ chính trị cấp chiến thuật, chiến dịch tại Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng”, *Tạp chí Quản lý nhà nước online*.
66. Đinh Vũ Mai Nam, Nguyễn Văn Đoàn (2025), “Giáo dục kỷ luật cho học viên đào tạo sĩ quan cấp phân đội ở các học viện, nhà trường quân đội hiện nay”, *Tạp chí Quản lý Nhà nước online*.
67. Nguyễn Thành Nam (2017), *Văn hóa giáo dục thời Lê sơ*, Luận án Tiến sĩ Văn hóa học, Đại học Văn hóa Hà Nội, Hà Nội.
68. Đỗ Văn Ngoan (2009), *Quan hệ thống nhất - đa dạng trong phát triển môi trường văn hóa quân sự ở các trường sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng, Hà Nội.
69. Phân viện Báo chí tuyên truyền, Khoa Văn hoá xã hội chủ nghĩa (2002), *Giáo trình lý luận văn hóa Mác - Lênin*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
70. Nguyễn Ngọc Phú (2024), “Sứ mệnh cao cả của các cán bộ, sĩ quan, nhà khoa học kỹ thuật quân sự trong xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam hiện đại”, *Hội thảo khoa học: “Lịch sử, truyền thống, chiến công của Quân đội nhân dân Việt Nam và vai trò của cán bộ kỹ thuật trong xây dựng quân đội hiện đại”*, tr.333 – 338, Hà Nội.
71. Quân Ủy Trung ương (2022), *Nghị quyết 1657 NQ/QUTW ban hành ngày ngày 20 tháng 12 năm 2022 “Về đổi mới công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Quân đội trong tình hình mới”*, Hà Nội.
72. J. J. Rousseau (2015) (Hong Sâm, Trần Quốc Dương dịch), *Emily hay là về giáo dục*, NXB Tri thức, Hà Nội.

73. Nguyễn Kim Sơn (2022), *Giáo dục văn hoá và giáo dục để phát triển văn hoá, Thể chế, chính sách và nguồn lực cho phát triển văn , Quyển 1*, Hội thảo văn hoá toàn quốc 2022, Bắc Ninh, tr.168-175.
74. Lê Đức Phúc (1998), Văn hoá học tập, *Văn hoá và giáo dục - Giáo dục và văn hoá*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.106-110.
75. Lê Văn Quang, Văn Đức Thanh (2002), *Văn hóa quân sự Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
76. Trần Hồng Quân, Vũ Đức Bộ (2022), “Phát triển lối sống văn hóa của học viên đào tạo sĩ quan ở các học viện, nhà trường quân đội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, số 497, tr.12-15.
77. Hà Thị Quỳnh (2023), “Đổi mới phương pháp dạy học ở các nhà trường quân đội trong bối cảnh hiện nay”, *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, số 2 (297), tr.78-91.
78. Lê Văn Tách (2020), *Văn hóa chính trị trong nhà trường quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay (Nghiên cứu trường hợp: Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng, Trường Sĩ quan Lục quân 1)*, Luận án Tiến sĩ Văn hóa học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
79. Đào Huy Tín (2012), *Đặc trưng văn hoá ứng xử của học viên đào tạo sĩ quan cấp phân đội ở nhà trường quân đội hiện nay*, Đề tài cấp Tổng cục Chính trị, Hà Nội
80. Trần Ngọc Thêm (2018), “Văn hóa học đường Việt Nam trong thời kỳ phát triển và hội nhập: Vài nét về con đường từ lý luận đến thực tiễn”, *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Văn hóa học đường đại học Việt Nam trong thời kỳ phát triển và hội nhập”*, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, tp Hồ Chí Minh, tr. 28-38.
81. Trần Ngọc Thêm (2020), “Tính hệ thống của triết lý giáo dục: Các mối quan hệ bên ngoài và các loại triết lý giáo dục”, *Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam*, số 31, tr.3-5.
82. Trần Ngọc Thêm (2020), “Bàn về mô hình vận động của triết lý giáo dục”, *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, số 12, tr.3-10.

83. Trần Ngọc Thêm (2021), “Xây dựng văn hóa học đường trong bối cảnh đổi mới giáo dục đào tạo”, *Hội thảo giáo dục Việt Nam năm 2021: Văn hóa học đường trong bối cảnh đổi mới giáo dục và đào tạo*, Quốc hội khoá XV - Ủy ban Văn hoá - Giáo dục, Hà Nội, tr. 60-69.
84. Trần Ngọc Thêm (2021), “Tính hệ thống của triết lý giáo dục qua các mối quan hệ bên trong của nó”, *Tạp chí Giáo dục*, số 479 (kì 1), tr. 1-
85. Nguyễn Ngọc Thơ (2020), “Khái luận về văn hóa học đường”, *Tạp chí Khoa học đại học Trà Vinh*, số 37, tháng 3, tr.46-68.
86. Nguyễn Ngọc Thơ (2020), “Một số thành tố của văn hóa học đường”, *Tạp chí Văn hóa học*, số 6 (52), tr.3-23.
87. Nguyễn Ngọc Thơ (2021), “Tiếp cận nghiên cứu văn hóa học đường”, *Tạp chí Văn hóa và Nguồn lực*, số 1 (25), tr.3-23.
88. Nguyễn Ngọc Thơ (2021), “Đặc trưng văn hóa học đường”, *Tạp chí Khoa học phát triển nhân lực*, số 2(02), tr.39-55.
89. Nguyễn Viết Tiến (2019), “Thực trạng và giải pháp giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho học viên các trường sĩ quan quân đội”, *Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam*, số 24, tr. 49-53.
90. Dương Thiệu Tống (2002), *Suy nghĩ về văn hóa giáo dục Việt Nam*, Nxb. Trẻ, Hà Nội.
91. Tổng cục Chính trị (1998) (2023), *Giáo dục học quân sự*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
92. Hoàng Anh Tuấn (2024), “Xây dựng, bồi dưỡng phẩm chất “Bộ đội cụ Hồ” cho đội ngũ nhà giáo quân đội - những kinh nghiệm rút ra”, *Tạp chí Giáo dục online*.
93. Kiều Bách Tuấn (2018), *Văn hóa quân sự Việt Nam giá trị lý luận và thực tiễn*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
94. Nguyễn Hữu Tuấn (2025), “Yếu tố tác động đến phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” của giảng viên khoa học xã hội và nhân văn ở các trường sĩ quan quân đội hiện nay”, *Tạp chí Tổ chức nhà nước online*.

95. Trần Quốc Tuấn (2021), “Đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị trong nhà trường quân đội”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, số 458, tr.42-45.
96. Lê Huy Tuynh (2024), “Một số vấn đề về chuyển đổi số trong giáo dục, đào tạo ở các nhà trường quân đội hiện nay”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân online*.
97. Trường Sĩ quan Pháo binh (2017), *Lịch sử Trường Sĩ quan Pháo binh (1957 – 2017)*, NXB. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
98. Trường Sĩ quan Pháo binh (2024), *Báo cáo tự đánh giá Cơ sở giáo dục (lưu hành nội bộ)*, Hà Nội.
99. Trường Sĩ quan Pháo binh, *Báo cáo tổng kết năm học 2019 – 2020; 2020 – 2021; 2021 – 2022; 2022 -2023; 2023-2024*, (lưu hành nội bộ).
100. Trường Sĩ quan Pháo binh (2025), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường Sĩ quan Pháo binh lần thứ XXII nhiệm kỳ 2025 -2030*, Hà Nội.

*** Tài liệu tiếng nước ngoài**

101. Gert Biesta (2011), “From Learning Cultures to Educational Cultures: Values and Judgements in Educational Research and Educational Improvement”, *International Journal of Early Childhood*, Volume 43 (3), pp. 199–210.
102. Jerome Bruner (1996), *The Culture of Education*, Cambridge, MA: Harvard University Press.
103. Buyse K và Bañas IM (2016), “Perception of educational culture and learning styles in language learning: the Romanian case”, *Revista Nebrija de Lingüística*, Volume 10 (21), Aplicada.
104. Roger Dale (2000), “Globalization and Education: Demonstrating a “common world educational culture” or locating a “globally structured educational agenda””, *Educational Theory*, 50 (4), pp. 427- 448.
105. Deal, T.E. & Peterson, K.D. (2002), *Shaping School Culture Fieldbook*, Jossey-Bass, San Francisco.
106. Mohamed El Amri (2024), “Education and Cultural Diversity”, *International Journal of Recent Advances in Multidisciplinary Research*, Vol. 11, Issue 08, pp. 10194 -10200.

107. Rafl Maslowski (2001), *School Culture and School Performance: An explorative study into the organizational culture of secondary schools and their effects*, Twente University Press, Enschede.
108. Anil Kumar Pokharel và Janardan Paudel (2013), “Cultural factors causing differences in quality education”, *Culture and Society* (2), pp. 1-10.
109. Радугина О. А. (2011), “Образовательная культура общества как целостный социальный феномен”, *Философия и общество*, № 1 (61), январь–март, с. 130–141.
110. Tatiana Segal (2012), “Past edecational cultures influences on present perceptions of education”, *Management & Marketing – Challenges for the Knowledge Society*, Vol. 7, No. 3, pp. 513–530.
111. Louise Stoll (1998), “School culture”, *GlobalPAD Core Concepts*.
112. Stephen Stolp và Stuart C. Smith (1995), *Transforming School Culture: Stories, Symbols, Values & The Leader’s Role*, ERIC Clearinghouse on Educational Management, Eugene, Oregon.
113. Trần Thị Thuỳ Trang (2022), “Japanese educational culture in times of the COVID-19 pandemic”, *Policy Futures in Education*, Volume 1(12), pp.1-10.
114. William G. Tierney (1988), “Organizational Culture in Higher Education: Defining the Essentials”, *The Journal of Higher Education*, Vol. 1, No. 59, pp. 2–21.

*** Tài liệu Internet**

115. Cổng thông tin điện tử Bộ Quốc phòng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trang <https://mod.gov.vn/home/> [truy cập ngày 03/3/2024].
116. Hệ thống tư liệu - văn kiện Đảng, trang <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/> [truy cập ngày 18/3/2024].
117. Học viện Chính trị, trang <http://www.hocvienchinhtribqp.edu.vn> [truy cập ngày 6/8/2024].
118. Học viện Kỹ thuật Quân sự, trang <http://mta.edu.vn> [truy cập ngày 6/8/2024].

119. Trần Ngọc Thêm, “Triết lý giáo dục và văn hoá giáo dục để xây dựng một xã hội phát triển”, trang <https://bvhttdl.gov.vn/>, [truy cập ngày 10/2/2024].
120. Nguyễn Hoa Thịnh (2016), “Đề “Trí tuệ tỏa sáng” mai sau”, tại trang <https://www.qdnd.vn/xa-hoi/> [truy cập ngày 12 tháng 1 năm 2025]
121. Trường Sĩ quan Pháo binh, trang <http://TSQPB.edu.vn/> [truy cập ngày 6/8/2024].
122. Xã hội học Việt Nam, Lịch chuẩn, <https://sites.google.com/site/xahoihocsociology/cac-khai-niem-ly-thuyet-xa-hoi-hoc>. [truy cập ngày 10/2/2024].
123. Caine, R. 2011, “*Are you a part of an educational culture of compliance or empowerment?*” tại trang <https://funderstanding.com/> [truy cập ngày 10/11/2022].
124. Schubart.B (2007), *Educational culture*, tại trang <https://schubart.com/> [truy cập ngày 10/11/2022].
125. M.S. Rosenberg, D.L.Westling & J. Mc Leskey (2010), *The impact of culture on education*, <https://fr.scribd.com/> [truy cập ngày 08/11/2022]
126. Veith, G (2012), *Educational culture*, tại trang <http://www.patheos.com/> [truy cập ngày 10/11/2022].
127. G. L. Welton, (2015), “An educational culture: The right angle on education”, tại trang <https://www.faithandfreedom.com/> [truy cập ngày 10/11/2022]
128. Wursten, H. & Jacobs, C. (2016). *The impact of culture on education. Can we introduce best practices in education across countries?* Truy xuất từ <https://geerthofstede.com/> [truy cập ngày 10/11/2022]

PHỤ LỤC

Phụ lục 1
DANH SÁCH HỌC VIỆN, NHÀ TRƯỜNG QĐNDVN

TT	Tên học viện, nhà trường quân đội	Đơn vị quản lý trực tiếp
1.	Học viện Quốc phòng	Bộ Quốc phòng
2.	Học viện Chính trị	Bộ Quốc phòng
3.	Học viện Kỹ thuật Quân sự	Bộ Quốc phòng
4.	Học viện Quân y	Bộ Quốc phòng
5.	Học viện Hậu cần	Bộ Quốc phòng
6.	Học viện Kỹ thuật mật mã	Bộ Quốc phòng
7.	Trường Sĩ quan Lục quân 1	Bộ Quốc phòng
8.	Trường Sĩ quan Lục quân 2	Bộ Quốc phòng
9.	Trường Sĩ quan Chính trị	Bộ Quốc phòng
10.	Học viện Phòng không - Không quân	Quân chủng Phòng không - Không quân
11.	Học viện Biên phòng	Bộ Tư lệnh Biên phòng
12.	Học viện Hải quân	Quân chủng Hải quân
13.	Học viện Khoa học Quân sự	Tổng cục II
14.	Trường Sĩ quan Pháo binh	Bộ Tư lệnh Pháo binh - Tên lửa
15.	Trường Sĩ quan Công binh	Binh chủng Công binh
16.	Trường Sĩ quan Tăng thiết giáp	Binh chủng Tăng thiết giáp
17.	Trường Sĩ quan Phòng hóa	Binh chủng Hóa học
18.	Trường Sĩ quan Không quân	Quân chủng Phòng không – Không quân
19.	Trường Sĩ quan Thông tin	Binh chủng Thông tin liên lạc
20.	Trường Sĩ quan Đặc công	Binh chủng Đặc công
21.	Trường Sĩ quan Kỹ thuật quân sự	Tổng cục Kỹ thuật
22.	Trường Đại học Văn hóa nghệ thuật quân đội	Tổng cục Chính trị
23.	Trường Cao đẳng Hậu cần 1	Tổng cục Hậu cần
24.	Trường Cao đẳng Hậu cần 2	Tổng cục Hậu cần
25.	Trường Cao đẳng Kỹ thuật quân sự 1	Tổng cục Kỹ thuật
26.	Trường Cao đẳng Trinh sát	Tổng cục II
27.	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Hải quân	Quân chủng Hải quân
28.	Trường Cao đẳng Công nghiệp Quốc phòng	Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng
29.	Trường Cao đẳng Biên phòng	Bộ Tư lệnh Biên phòng
30.	Trường Cao đẳng Kỹ thuật thông tin	Binh chủng Thông tin liên lạc
31.	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Mật mã	Bộ Tổng Tham mưu
32.	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Phòng không – Không quân	Quân chủng Phòng không - Không quân
33.	Trường Cao đẳng Nghề số 1	Quân khu 1

34.	Trường Cao đẳng Nghề số 4	Quân khu 4
35.	Trường Cao đẳng Nghề số 20	Quân khu 3
36.	Trường Cao đẳng Nghề số 21	Binh đoàn 15
37.	Trường Trung cấp 24 Biên phòng	Bộ Tư lệnh Biên phòng
38.	Trường Trung cấp Cầu đường và dạy nghề	Binh đoàn 12
39.	Trường Trung cấp Kỹ thuật Công binh	Binh chủng Công binh
40.	Trường Trung cấp Kỹ thuật Tăng thiết giáp	Binh chủng Tăng thiết giáp
41.	Trường Trung cấp Kỹ thuật miền Trung	Tổng cục Kỹ thuật
42.	Trường Quân sự Quân khu 1	Quân khu 1
43.	Trường Quân sự Quân khu 2	Quân khu 2
44.	Trường Quân sự Quân khu 3	Quân khu 3
45.	Trường Quân sự Quân khu 4	Quân khu 4
46.	Trường Quân sự Quân khu 5	Quân khu 5
47.	Trường Quân sự Quân khu 7	Quân khu 6
48.	Trường Quân sự Quân khu 9	Quân khu 9
49.	Trường Quân sự BTL Thủ đô Hà Nội	BTL Thủ đô Hà Nội
50.	Trường Quân sự BTL TPHCM	BTL TPHCM
51.	Trường Quân sự Quân đoàn 12	Quân đoàn 12
52.	Trường Quân sự Quân đoàn 34	Quân đoàn 34

Phụ lục 2

5 ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA PHẨM CHẤT BỘ ĐỘI CỤ HỒ **(theo Nghị quyết số 847-NQ/QUTW về phát huy phẩm chất "Bộ đội Cụ Hồ", kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân trong tình hình mới)**

Một là, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Kiên định lập trường Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Có ý chí quyết tâm chiến đấu cao, chấp nhận hy sinh, vượt qua khó khăn, gian khổ, sẵn sàng nhận và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

Hai là, có đạo đức cách mạng trong sáng, lối sống trung thực, khiêm tốn, giản dị, chân thành, lạc quan; nói đi đôi với làm, luôn đặt lợi ích của tập thể lên trên lợi ích của cá nhân; không thỏa mãn với thành tích, không chùn bước trước khó khăn, hiểm nguy.

Ba là, tích cực huấn luyện, học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ mọi mặt và kiến thức chuyên môn; có phương pháp, tác phong công tác khoa học, nghiêm túc, trách nhiệm cao; gương mẫu trong công tác, sinh hoạt; kiên quyết đấu tranh với các biểu hiện suy thoái, tiêu cực, tham nhũng, lãng phí.

Bốn là, có tinh thần đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; giữ vững nguyên tắc, phát huy dân chủ, tôn trọng và lắng nghe ý kiến góp ý với tinh thần cầu thị. Kỷ luật tự giác, nghiêm minh; gương mẫu chấp hành pháp luật Nhà nước, điều lệnh, điều lệ, chế độ, quy định của quân đội.

Năm là, chăm lo xây dựng, giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong nội bộ, hết lòng thương yêu đồng chí, đồng đội như anh em ruột thịt; lắng nghe, tôn trọng, học hỏi, giúp đỡ, gắn bó máu thịt với nhân dân, sẵn sàng hy sinh để bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân. Có tinh thần đoàn kết quốc tế, mở rộng và tăng cường đối ngoại quốc phòng góp phần tích cực bảo vệ môi trường hòa bình khu vực và thế giới.

Phụ lục 3
MỘT SỐ BẢNG VÀ BIỂU ĐỒ

3.1. Bảng kết quả học tập, rèn luyện của học viên tại các nhà trường khảo sát

** Kết quả học tập, rèn luyện của học viên Học viện Kỹ thuật Quân sự (Đơn vị %)*

Năm học	Tổng số học viên	Kết quả học tập					Kết quả rèn luyện	
		XS	Giỏi	Khá	TBK	TB	Tốt	Khá
2020 - 2021	1902	0,05	11,83	67,72	16,72	3,68		
2021 - 2022	2123		10,08	67,50	16,77	5,65		
2022 - 2023	2111		12,60	56,42	23,07	7,91		
2023 - 2024	2133	0,05	12,05	63,43	18,05	6,42		
2024 - 2025	2128	0,05	17,15	59,77	15,93	7,09		

** Kết quả học tập, rèn luyện của học viên Hệ 1 - Học viện Chính trị (Đơn vị %)*

Năm học	Tổng số học viên	Kết quả học tập				Kết quả rèn luyện	
		XS	Giỏi	Khá	TBK	Tốt	Khá
2020 - 2021	521	0	2,3	97,7	0	98,7	1,3
2021 - 2022	522	0	1,3	98,7	0	99,8	0,2
2022 - 2023	529	0	1,3	98,7	0	99,4	0,6
2023 - 2024	555	0	1,4	98,6	0	99,3	0,7
2024 - 2025	598	0	0,3	99,7	0	99,2	0,8

** Kết quả học tập, rèn luyện của học viên Trường Sĩ quan Pháo binh (Đơn vị %)*

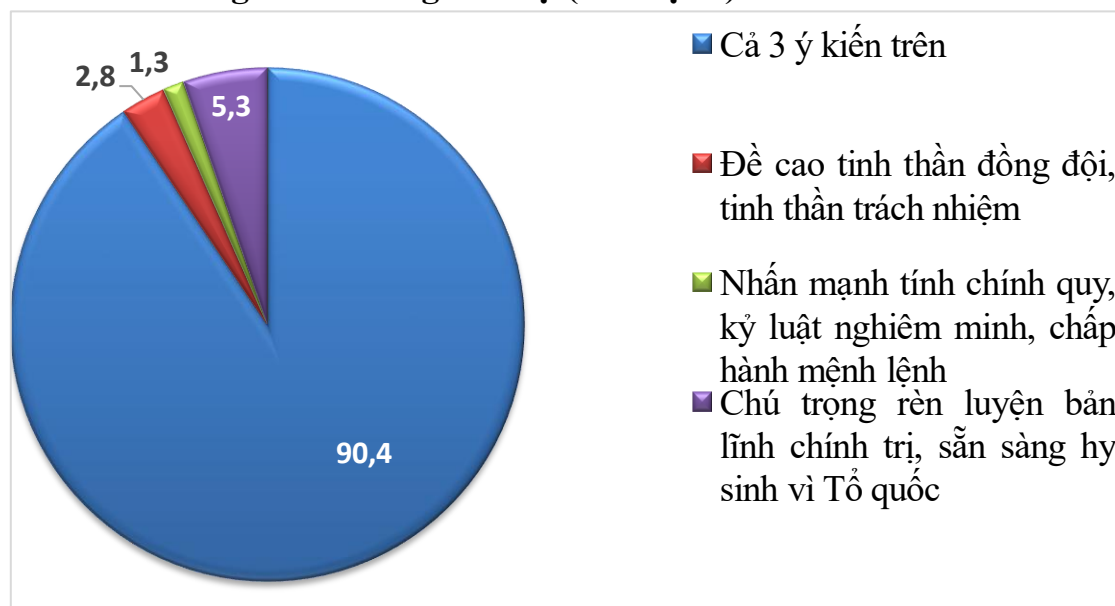
Năm học	Tổng số học viên	Kết quả học tập				Kết quả rèn luyện			
		Giỏi	Khá	TBK	TB	Tốt	Khá	TBK	TB
2020-2021	445	4,0	83,2	12,8		96,9	2,0	0,9	0,2
2021-2022	406	3,0	69,0	27,8	0,2	95,32	3,20	1,23	0,25
2022-2023	573	4,54	79,93	15,53		97,73	1,75		0,52
2023-2024	377	5,3	83,3	11,4		91,5	6,1	0,5	1,9
2024-2025	484	5,37	85,33	9,3		98,14	1,24	0,21	0,41

3.2. Bảng một số loại hình nghi lễ cơ bản trong nhà trường quân đội

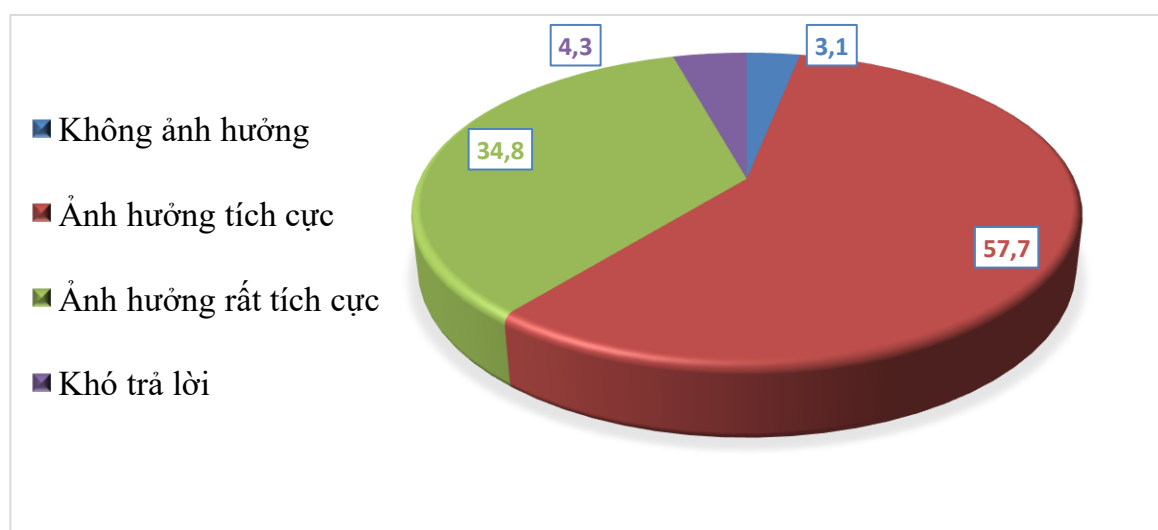
Theo các tác giả trong “*Giáo trình Văn hóa tổ chức – Vận dụng vào phân tích văn hóa nhà trường*”, bốn loại hình nghi lễ cơ bản là “chuyển giao, củng cố, nhắc nhở, liên kết” [45, tr.62]. Trong nhà trường quân đội, các loại hình nghi lễ này thể hiện cụ thể trong bảng sau:

Loại hình	Minh họa	Tác động tiềm năng
Chuyển giao	Lễ Khai giảng, bế giảng năm học mới; Lễ khai mạc, bế mạc hội thi, hội thao; đại hội thể dục thể thao; Lễ Phát động, Tổng kết phong trào thi đua quyết thắng; Lễ kết nạp Đảng viên, Đoàn viên, Hội viên mới; Lễ tốt nghiệp và trao bằng; Lễ tuyên thệ học viên	Đánh dấu sự khởi đầu hoặc kết thúc một giai đoạn học tập, huấn luyện, hoạt động, phong trào thi đua. Diễn ra trong không khí trang trọng, thể hiện ý nghĩa chính trị, tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức.
Củng cố	Lễ trao thưởng, thăng cấp, gắn quân hàm; Lễ vinh danh chiến sĩ thi đua, học viên xuất sắc; Lễ chào cờ; Duyệt binh và diễu hành	Động viên tinh thần, công nhận thành tích, công lao của học viên và cán bộ trong quá trình học tập và công tác. Củng cố bản lĩnh chính trị và ý thức tổ chức kỷ luật. Tăng cường kỷ luật và sức mạnh tập thể.
Nhắc nhở	Lễ kỷ niệm các ngày truyền thống: Ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam; Ngày Nhà giáo Việt Nam, ngày truyền thống nhà trường, đơn vị. Lễ báo công, dâng hương	Giáo dục truyền thống, lòng yêu nước; Nâng cao ý thức tự hào về truyền thống cách mạng và quân đội nhân dân Việt Nam. Gắn liền với những sự kiện lịch sử, ngày truyền thống đơn vị; Thường tổ chức tại các địa điểm di tích lịch sử, tượng đài liệt sĩ để báo cáo thành tích và tri ân các anh hùng.
Liên kết	Lễ hội; Liên hoan; Lễ Tết	Tăng cường mối quan hệ đoàn kết, gắn bó, chia sẻ giữa các quân nhân trong nhà trường.

3.3. Biểu đồ Đánh giá sự khác biệt về nhân cách của học viên quân đội và sinh viên trong nhà trường dân sự (đơn vị %)



3.4. Biểu đồ tác động của tấm gương điển hình tiên tiến đến động lực phấn đấu của cán bộ, giảng viên, học viên (đơn vị %)



Phụ lục 4

PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN

4.1. Phiếu khảo sát ý kiến dành cho Giảng viên, CBQLHV

Đồng chí thân mến!

Chúng tôi đang thực hiện đề tài “**Văn hoá giáo dục trong nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay**”. Để giúp chúng tôi nhận diện, đánh giá thực trạng văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội, xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến về một số nội dung sau. (Đồng chí đồng ý phương án nào, xin đánh dấu (X) vào ô (□) bên cạnh). Chúng tôi cam kết bảo mật thông tin cá nhân và chỉ sử dụng thông tin trả lời vào mục đích nghiên cứu khoa học. Chúng tôi rất mong nhận được sự hợp tác của các đồng chí.

Xin chân thành cảm ơn đồng chí!

Phần 1: THÔNG TIN CHUNG

Họ và tên (*Không bắt buộc*):

Tuổi:

Giới tính:

Cấp bậc:

Chức vụ:

Học hàm, học vị:

Thâm niên công tác:

Đơn vị công tác:

Phần 2: NỘI DUNG KHẢO SÁT

A. Tìm hiểu chung

Câu 1. Theo đồng chí, văn hoá giáo dục trong nhà trường quân đội có sự khác biệt so với văn hoá giáo dục dân sự không?

- | | |
|---|---|
| 1. Hoàn toàn không khác biệt ☐ | 4. Có điểm khác biệt ☐ |
| 2. Không khác biệt ☐ | 5. Hoàn toàn khác biệt ☐ |
| 3. Phân vân/ Trung lập ☐ | |

Câu 2. Đồng chí cho biết văn hóa giáo dục có vai trò như thế nào đối với nhà trường quân đội?

- | | |
|--|--|
| 1. Rất không quan trọng ☐ | 4. Quan trọng ☐ |
| 2. Không quan trọng ☐ | 5. Rất quan trọng ☐ |
| 3. Phân vân/ Trung lập ☐ | |

B. Thực trạng văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội

Câu 3. Đồng chí cho biết ý kiến đánh giá về logo, biểu tượng văn hóa trong nhà trường quân đội, trong đó, 1 - Hoàn toàn không đồng ý; 2 - Không đồng ý; 3 - Phân vân; 4 - Đồng ý; 5 - Hoàn toàn đồng ý.

STT	Nội dung	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Logo, biểu tượng là dấu hiệu nhận biết nhà trường quân đội					
2	Logo phản ánh sứ mạng, giá trị cốt lõi của nhà trường					

Câu 4. Theo đồng chí, nhân cách học viên quân đội có điểm gì khác biệt so với nhân cách sinh viên trong nhà trường dân sự?

1. Chú trọng rèn luyện bản lĩnh chính trị, kỷ luật và tinh thần trách nhiệm ☐
2. Đề cao tinh thần đồng đội, sẵn sàng hy sinh vì Tổ quốc ☐
3. Nhấn mạnh tính chính quy, nghiêm minh, chấp hành mệnh lệnh ☐
4. Cả 4 ý kiến trên ☐

Câu 5. Đồng chí cho biết ý kiến về mức độ biểu hiện phẩm chất, năng lực của cán bộ quản lý, lãnh đạo, chỉ huy trong nhà trường hiện nay, trong đó, 1 - Rất thấp; 2 - Thấp; 3 - Trung bình; 4 - Cao; 5 - Rất cao.

STT	Phẩm chất/ năng lực	Mức độ				
		1	2	3	4	5
5a. Cán bộ quản lý học viên						
1	Phẩm chất chính trị vững vàng					
2	Phẩm chất đạo đức, lối sống trong sạch, mẫu mực					
3	Năng lực quản lý, chỉ huy vững vàng					
4	Phương pháp quản lý linh hoạt, nhân văn					
5b. Giảng viên						
1	Phẩm chất chính trị vững vàng					
2	Phẩm chất đạo đức mẫu mực, nêu gương					
4	Năng lực chuyên môn					
5	Năng lực sư phạm					

Câu 6. Đồng chí cho biết ý kiến về mức độ biểu hiện phẩm chất, năng lực của học viên trong quá trình học tập và rèn luyện ở nhà trường hiện nay, trong đó, 1 - Rất thấp; 2 - Thấp; 3 - Trung bình; 4 - Cao; 5 - Rất cao.

STT	Phẩm chất/ năng lực	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Trung thành với Đảng, Tổ quốc và Nhân dân					
2	Phẩm chất đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao					
3	Ý thức chấp hành kỷ luật					
4	Tinh thần đoàn kết tập thể					
5	Năng lực học tập, rèn luyện					
6	Khả năng chịu áp lực, ý chí phấn đấu					

Câu 7. Đồng chí cho biết các tấm gương điển hình tiên tiến, dạy tốt, học tốt, công tác tốt được nhà trường tôn vinh ảnh hưởng đến động lực phấn đấu của đồng chí như thế nào?

- | | | | |
|--------------------|--------------------------|---------------------------|--------------------------|
| 1. Không ảnh hưởng | ☐ | 3. Ảnh hưởng tích cực | ☐ |
| 2. Khó trả lời | ☐ | 4. Ảnh hưởng rất tích cực | ☐ |

Câu 8. Đồng chí cho biết những biểu hiện vi phạm xảy ra ở học viên trong nhà trường hiện nay? (Có thể chọn nhiều đáp án)

1	Chấp hành quy định chưa nghiêm	☐
2	Vi phạm quy chế giáo dục - đào tạo	☐
3	Vi phạm lễ tiết, tác phong quân nhân	☐
4	Các hiện tượng như cờ bạc, rượu chè, cầm quán...	☐
5	Các hiện tượng khác	☐

Câu 9. Theo đồng chí, nguyên nhân nào dẫn đến hạn chế trong đạo đức, lối sống, tác phong của học viên trong nhà trường hiện nay? (Có thể chọn nhiều đáp án)

1.	Công tác lãnh đạo, chỉ đạo chưa sâu sát, thường xuyên;	☐
2.	Nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục chưa phù hợp;	☐
3.	Cán bộ quản lý chưa gương mẫu;	☐
4.	Nhận thức của một bộ phận học viên còn hạn chế	☐
5.	Tác động tiêu cực của cơ chế thị trường;	☐
6.	Sự chống phá của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa	☐
7.	Nguyên nhân khác:.....	

Câu 10. Đồng chí cho biết ý kiến về mức độ quan trọng của các nội dung giáo dục trong nhà trường hiện nay, trong đó, 1 - *Rất không quan trọng*; 2 - *Không quan trọng*; 3 - *Trung bình*; 4 - *Quan trọng*; 5 - *Rất quan trọng*.

STT	Nội dung	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Giáo dục chính trị, tư tưởng					
2	Giáo dục đạo đức					
3	Giáo dục chuyên môn, nghiệp vụ					
4	Giáo dục pháp luật					
5	Giáo dục thẩm mỹ					
6	Giáo dục thể chất					
7	Giáo dục các về văn hóa, xã hội					
8	Giáo dục năng lực chỉ huy, lãnh đạo					

Câu 11. Đồng chí cho biết ý kiến về thực trạng thực hành văn hóa giáo dục trong nhà trường hiện nay theo thang đo 1-5, trong đó, 1 - *Rất không quan trọng*; 2 - *Không quan trọng*; 3 - *Trung bình*; 4 - *Quan trọng*; 5 - *Rất quan trọng*.

STT	Thực hành văn hóa giáo dục	Mức độ				
		1	2	3	4	5
11a. Hoạt động giảng dạy – học tập, nghiên cứu khoa học						
1.	Hoạt động dạy học có tính tổ chức và kỷ luật cao					
2.	Phương pháp dạy-học tích cực, lấy người học làm trung tâm					
3.	Hình thức tổ chức dạy- học đa dạng					
4.	Nội dung nghiên cứu khoa học gắn với thực tiễn quân sự					
5.	Tính ứng dụng của các công trình nghiên cứu khoa học					
11b. Hoạt động giáo dục chính trị - tư tưởng						
6.	Hoạt động giáo dục chính trị - tư tưởng giúp nâng cao bản lĩnh chính trị					
7.	Nội dung, hình thức giáo dục chính trị phong phú, đa dạng được cập nhật thường xuyên					
8.	Các buổi sinh hoạt chính trị có tính giáo dục và lan tỏa giá trị văn hóa Đảng, Quân đội					
11c. Hoạt động huấn luyện, rèn luyện quân sự						
9.	Hoạt động huấn luyện quân sự góp phần rèn luyện ý chí					

	quân nhân					
10.	Quá trình rèn luyện được tổ chức chặt chẽ, kỷ luật					
11.	Tôi nhận thấy rõ sự chuyển biến về nhận thức và hành vi sau mỗi đợt huấn luyện					

Câu 12. Theo đồng chí, hoạt động dạy - học trong nhà trường cần thay đổi theo hướng nào để phù hợp với xu thế hiện đại? (Chọn tối đa 2 đáp án)

1. Cải tiến môi trường học tập, trang thiết bị giáo dục, huấn luyện	☐
2. Xây dựng mô hình giáo dục kết hợp giữa truyền thống và hiện đại;	☐
3. Kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường với đơn vị	☐
4. Chú trọng hơn đến giáo dục tư duy chiến lược, khả năng lãnh đạo	☐
5. Tăng cường hội nhập quốc tế, học hỏi mô hình giáo dục quân sự tiên tiến	☐
6. Ý kiến khác:.....	

Câu 13. Theo đồng chí, nghi lễ, nghi thức trong nhà trường quân đội có ý nghĩa như thế nào? (Có thể chọn nhiều đáp án)

1. Giúp giáo dục truyền thống, lòng yêu nước, ý thức chính trị	☐
2. Rèn luyện bản lĩnh, tác phong của quân nhân	☐
3. Tăng cường tinh thần tập thể	☐
4. Tạo không khí trang nghiêm, chính quy, mẫu mực	☐
5. Tạo động lực phấn đấu, thi đua trong nhà trường	☐
6. Ý kiến khác:	

Câu 14. Trong quá trình thực hiện nghi lễ, nghi thức quân đội, đồng chí có gặp khó khăn nào không? (Có thể chọn nhiều đáp án)

1. Một số nghi thức nặng tính hình thức, chưa thực sự hiệu quả	☐
2. Một số học viên chưa thực sự ý thức được ý nghĩa của nghi lễ	☐
3. Cường độ tập luyện cao, gây áp lực về mặt thể chất và tinh thần	☐
4. Chưa đổi mới về nội dung, hình thức để tăng tính hấp dẫn	☐
5. Ý kiến khác:.....	

Câu 15. Đồng chí cho biết truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo được phát huy như thế nào trong nhà trường hiện nay?

- | | | | |
|----------------|--------------------------|------------|--------------------------|
| 1. Chưa tốt | ☐ | 4. Tốt | ☐ |
| 2. Khó trả lời | ☐ | 5. Rất tốt | ☐ |
| 3. Bình thường | ☐ | | |

Câu 16. Đồng chí có hiểu rõ về giá trị cốt lõi của trường mình không?

- | | | | |
|-------------------|--------------------------|------------------|--------------------------|
| 1. Không quan tâm | ☐ | 4. Hiểu một phần | ☐ |
| 2. Không hiểu | ☐ | 5. Hiểu rõ | ☐ |
| 3. Phân vân | ☐ | | |

Câu 17. Theo đồng chí, các hoạt động trong nhà trường thể hiện giá trị cốt lõi ở mức độ nào?

- | | | | |
|----------------|--------------------------|------------|--------------------------|
| 1. Chưa tốt | ☐ | 4. Tốt | ☐ |
| 2. Trung bình | ☐ | 5. Rất tốt | ☐ |
| 3. Khó trả lời | ☐ | | |

C. Những yếu tố ảnh hưởng và kiến nghị giải pháp

Câu 18. Đồng chí cho biết mức độ ảnh hưởng của các yếu tố sau đến văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội, trong đó, 1 - *Rất yếu*; 2 - *Yếu*; 3 - *Trung bình*; 4 - *Mạnh*; 5 - *Rất mạnh*.

STT	Nội dung	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Bối cảnh quốc tế và trong nước					
2	Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế					
3	Nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới					
4	Yêu cầu xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại					
5	Chuyển đổi số và xây dựng nhà trường thông minh trong quân đội					
8	Đặc thù về cơ cấu tổ chức trong nhà trường quân đội					

Câu 19. Theo đồng chí, để phát triển văn hóa giáo dục trong nhà trường cần thực hiện những giải pháp nào sau đây? (Có thể chọn nhiều đáp án)

1. Nâng cao nhận thức toàn diện, khoa học về văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội	☐
2. Xây dựng và khẳng định bản sắc văn hóa riêng của từng nhà trường	☐
3. Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và phương pháp giáo dục – đào tạo	☐

4. Tăng cường nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và chuyển đổi số trong phát triển văn hóa giáo dục	
5. Kết hợp hài hòa giữa giá trị truyền thống và đổi mới	☐
Ý kiến khác	

4.2. Phiếu khảo sát ý kiến dành cho Học viên

Đồng chí thân mến!

Chúng tôi đang thực hiện đề tài “**Văn hoá giáo dục trong nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay**”. Để giúp chúng tôi nhận diện, đánh giá thực trạng văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội, xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến về một số nội dung sau. (Đồng chí đồng ý phương án nào, xin đánh dấu (X) vào ô (☐) bên cạnh). Chúng tôi cam kết bảo mật thông tin cá nhân và chỉ sử dụng thông tin trả lời vào mục đích nghiên cứu khoa học. Chúng tôi rất mong nhận được sự hợp tác của các đồng chí.

Xin chân thành cảm!

Phần 1: THÔNG TIN CHUNG

Họ và tên (*Không bắt buộc*):

Cấp bậc:

Học viên năm thứ:

Trường đang học:

Phần 2: NỘI DUNG KHẢO SÁT

A. Tìm hiểu chung

Câu 1. Theo đồng chí, văn hoá giáo dục trong nhà trường quân đội có sự khác biệt so với văn hoá giáo dục dân sự không?

- | | | | |
|------------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|
| 4. Hoàn toàn không khác biệt | ☐ | 4. Có điểm khác biệt | ☐ |
| 5. Không khác biệt | ☐ | 5. Hoàn toàn khác biệt | ☐ |
| 6. Phân vân/ Trung lập | ☐ | | |

Câu 2. Đồng chí cho biết văn hóa giáo dục có vai trò như thế nào đối với nhà trường quân đội?

- | | | | |
|-------------------------|--------------------------|-------------------|--------------------------|
| 4. Rất không quan trọng | ☐ | 4. Quan trọng | ☐ |
| 5. Không quan trọng | ☐ | 5. Rất quan trọng | ☐ |
| 6. Phân vân/ Trung lập | ☐ | | |

B. Thực trạng văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội

Câu 3. Đồng chí cho biết ý kiến đánh giá về logo, biểu tượng văn hóa trong nhà trường quân đội, trong đó, 1 - Hoàn toàn không đồng ý; 2 - Không đồng ý; 3 - Phân vân; 4 - Đồng ý; 5 - Hoàn toàn đồng ý.

STT	Nội dung	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Logo, biểu tượng là dấu hiệu nhận biết nhà trường quân đội					
2	Logo, biểu tượng phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của nhà trường					
3	Tôi tự hào với logo, biểu tượng đặc trưng của nhà trường					

Câu 4. Theo đồng chí, nhân cách học viên quân đội có điểm gì khác biệt so với nhân cách sinh viên trong nhà trường dân sự?

- | | |
|---|--------------------------|
| 5. Chú trọng rèn luyện bản lĩnh chính trị, kỷ luật và tinh thần trách nhiệm | ☐ |
| 6. Đề cao tinh thần đồng đội, sẵn sàng hy sinh vì Tổ quốc | ☐ |
| 7. Nhấn mạnh tính chính quy, nghiêm minh, chấp hành mệnh lệnh | ☐ |
| 8. Cả 3 ý kiến trên | ☐ |

Câu 5. Đồng chí cho biết ý kiến về mức độ biểu hiện phẩm chất, năng lực của CBQLHV trong nhà trường hiện nay, trong đó, 1 - *Rất thấp*; 2 - *Thấp*; 3 - *Trung bình*; 4 - *Cao*; 5 - *Rất cao*.

STT	Phẩm chất/ năng lực	Mức độ				
		1	2	3	4	5
5a. Cán bộ quản lý học viên						
1	Phẩm chất chính trị vững vàng					
2	Phẩm chất đạo đức, lối sống trong sạch, mẫu mực					
3	Năng lực quản lý, chỉ huy vững vàng					
4	Phương pháp quản lý linh hoạt, nhân văn					
5b. Giảng viên						
1	Phẩm chất chính trị vững vàng					
2	Phẩm chất đạo đức mẫu mực, nêu gương					
4	Năng lực chuyên môn					
5	Năng lực sư phạm					

Câu 6. Đồng chí cho biết ý kiến về mức độ biểu hiện phẩm chất, năng lực của học viên trong quá trình học tập và rèn luyện ở nhà trường hiện nay, trong đó, 1 - *Rất thấp*; 2 - *Thấp*; 3 - *Trung bình*; 4 - *Cao*; 5 - *Rất cao*.

STT	Phẩm chất/ năng lực	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Trung thành với Tổ quốc, với Đảng và Nhân dân					
2	Đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao					
3	Ý thức chấp hành kỷ luật					
4	Tinh thần đoàn kết tập thể					
5	Năng lực học tập, rèn luyện					
6	Khả năng chịu áp lực, ý chí phấn đấu					

Câu 7. Đồng chí cho biết các tấm gương điển hình tiên tiến, dạy tốt, học tốt, công tác tốt được nhà trường tôn vinh ảnh hưởng đến động lực phấn đấu của đồng chí như thế nào?

- | | | | |
|--------------------|--------------------------|---------------------------|--------------------------|
| 1. Không ảnh hưởng | ☐ | 2. Ảnh hưởng tích cực | ☐ |
| 3. Khó trả lời | ☐ | 4. Ảnh hưởng rất tích cực | ☐ |

Câu 8. Đồng chí cho biết những biểu hiện vi phạm xảy ra ở học viên trong nhà trường hiện nay? (Có thể chọn nhiều đáp án)

1. Chấp hành quy định chưa nghiêm	☐
2. Vi phạm quy chế giáo dục - đào tạo	☐
3. Vi phạm lễ tiết, tác phong quân nhân	☐

4. Các hiện tượng như cờ bạc, rượu chè, cấm quán...	☐
5. Các hiện tượng khác	☐

Câu 9. Theo đồng chí, nguyên nhân nào dẫn đến hạn chế trong đạo đức, lối sống, tác phong của học viên trong nhà trường hiện nay? (Có thể chọn nhiều đáp án)

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo chưa sâu sát, thường xuyên;	☐
2. Nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục chưa phù hợp;	☐
3. Cán bộ quản lý chưa gương mẫu;	☐
4. Nhận thức của một bộ phận học viên còn hạn chế	☐
5. Tác động tiêu cực của cơ chế thị trường;	☐
6. Sự chống phá của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa	☐
7. Nguyên nhân khác:.....	

Câu 10. Đồng chí cho biết ý kiến về mức độ quan trọng của các nội dung giáo dục trong nhà trường hiện nay, trong đó, 1 - Rất không quan trọng; 2 - Không quan trọng; 3 - Trung bình; 4 - Quan trọng; 5 - Rất quan trọng.

STT	Nội dung	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Giáo dục chính trị, tư tưởng					
2	Giáo dục đạo đức					
3	Giáo dục chuyên môn, nghiệp vụ					
4	Giáo dục pháp luật					
5	Giáo dục thẩm mỹ					
6	Giáo dục thể chất					
7	Giáo dục các về văn hóa, xã hội					
8	Giáo dục năng lực chỉ huy, lãnh đạo					

Câu 11. Đồng chí cho biết ý kiến về thực trạng thực hành văn hóa giáo dục trong nhà trường hiện nay theo thang đo 1-5, trong đó, 1 - Rất không quan trọng; 2 - Không quan trọng; 3 - Trung bình; 4 - Quan trọng; 5 - Rất quan trọng.

STT	Thực hành văn hóa giáo dục	Mức độ				
		1	2	3	4	5
11a. Hoạt động giảng dạy – học tập, nghiên cứu khoa học						
1.	Hoạt động dạy học có tính tổ chức và kỷ luật cao					
2.	Phương pháp dạy-học tích cực, lấy người học làm trung tâm					
3.	Hình thức tổ chức dạy- học đa dạng					
4.	Nội dung nghiên cứu khoa học gắn với thực tiễn quân sự					
5.	Tính ứng dụng của các công trình nghiên cứu khoa học					

11b. Hoạt động giáo dục chính trị - tư tưởng					
6.	Hoạt động giáo dục chính trị - tư tưởng giúp nâng cao bản lĩnh chính trị				
7.	Nội dung, hình thức giáo dục chính trị phong phú, đa dạng được cập nhật thường xuyên				
8.	Các buổi sinh hoạt chính trị có tính giáo dục và lan tỏa giá trị văn hóa Đảng, Quân đội				
11c. Hoạt động huấn luyện, rèn luyện quân sự					
9.	Hoạt động huấn luyện quân sự góp phần rèn luyện ý chí quân nhân				
10.	Quá trình rèn luyện được tổ chức chặt chẽ, kỷ luật				
11.	Tôi nhận thấy rõ sự chuyển biến về nhận thức và hành vi sau mỗi đợt huấn luyện				

Câu 12. Theo đồng chí, hoạt động dạy - học trong nhà trường cần thay đổi theo hướng nào để phù hợp với xu thế hiện đại? (Chọn tối đa 2 đáp án)

1.	Cải tiến môi trường học tập, trang thiết bị giáo dục, huấn luyện	☐
2.	Xây dựng mô hình giáo dục kết hợp giữa truyền thống và hiện đại;	☐
3.	Kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường với đơn vị	☐
4.	Chú trọng hơn đến giáo dục tư duy chiến lược, khả năng lãnh đạo	☐
5.	Tăng cường hội nhập quốc tế, học hỏi mô hình giáo dục quân sự tiên tiến	☐
6.	Ý kiến khác:.....	

Câu 13. Đồng chí cho biết nhà trường thường tổ chức các loại hình nghi lễ nào? (Có thể chọn nhiều đáp án)

1.	Lễ khai giảng, bế giảng, lễ phát động, tổng kết	☐
2.	Lễ tuyên thệ, lễ tốt nghiệp, lễ kết nạp Đảng viên, Đoàn viên	☐
3.	Lễ trao thưởng, thăng cấp, gán quân hàm	☐
4.	Lễ chào cờ, duyệt binh, diễu hành	☐
5.	Lễ kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống, lễ báo công, dâng hương	☐
6.	Các lễ hội, liên hoan, hoạt động kết nối tập thể.	☐

Câu 14. Theo đồng chí, nghi lễ, nghi thức trong nhà trường quân đội có ý nghĩa như thế nào? (Có thể chọn nhiều đáp án)

1.	Giúp giáo dục truyền thống, lòng yêu nước, ý thức chính trị	☐
----	---	--------------------------

2. Rèn luyện bản lĩnh, tác phong của quân nhân	☐
3. Tăng cường tinh thần tập thể	☐
4. Tạo không khí trang nghiêm, chính quy, mẫu mực	☐
5. Tạo động lực phấn đấu, thi đua trong nhà trường	☐
6. Ý kiến khác:	

Câu 15. Trong quá trình thực hiện nghi lễ, nghi thức quân đội, đồng chí có gặp khó khăn nào không? (Có thể chọn nhiều đáp án)

1. Một số nghi thức nặng tính hình thức, chưa thực sự hiệu quả	☐
2. Một số học viên chưa thực sự ý thức được ý nghĩa của nghi lễ	☐
3. Cường độ tập luyện cao, gây áp lực về mặt thể chất và tinh thần	☐
4. Chưa đổi mới về nội dung, hình thức để tăng tính hấp dẫn	☐
5. Ý kiến khác:.....	

Câu 16. Đồng chí cho biết truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo được phát huy như thế nào trong nhà trường hiện nay?

- | | | | |
|----------------|--------------------------|------------|--------------------------|
| 1. Chưa tốt | ☐ | 4. Tốt | ☐ |
| 2. Khó trả lời | ☐ | 5. Rất tốt | ☐ |
| 3. Bình thường | ☐ | | |

Câu 17. Theo đồng chí, ý thức học tập, rèn luyện phấn đấu xứng danh “Bộ đội Cụ Hồ” của học viên trong nhà trường như thế nào?

- | | | | |
|----------------|--------------------------|------------|--------------------------|
| 1. Chưa tốt | ☐ | 4. Tốt | ☐ |
| 2. Khó trả lời | ☐ | 5. Rất tốt | ☐ |
| 3. Bình thường | ☐ | | |

Câu 18. Đồng chí cho biết chất lượng rèn luyện kỷ luật, xây dựng nề nếp chính quy trong nhà trường hiện nay như thế nào?

- | | | | |
|----------------|--------------------------|------------|--------------------------|
| 1. Chưa tốt | ☐ | 4. Tốt | ☐ |
| 2. Khó trả lời | ☐ | 5. Rất tốt | ☐ |
| 3. Bình thường | ☐ | | |

Câu 19. Đồng chí có hiểu rõ về giá trị cốt lõi của trường mình không?

- | | | | |
|-------------------|--------------------------|------------------|--------------------------|
| 4. Không quan tâm | ☐ | 4. Hiểu một phần | ☐ |
|-------------------|--------------------------|------------------|--------------------------|

5. Không hiểu ☐5. Hiểu rõ ☐6. Phân vân ☐**Câu 20.** Theo đồng chí, các hoạt động trong nhà trường thể hiện giá trị cốt lõi ở mức độ nào?6. Chưa tốt ☐9. Tốt ☐7. Trung bình ☐10. Rất tốt ☐8. Khó trả lời ☐**Câu 21.** Đồng chí có thường xuyên lan tỏa giá trị cốt lõi của nhà trường không?1. Không thường xuyên ☐4. Thường xuyên ☐2. Ít thường xuyên ☐5. Rất thường xuyên ☐3. Khó trả lời ☐**C. Những yếu tố ảnh hưởng và kiến nghị giải pháp**

Câu 22. Đồng chí cho biết mức độ ảnh hưởng của các yếu tố sau đến văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội, trong đó, 1 - Rất yếu ; 2 - Yếu; 3 – Trung bình; 4 - Mạnh; 5 - Rất mạnh.

STT	Nội dung	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Bối cảnh quốc tế và trong nước					
2	Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế					
3	Nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới					
4	Yêu cầu xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại					
5	Chuyển đổi số và xây dựng nhà trường thông minh trong quân đội					
8	Đặc thù về cơ cấu tổ chức trong nhà trường quân đội					

Câu 23. Theo đồng chí, để phát triển văn hóa giáo dục trong nhà trường cần thực hiện những giải pháp nào sau đây? (Có thể chọn nhiều đáp án)

6. Nâng cao nhận thức toàn diện, khoa học về văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội	☐
7. Xây dựng và khẳng định bản sắc văn hóa riêng của từng nhà trường	☐
8. Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và phương pháp giáo dục - đào tạo	☐
9. Tăng cường nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và chuyển đổi số trong phát triển văn hóa giáo dục	
10. Kết hợp hài hòa giữa giá trị truyền thống và đổi mới	☐
Ý kiến khác	

Phụ lục 5
KẾT QUẢ KHẢO SÁT

5.1. Kết quả khảo sát của giảng viên, CBQLHV

Phần 1: THÔNG TIN CHUNG

1. Cấp bậc

Cấp bậc	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Thiếu úy	14	8.1
Trung úy	16	9.2
Thượng úy	2	1.2
Đại úy	15	8.7
Thiếu tá	28	16.2
Trung tá	52	30.1
Thượng tá	38	22.0
Đại tá	8	4.6
Tổng	173	100.0

2. Chức vụ

Chức vụ	Số lượng	Tỉ lệ %
Giảng viên	132	76.3
CBQLHV	41	23.7
Tổng	173	100.0

3. Học hàm, học vị

Học hàm, học vị	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Giáo sư/ Phó Giáo sư	3	1.7
Tiến sỹ	31	17.9
Thạc sỹ	76	43.9
Cử nhân	63	36.4
Tổng	173	100.0

4. Thâm niên công tác

Thâm niên	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1 – 5 năm	21	12.1

5 – 10 năm	18	10.4
10 -15 năm	31	17.9
15 – 25 năm	67	38.7
Trên 25 năm	36	20.8
Tổng	173	100.0

5. Đơn vị công tác

Tên trường	Số lượng	Tỉ lệ (%)
HVKTQS	67	38.7
HVCT - Bộ Quốc phòng	48	27.7
TSQPB	58	33.5
Tổng	173	100.0

Phần 2: NỘI DUNG KHẢO SÁT

D. Tìm hiểu chung

Câu 1. Theo đồng chí, văn hoá giáo dục trong nhà trường quân đội có sự khác biệt so với văn hoá giáo dục dân sự không?

Mức độ khác biệt	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Hoàn toàn không khác biệt	6	3.5
Không khác biệt	10	5.8
Khó trả lời	4	2.3
Có điểm khác biệt	136	78.6
Hoàn toàn khác biệt	17	9.8
Tổng	173	100.0

Câu 2. Đồng chí cho biết văn hóa giáo dục có vai trò như thế nào đối với nhà trường quân đội?

Vai trò	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Rất không quan trọng	25	14.5
Không quan trọng	1	0.6
Khó trả lời	5	2.9
Quan trọng	54	31.2
Rất quan trọng	88	50.9

Tổng	173	100.0
-------------	------------	--------------

E. Thực trạng văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội

Câu 3. Đồng chí cho biết ý kiến đánh giá về biểu tượng văn hóa trong nhà trường quân đội, trong đó, 1 - Hoàn toàn không đồng ý ; 2 - Không đồng ý; 3 - Phân vân; 4 - Đồng ý; 5 - Hoàn toàn đồng ý.

1. Cổng trường là dấu hiệu nhận biết nhà trường quân đội

Nội dung	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Hoàn toàn không đồng ý	5	2.9
Không đồng ý	0	0
Phân vân	11	6.4
Đồng ý	100	57.8
Hoàn toàn đồng ý	57	32.9
Tổng	173	100.0

2. Logo phản ánh sứ mạng, giá trị cốt lõi của nhà trường

Nội dung	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Hoàn toàn không đồng ý	3	1.7
Không đồng ý	0	0
Phân vân	26	15.0
Đồng ý	90	52.0
Hoàn toàn đồng ý	54	31.2
Tổng	173	100.0

Câu 4. Điểm khác biệt của nhân cách học viên quân đội so với nhân cách sinh viên trong nhà trường dân sự

Nội dung	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Chú trọng rèn luyện bản lĩnh chính trị, kỷ luật và tinh thần trách nhiệm	9	5.2
Đề cao tinh thần đồng đội, sẵn sàng hy sinh vì Tổ quốc	2	1.2
Nhấn mạnh tính chính quy, nghiêm minh, chấp hành mệnh lệnh	4	2.3
Cả 3 ý kiến trên	158	91.3
Tổng	173	100.0

Câu 5. Biểu hiện nhân cách văn hóa của giảng viên trong nhà trường quân đội hiện nay

Nội dung	HVKTQS	HVCT	Trường Sĩ quan Pháo binh
-----------------	---------------	-------------	---------------------------------

	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Phẩm chất chính trị vững vàng	4.07	0.531	4.50	0.772	4.12	0.595
Phẩm chất đạo đức mẫu mực, nêu gương	4.11	0.525	4.42	0.739	4.19	0.545
Năng lực chuyên môn	4.14	0.519	4.20	0.853	4.06	0.586
Năng lực sư phạm	4.01	0.559	4.21	0.698	4.01	0.607

Câu 6. Biểu hiện nhân cách văn hóa của CBQLHV trong nhà trường quân đội hiện nay

Nội dung	HVKTQS		HVCT		TSQPB	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Phẩm chất chính trị vững vàng	4.12	0.565	4.34	0.761	4.16	0.650
Phẩm chất đạo đức trong sạch, mẫu mực	4.09	0.570	4.48	0.772	4.10	0.667
Năng lực quản lý, chỉ huy vững vàng	3.97	0.674	4.35	0.551	4.00	0.577
Phương pháp quản lý linh hoạt, nhân văn	3.97	0.674	4.39	0.558	3.92	0.641

Câu 7. Biểu hiện nhân cách văn hóa của học viên trong quá trình học tập và rèn luyện ở nhà trường quân đội hiện nay

Nội dung	HVKTQS		HVCT		TSQPB	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Trung thành với Đảng, Tổ quốc và Nhân dân	4.07	0.531	4.20	0.710	4.10	0.693
Đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao	4.20	0.426	4.37	0.761	3.97	0.725

Ý thức chấp hành kỷ luật	4.05	0.522	4.12	0.651	3.98	0.635
Tinh thần đoàn kết tập thể	4.04	0.519	4.14	0.668	4.07	0.558
Năng lực học tập, rèn luyện	3.84	0.618	4.01	0.565	3.83	0.752
Khả năng chịu áp lực, ý chí phấn đấu	3.87	0.649	4.04	0.598	3.91	0.712

Câu 8. Ảnh hưởng của tấm gương điển hình tiên tiến đến động lực phấn đấu của cán bộ, giảng viên, học viên trong nhà trường quân đội

Nội dung	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Không ảnh hưởng	3	1.7
Khó trả lời	8	4.6
Ảnh hưởng tích cực	111	64.2
Ảnh hưởng rất tích cực	51	29.5
Tổng	173	100.0

Câu 9. Các loại hình nghi lễ trong nhà trường quân đội

Nội dung	Số lượng		Tỉ lệ (%)	
	Có	Không	Có	Không
Lễ khai giảng, bế giảng, lễ phát động, tổng kết	164	9	94.8	5.2
Lễ tuyên thệ, lễ tốt nghiệp, lễ kết nạp Đảng viên, Đoàn viên	145	28	83.8	16.2
Lễ trao thưởng, thăng cấp, gán quân hàm	148	24	86.0	14.0
Lễ chào cờ, duyệt binh, diễu hành	145	28	83.8	16.2
Lễ kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống, lễ báo công, dâng hương	152	21	87.9	12.1
Các lễ hội, liên hoan, hoạt động kết nối tập thể	105	68	60.7	39.3

Câu 10. Ý nghĩa của nghi lễ trong nhà trường quân đội

Nội dung	Số lượng		Tỉ lệ (%)	
	Có	Không	Có	Không
Giúp giáo dục truyền thống, lòng yêu nước, ý thức chính trị	159	14	91.9	8.1
Rèn luyện bản lĩnh, tác phong của quân nhân	142	31	82.1	17.9
Tăng cường tinh thần tập thể	136	37	78.6	21.4
Tạo không khí trang nghiêm, chính quy, mẫu mực	148	25	85.5	14.5

Tạo động lực phấn đấu, thi đua trong nhà trường	143	30	82.7	17.3
---	-----	----	------	------

Câu 11. Một số hạn chế trong quá trình thực hiện nghi lễ quân đội

Nội dung	Số lượng		Tỉ lệ (%)	
	Có	Không	Có	Không
Một số nghi thức nặng tính hình thức, chưa thực sự hiệu quả	83	90	48	52
Một số học viên chưa thực sự ý thức được ý nghĩa của nghi lễ	131	42	75.7	24.3
Cường độ tập luyện cao, gây áp lực về mặt thể chất và tinh thần	52	121	30.1	69.9
Chưa đổi mới về nội dung, hình thức để tăng tính hấp dẫn	100	73	57.8	42.2

Câu 12. Mức độ quan trọng của các nội dung giáo dục trong nhà trường quân đội hiện nay

Nội dung	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Giáo dục chính trị, tư tưởng	4.47	0.586
Giáo dục đạo đức	4.47	0.606
Giáo dục chuyên môn, nghiệp vụ	4.41	0.637
Giáo dục pháp luật	4.31	0.608
Giáo dục thẩm mỹ	4.08	0.699
Giáo dục thể chất	4.23	0.623
Giáo dục các về văn hóa, xã hội	4.28	0.594
Giáo dục năng lực chỉ huy, lãnh đạo	4.36	0.609
Tổng	173	100.0

Câu 13. Hoạt động văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội hiện nay

Nội dung	HVKTQS		HVCT		TSQPB	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
13a. Hoạt động giảng dạy - học tập, nghiên cứu khoa học						
Phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm	4.15	0.530	4.14	0.772	4.17	0.803
Hoạt động dạy – học có tính tổ chức và kỷ luật cao	4.22	0.509	4.25	0.700	4.10	0.852
Hình thức tổ chức dạy-học đa dạng	4.18	0.490	4.13	0.703	4.05	0.874
Nội dung nghiên cứu khoa học gắn với thực tiễn quân sự	4.24	0.498	4.13	0.703	4.03	0.700
Tính ứng dụng của các công trình nghiên cứu khoa học	4.13	0.649	4.05	0.842	3.98	0.868
13b. Hoạt động giáo dục chính trị - tư tưởng						
Nội dung, hình thức giáo dục chính trị phong phú, đa dạng được cập nhật thường xuyên	4.00	0.674	4.19	0.734	4.14	0.736
Hoạt động giáo dục chính trị - tư tưởng giúp nâng cao bản lĩnh chính trị	4.18	0.490	4.25	0.758	4.16	0.745
Các buổi sinh hoạt chính trị có tính giáo dục và lan tỏa giá trị văn hóa Đảng, Quân đội	4.09	0.596	4.21	0.743	4.14	0.736

13c. Hoạt động huấn luyện, rèn luyện quân sự						
Hoạt động huấn luyện quân sự góp phần rèn luyện ý chí quân nhân	4.21	0.509	4.25	0.758	4.28	0.670
Quá trình rèn luyện được tổ chức chặt chẽ, kỷ luật	4.19	0.509	4.25	0.700	4.18	0.805
Tôi nhận thấy rõ sự chuyển biến về nhận thức và hành vi sau mỗi đợt huấn luyện	4.06	0.574	4.13	0.703	4.17	0.803

Câu 14. Phương án thay đổi hoạt động dạy - học trong NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI để phù hợp với xu thế hiện đại

Nội dung	Số lượng		Tỉ lệ (%)	
	Có	Không	Có	Không
Cải tiến môi trường học tập, trang thiết bị giáo dục, huấn luyện	144	29	83.2	16.8
Xây dựng mô hình giáo dục kết hợp giữa truyền thống và hiện đại;	114	59	65.9	34.1
Kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường với đơn vị	137	36	79.2	20.8
Chú trọng hơn đến giáo dục tư duy chiến lược, khả năng lãnh đạo	105	68	60.7	39.3
Tăng cường hội nhập quốc tế, học hỏi mô hình giáo dục quân sự tiên tiến	113	60	65.3	34.7

Câu 15. Truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo trong nhà trường quân đội hiện nay

Mức độ	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Rất tốt	25	14.5
Tốt	121	69.9
Bình thường	11	6.4
Khó trả lời	12	6.9
Chưa tốt	4	2.3
Tổng	173	100.0

Câu 16. Ý thức học tập, rèn luyện phấn đấu xứng danh “Bộ đội Cụ Hồ” trong nhà trường quân đội

Mức độ	Số lượng	Tỉ lệ (%)
--------	----------	-----------

Rất tốt	31	17.9
Tốt	118	68.2
Bình thường	6	3.5
Khó trả lời	16	9.2
Chưa tốt	2	1.2
Tổng	173	100.0

Câu 17. Nhận thức về giá trị cốt lõi của nhà trường quân đội

Mức độ	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Hiểu rõ	129	78.8
Hiểu một phần	39	18.3
Khó trả lời	4	2.3
Không hiểu	0	0.00
Không quan tâm	1	0.6
Tổng	507	100.0

Câu 18. Mức độ thể hiện giá trị cốt lõi trong hoạt động của nhà trường

Mức độ	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Rất tốt	42	24.3
Tốt	103	59.5
Bình thường	16	9.2
Khó trả lời	11	6.4
Chưa tốt	1	0.6
Tổng	173	100.0

Câu 19. Một số yếu tố tác động đến văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội

Nội dung	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Bối cảnh quốc tế và trong nước	4.04	0.574
Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế	3.99	0.560
Nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc và xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại	4.34	0.624
Chuyển đổi số và xây dựng nhà trường thông minh trong quân đội	4.21	0.640
Đặc thù về cơ cấu tổ chức trong nhà trường quân đội	4.32	0.655

Câu 20. Đề xuất một số giải pháp phát triển văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội

Nội dung	Số lượng		Tỉ lệ (%)	
	Có	Không	Có	Không
Nâng cao nhận thức toàn diện, khoa học về văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội	162	11	93.6	6.4
Xây dựng và khẳng định bản sắc văn hóa riêng của từng nhà trường	140	33	80.9	19.1
Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và phương pháp giáo dục – đào tạo	151	22	87.3	12.7
Tăng cường nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và chuyển đổi số trong phát triển văn hóa giáo dục	137	36	79.2	20.8
Kết hợp hài hòa giữa giá trị truyền thống và đổi mới	155	18	89.6	10.4
Ý kiến khác:				
- Có bộ tiêu chí đánh giá, đưa nội dung đánh giá vào phân mức chất lượng cá nhân, tổ chức	1		0.6	
- Gắn quyền lợi và trách nhiệm, có đánh giá định lượng, có bộ tiêu chí đánh giá rõ ràng.	1		0.6	

5.3. Kết quả khảo sát của học viên

Phần 1: THÔNG TIN CHUNG

1. Cấp bậc

Cấp bậc	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Binh nhất	20	3.9
Binh nhì	39	7.7
Hạ sỹ	20	3.9
Trung sỹ	188	37.1
Thượng sỹ	43	8.5
Thiếu úy	1	0.2
Trung úy	4	0.8
Thượng úy	21	4.1
Đại úy	38	7.5
Thiếu tá	73	14.4
Trung tá	52	10.3
Thượng tá	7	1.4
Đại tá	1	0.2
Tổng	507	100.0

2. Học viên năm thứ:

Năm học	Số lượng	Tỉ lệ %
Năm thứ nhất	173	34.1
Năm thứ hai	79	15.6
Năm thứ ba	157	31
Năm thứ tư	86	17
Năm thứ năm	12	2,4
Tổng	507	100.0

3. Trường đang học

Tên trường	Số lượng	Tỉ lệ (%)
HVKTQS	111	21.9
HVCT - Bộ Quốc phòng	176	34.7
TSQPB	220	34.4
Tổng	507	100.0

Phần 2: NỘI DUNG KHẢO SÁT

A. Tìm hiểu chung

Câu 1. Theo đồng chí, văn hoá giáo dục trong nhà trường quân đội có sự khác biệt so với văn hoá giáo dục dân sự không?

Mức độ khác biệt	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Hoàn toàn không khác biệt	33	6.5
Không khác biệt	23	4.5
Khó trả lời	20	3.9
Có điểm khác biệt	353	69.6
Hoàn toàn khác biệt	78	15.4
Tổng	507	100.0

Câu 2. Đồng chí cho biết văn hóa giáo dục có vai trò như thế nào đối với nhà trường quân đội?

Vai trò	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Rất không quan trọng	89	17.6
Không quan trọng	3	0.6
Khó trả lời	17	3.4
Quan trọng	116	22.9
Rất quan trọng	282	55.6
Tổng	507	100.0

B. Thực trạng văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội

Câu 3. Đồng chí cho biết ý kiến đánh giá về biểu tượng văn hóa trong nhà trường quân đội, trong đó, 1 - Hoàn toàn không đồng ý ; 2 - Không đồng ý; 3 - Phân vân; 4 - Đồng ý; 5 - Hoàn toàn đồng ý.

3.1. Cổng trường là dấu hiệu nhận biết nhà trường quân đội

Nội dung	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Hoàn toàn không đồng ý	32	6.3
Không đồng ý	7	1.4
Phân vân	29	5.7
Đồng ý	274	54.1
Hoàn toàn đồng ý	165	32.5
Tổng	507	100.0

3.2. Logo phản ánh sứ mạng, giá trị cốt lõi của nhà trường

Nội dung	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Hoàn toàn không đồng ý	29	5.7
Không đồng ý	12	2.3
Phân vân	47	9.2
Đồng ý	279	55.2
Hoàn toàn đồng ý	140	27.6
Tổng	507	100.0

Câu 4. Điểm khác biệt của nhân cách học viên quân đội so với nhân cách sinh viên trong nhà trường dân sự

Nội dung	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Chú trọng rèn luyện bản lĩnh chính trị, kỷ luật và tinh thần trách nhiệm	30	5.8
Đề cao tinh thần đồng đội, sẵn sàng hy sinh vì Tổ quốc	18	3.6
Nhấn mạnh tính chính quy, nghiêm minh, chấp hành mệnh lệnh	7	1.4
Cả 3 ý kiến trên	452	89.2
Tổng	507	100.0

Câu 5. Biểu hiện nhân cách văn hóa của giảng viên trong nhà trường quân đội hiện nay

Nội dung	HVKTQS		Học viện Chính trị		TSQPB	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Phẩm chất chính trị vững vàng	4.05	0.938	4.09	0.626	4.11	0.747
Phẩm chất đạo đức mẫu mực, nêu gương	4.07	0.931	4.16	0.639	4.10	0.778
Năng lực chuyên môn	4.15	0.880	4.01	0.663	4.13	0.719
Năng lực sư phạm	4.02	0.953	3.97	0.675	4.05	0.774

Câu 6. Mức độ biểu hiện phẩm chất, năng lực của cán bộ quản lý trong nhà trường quân đội hiện nay

Nội dung	HVKTQS		HVCT		TSQPB	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Phẩm chất chính trị vững vàng	4.11	0.938	4.18	0.615	4.23	0.650
Phẩm chất đạo đức trong sạch, mẫu mực	4.16	0.968	4.28	0.575	4.25	0.666
Năng lực quản lý, chỉ huy vững vàng	4.13	0.945	4.10	0.639	4.20	0.647
Phương pháp quản lý linh hoạt, nhân văn	4.17	0.893	4.10	0.602	4.20	0.652

Câu 7. Biểu hiện nhân cách văn hóa của học viên trong quá trình học tập và rèn luyện ở nhà trường quân đội hiện nay

Nội dung	HVKTQS		Học viện Chính trị		TSQPB	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Trung thành với Đảng, Tổ quốc và Nhân dân	4.11	0.802	4.23	0.563	4.27	0.668
Đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao	4.05	0.903	4.13	0.545	4.21	0.679
Ý thức chấp hành kỷ luật	4.07	0.881	4.10	0.582	4.20	0.661
Tinh thần đoàn kết tập thể	4.08	0.916	4.14	0.573	4.22	0.639
Năng lực học tập, rèn luyện	4.05	0.840	4.03	0.599	3.93	0.768
Khả năng chịu áp lực, ý chí phấn đấu	3.99	0.929	4.06	0.630	4.11	0.649

Câu 8. Ảnh hưởng của tám gương điển hình tiên tiến đến động lực phấn đấu của cán bộ, giảng viên, học viên trong nhà trường quân đội

Nội dung	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Không ảnh hưởng	23	4.5
Khó trả lời	21	4.1
Ảnh hưởng tích cực	259	51.1
Ảnh hưởng rất tích cực	204	40.2
Tổng	507	100.0

Câu 9. Những biểu hiện vi phạm xảy ra ở học viên trong nhà trường hiện nay

Nội dung	Số lượng		Tỉ lệ (%)	
	Có	Không	Có	Không
Chấp hành quy định chưa nghiêm	283	224	55.8	44.2
Vi phạm quy chế giáo dục - đào tạo	109	398	21.5	78.5
Vi phạm lễ tiết, tác phong quân nhân	235	272	46.4	53.6
Các hiện tượng như cờ bạc, rượu chè, cầm quán...	100	407	19.7	80.3
Các hiện tượng khác	196	311	38.7	61.3

Câu 10. Nguyên nhân dẫn đến hạn chế trong đạo đức, lối sống, tác phong của học viên trong nhà trường quân đội hiện nay

Nội dung	Số lượng		Tỉ lệ (%)	
	Có	Không	Có	Không
Công tác lãnh đạo, chỉ đạo chưa sâu sát, thường xuyên	156	351	30.8	69.2
Nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục chưa phù hợp	130	377	25.6	74.4
Cán bộ quản lý chưa gương mẫu	107	400	21.1	78.9
Nhận thức của một bộ phận học viên còn hạn chế	342	165	67.5	32.5
Tác động tiêu cực của cơ chế thị trường	232	275	45.8	54.2
Sự chống phá của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa	168	339	33.1	66.9

Câu 11. Các loại hình nghi lễ trong nhà trường quân đội

Nội dung	Số lượng		Tỉ lệ (%)	
	Có	Không	Có	Không
Lễ khai giảng, bế giảng, lễ phát động, tổng kết	455	52	89.7	10.3
Lễ tuyên thệ, lễ tốt nghiệp, lễ kết nạp Đảng viên, Đoàn viên	318	189	62.7	37.3
Lễ trao thưởng, thăng cấp, gán quân hàm	300	207	59.2	40.8
Lễ chào cờ, duyệt binh, diễu hành	307	200	60.6	39.4
Lễ kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống, lễ báo công, dâng hương	327	180	64.5	35.5
Các lễ hội, liên hoan, hoạt động kết nối tập thể	256	251	50.5	49.5

Câu 12. Ý nghĩa của nghi lễ trong nhà trường quân đội

Nội dung	Số lượng		Tỉ lệ (%)	
	Có	Không	Có	Không
Giúp giáo dục truyền thống, lòng yêu nước, ý thức chính trị	413	94	81.5	18.5
Rèn luyện bản lĩnh, tác phong của quân nhân	331	176	65.3	34.7
Tăng cường tinh thần tập thể	320	187	63.1	36.9
Tạo không khí trang nghiêm, chính quy, mẫu mực	354	153	69.8	30.2
Tạo động lực phấn đấu, thi đua trong nhà trường	352	155	69.4	30.6

Câu 13. Một số hạn chế trong quá trình thực hiện nghi lễ quân đội

Nội dung	Số lượng		Tỉ lệ (%)	
	Có	Không	Có	Không
Một số nghi thức nặng tính hình thức, chưa thực sự hiệu quả	218	289	43.0	57.0
Một số học viên chưa thực sự ý thức được ý nghĩa của nghi lễ	307	200	60.6	39.4

Cường độ tập luyện cao, gây áp lực về mặt thể chất và tinh thần	134	373	26.4	73.6
Chưa đổi mới về nội dung, hình thức để tăng tính hấp dẫn	212	295	41.8	58.2
Ý kiến khác				
-Cùng lúc thực hiện nhiều nhiệm vụ, gây ra tâm lý tham gia không thật thoải mái	1		0.2	
-Một số nghi lễ chưa được các đơn vị chú trọng thực hiện nghiêm túc	1		0.2	
-Cần thực hiện đảm bảo thống nhất, đồng bộ hơn	1		0.2	

Câu 14. Mức độ quan trọng của các nội dung giáo dục trong nhà trường quân đội hiện nay

Nội dung	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Giáo dục chính trị, tư tưởng	4.39	0.830
Giáo dục đạo đức	4.40	0.826
Giáo dục chuyên môn, nghiệp vụ	4.35	0.782
Giáo dục pháp luật	4.32	0.797
Giáo dục thẩm mỹ	4.12	0.856
Giáo dục thể chất	4.25	0.816
Giáo dục các về văn hóa, xã hội	4.30	0.795
Giáo dục năng lực chỉ huy, lãnh đạo	4.35	0.781
Tổng	507	100.0

Câu 15. Hoạt động văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội hiện nay

Nội dung	HVKTQS		HVCT		TSQPB	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
15a. Hoạt động giảng dạy - học tập, nghiên cứu khoa học						

Phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm	4.14	0.903	4.28	0.592	4.16	0.803
Phương pháp học tập tích cực, chủ động, sáng tạo	4.20	0.872	4.24	0.626	4.14	0.796
Hình thức tổ chức dạy-học đa dạng	4.11	0.976	4.26	0.597	4.16	0.770
Nội dung nghiên cứu khoa học gắn với thực tiễn quân sự	4.18	0.865	4.28	0.602	4.06	0.896
Tính ứng dụng của các công trình nghiên cứu khoa học	4.09	0.930	4.14	0.699	4.03	0.900
15b. Hoạt động giáo dục chính trị - tư tưởng						
Nội dung, hình thức giáo dục chính trị phong phú, đa dạng được cập nhật thường xuyên	4.10	0.943	4.24	0,626	4.17	0.766
Hoạt động giáo dục chính trị - tư tưởng giúp nâng cao bản lĩnh chính trị	4.09	1.032	4.35	0.585	4.26	0.649
Các buổi sinh hoạt chính trị có tính giáo dục và lan tỏa giá trị văn hóa Đảng, Quân đội	4.14	0.949	4.24	0.635	4.16	0.770
15c. Hoạt động huấn luyện, rèn luyện quân sự						
Hoạt động huấn luyện quân sự góp phần rèn luyện ý chí quân nhân	4.14	0.952	4.27	0.590	4.29	0.674
Quá trình rèn luyện được tổ chức chặt chẽ, kỷ luật	4.14	1.008	4.30	0.589	4.21	0.660
Tôi nhận thấy rõ sự chuyển biến về nhận thức	4.14	0.909	4.29	0.577	4.18	0.764

và hành vi sau mỗi đợt huấn luyện						
-----------------------------------	--	--	--	--	--	--

Câu 16. Phương án thay đổi hoạt động dạy - học trong nhà trường quân đội để phù hợp với xu thế hiện đại

Nội dung	Số lượng		Tỉ lệ (%)	
	Có	Không	Có	Không
Cải tiến môi trường học tập, trang thiết bị giáo dục, huấn luyện	352	155	69.4	30.6
Xây dựng mô hình giáo dục kết hợp giữa truyền thống và hiện đại;	272	235	53.6	46.4
Kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường với đơn vị	309	198	60.9	39.1
Chú trọng hơn đến giáo dục tư duy chiến lược, khả năng lãnh đạo	246	261	48.5	51.5
Tăng cường hội nhập quốc tế, học hỏi mô hình giáo dục quân sự tiên tiến	253	254	49.9	50.1
Ý kiến khác:				
- Chú trọng đánh giá chất lượng thực chất, chống bệnh thành tích, hình thức trong giáo dục;	1		0.2	
- Công việc gì thì đào tạo nấy;	1		0.2	
- Sử dụng phương pháp dạy học hiện đại kết hợp trang thiết bị thông minh;	1		0.2	
- Tăng cường cung cấp, cập nhật thông tin mới;	1		0.2	
- Tăng cường giao lưu, trao đổi kinh nghiệm với các trường dân sự;	1		0.2	
- Xây dựng tài liệu tham khảo điện tử, hỗ trợ không gian mạng nội bộ học tập, xây dựng giáo trình điện tử	1		0.2	

Câu 17. Mục tiêu của đồng chí khi học tập, rèn luyện của học viên quân đội

Nội dung	Số lượng		Tỉ lệ (%)	
	Có	Không	Có	Không
Đạt kết quả học tập theo chương trình đào tạo	285	222	56.2	43.8
Nắm vững kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo quân sự	368	139	72.6	27.4
Nắm vững phương pháp tư duy và hành động	306	201	60.4	39.6
Đạt kết quả cao để có vị trí công tác thuận lợi sau khi ra trường	216	291	42.6	57.4
Yêu thích công việc tương lai	196	311	38.7	61.3
Có vị trí cao trong xã hội	118	389	23.3	76.7

Câu 18. truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo trong nhà trường quân đội hiện nay

Mức độ	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Rất tốt	191	37.7
Tốt	241	47.5
Bình thường	16	3.2
Khó trả lời	44	8.7
Chưa tốt	15	3.0
Tổng	507	100.0

Câu 19. Ý thức học tập, rèn luyện phấn đấu xứng danh “Bộ đội Cụ Hồ” của học viên trong nhà trường quân đội

Mức độ	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Rất tốt	15	3.0
Tốt	41	8.1
Bình thường	17	3.4
Khó trả lời	252	49.7
Chưa tốt	182	35.9
Tổng	507	100.0

Câu 20. Nhận thức về giá trị cốt lõi của nhà trường quân đội

Mức độ	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Hiểu rõ	360	71.0
Hiểu một phần	110	21.7
Khó trả lời	18	3.6
Không hiểu	10	2.0
Không quan tâm	9	1.8
Tổng	507	100.0

Câu 21. Mức độ thể hiện giá trị cốt lõi trong hoạt động của nhà trường

Mức độ	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Rất tốt	189	37.3
Tốt	250	49.3
Bình thường	22	4.3
Khó trả lời	37	7.3
Chưa tốt	9	1.8
Tổng	507	100.0

Câu 22. Mức độ thường xuyên lan tỏa giá trị cốt lõi của cán bộ, giảng viên, học viên trong nhà trường quân đội

Mức độ	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Rất thường xuyên	207	40.8
Thường xuyên	256	50.5
Khó trả lời	17	3.4
Ít thường xuyên	14	2.8
Không thường xuyên	13	2.6
Tổng	507	100.0

Câu 23. Một số yếu tố tác động đến văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội

Nội dung	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Bối cảnh quốc tế và trong nước	4.04	0.761
Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế	4.01	0.774

Nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc và xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại	4.24	0.745
Chuyển đổi số và xây dựng nhà trường thông minh trong quân đội	4.16	0.735
Đặc thù về cơ cấu tổ chức trong nhà trường quân đội	4.21	0.791

Câu 24. Đề xuất một số giải pháp phát triển văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội

Nội dung	Số lượng		Tỉ lệ (%)	
	Có	Không	Có	Không
Nâng cao nhận thức toàn diện, khoa học về văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội	397	110	78.3	21.7
Xây dựng và khẳng định bản sắc văn hóa riêng của từng nhà trường	319	188	62.9	37.1
Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và phương pháp giáo dục – đào tạo	307	200	60.6	39.4
Tăng cường nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và chuyển đổi số trong phát triển văn hóa giáo dục	346	161	68.2	31.8
Kết hợp hài hòa giữa giá trị truyền thống và đổi mới	328	179	64.7	35.3
Ý kiến khác:				
- Kết hợp các giải pháp trên với xây dựng thiết chế, trang thiết bị hiện đại đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ	1		0.2	
- Mở rộng hợp tác giáo dục giữa nhà trường với các cơ quan, đơn vị trong và ngoài quân đội	1		0.2	

PHỤ LỤC 6

CÂU HỎI PHÒNG VẤN SÂU

6.1. Câu hỏi dành cho giảng viên và cán bộ quản lý

Xin chào Quý Thầy/ Cô!

Chúng tôi đang thực hiện đề tài “**Văn hoá giáo dục trong nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay**”. Để giúp chúng tôi có thêm thông tin nhận diện, đánh giá đúng thực trạng văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội, xin Quý Thầy/ Cô cho biết ý kiến về một số câu hỏi dưới đây. Chúng tôi cam kết bảo mật thông tin cá nhân và chỉ sử dụng thông tin trả lời vào mục đích nghiên cứu khoa học.

Câu 1. Theo Thầy/ Cô, văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội có điểm gì khác biệt so với văn hóa giáo dục dân sự? Vai trò của văn hóa giáo dục đối với nhà trường là gì?

Câu 2. Theo Thầy/ Cô, những giá trị văn hóa đặc trưng cần được giữ gìn trong nhà trường là gì? Thầy/ Cô có thể lý giải ý nghĩa các giá trị cốt lõi của nhà trường không? Các giá trị đó được truyền tải và thấm nhuần trong nhà trường quân đội bằng cách nào?

Câu 3. Thầy/ Cô nhận xét như thế nào về tinh thần hiếu học, việc phát huy truyền thống tôn sư trọng đạo, giá trị “Bộ đội cụ Hồ” của học viên trong nhà trường hiện nay?

Câu 4. Theo Thầy/ Cô, tính kỷ luật và phục tùng trong môi trường quân sự có làm giảm tính chủ động, sáng tạo của học viên không?

Câu 5. Theo Thầy/ Cô nhân cách văn hóa của giảng viên, cán bộ quản lý, học viên trong nhà trường quân đội đặc thù gì? Nhân cách người giảng viên, cán bộ quản lý có vai trò như thế nào trong hoạt động giáo dục và hình thành nhân cách cho học viên quân đội?

Câu 6. Thầy/ Cô có thể chia sẻ về hoạt động dạy – học, nghiên cứu khoa học trong nhà trường không? Những thuận lợi và thách thức của Thầy/ Cô khi thực hiện nhiệm vụ này là gì?

Câu 7. Thầy/ Cô đánh giá như thế nào về hoạt động giáo dục chính trị, huấn luyện, rèn luyện quân sự, các hoạt động phong trào văn nghệ, thể thao ở nhà trường? Thầy/ Cô ấn tượng với hoạt động nào nhất?

Câu 8. Theo Thầy/Cô, những yếu tố nào giúp nhận diện văn hóa giáo dục quân sự? Vai trò của các yếu tố đó như thế nào?

Câu 9. Thầy/ Cô có nhận thấy sự thay đổi hay dịch chuyển nào trong văn hóa giáo dục giữa thế hệ trẻ hôm nay so với thế hệ trước ở nhà trường không?

Câu 10. Để xây dựng và hình thành văn hóa giáo dục gắn với đặc trưng, sứ mệnh của nhà trường, kiến tạo bản sắc của nhà trường trong bối cảnh mới, theo các đồng chí có những thời cơ và thách thức nào? Cần phải tiến hành những nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm nào?

Xin chân thành cảm ơn Quý Thầy/ Cô!

6.2. Câu hỏi dành cho học viên

Xin chào Đồng chí!

Chúng tôi đang thực hiện đề tài “**Văn hoá giáo dục trong nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay**”. Để giúp chúng tôi nhận diện, đánh giá thực trạng văn hóa giáo dục trong nhà trường quân đội, xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến về một số nội dung sau. Chúng tôi cam kết bảo mật thông tin cá nhân và chỉ sử dụng thông tin trả lời vào mục đích nghiên cứu khoa học. Chúng tôi rất mong nhận được sự hợp tác của các đồng chí.

Câu 1. Theo đồng chí, văn hóa giáo dục có vai trò như thế nào trong nhà trường quân đội?

Câu 2. Theo đồng chí, biểu hiện của truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo, phẩm chất “Bộ đội cụ Hồ” ở nhà trường như thế nào?

Câu 3. Đồng chí biết đến giá trị cốt lõi của trường mình theo kênh thông tin nào? Theo đồng chí, giá trị nào của nhà trường được đề cao?

Câu 4. Đồng chí nhận thấy mối quan hệ đồng chí, đồng đội, quan hệ thầy - trò, cấp trên – cấp dưới ở nhà trường như thế nào?

Câu 5. Theo đồng chí, những phẩm chất, năng lực quan trọng nhất của một sĩ quan quân đội tương lai là gì?

Câu 6. Đồng chí có thể chia sẻ về hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của mình ở nhà trường không? Đồng chí hứng thú với môn học và hoạt động nào nhất trong nhà trường?

Câu 7. Đồng chí hãy kể lại thời gian biểu hàng ngày của đồng chí khi học tập tại nhà trường? Những thuận lợi và khó khăn của đồng chí khi học tập, rèn luyện ở nhà trường là gì?

Câu 8. Mong muốn của đồng chí khi học tập, rèn luyện ở nhà trường là gì?

Câu 9. Theo đồng chí, những yếu tố nào giúp nhận diện văn hóa giáo dục trong nhà trường? Đồng chí ấn tượng với hình ảnh, sự vật, sự kiện nào trong quá trình học tập, rèn luyện tại nhà trường?

Câu 10. Đồng chí có hiểu ý nghĩa logo, khẩu hiệu của trường mình không?

Câu 11. Mong muốn của đồng chí khi học tập, rèn luyện ở nhà trường là gì? Đồng chí có muốn bổ sung thêm ý kiến hoặc chia sẻ thêm điều gì không?

Xin cảm ơn những chia sẻ của các đồng chí!

Phụ lục 7**DANH SÁCH PHÒNG VẤN SÂU (ĐÃ ĐƯỢC MÃ HÓA)**

STT	Cấp bậc/ Họ và tên	Địa chỉ	Mã hóa
1	Trung tá T	Nam, Giảng viên, Học viện Kỹ thuật Quân sự	GV1
2	Đại tá H	Nam, Cán bộ quản lý, Học viện Kỹ thuật Quân sự	CBQL1
3	Thiếu tá D	Nam, Giảng viên, Trường Sĩ quan Pháo binh	GV2
4	Đại úy N	Nam, CBQLHV, Trường Sĩ quan Pháo binh	CBQL2, CBQL6
5	Đại tá T	Nam, Cán bộ quản lý, Trường Sĩ quan Pháo binh	CBQL3
6	Thượng tá C	Nam, Cán bộ quản lý, Trường Sĩ quan Pháo binh	CBQL4
7	Thượng tá C	Nam, Giảng viên, Học viện Chính trị	GV3
8	Thiếu tá G	Nam, CBQLHV, Học viện Kỹ thuật Quân sự	CBQL5
9	Đại tá K	Nam, CBQLHV, Học viện Chính trị	CBQL6
10	Trung tá C	Nam, CBQLHV, Trường Sĩ quan Pháo binh	CBQL7
11	Thượng tá H	Nam, Giảng viên, Trường Sĩ quan Pháo binh	GV4 GV8
12	Trung tá T	Nữ, CBQLHV, Học viện Kỹ thuật Quân sự	CBQL9
13	Đại tá H	Nam, Giảng viên, Học viện Chính trị	GV5
14	Đại tá Q	Nam, Giảng viên, Trường Sĩ quan Pháo binh	GV6 GV7

15	Đại tá V	Nam, Giảng viên, Học viện Chính trị	GV9
16	Thiếu tá M	Nam, Học viên, Học viện Chính trị	HV1
17	Thượng sĩ Đ. N. T	Nam, Học viên năm thứ 4, Trường Sĩ quan Pháo binh	HV2
18	Trung tá V. S. T	Nam, Học viên, Học viện Chính trị	HV3 HV4
19	Thượng sĩ Đ. N. T	Nam, Học viên năm thứ 4, Trường Sĩ quan Pháo binh	HV5
20	Trung sĩ N.T.H	Nữ, Học viên năm thứ 3, Học viện Kỹ thuật Quân sự	HV6
21	Trung tá N. H. A	Nam, Học viên Cao học, Học viện Kỹ thuật Quân sự	HV7
22	Hạ sĩ N. M. H	Nam, Học viên năm thứ 2, Trường Sĩ quan Pháo binh	HV8
23	Trung sĩ N. V. H	Nam, Học viên năm thứ 3, Học viện Kỹ thuật Quân sự	HV9
24	Thượng sỹ L. M. T	Nam, Học viên năm thứ 3, Trường Sĩ quan Pháo binh	HV10
25	Binh nhất H. X. T	Nam, Học viên năm thứ 2, Trường Sĩ quan Pháo binh	HV11
26	Hạ sĩ N. H.T	Nam, Học viên năm thứ 2, Học viện Kỹ thuật Quân sự	HV12

Phụ lục 8: MỘT SỐ HÌNH ẢNH
Một số hình ảnh về Học viện Kỹ thuật Quân sự



Cổng trường và sở chỉ huy Học viện Kỹ thuật Quân sự cơ sở 1- địa chỉ 236, Cầu Giấy, Hà Nội (Nguồn: Facebook Học viện Kỹ thuật Quân sự)



Ký kết Biên bản làm việc với Hiệu trưởng Trường Trường Đại học tổng hợp kỹ thuật quốc gia sông Đông (Nguồn: <https://mta.edu.vn>)



Lễ Khai giảng năm học 2022 -2023

(Nguồn: Báo Quân đội nhân dân ngày 15/9/2022)



Lễ phát động thi đua

(Nguồn: Facebook Học viện Kỹ thuật Quân sự)



Ban Giám đốc tặng hoa chúc mừng nhà giáo học viện

(Nguồn: Facebook Học viện Kỹ thuật Quân sự)



Nghi thức tuyên thệ trong lễ tốt nghiệp

(Nguồn: Facebook Học viện Kỹ thuật Quân sự)



Hội thi Giảng viên dạy giỏi
(Nguồn: tác giả chụp ngày 18/4/2024)



Một giờ học thực hành ở Học viện Kỹ thuật Quân sự
(Nguồn: Báo Quân đội nhân dân ngày 16/11/2022)



Ngày hội “Tuổi trẻ sáng tạo khoa học” của Học viện Kỹ thuật Quân sự
(Nguồn: Báo Quân đội nhân dân ngày 17/5/2024)



Phiến đá “Trí tuệ, tỏa sáng” trong khuôn viên học viện
(Nguồn: Facebook Trí tuệ, tỏa sáng)



Một số hoạt động phong trào (Nguồn: Facebook Trí tuệ, tỏa sáng)



Chuẩn bị Phòng đón xuân – Tết 2025
(Nguồn: Tác giả chụp ngày 22/01/2025)

Một số hình ảnh về Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng



Dâng hương Kỷ niệm 73 năm ngày truyền thống Học viện Chính trị
(25/10/1951 - 25/10/2024)

(Nguồn: Facebook Sáng mãi niềm tin 25/10, ngày 25/10/2024)



Lễ Khai giảng năm học 2023-2024

(Nguồn: Facebook Sáng mãi niềm tin 25/10, ngày 12/9/2023)



Viện nghiên cứu tác chiến chiến lược Venezuela thăm và làm việc tại Học viện
(Nguồn: Facebook Sáng mãi niềm tin 25/10, ngày 13/06/2025)



Đoàn cựu học viên đào tạo cán bộ chính trị cấp trung đoàn của Học viện Chính
trị khóa 15 (1978-1981) về thăm Học viện

(Nguồn: Facebook Sáng mãi niềm tin 25/10, ngày 30/4/2025)



Lãnh đạo Học viện Chính trị trao Chứng nhận giảng viên dạy giỏi cấp Học viện tặng các giảng viên nhân dịp Kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11
(Nguồn: Facebook Sáng mãi niềm tin 25/10, ngày 20/11/2024)



Học viện Chính trị họp hội đồng xét bỏ nhiệm chức danh phó giáo sư năm 2023
(Nguồn: Facebook Sáng mãi niềm tin 25/10, ngày 01/12/2023)



Một buổi thông tin khoa học về phương pháp dạy học hiện đại của khoa Tâm lý học quân sự, Học viện Chính trị.

(Nguồn: Báo Quân đội nhân dân, ngày 12/6/2025)



Hội nghị Tổng kết nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch năm 2024

(Nguồn: Báo Quân đội nhân dân, ngày 25/12/2024)



Thủ trưởng trao chứng nhận kết quả nghiên cứu khoa học năm học 2022 - 2023 cho các học viên (Nguồn: Báo Quân đội nhân dân, ngày 14/6/2023)



Học viên Hệ 3 ôn ôn tập trên giảng đường (Nguồn: Tác giả chụp ngày 12/5/2025)



Diễn tập cuối khóa

(Nguồn: Facebook Sáng mãi niềm tin 25/10, ngày 28/3/2024)



Lễ Tốt nghiệp Hệ đào tạo cao cấp lý luận chính trị khóa 7

(Nguồn: Tác giả chụp ngày 05/9/2024)



Hội thi tuyên truyền về phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân trong tình hình mới.

(Nguồn: Tác giả chụp ngày 07/12/2023)



Diễn đàn thanh niên Kỷ niệm 80 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam

(Nguồn: Facebook Sáng mãi niềm tin 25/10, ngày 21/12/2024)



Giải Bóng chuyền chào mừng ngày 20/11
(Nguồn: Tác giả chụp ngày 15/11/2024)

Một số hình ảnh về Trường Sĩ quan Pháo binh



Cổng trường Trường Sĩ quan Pháo binh

(Nguồn: <http://tsqpb.edu.vn/>)



Nhà truyền thống Trường Sĩ quan Pháo binh

(Nguồn: Tác giả chụp ngày 20/11/2024)



Lễ kỷ niệm ngày nhà giáo Việt Nam
(Nguồn: Tác giả chụp ngày 20/11/2024)



Một buổi học bắn pháo của học viên
(Nguồn Facebook Tiểu đoàn 2 – TSQPB, ngày 24/6/2025)



Học viên xếp hàng nghe phổ biến quy chế thi trên giảng đường
(Nguồn: Tác giả chụp ngày 20/11/2024)



Tham gia Hội thi Chuyên ngành lực lượng Pháo binh - Tên lửa dự bị năm 2025
(Nguồn: Tác giả chụp ngày ngày 20/6/2025)



Hội thao Quân sự (Nguồn: Tác giả chụp ngày 22/12/2020)



Cán bộ, học viên Tiểu đoàn 2 rèn luyện thể lực, hành quân mang vác nặng
(Nguồn: Tác giả chụp ngày 28/6/2025)



Đoàn Cơ sở Tiểu đoàn 2 tổ chức diễn đàn thanh niên

(Nguồn: Tác giả chụp ngày 27/3/2025)



Thi đấu bóng chuyền chào mừng Ngày thành lập QĐNDVN ngày 22/12

(Nguồn Facebook Trường Sĩ quan Pháo binh – Binh chủng Pháo binh, ngày 16/12/2020)



*Các hoạt động đón Xuân Giáp Thìn 2024, (Nguồn Facebook Trường Sĩ quan
Pháo binh – Binh chủng Pháo binh, ngày 08/02/2024)*